

Ngày soạn:

Ngày dạy:.....

TUẦN

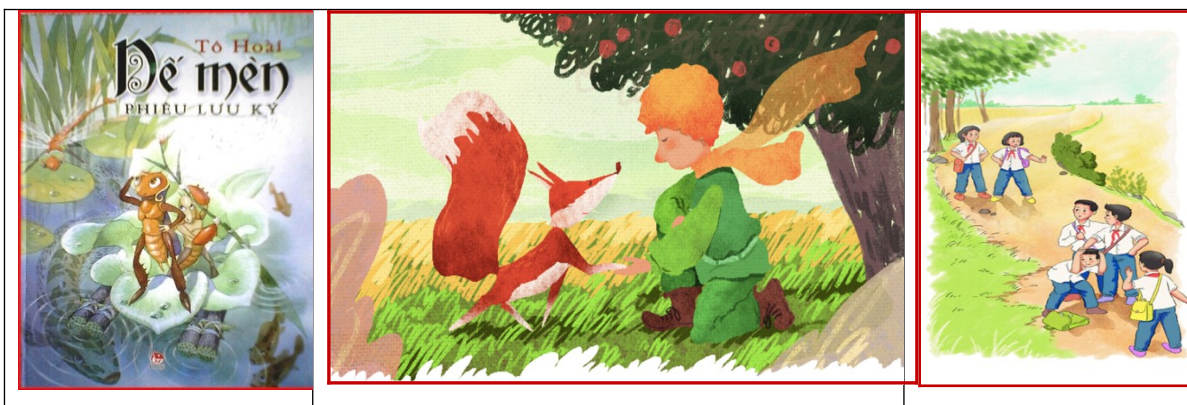
Bài 1 **TÔI VÀ CÁC BẠN**

(16 tiết)

- Hạnh phúc đi đâu đấy?

- Đến chỗ có tình bạn!

(Ngạn ngữ phương Tây)



I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- Tri thức ngữ văn (truyện, truyện đồng thoại, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật).
- Tình bạn cao đẹp được thể hiện qua 3 văn bản đọc.
- Từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy), nghĩa của từ ngữ.
- Biện pháp tu từ so sánh.

2. Về năng lực:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật).
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.
- Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản.

- Viết được bài văn, kể được một trải nghiệm của bản thân, biết viết VB đảm bảo các bước.

- Kể được trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn.

b) Nội dung:

GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

HS quan sát, lắng nghe video bài hát “Tình bạn tuổi thơ” suy nghĩ cá nhân và trả lời.



c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

- Nội dung của bài hát: hát về tình bạn tốt đẹp.

- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).

- Tri thức ngữ văn (truyện và truyện đồng thoại; cốt truyện; nhân vật; người kể chuyện;

lời người kể chuyện và lời nhân vật; từ đơn và từ phức).

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

? Cho biết nội dung của bài hát? Bài hát gợi cho em cảm xúc gì?

- Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK.

- Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ:

? Hãy kể tên một số truyện mà em đã đọc? Em thích nhất truyện nào?

? Ai là người kể trong truyện này? Người kể ấy xuất hiện ở ngôi thứ mấy?

? Nếu muốn tóm tắt lại nội dung câu chuyện, em sẽ dựa vào những sự kiện nào?

? Nhân vật chính trong truyện là ai? Nêu 1 vài chi tiết giúp em hiểu đặc điểm của nhân vật đó?

? Giới thiệu ngắn gọn một truyện đồng thoại và chỉ ra những “dấu hiệu” của truyện đồng thoại trong tác phẩm đó?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS

- Quan sát video, lắng nghe lời bài hát và suy nghĩ cá nhân.

- Đọc phần tri thức Ngữ văn.

- Thảo luận nhóm:

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

GV:

- Hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe bài hát.

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.
- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc
- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

2.1 Đọc văn bản

Văn bản (1)

BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

(Trích “Dế mèn phiêu lưu kí”)

– Tô Hoài –



1. MỤC TIÊU

1.1 Về kiến thức:

- Những nét tiêu biểu về nhà văn Tô Hoài.
- Người kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ...

- Tính chất của truyện đồng thoại được thể hiện trong văn bản “*Bài học đường đời đầu tiên*”.

1.2 Về năng lực:

- Xác định được ngôi kể trong văn bản “*Bài học đường đời đầu tiên*”.
- Nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật Dế Mèn và Dế Choắt. Từ đó hình dung ra đặc điểm của từng nhân vật.
- Phân tích được đặc điểm của nhân vật Dế Mèn.
- Rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân.

1.3 Về phẩm chất:

- Nhân ái, khoan hoà, tôn trọng sự khác biệt.

2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Tranh ảnh về nhà văn Tô Hoài và văn bản “*Bài học đường đời đầu tiên*”
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

+ Phiếu số 1:

Hình dáng (Dế mèn)	Hành động (Dế mèn)	Suy nghĩ (Dế mèn)
⇒ Nhận xét:.....	⇒ Nhận xét:	

+ Phiếu số 2

	Làm việc nhóm Tái hiện lại hình ảnh dế Choắt qua hình ảnh và ngôn ngữ trong 3 phút. a/ Hình ảnh Dế Choắt

		• Trạc tuổi • Người, cánh - càng, râu • Mặt mũi: • Xưng hô:..... • Ăn ở: ➔ Choắt:

+ *Phiếu học tập số 3*

b. Thái độ của Mèn đối với Choắt như thế nào? - Gọi Choắt là: - Khi sang thăm nhà Choắt: - Khi Choắt nhờ giúp đỡ: ➔ Dể Mèn:	

+ *Phiếu học tập số 4*

	Trước khi trêu chị Cốc	Sau khi trêu chị Cốc	Kết quả
Hành động			
Thái độ			

+ *Phiếu học tập số 5*

Nghệ thuật	
Nội dung	
Ý nghĩa	

3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

3.1 HĐ 1: Xác định vấn đề

a) **Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

- b) **Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Em đã bao giờ xem một bộ phim hay đọc 1 truyện kể về một sai lầm và sự ân hận của ai đó chưa? Khi đọc, xem, em có những suy nghĩ gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

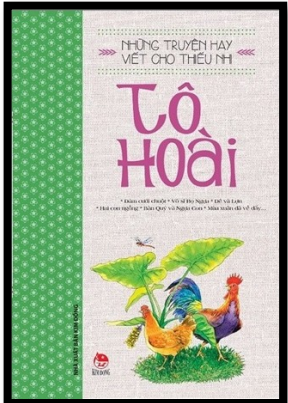
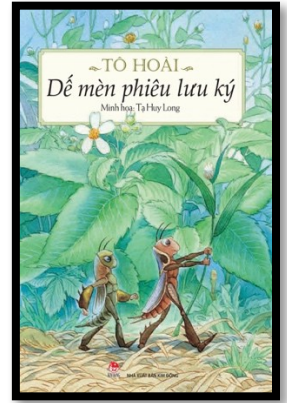
B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

3.2 HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

3.2.1 Đọc – hiểu văn bản

I. TÌM HIỂU CHUNG	
1. Tác giả	
a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Tô Hoài và tác phẩm “Dế mèn phiêu lưu kí” cũng như đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên”. b) Nội dung: - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi. - HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Tô Hoài? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin. HS quan sát SGK.	- Tô Hoài (1920 – 2014) - Tên: Nguyễn Sen - Quê: Hà Nội - Ông viết văn từ trước CMT8/1945 - Có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi - Các tác phẩm chính: “Võ sĩ Bọ Ngựa”,

B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	“Dê và Lợn”, “Đôi ri đá”, “Đảo hoang”...		
			

2. Tác phẩm	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục...) b) Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm. - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. c) Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ: ? Truyện “Dế mèn phiêu lưu ký” thuộc loại truyện nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó? ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận	a) Đọc và tìm hiểu chú thích - HS đọc theo hướng dẫn. b) Tìm hiểu chung - Văn bản là truyện đồng thoại nổi tiếng nhất của nhà

ra ngôi kể đó? Lời kể của ai? ? Văn bản chia làm mấy phần? Nội dung của từng phần? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	văn Tô Hoài. - Hệ thống nhân vật là loài vật (nhân vật chính: Dế Mèn). - Sử dụng ngôi thứ nhất (lời kể của Dế Mèn). - Văn bản chia làm 3 phần + P1: Từ đầu ...sắp đứng đầu thiên hạ rồi. → Bức chân dung tự họa của Dế Mèn. + P2: còn lại: → Bài học đường đời đầu tiên.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Bức chân dung tự họa của Dế Mèn

a) Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được những chi tiết nói về ngoại hình, hành động, suy nghĩ và ngôn ngữ của Đế Mèn. - Đánh giá nét đẹp và nét chưa đẹp của Đế Mèn. b) Nội dung: - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến

- Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm). GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). * Vòng mảnh ghép (7 phút) HS: - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép. - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại. GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2	bóng mỡ + đầu: to, rất bướng + răng: đen nhánh + râu: dài, cong nạt, đá ghẹo		
	⇒ NT: Miêu tả, nhân hoá, giọng kể kiêu ngạo		
	=> Dế Mèn khỏe mạnh, cường tráng, có vẻ đẹp hùng dũng của con nhà võ (nét đẹp).	=> Dế Mèn kiêu căng tự phụ, xem thường mọi người, hung hăng hống hách, xốc nổi (nét chưa đẹp).	

2. Bài học đường đời đầu tiên

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Tìm được chi tiết miêu tả bức chân dung của Dế Choắt.
- Thấy được thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt.
- Hiểu được bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.
- Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học.

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d) Tổ chức thực hiện

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm. - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ: 1. Tìm những chi tiết thể hiện hình dáng, cách sinh hoạt và ngôn ngữ của Đế Choắt? 2. Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì khi tái hiện hình ảnh Đế Choắt? 3. Em có nhận xét gì về nhân vật Đế Choắt? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập. GV: Dự kiến KK: câu hỏi số 2 - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ (Tác giả đã sử dụng biện pháp kể hay tả để tái hiện hình ảnh Đế Mèn?). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang	a) Nhân vật Đế Choắt <table><tr><th>Hình dáng</th><th>Cách sinh hoạt</th><th>Ngôn ngữ</th></tr><tr><td> - Chạc tuổi: Đế Mèn - Người: gầy gò, dài lê ngu như gã nghiện thuốc phiện. - Cánh: ngắn cùn ... như người cời trần mặc áo ghi nê. - Đôi cẳng: bè bè, nặng nề - Râu: cụt có một mẩu - Mặt mũi: ngắn ngắn ngơ ngơ </td><td> - Ăn xối, ở thì </td><td> - Với Đế Mèn: + Lúc đầu: gọi “anh” xưng “em”. + Trước khi mất: gọi “anh” xưng “tôi” và nói: “ở đời....thân”. - Với chị Cốc: + Van lạy + Xưng hô: chị - em. </td></tr></table>	Hình dáng	Cách sinh hoạt	Ngôn ngữ	- Chạc tuổi: Đế Mèn - Người: gầy gò, dài lê ngu như gã nghiện thuốc phiện. - Cánh: ngắn cùn ... như người cời trần mặc áo ghi nê. - Đôi cẳng: bè bè, nặng nề - Râu: cụt có một mẩu - Mặt mũi: ngắn ngắn ngơ ngơ	- Ăn xối, ở thì	- Với Đế Mèn: + Lúc đầu: gọi “anh” xưng “em”. + Trước khi mất: gọi “anh” xưng “tôi” và nói: “ở đời....thân”. - Với chị Cốc: + Van lạy + Xưng hô: chị - em.
Hình dáng	Cách sinh hoạt	Ngôn ngữ					
- Chạc tuổi: Đế Mèn - Người: gầy gò, dài lê ngu như gã nghiện thuốc phiện. - Cánh: ngắn cùn ... như người cời trần mặc áo ghi nê. - Đôi cẳng: bè bè, nặng nề - Râu: cụt có một mẩu - Mặt mũi: ngắn ngắn ngơ ngơ	- Ăn xối, ở thì	- Với Đế Mèn: + Lúc đầu: gọi “anh” xưng “em”. + Trước khi mất: gọi “anh” xưng “tôi” và nói: “ở đời....thân”. - Với chị Cốc: + Van lạy + Xưng hô: chị - em.					

mục sau.	⇒ NT: miêu tả, sử dụng thành ngữ => Gầy gò, ốm yếu nhưng rất khiêm tốn, nhã nhặn. Bao dung độ lượng trước tội lỗi của Mèn.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Phát phiếu học tập số 3 & đặt câu hỏi: ? Dế Mèn đã nói gì khi sang thăm nhà Dế Choắt và khi Dế Choắt nhờ sự giúp đỡ? ? Những lời nói đó thể hiện thái độ gì của Dế Mèn? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản. HS: - Đọc SGK và tìm chi tiết thể hiện câu nói của Dế Mèn để hoàn thiện phiếu học tập. - Suy nghĩ cá nhân. B3: Báo cáo, thảo luận GV: Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần). HS : - Trả lời câu hỏi của GV. - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau.	b) Thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt - Chê bai nhà cửa và lối sống của Dế Choắt. - Từ chối lời đề nghị cần giúp đỡ của Choắt => Khinh bỉ, coi thường Dế Choắt.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Phát phiếu học tập số 4
 - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:
- ? Tìm những chi tiết thể hiện hành động của Dế Mèn trước và sau khi trêu chị Cốc?
- ? Hành động của Dế Mèn đã gây ra hậu quả gì?
- ? Qua hành động đó, em có nhận xét gì về thái độ của Dế Mèn trước và sau khi trêu chị Cốc, đặc biệt là khi chứng kiến cái chết của Dế Choắt?
- ? Theo em Dế Mèn đã rút ra được cho mình bài học gì từ những trải nghiệm trên? Câu văn nào cho em thấy điều đó?

B2: Thực hiện nhiệm vụ**HS:**

- Làm việc cá nhân 2' (đọc SGK, tìm chi tiết)
- Làm việc nhóm 3' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).
- Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

GV: Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận**GV:**

- Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.

c) Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.

Dế Mèn	Trước khi trêu chị Cốc	Sau khi trêu chị Cốc	Hậu quả

- Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.
- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.

Hàn h độn g	- Măng, coi thường, bắt nạt Choắt. - Cắt giọng véo von trêu chị Cốc.	- Chui tọt vào hang. - Núp tận đáy hang, nằm in thít. - Mon men bò lên. - Chôn Dế Choắt.	Dế Choắt bị chị Cốc mổ cho đến chết
Thái độ	→ Hung hăng, ngạo mạn, xác xược.	→ Sợ hãi, hèn nhát	→ Hối hận
Bài học	- Không nên kiêu căng, coi thường người khác. - Không nên xốc nổi để rồi hành động điên rồ.		

d) Bài học rút ra cho bản thân

- Tôn trọng sự khác biệt của bạn.
- Sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ khi bạn

	cần.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập số 5 - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”? ? Ý nghĩa của văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Miêu tả loài vật sinh động, nghệ thuật nhân hoá, ngôn ngữ miêu tả chính xác - Xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với trẻ thơ. 2. Nội dung - Miêu tả vẻ đẹp của Dế Mèn cường tráng nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi. - Sau khi bày trò trêu chị Cốc, gây ra cái chết cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình. 3. Ý nghĩa - Không quá đề cao bản thân rồi rước họa. - Cần biết lắng nghe, quan tâm, giúp đỡ mọi người xung quanh.

3.2.2 Viết kết nối với đọc

a) Mục tiêu: Giúp HS

- HS viết được đoạn văn kể chuyện bằng lời của nhân vật trong truyện.
- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.
- Lời kể là lời của nhân vật.

b) Nội dung: HS viết đoạn văn

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) kể lại một sự việc trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” bằng lời của một nhân vật do em tự chọn.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

3.2.3 Thực hành Tiếng Việt

Từ đơn và từ phức										
a) Mục tiêu: Giúp HS - Trình bày được thế nào là từ đơn, từ phức. - Phân biệt được từ ghép và từ láy.										
b) Nội dung: GV hỏi, HS trả lời										
c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS										
d) Tổ chức thực hiện										
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến									
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp & đặt câu hỏi: - Giao nhiệm vụ: ? Hãy kẻ bảng và điền các từ in đậm trong đoạn văn vào ô phù hợp? ? Thế nào là từ đơn? Thế nào là từ phức?	Bài tập 1 <table><tr><th rowspan="2">Từ đơn</th><th colspan="2">Từ phức</th></tr><tr><th>Từ ghép</th><th>Từ láy</th></tr><tr><td>- Tôi, Nghe, người</td><td>- Bóng mờ, ưa nhìn</td><td>- Hùn hoãn, phành phạch, giòn giã, rung rinh</td></tr></table>		Từ đơn	Từ phức		Từ ghép	Từ láy	- Tôi, Nghe, người	- Bóng mờ, ưa nhìn	- Hùn hoãn, phành phạch, giòn giã, rung rinh
Từ đơn	Từ phức									
	Từ ghép	Từ láy								
- Tôi, Nghe, người	- Bóng mờ, ưa nhìn	- Hùn hoãn, phành phạch, giòn giã, rung rinh								
B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc phần nhận biết từ đơn và từ phức T21. - Kẻ bảng điền từ và hoàn thiện bảng.	⇒ Khái niệm từ đơn và từ phức: - Từ đơn do một tiếng tạo thành. - Từ phức do hai hay nhiều tiếng tạo thành. Từ phức được phân làm hai loại (từ ghép và từ láy).									

GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc nhóm - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. - Chốt kiến thức lên màn hình. - Chuyển dẫn sang câu hỏi 2.	+ <i>Từ ghép</i> là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa với nhau. + <i>Từ láy</i> là những từ phức được tạo ra nhờ phép láy âm. Bài tập 2 Từ láy mô phỏng âm thanh: <i>phanh phách, phành phạch, ngoàm ngoạp, văng vẳng...</i> Bài tập 3: - Các từ láy: + <i>Phanh phách</i>: âm thanh phát ra do một vật sắc tác động liên tiếp vào một vật khác. + <i>Ngoàm ngoạp</i>: (nhai) nhiều, liên tục, nhanh. + <i>Dún dẩy</i>: điệu đi nhịp nhàng, ra vẻ kiêu cách. - Tác dụng: + Dùng để miêu tả Đế Mèn. + Nhấn mạnh vẻ đẹp cường tráng, mạnh mẽ khiến cho hình ảnh Đế Mèn hiện lên một cách sinh động b) Từ láy và tác dụng của từ láy - Từ láy mô phỏng âm thanh: văng vẳng, thăm thiết... - Tác dụng từ láy: + “<i>phanh phách, ngoàm ngoạp</i>”: miêu tả hành động của Đế Mèn, qua đó lột tả dáng vẻ khỏe mạnh, hùng dũng của chú. + “<i>dún dẩy</i>”: miêu tả dáng đi của Đế Mèn, qua đó giúp người đọc thấy được tính cách kiêu ngạo của chú.
Nghĩa của từ ngữ	
a) Mục tiêu: Giúp HS:	

- Hiểu và phân biệt được nghĩa của “nghèo” & “nghèo sức”, “mưa dầm sùi sụt” & “điệu hát mưa dầm sùi sụt”. Từ đó thấy được sáng tạo trong việc sử dụng từ. - Đặt câu với từ cho sẵn. b) Nội dung: - GV chia nhóm cặp đôi - HS làm việc cá nhân 2’, thảo luận 3’ và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm. c) Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành. d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập. - Làm bài tập và rút ra nội dung cần ghi nhớ. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài. - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	Bài 4: - <i>Nghèo</i>: không có hoặc có rất ít về vật chất (VD: Nhà nó rất nghèo.) - <i>Nghèo sức</i>: khả năng hoạt động, làm việc hạn chế. - <i>Mưa dầm sùi sụt</i>: mưa nhỏ, rả rích, kéo dài không dứt. - <i>Điệu hát mưa dầm sùi sụt</i>: điệu hát nhỏ, kéo dài, buồn, ngậm ngùi, thê lương. Bài 5: - Câu do HS đặt (câu đúng, nếu sai → GV giúp HS sửa lại).
3. Biện pháp tu từ	
a) Mục tiêu: Giúp HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp so sánh b) Nội dung: GV hỏi, HS trả lời c) Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập mà HS hoàn thành.	

d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Tìm câu văn có hình ảnh so sánh và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn đó? ? Từ đó rút ra thế nào là phép tu từ so sánh? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và tìm câu có biện pháp so sánh. GV hướng dẫn HS phát hiện ra câu có biện pháp so sánh. B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	Bài tập 6 - <i>Hai cái răng</i> đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như <u>hai lưỡi liềm máy</u> làm việc. → Nhấn mạnh Dế Mèn đang ở tuổi ăn, tuổi lớn, đầy sức sống, khoẻ mạnh. - <i>Mỏ Cốc</i> như <u>cái dùi sắt</u>, chọc xuyên cả đất. → Cho thấy sự tức giận, sức mạnh đáng sợ của chị Cốc khi mỗ Dế Choắt. ⇒ So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng.

3. HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai nhân vật Dế Mèn, kể lại câu chuyện.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.

HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. HĐ 4: Cùng cố, mở rộng

- a) **Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.
- b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).
- d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy tìm ví dụ về một truyện đồng thoại và chỉ ra các yếu tố của truyện đồng thoại trong văn bản đó?

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho

B. VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất
- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân
- Cảm xúc của người viết trước sự việc được kể

2. Về năng lực:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.
- Phiếu học tập.
- Video do GV tự làm để kể về trải nghiệm của bản thân thời thơ ấu.

PHIẾU TÌM Ý

Họ và tên HS:

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?	
Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?	
Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?	
Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?	
Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?	

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: Xác định vấn đề

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI

a) Mục tiêu:

- Biết được kiểu bài kể về một trải nghiệm.
- Nhận biết được ngôi kể thứ nhất trong văn kể chuyện.

b) Nội dung:

- GV hỏi, HS trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: ? Trong “Bài học đường đời đầu tiên” Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào? ? Câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ mấy? ? Em có một trải nghiệm nào đáng nhớ không? Hãy kể lại trải nghiệm đó một cách ngắn gọn ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Quan sát vb “<i>Bài học đường đời đầu tiên</i>”. - Suy nghĩ cá nhân - HS kể lại trải nghiệm của bản thân. GV: - Dự kiến KK HS gặp: không biết kể về trải nghiệm của bản thân. - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ: ? Trải nghiệm đó tên là gì (kỉ niệm, lỗi lầm...)? Trải nghiệm đó ở thời điểm nào? Diễn ra như thế nào? B3: Báo cáo, thảo luận - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục “<i>Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm</i>”.	Vb: “Bài học đường đời đầu tiên” - Dế Mèn kể về bài học đường đời đầu tiên của bản thân từ sự việc trêu chọc dẫn đến cái chết của Dế Choắt. - Dế Mèn xưng “tôi”. => Kiểu bài kể lại một trải nghiệm. Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM

a) Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một trải nghiệm:

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.
- Biết cách kể trải nghiệm của bản thân

b) Nội dung:

- GV chia nhóm lớp
- Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập

c) Sản phẩm: Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ: ? Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì? ? Người kể sẽ phải sử dụng ngôi kể thứ mấy? Vì sao? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nhớ lại văn bản “Người bạn nhỏ”. - Làm việc cá nhân 2’. - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm. HS: - Trình bày sản phẩm nhóm. - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV)	- Kể về một trải nghiệm của bản thân. - Thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện. - Người kể: sử dụng ngôi kể thứ nhất (xưng “tôi”). - Cảm xúc của bản thân...

- Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. - Kết nối với đề mục sau	

ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO	
a) Mục tiêu: - Bài viết tham khảo kể về kỉ niệm với một người bạn nhỏ (mèo Mun). - Biết được ngôi kể thứ nhất trong văn kể chuyện (người kể chuyện xưng “tôi”). - Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài). b) Nội dung: - HS đọc SGK - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra. c) Sản phẩm: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Bài viết kể về kỉ niệm gì của tác giả? GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm 1. Xác định ngôi kể trong bài văn? 2. Phần nào giới thiệu câu chuyện? 3. Phần nào tập trung vào các sự việc của câu chuyện? Đó là những sự việc nào? 4. Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể? GV yêu cầu: HS kể lại ngắn gọn câu chuyện theo các sự việc được xác định. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS:	Bài mẫu: - Kể về kỉ niệm với một người bạn nhỏ (mèo Mun). - Ngôi kể: ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) - Các phần: + Đoạn 1: Giới thiệu trải nghiệm. + Đoạn 2,3,4 tập trung và các sự việc chính của câu chuyện. + Đoạn 5: Nêu lên cảm xúc của bản thân.

- Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 2' - Làm việc nhóm 5' để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. GV: - Hướng dẫn HS trả lời - Quan sát, theo dõi HS thảo luận B3: Báo cáo thảo luận HS: - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm B4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét + Câu trả lời của HS + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau	- Các sự việc: + Sự việc 1: Ngôi nhà mới của 3 mẹ con rất xinh xắn nhưng có nhiều chuột. + Sự việc 2: Bà ngoại gửi cho 3 mẹ con một con mèo Mun. + Sự việc 3: Ngôi nhà nhỏ đã thay đổi từ khi có mèo Mun. + Sự việc 4: Một buổi chiều, Mun đã bị mất tích.

THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết viết bài theo các bước. - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý. - Tập trung vào những sự việc đã xảy ra. - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

b) Nội dung: - GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài. - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện											
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến										
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Liệt kê những sự việc đáng nhớ trong cuộc đời? ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn? ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý. HS: - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài. - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu. - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. HS:	1. Trước khi viết a) Lựa chọn đề tài b) Tìm ý <table border="1"> <tr> <td>Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?</td><td></td></tr> <tr> <td>Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?</td><td></td></tr> </table> c) Lập dàn ý - <u>Mở bài</u>: giới thiệu câu chuyện. - <u>Thân bài</u>: kể diễn biến câu chuyện. + Thời gian + Không gian + Những nhân vật có liên quan	Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?		Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?		Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?		Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?		Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?	
Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?											
Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?											
Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?											
Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?											
Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?											

- Đọc sản phẩm của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	+ Kể lại các sự việc - <u>Kết bài</u>: kết thúc câu chuyện và cảm xúc của bản thân. 2. Viết bài - Kể theo dàn ý - Nhất quán về ngôi kể - Sử dụng những 3. Chỉnh sửa bài viết - Đọc và sửa lại bài viết theo.

TRẢ BÀI	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết. - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn. b) Nội dung: - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn. - HS đọc bài viết, làm việc nhóm. c) Sản phẩm: Bài đã sửa của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét. B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.	Bài viết đã được sửa của HS

- HS nhận xét bài viết.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.

- *Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.*

C. NÓI VÀ NGHE

KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Ngôi kể và người kể chuyện
- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

2. Về năng lực:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Nói được về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.
- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại một trải nghiệm

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, trân trọng kỉ niệm và yêu cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ

Nhóm:.....

Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Nội dung			
2. Hình thức			
3. Thái độ			

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Nhân vật trong đoạn video kể về điều gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

HD 2: Hình thành kiến thức mới

TRƯỚC KHI NÓI

a) Mục tiêu:

- HS xác định được mục đích nói và người nghe
- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói

b) Nội dung:

- GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.
- HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Mục đích nói của bài nói là gì? ? Những người nghe là ai? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. ? Em sẽ nói về nội dung gì? B3: Thảo luận, báo cáo - HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b.	1. Chuẩn bị nội dung - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng. 2. Tập luyện - HS nói một mình trước gương. - HS nói tập nói trước nhóm/tổ.

TRÌNH BÀY NÓI	
a) Mục tiêu: - Luyện kĩ năng nói cho HS - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông. b) Nội dung: GV yêu cầu : - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn. c) Sản phẩm: Sản phẩm nói của HS d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý của HĐ viết - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.

TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. b) Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. c) Sản phẩm: Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS. d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai nhân vật Đế Mèn, kể lại câu chuyện.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HĐ 4: Củng cố, mở rộng

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Em hãy tìm ví dụ về một truyện đồng thoại và chỉ ra các yếu tố của truyện đồng thoại trong văn bản đó?

Bài tập 2: Hãy kể thêm về một trải nghiệm của bản thân mà em

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

b) Nội dung:

- GV giao bài tập cho HS.
- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Viết một kỉ niệm của bản thân và kể lại trước lớp. Trong đó có sử dụng biện pháp tu từ so sánh, hãy gạch chân câu văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh và nêu tác dụng.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.
- GV hướng dẫn HS cách làm.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.
- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)...

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng

a) Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học
- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác

b) Nội dung:

- GV ra bài tập
- HS làm bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Em hãy tìm ví dụ về một truyện đồng thoại và chỉ ra các yếu tố của truyện đồng thoại trong văn bản đó?

Bài tập 2: Hãy kể thêm về một trải nghiệm của bản thân mà em

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Bài 2: GỖ CỬA TRÁI TIM (12 tiết) *Công cha như núi Thái Sơn*

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

(Ca dao Việt Nam)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Tri thức ngữ văn (thơ), đặc điểm của thơ
- Tình cảm gia đình, tình yêu thương trẻ thơ thể hiện qua 3 văn bản đọc.
- Biện pháp tu từ Ẩn dụ, so sánh, nhân hóa, điệp ngữ
- Dấu câu

2. Về năng lực:

- Nhận biết được một số yếu tố của thơ (thể thơ (số tiếng), ngắt nhịp, vần, biện pháp tu từ...)
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của thơ, nhân vật trữ tình, tình cảm cảm xúc thông điệp trong bài thơ.
- Nhận biết được phép tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ, các dấu câu, hiểu được tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó và dấu câu trong văn bản
- Viết được bài văn, đoạn văn về cảm xúc về một đoạn thơ, bài thơ có sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự, biết viết VB đảm bảo các bước.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, sẻ chia, cảm nhận được những giá trị nhân bản của tình yêu thương, có ý thức vun đắp hạnh phúc gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

Tuần
Tiết 17

Ngày soạn:
Ngày dạy:

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết chủ đề của bài học
- Giới thiệu thể loại chính của VB đọc hiểu (thơ)
- Nhận diện được đặc trưng cơ bản của thơ là cảm xúc, ngôn ngữ thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ...

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề đặt ra khi tìm hiểu đặc điểm của thơ biết nhận biết, nhận xét đánh giá văn bản, thu thập thông tin để hoàn thiện bảng kiến thức.
- Năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, hợp tác thông qua hoạt động trao đổi trong nhóm

b. Năng lực riêng:

- Năng lực văn học: nhận biết, bước đầu nhận xét, phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua hình thức nghệ thuật, tiếp nhận đúng nội dung chủ đề
- Năng lực ngôn ngữ: Hiểu ý kiến các bạn, nắm bắt được thông tin từ phần giới thiệu bài

3. Phẩm chất:

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào để đọc- hiểu và phân tích các VB được học.
- HS cảm nhận được những giá trị nhân bản của tình yêu thương, có ý thức vun đắp hạnh phúc gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

STT	Đặc điểm	Ghi chú
Thể thơ		
Ngôn ngữ		
Biện pháp tu từ		
Phương thức biểu đạt		
Nội dung		

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU :

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, HS xác định nhiệm vụ học tập của mình. Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học

b. Nội dung: GV yêu cầu HS quan sát video, lắng nghe bài hát, quan sát SGK trả lời câu hỏi của GV.

HS quan sát, lắng nghe video bài hát “Tình bạn tuổi thơ” suy nghĩ cá nhân và trả lời.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS sau khi quan sát, lắng nghe.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến

- GV chuyển giao nhiệm vụ: GV cho Hs nghe bài hát: "Ba ngọn nến lung linh", kết hợp xem video. (1) Nội dung bài hát em vừa nghe? Cảm nhận của em về nội dung bài hát, hình ảnh em vừa xem? (2) Từ các bài đọc SGK, em hãy nêu chủ đề bài học số 2? - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát video, lắng nghe bài hát, SGK suy nghĩ trả lời câu hỏi - HS báo cáo: Hs báo cáo dưới hình thức cá nhân - Nhận xét, đánh giá Nhận xét sản phẩm, khái quát ý dẫn vào chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề	(1) Bài hát nói về tình cảm gia đình ấm áp, ngập tràn yêu thương, hạnh phúc-> cảm động (2) Các VB đọc hiểu có nội dung xoay quanh chủ đề tình cảm gia đình

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu: giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: HS nắm được nội dung của bài học

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, tìm hiểu kiến thức qua phần giới thiệu bài học, mục tiêu để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến
- Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện một trong số hoặc một số nhiệm vụ sau: (1) Đọc phần giới thiệu bài học (2) Nêu cách hiểu của em về ý nghĩa câu ca dao: “ Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra” (3) Kể tên những văn bản đọc trong bài số 2 (4) Những văn bản đọc nói về chủ đề gì? - Hs tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe câu hỏi, chuẩn bị ra giấy, trả lời - HS báo cáo: Hs báo cáo dưới hình thức cá nhân - Nhận xét, đánh giá Nhận xét sản phẩm, khái quát chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề	(2) Câu ca dao nói về công ơn cha mẹ, và đạo làm con phải ghi nhớ, biết ơn, đền đáp công lao đó (3) Các văn bản: - Chuyện cổ tích về loài người - Mây và sóng - Bức tranh của em gái tôi (4) Tình cảm gia đình, giúp ta cảm nhận sâu sắc hơn tình yêu của những người thân trong gia đình, đánh thức những yêu thương trong trái tim mình, để ta biết trân trọng và vun đắp hạnh phúc gia đình.

2. Khám phá tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được một số yếu tố của thơ như thể thơ; ngôn ngữ thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ,...

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, hoàn thành bảng kiến thức

c. Sản phẩm học tập: Bảng tổng hợp kiến thức của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến																				
- Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK, qua các bài thơ mà em biết và thảo luận theo nhóm, hoàn thiện bảng khái quát đặc điểm của thơ - HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ. - HS trao đổi, thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và hoàn thiện bảng - Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn. - Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, hệ thống kiến thức - Hs trả lời cá nhân 2 câu hỏi sau: (2) Kể tên một số bài thơ đã đọc và chia sẻ kinh nghiệm: Khi đọc một bài thơ, em quan tâm đến điều gì nhất? (3) Chỉ ra các yếu tố mà em quan tâm trong đoạn thơ sau: “ <i>Anh đội viên mơ màng</i> <i>Như nằm trong giấc mộng</i> <i>Bóng Bác cao lồng lộng</i>	(1)Đặc điểm của thơ <table><tr><th>STT</th><th>Đặc điểm</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>Thể thơ</td><td>Cố tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi bài,...</td><td></td></tr><tr><td>Ngôn ngữ</td><td>Cô đọng, giàu nhạc điệu và hình ảnh</td><td></td></tr><tr><td>Biện pháp tu từ</td><td>So sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, v.v...</td><td></td></tr><tr><td>Nội dung</td><td>Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống</td><td></td></tr><tr><td>Phương thức biểu đạt</td><td>Có thể có yếu tố tự sự (kể lại một sự kiện, câu chuyện) và miêu tả (tái hiện những đặc điểm nổi bật của đối tượng) nhưng những yếu tố ấy chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc.</td><td></td></tr></table>			STT	Đặc điểm	Ghi chú	Thể thơ	Cố tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi bài,...		Ngôn ngữ	Cô đọng, giàu nhạc điệu và hình ảnh		Biện pháp tu từ	So sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, v.v...		Nội dung	Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống		Phương thức biểu đạt	Có thể có yếu tố tự sự (kể lại một sự kiện, câu chuyện) và miêu tả (tái hiện những đặc điểm nổi bật của đối tượng) nhưng những yếu tố ấy chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc.	
	STT	Đặc điểm	Ghi chú																		
	Thể thơ	Cố tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi bài,...																			
	Ngôn ngữ	Cô đọng, giàu nhạc điệu và hình ảnh																			
	Biện pháp tu từ	So sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, v.v...																			
	Nội dung	Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống																			
	Phương thức biểu đạt	Có thể có yếu tố tự sự (kể lại một sự kiện, câu chuyện) và miêu tả (tái hiện những đặc điểm nổi bật của đối tượng) nhưng những yếu tố ấy chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc.																			
(2)Khi đọc một bài thơ cần quan tâm đến các yếu tố: Thể thơ, vần, nhịp, âm điệu, hình ảnh, biện pháp tu từ,...																					
(3) HS chỉ rõ qua đoạn thơ - Thể thơ: 5 chữ tự do - Vần: gieo vần chân (cuối dòng thơ : mộng- lộng- hồng), liên tiếp - Nhịp: 3/2. 2/3 - Âm điệu: Nhanh,																					

<i>Ấm hơn ngọn lửa hồng</i> (Trích “Đêm nay Bác không ngủ”- Minh Huệ) - GV gợi ý thêm: - <i>Vần</i> là phương tiện tạo tính nhạc và tính liên kết trong một dòng thơ và giữa các dòng thơ dựa trên sự lặp lại phần vần của tiếng ở những vị trí nhất định. Mỗi thể thơ sẽ có những quy định về vị trí đặt vần khác nhau tạo nên những quy tắc gieo vần khác nhau. Có hai loại vần: ▪ <i>Vần chân</i> (cước vận): được gieo cuối dòng thơ, có tác dụng đánh dấu sự kết thúc của dòng thơ và tạo nên mối liên kết giữa các dòng. Vần chân rất đa dạng: khi liên tiếp, khi gián cách,... và là hình thức gieo vần phổ biến nhất trong thơ. (GV tự nêu ví dụ). ▪ <i>Vần lưng</i> (yêu vận): Vần được gieo ở giữa dòng thơ gọi là vần lưng. Đây được cho là một hiện tượng đặc biệt của vận luật Việt Nam. Vần lưng khiến dòng thơ giàu nhạc tính. (GV tự nêu ví dụ). - <i>Nhịp</i> là các chỗ ngừng ngắt trong một dòng thơ dựa trên sự lặp lại có tính chu kỳ số lượng các tiếng. Mỗi thể thơ có một nhịp điệu riêng. Nhà thơ sáng tác theo một thể thơ nhất định nhưng vẫn có thể tạo nên một nhịp điệu riêng cho mình để biểu đạt một ý nghĩa nào đó. Ví dụ: <i>Nửa chừng xuân/ thoắt/ gãy cành thiên hương</i> (Truyện Kiều – Nguyễn Du) ngắt nhịp 3/1/4 khác với cách ngắt nhịp 4/4 của lục bát thông thường. Cách ngắt nhịp của Nguyễn Du khiến câu thơ như bị bẻ làm đôi làm ba, thể hiện số phận đầy đau khổ, phải chết giữa tuổi xuân đẹp	- Hình ảnh: gần gũi, thân thuộc, ấm áp - Biện pháp tu từ: So sánh

đẽ như cành hoa gãy giữa lúc đường xuân của Đạm Tiên. - <i>Thanh điệu</i> là thanh tính của âm điệu. Tiếng Việt là ngôn ngữ phong phú về thanh điệu (6 thanh điệu). Trong khi đó, tiếng Trung cũng có thanh điệu, nhưng chỉ có 4 thanh. Thanh điệu tiếng Việt đối lập nhau ở hai cao độ cơ bản (đối lập về âm vực): ▪ Cao độ cao: thanh ngang/không, thanh sắc, thanh ngã; ▪ Cao độ thấp: thanh huyền, hỏi, nặng - <i>Âm điệu</i> là đặc điểm chung của âm thanh trong bài thơ, được tạo nên từ vần, nhịp, thanh điệu và các yếu tố khác của âm thanh ngôn ngữ trong bài thơ.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố, luyện tập kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

(1) Hãy lựa chọn một bài thơ mà em yêu thích và chỉ ra các yếu tố đặc trưng của thơ như: thể thơ, vần, nhịp điệu, thanh điệu, âm điệu.

(2) Những đặc trưng đó có tác dụng như thế nào trong việc biểu đạt nội dung của bài thơ?

- **HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:** Hs nghe câu hỏi, trả lời theo hình thức cá nhân

- **HS báo cáo:** Hs báo cáo kết quả

- **Nhận xét, đánh giá:** Gv nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Vẽ sơ đồ tư duy về đặc điểm của thơ

+ Tìm đọc những bài thơ về chủ đề tình cảm gia đình.

+ Vẽ một bức tranh về chủ đề trên

- HS làm ở nhà, báo cáo

Tuần

Ngày soạn:

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
VĂN BẢN 1: CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI
(Xuân Quỳnh)



I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xác định được chủ đề của bài thơ;
- Nhận biết được số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*;
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại thơ: thể thơ; ngôn ngữ trong thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ, v.v...
- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực ngôn ngữ: đọc trôi chảy, hiểu đúng văn bản thuộc thể loại thơ, viết được đoạn văn cảm nhận về một đoạn thơ trong văn bản
- Năng lực văn học: Tiếp nhận, giải mã cái hay cái đẹp trong văn bản, nhận xét, đánh giá đặc sắc về hình thức nghệ thuật, tiếp nhận đúng sáng tạo thông điệp về nội dung.

3. Phẩm chất:

- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: yêu thương, trân trọng tình cảm gia đình, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Các phương tiện kỹ thuật, những đoạn phim ngắn (ngâm thơ, đọc thơ), tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

+ Phiếu học tập số 1:

Hình ảnh Trái đất trước khi trẻ con được sinh ra?	Nêu sự thay đổi của trái đất sau khi trẻ con được sinh ra? Vì trẻ em mà thế giới đã thay đổi, điều đó nói lên ý nghĩa gì của trẻ em đối với thế giới?		
	Mặt trời		
	Cây, cỏ, hoa		
	Tiếng chim, làn gió		
	Sông		
	Biển		
	Đám mây, con đường		
	Thầy giáo		

Phiếu học tập số 2:

Mẹ, bà, bố đã đem đến cho trẻ món quà nào?			
Sự ra đời của gia đình	Mẹ		
	Bà		
	Bố		-

Phiếu học tập số 3:

Người thầy cùng với những phương tiện dạy học mang đến cho trẻ những gì?			
Sự ra đời của xã hội			

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS kể tên một số truyện kể về nguồn gốc loài người, đọc một đoạn thơ viết về tình cảm gia đình từ đó dẫn vào chủ đề bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV chuyển giao nhiệm vụ:**

(1) Nêu tên một truyện kể về nguồn gốc loài người trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam hoặc văn học nước ngoài mà em biết. Trong truyện kể đó, sự ra đời của loài người có điều gì kỳ lạ?

(2) Đọc một bài thơ hoặc đoạn thơ viết về tình cảm gia đình mà em biết?

- **HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trả lời

- **Hs báo cáo, chia sẻ:** HS chia sẻ theo hình thức cá nhân. Nêu tên truyện kể về nguồn gốc và nói về sự ra đời kỳ lạ của loài người trong truyện kể đó. Hs đọc một số bài thơ mà em biết

- **Nhận xét, đánh giá:** GV mời một HS nhận xét, bổ sung, GV nhận xét

- Sản phẩm dự kiến:

(GV có thể gợi ý một số truyện như chuyện về Lạc Long Quân – Âu Cơ, Bàn Cổ khai thiên lập địa và Nữ Oa sáng tạo con người, truyện trong Kinh Thánh – Jehova sáng tạo ra con người, v.v...)

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Chúng ta ai cũng được cha mẹ sinh ra. Cha mẹ chúng ta cũng vậy, đều được ông bà của ta sinh ra. Đến lượt ông bà và bậc tổ tiên của ta cũng đều như vậy. Con người từ đời này sang đời khác tạo thành những dòng chảy, truyền thống. Vì thế, khi sống hôm nay, ta phải biết được về nguồn cội của bản thân mình. Mình là ai, mình từ đâu đến, mình được sinh ra từ đâu, v.v... Lý giải những câu hỏi đó bằng con mắt thơ ca, nữ thi sĩ Xuân Quỳnh đã viết nên bài thơ ***Chuyện cổ tích về loài người***. Hôm nay thầy/cô và các em sẽ cùng tìm hiểu về nguồn gốc của loài người qua văn bản thơ này.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin chính về tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*, đọc văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kết hợp hiểu biết cá nhân kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV – HS	Yêu cầu cần đạt và dự kiến sản phẩm
- Chuyển giao nhiệm vụ	I. Đọc văn bản

(1) Đọc và giới thiệu về tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.

- GV cho HS 2 phút chuẩn bị
- Sử dụng kĩ thuật trình bày 1 phút. HS trình bày hiểu biết về tác giả, tác phẩm.

+ GV tổ chức hoạt động cá nhân kết hợp với hình thức hoạt động cặp đôi. Trước hết, HS làm việc cá nhân, đọc đoạn văn và giới thiệu hai câu về tác giả và hoàn cảnh sáng tác bài thơ theo ý hiểu và cách diễn đạt của cá nhân. Sau đó, HS làm việc cặp đôi, đọc câu trả lời, nhận xét và sửa lỗi cho nhau (lỗi diễn đạt, lỗi nội dung).

- **HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ**

- Sử dụng kĩ thuật trình bày 1 phút HS trả lời nhanh.

- **Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

- **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung:

- GV khuyến khích những cách diễn đạt khác nhau của HS.

GV bổ sung:

- Xuân Quỳnh có thơ đăng báo năm 19 tuổi, trở thành nhà thơ chuyên nghiệp sau khi qua lớp bồi dưỡng những người viết văn trẻ khoá đầu tiên của Hội Nhà Văn Việt Nam (1962-1964).

- Xuân Quỳnh được coi là nhà thơ nữ hàng đầu của nửa cuối thế kỷ 20.

- Chủ đề thơ Xuân Quỳnh thường là những vấn đề nội tâm: kỷ niệm tuổi thơ, tình yêu gia đình... Thơ bà là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, vừa chân

1. Tác giả

- Họ tên đầy đủ: Nguyễn Thị Xuân Quỳnh;

- Năm sinh – năm mất: 1942 – 1988;

- Quê quán: La Khê – Hà Đông – Hà Tây, nay là Hà Nội.

- Truyện và thơ viết cho thiếu nhi của bà tràn đầy tình yêu thương, trù mẫn, có hình thức giản dị, ngôn ngữ trong trẻo, phù hợp với cách cảm, cách nghĩ của trẻ em.

- Những tác phẩm truyện và thơ viết cho thiếu nhi tiêu biểu: *Lời ru mặt đất*, *Bầu trời trong quả trứng*, *Bến tàu trong thành phố*,...

2. Tác phẩm

- *Chuyện cổ tích về loài người* là bài thơ được rút ra từ tập thơ *Lời ru trên mặt đất*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978, tr. 49 – 52.

thành, đắm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc đời thường. Hiện thực xã hội trong thơ Xuân Quỳnh như một bối cảnh cho tâm trạng. Do vậy thơ Xuân Quỳnh hướng nội, rất tâm trạng cá nhân nhưng không là thứ tháp ngà xa rời đời sống. - GV hướng dẫn cách đọc diễn cảm, lưu loát, giọng kể chậm. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó yêu cầu HS thay nhau đọc thành tiếng từng đoạn cho đến hết VB - Trong quá trình đọc, các HS khác hình dung và theo dõi theo hệ thống câu hỏi SGK	3. Đọc

2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: HS nắm được chủ đề văn bản: *Chuyện cổ tích về loài người*. Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại thơ: thể thơ; ngôn ngữ trong thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ, v.v...

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân, kiến thức thực tế để khám phá văn bản

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS, kết quả phiếu thảo luận nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV – HS	Yêu cầu cần đạt và dự kiến sản phẩm
- Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc kĩ văn bản, làm việc nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn và thực hiện các yêu cầu sau: (1) Các nhân vật sự việc được kể trong bài thơ? (2) Nhân vật chính trong VB là ai? (3) Phương thức biểu đạt của VB là gì? Có sự kết hợp nào ở đây không? (4) GV yêu cầu HS xác định	2. Khám phá văn bản (1) Nhân vật: Trẻ con, mẹ, bà, bố, thầy giáo.... - Sự việc: Sự ra đời của trẻ con, sự ra đời của thiên nhiên, sự ra đời của gia đình, sự ra đời của xã hội (2) Nhân vật chính: trẻ em (3) Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả (4) Bố cục: 2 phần + Phần 1: Khổ 1: Thế giới trước khi trẻ con ra đời; + Phần 2: Thế giới sau khi trẻ con ra đời

bố cục của VB

- **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.

- **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

- **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, khái quát kiến thức.

- **Chuyển giao nhiệm vụ**

-GV tổ chức theo hình thức nhóm

- GV phát phiếu học tập cho nhóm trưởng.

- Nêu yêu cầu, hướng dẫn các nhóm.

(1). Hình ảnh Trái đất trước khi trẻ con được sinh ra?

(2) Trong tưởng tượng của nhà thơ, thế giới đã biến đổi ra sao sau khi trẻ con ra đời?

-HS thảo luận nhóm các câu hỏi sau và hoàn thiện phiếu học tập số 1

- **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và hoàn thiện phiếu học tập số 1

- **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

- **Đánh giá kết quả thực**

- *Khổ 2:* Những thay đổi về thiên nhiên đầu tiên khi trẻ con sinh ra;
- *Khổ 3:* Sự xuất hiện của mẹ để cho trẻ tình yêu và lời ru
- *Khổ 4:* Sự xuất hiện của bà để kể cho trẻ nghe những câu chuyện cổ
- *Khổ 5:* Sự xuất hiện của bố và tình yêu thương của bố để cho trẻ có nhận thức về thế giới
- *Khổ 6:* Sự xuất hiện của trường lớp và thầy giáo để cho trẻ được đi học và có kiến thức.

2.1. Thế giới trước khi trẻ con ra đời và sự thay đổi sau khi trẻ con ra đời.

Hình ảnh Trái đất trước khi trẻ con được sinh ra?	Nêu sự thay đổi của trái đất sau khi trẻ con được sinh ra? Vì trẻ em mà thế giới đã thay đổi, điều đó nói lên ý nghĩa gì của trẻ em đối với thế giới?		
- Sinh ra trước nhất: chỉ toàn là trẻ con - Khung cảnh: + Không có ánh sáng, màu sắc + Không dáng cây ngọn cỏ + Không mặt trời + Chỉ toàn là màu	Mặt trời	Giúp trẻ con nhìn rõ	+ Thế giới đã có sự thay đổi khi trẻ em xuất hiện. Từ tối tăm sang có ánh sáng. =>Ý nghĩa to lớn của trẻ em đối với thế giới, trẻ em là trung tâm của thế giới, là tương lai của thế giới. =>Mỗi sự thay đổi trên thế giới đều bắt nguồn từ
	Cây, cỏ, hoa	Giúp trẻ con cảm nhận màu sắc	
	Tiếng chim, làn gió	Giúp trẻ con cảm nhận âm thanh	
	Sông	Giúp trẻ con có nước để tắm	
+ Không dáng cây ngọn cỏ + Không mặt trời + Chỉ toàn là màu	Biển	ý nghĩ, cung cấp thực phẩm, phương tiện	
	Đám mây, con	Giúp trẻ con tập đi	

- Hs trả lời cá nhân (6) Mỗi thành viên trong gia đình cho trẻ những điều khác nhau. Từ đây, em rút ra được điều gì? - Chuyển giao nhiệm vụ: - HS chia sẻ trong nhóm quan điểm cá nhân với những lí giải cụ thể ; từ đó lựa chọn và tổng hợp thành ý kiến của nhóm. (7) Em hãy nêu những căn cứ để xác định <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> là một bài thơ: * Gợi ý: - Về nghệ thuật + Phương thức biểu đạt:				=>Lời nhắn nhủ ân cần về cách sống đẹp: biết yêu thương, chia sẻ, nhân ái, thủy chung,... Đó chính là dòng sữa mát lành nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ.
	Bà	Mang đến những câu chuyện ngày xưa, ngày sau		+ <i>Tấm Cám, Thạch Sanh</i>: Ước mơ về lẽ công bằng, người ở hiền sẽ gặp lành, ở ác sẽ bị quả báo; + <i>Cóc kiện trời</i>: Đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh; + <i>Nàng tiên ốc, Ba cô tiên</i>: Lạc quan, tin tưởng vào những điều tốt đẹp. =>Những câu chuyện cổ tích đó mang đến cho trẻ thơ những bài học về triết lí sống nhân hậu, ở hiền gặp lành; là suối nguồn trong trẻo nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn trẻ thơ.
	Bố	Mang đến những hiểu biết, dạy con ngoan, biết nghĩ, có kiến thức		- Truyền dạy những tri thức về thiên nhiên và cuộc sống. - Mẹ nuôi dưỡng cho trẻ trái tim ấm áp, yêu thương. Bố giúp trẻ trưởng thành về trí tuệ.
Phiếu học tập số 3:				
Người thầy cùng với những phương tiện dạy học mang đến cho trẻ những gì?				
Sự ra đời của xã hội	Chữ, bàn, ghế, lớp, trường, bảng, phần	Mang đến hiểu biết, nền văn minh	=>Người thầy cùng với những phương tiện dạy học đơn sơ đã mang đến cho trẻ thơ những bài học về	

(9) Nhan đề <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> gợi cho em suy nghĩ gì? Tại sao một bài thơ là có nhan đề là chuyện cổ tích? Điều này có gì mâu thuẫn hay đặc biệt không? - HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi thảo luận, - Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS thảo luận và đại diện trả lời từng câu hỏi - Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, khái quát kiến thức.	được nâng niu, hướng dẫn; vạn vật trên trái đất được sinh ra là vì trẻ em; những người thân như ông bà, bố mẹ được sinh ra là để che chở, yêu thương, nuôi dạy trẻ em khôn lớn thành người. + Cách kể mang nét độc đáo của lời tâm tình từ trái tim một người mẹ dành tình cảm yêu mến cho trẻ thơ, gần gũi với ca dao, tưởng phi lý nhưng lại rất đúng. <i>Sinh con rồi mới sinh cha/ Sinh cháu rồi mới sinh bà sinh ông.</i> - Sự khác biệt ấy thể hiện thông điệp nhà thơ muốn nhắn gửi: + Tới trẻ em: Hãy yêu thương những người thân trong gia đình bởi họ đã dành cho các em những tình cảm tốt đẹp nhất. Tình cảm cần được thể hiện qua những lời nói, hành động, việc làm cụ thể, giản dị hằng ngày. + Tới các bậc làm cha mẹ: Hãy yêu thương, chăm sóc và dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất bởi các em chính là tương lai của gia đình, đất nước. Các em cần được sống trong môi trường tốt đẹp, được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ để khôn lớn, trưởng thành. (9) Nhan đề <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> là sự kết hợp giữa biểu cảm và tự sự gợi cho người đọc liên tưởng tới những câu chuyện tưởng tượng về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc của loài người mang màu sắc hoang đường, kì ảo.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: HS sử dụng kiến thức đã học để tham gia trò chơi: **Hỏi nhanh, đáp gọn.**

c. Sản phẩm học tập: Kết quả câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV chia lớp thành 2 đội chơi với 2 gói câu hỏi dưới hình thức trắc nghiệm. Mỗi gói có 5 câu hỏi

+ Mỗi đội cử 2 HS tham gia: một HS hỏi, một HS đáp

+ Thời gian chơi của mỗi đội là 1 phút.

+ Đội nào trong thời gian một phút trả lời được đúng nhiều câu hỏi nhất, đội đó giành chiến thắng

***Gói 1:**

Câu 1. Trong "Chuyện cổ tích loài người", ai là người được sinh ra đầu tiên?

A. Thầy giáo

- B. Trẻ con
- C. Cha
- D. Mẹ

Câu 2. Trẻ con sinh ra mắt sáng nhưng chưa nhìn thấy, bởi vậy mới sinh ra thứ gì?

- A. Mặt trăng
- B. Bóng đèn
- C. Vì sao
- D. Mặt trời

Câu 3. Trẻ con sinh ra vì sao cần có ngay người mẹ?

- A. Để trao tình yêu và lời ru cho bé.
- B. Để dạy cho bé những kiến thức ở trường lớp, sách vở.
- C. Để dạy bé ngoan và biết nghĩ.
- D. Tất cả các ý trên

Câu 4. Bố sinh ra đã giúp trẻ em những gì?

- A. Khiến bé nhìn thấy rõ mặt trời.
- B. Dạy cho trẻ những kiến thức ở trường lớp, sách vở.
- C. Trao tình yêu, lời ru và chăm sóc bé ân cần.
- D. Dạy cho trẻ hiểu biết: biết ngoan và biết nghĩ.

Câu 5. Trong khổ thơ 6, 7, thầy giáo dạy cho bé những điều gì?

- A. Dạy cho bé biết về con đường, trái đất và những ngọn núi
- B. Cho bé biết mẹ yêu thương và chăm sóc bé bằng tình yêu vô bờ.
- C. Dạy cho bé biết ngoan và biết nghĩ, nghe lời bố mẹ.
- D. Dạy cho bé biết học hành và biết về lịch sử loài người.

*** Gợi 2:**

Câu 1: Điều gì được sinh ra trước nhất trên trái đất?

- A. Người mẹ B. Cây cỏ C. Mặt trời D. Trẻ em

Câu 2: Nghệ thuật gì đặc trưng nhất trong bài thơ?

- A. So sánh B. Nhân hóa C. Điệp ngữ D. Ẩn dụ

Câu 3: Sự xuất hiện của người mẹ mang đến những điều gì cho trẻ con?

- A. Tình yêu, sự chở che
- B. Tình yêu
- C. Tình yêu và lời ru
- D. Lời ru

Câu 4: Tại sao mặt trời xuất hiện?

- A. Để giúp trẻ con nhìn rõ
- B. Để chiếu sáng muôn loài
- C. Để cỏ cây phát triển
- D. Để bố mẹ đi làm

Câu 5. Dòng nào dưới đây nói đúng và đủ nội dung của bài?

- A. Trẻ em mới là người được sinh ra đầu tiên trên trái đất, không phải cha mẹ hay thầy cô giáo.
- B. Trẻ em là sinh ra rất nhỏ bé và yếu đuối, cần được chăm sóc, dạy dỗ và che chở.

C. Mọi vật sinh ra trên trái đất đều là vì con người, vì trẻ em. Hãy dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất.

D. Tất cả các ý trên

- **HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiến hành thực hiện trò chơi

- **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV tổng kết, nhận xét, đánh giá.

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án Gói 1	B	D	D	D	D
Đáp án gói 2	D	C	C	A	D

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để vận dụng viết đoạn văn.

c. Sản phẩm học tập: bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ**

(1)Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) thể hiện cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.

(2) Em hãy chuyển bài thơ trên thành một tác phẩm truyện tranh

-**HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

HS vận dụng kiến thức đã học và sự cảm thụ của bản thân viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một đoạn thơ yêu thích trong bài thơ

- **HS báo cáo:** Một số HS trình bày bài viết dưới hình thức cá nhân

- **GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS về hình thức, nội dung**

GV gợi ý:

- **Bước 1:** Lựa chọn một trong các đoạn thơ: đoạn thơ nói về sự thay đổi của thế giới khi trẻ em xuất hiện; đoạn thơ thể hiện tình yêu thương, chăm sóc của mẹ; đoạn thơ bà kể chuyện và những điều bà muốn nhắn gửi; đoạn thơ bổ dạy cho sự hiểu biết; đoạn thơ về trường lớp và thầy giáo, v.v...

- **Bước 2:** Sau khi tìm đoạn thơ yêu thích; xác định nội dung chính, những yếu tố nghệ thuật nổi bật và cảm xúc của em khi đọc đoạn thơ đó.

- **Bước 3:** Tiến hành viết đoạn văn:

+ Câu mở đầu cần giới thiệu được tên bài thơ, tên tác giả, nội dung đoạn thơ, cảm xúc chung của em về đoạn thơ.

+ Các câu tiếp theo thể hiện cảm xúc đối với các khía cạnh nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ.

+ Câu kết đoạn: Nêu cảm nghĩ chung về đoạn thơ

TIẾT 20: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và cảm nhận một số nét đặc trưng của ngôn ngữ trong tác phẩm thơ;
- Xác định và phân tích hiệu quả một số phép tu từ từ vựng (so sánh, nhân hóa, điệp ngữ).

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận diện và phân tích các phép tu từ từ vựng so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.
- Có tình yêu và niềm tự hào về ngôn ngữ mẹ đẻ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án (W, PP).
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà...

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học. HS giải quyết được những yêu cầu cơ bản mà giáo viên đề ra.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS (trả lời trực tiếp hoặc làm vào phiếu bài tập)

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Nêu nhận xét của em về ngôn ngữ trong văn bản thơ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời, nhận xét

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Ngôn ngữ trong thơ được người nghệ sĩ mã hóa chặt lọc từ đời sống, tạo nên tinh hoa nghệ thuật đặc sắc. Trong đó một số phép tu từ từ vựng đã góp phần không nhỏ trong bài Thực hành tiếng Việt.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu lý thuyết

a. Mục tiêu: Nắm được các khái niệm về ngôn ngữ thơ, các phép tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kết hợp với những trải nghiệm để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV lần lượt yêu cầu HS nhắc lại khái niệm về so sánh, nhân hóa và lấy ví dụ về so sánh, nhân hóa: <i>Ở tiểu học, các em đã được học về so sánh và nhân hóa, các em hãy cho biết so sánh, nhân hóa là gì? Tác dụng của biện pháp so sánh, nhân hóa là gì? Lấy ví dụ cho từng biện pháp so sánh, nhân hóa.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm: + So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng. + So sánh nhằm để cho sự diễn đạt thêm gợi hình gợi cảm. + Nhân hóa là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, v.v... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người. + Nhân hóa nhằm làm cho vật được nhân hóa trở nên sống động, gần gũi với con người. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về so sánh, nhân hóa. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra ví dụ và yêu cầu: <i>Em hãy đọc các ví dụ sau đây và cho biết từ ngữ trong các ví dụ đó có gì đặc biệt? GV có thể đưa ra</i>	I. Khái niệm 1. So sánh - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. - Ví dụ: Mặt trời xuống biển như hòn lửa 2. Nhân hóa - <i>Nhân hóa</i> là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt. - Ví dụ: Sóng đã cài then đêm sập cửa 3. Điệp ngữ - <i>Điệp ngữ</i> là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh.

gợi ý: Từ ngữ trong những ví dụ này có được lặp đi lặp lại nhiều lần không? + VD1: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công. (Hồ Chí Minh) + VD2: Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu Ngàn dâu xanh ngắt một màu Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai? (Trích Chinh phụ ngâm – Đoàn Thị Điểm) + VD3: Nhớ sao lớp học i tờ Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan Nhớ sao ngày tháng cơ quan Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều Chày đêm nện cối đều đều suối xa (Trích Việt Bắc – Tố Hữu) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Từ ngữ trong các ví dụ có sự lặp đi lặp lại. Có khi lặp lại toàn bộ, nối tiếp; có khi lặp mang tính chuyển tiếp, có khi lặp cách quãng. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. - GV chuẩn kiến thức.	- Điệp ngữ có 3 dạng: + Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến. + Điệp ngữ cách quãng + Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng) Ví dụ: Một bầy gà mà bơi trong bể Chết ba con hỏi còn mấy con
NV3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 SGK trang 44;	II. Bài tập Bài tập 3 SGK trang 44 - Chỉ ra những dòng thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh:

- GV yêu cầu HS đọc lại khổ hai của VB <i>Chuyện cổ tích về loài người</i>; - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: Từ đơn: ta, ơ, biển, lúa, đâu, trời, đẹp, hơn Từ ghép: Việt Nam, đất nước Từ láy: mênh mông Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4 SGK trang 44; - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Biện pháp tu từ được sử dụng trong dòng thơ: <i>nhân hóa</i>; + Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa đối với dòng thơ: khiến làn gió trở nên gần gũi như con người, có nét hồn nhiên, đáng yêu như trẻ thơ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận;	+ <i>Cây cao bằng gang tay, Lá cỏ bằng sợi tóc, Cái hoa bằng cái cúc, Tiếng hót trong bằng nước, Tiếng hót cao bằng mây.</i> <i>Cây, lá cỏ, cái hoa, tiếng hót</i> (vế A) được so sánh với <i>gang tay, sợi tóc, cái cúc, nước, mây</i> (vế B). - Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh đó trong việc thể hiện nội dung khổ thơ: Hình ảnh thiên nhiên (vế A) được so sánh với những hình ảnh nhỏ, xinh, gần với thế giới con người (vế B). Tiếng hót của chim – âm thanh được so sánh với nước, mây trời làm tăng tác dụng biểu đạt cho sự trong trẻo, cao vút của tiếng chim Thiên nhiên như nhỏ lại, gần gũi và thật dễ thương trong đôi mắt trẻ thơ. Bài tập 4 SGK trang 44 - Biện pháp tu từ: <i>nhân hóa</i>; - Tác dụng: + <i>Thơ ngây</i> – một tính từ thường dùng để nói về đặc điểm của con người, đặc biệt là trẻ em để nói về gió Tác dụng: khiến làn gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên như trẻ thơ.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng

NV5:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 5 SGK trang 44;

- GV yêu cầu HS đọc lại đoạn thơ từ *Nhưng còn cần cho trẻ đến Từ bãi sông cát vắng*;

- GV yêu cầu HS tự làm bài tập;

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:

+ Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ:

- “rất”
 - “Từ cái...”, “Từ...”
- + Tác dụng:
- “rất” Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ;
 - “Từ cái”, “Từ...” liệt kê những hình ảnh trong lời ru của mẹ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng

NV6: Bài tập 1 SGK trang 43 – 44;

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK trang 43 – 44 ;

- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm để làm bài tập;

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bài tập 5 SGK trang 44

- Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ:

+ “rất”

+ “Từ cái...”, “Từ...”

- Tác dụng:

+ “rất” Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ;

+ “Từ cái...”, “Từ...” liệt kê lần lượt những hình ảnh phong phú trong lời ru của mẹ: là những hình ảnh nổi bật trong kho tàng văn hóa dân tộc.

Bài tập 1 SGK trang 43 – 44:

a. Nghĩa của từ *nhô*

- *nhô* (đt): đưa phần đầu cho vượt hẳn lên phía trên hoặc ra phía trước so với những cái xung quanh

mặt trời *nhô* cao: mặt trời chuyển động lên cao trên bầu trời và có phần đột ngột, vượt lên so với sự vật xung quanh như núi non, cây cối.

b. Không thể thay thế từ *nhô* bằng từ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ;
- Dự kiến sản phẩm:

a. Nghĩa của từ *nhô*

- *Nhô* là động từ để chỉ hành động của một sự vật vượt lên phía trên hoặc đưa ra phía trước so với những cái xung quanh.

b. Không thể thay thế từ *nhô* bằng từ *lên* vì *lên* chỉ là một nét nghĩa có trong từ *nhô*.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng

NV7: Bài tập 2 SGK trang 44

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 SGK trang 44 và làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm;
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ;
- Dự kiến sản phẩm: Những từ trong và ngoài văn bản có thể đảo trật tự các thành tố để có từ khác đồng nghĩa:
 - Những từ trong văn bản: màu sắc, khao khát, thơ ngây, bế bồng, mệnh mông...
 - Những từ ngoài văn bản: quần áo, thầy cô...

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

lên vì *lên* chỉ là một nét nghĩa có trong từ *nhô*.

Nhô có tính biểu cảm, gợi lên vẻ tình nghịch, đáng yêu của hình ảnh mặt trời, phù hợp với cách nhìn, cách cảm của trẻ thơ.

Bài tập 2 SGK trang 44

- Những từ trong văn bản: màu sắc, khao khát, thơ ngây, bế bồng, mệnh mông...
- Những từ ngoài văn bản: quần áo, thầy cô, cha mẹ, bạn bè, yêu dấu...

Ghi lên bảng	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5 – 7 câu) có sử dụng hai trong số phép tu từ tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ nêu suy nghĩ về vai trò của trẻ em đối với xã hội (gạch chân dưới phép tu từ)

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.	

TIẾT 21 – 22: VĂN BẢN 2: MÂY VÀ SÓNG

(Rabindranath Tagore)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết được đặc điểm một bài thơ văn xuôi: không quy định số lượng tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, cũng như không yêu cầu có vần, nhịp.

- Nhận biết và nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.

- Hiểu được tình mẫu tử thiêng liêng qua lời thủ thỉ chân tình của em bé với mẹ về cuộc đối thoại tưởng tượng của em với những người sống trên “mây và sóng”.

- Nắm được những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ qua trí tưởng tượng bay bổng của tác giả.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, năng lực làm việc nhóm...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Mây và sóng*.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Mây và sóng*.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề....

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu gia đình, hiếu và trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, những đoạn phim ngắn (ngâm thơ, đọc thơ), tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình;
- GV dẫn dắt vào bài học mới: Ta –gor là nhà thơ lớn. Ông từng được giải Nô-ben văn học với tập thơ: "Thơ Dân". Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu một trong những bài thơ rất hay của ông ca ngợi tình mẫu tử.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm; - HS thực hiện nhiệm vụ.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Tên: Rabindranath Tagore - Năm sinh – năm mất: 1861 – 1941 - Quê quán: Ấn Độ
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực	

hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng	- Là danh nhân văn hóa, nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ. Thơ Tagore chan chứa tình yêu đất nước, con người, cuộc sống,... 2. Tác phẩm - <i>Mây và sóng</i> được in trong tập <i>Trăng non</i> .

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung, nghệ thuật của VB.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời các câu hỏi: + <i>Đọc bài thơ Mây và sóng, ta như được nghe kể một câu chuyện. Theo em ai đang kể với ai và kể về điều gì?</i> + <i>Phương thức biểu đạt của VB là gì? Có sự kết hợp nào ở đây không?</i> + <i>VB Mây và sóng có hình thức khác với VB Chuyện cổ tích về loài người như thế nào (số tiếng trong các dòng không bằng nhau, không vần, v.v...)? Vì sao nó vẫn được coi là VB thơ?</i> - GV yêu cầu HS xác định bố cục và thể loại của VB: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Em bé đã kể với mẹ câu chuyện tưởng tượng của em nhằm bộc lộ tình yêu với mẹ;	

+ PTBD của VB là biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả;

+ *Mây và sóng* khác *Chuyện cổ tích về loài người* nhưng vẫn được coi là VB thơ vì tác phẩm thể hiện cảm xúc, thế giới nội tâm.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng

GV có thể bổ sung thêm:

+ *Mây và sóng* khác *Chuyện cổ tích về loài người* nhưng vẫn được coi là VB thơ vì tác phẩm thể hiện cảm xúc, thế giới nội tâm. Trong thực tế, hình thức thơ không quy định số tiếng trong một dòng, không vần... được gọi là thơ văn xuôi. Cách trình bày in ấn bài thơ là điều dễ nhận nhất để phân biệt với văn xuôi.

NV2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi với câu hỏi:

+ Qua lời trò chuyện của những người “trên mây” và “trong sóng”, em thấy thế giới của họ hiện lên như thế nào? Thế giới đó có gì hấp dẫn?

+ Cách đến với thế giới của họ có gì đặc biệt?

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;

II. Đọc hiểu văn bản

1. Lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”

- Thế giới của những người sống “trên mây”, “trong sóng”:

+ Thế giới của những người sống “trên mây”: Rực rỡ, lung linh, huyền ảo (ánh sáng mặt trời vàng buổi bình minh, ánh sáng vàng trắng bạc khi đêm về);

+ Thế giới của những người sống “trong sóng”: Vui vẻ và hạnh phúc (chỉ có ca hát và rong chơi khắp chốn từ khi thức dậy cho đến chiều tà).

Xa xôi, cao rộng, rực rỡ sắc màu, chứa đựng biết bao điều bí ẩn;

- Cách đến với họ:

+ Đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời;

+ Đến bờ biển cả, nhắm nghiền mắt lại.

Lời mời gọi của những người sống “trên mây”, “trong sóng” chính là tiếng gọi của thế giới diệu kỳ, lung linh huyền ảo đầy hấp dẫn.

Gợi lên trong em bé những khát khao được khám phá, ngao du ở những xứ sở xa xôi.

2.2. Lời từ chối của em bé

- Sự lưỡng lự ở những câu hỏi đầu tiên:

+ Nhưng làm thế nào mình lên đó được?

+ Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?

Em bé vừa có những khao khát khám phá thế giới bên ngoài, vừa muốn ở nhà với mẹ.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Đầu tiên, em bé nói gì với những người “trên mây” và “trong sóng”? Tại sao em bé không từ chối ngay lời mời của họ? + Vì sao em bé từ chối lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Đầu tiên em bé đã hỏi những người “trên mây” và “trong sóng” làm cách nào để có thể đến những nơi như họ đến. Em bé không từ chối ngay vì em bé có khát khao muốn khám phá. + Em bé từ chối lời mời của họ vì tình cảm em dành cho mẹ, vì em biết mẹ đang chờ em. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi:	- Lời từ chối của em bé: + <i>Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?</i> + <i>Làm sao có thể rời mẹ mà đi được?</i> Sức níu giữ của tình mẫu tử. Tình yêu thương của mẹ đã thắng lời mời gọi đầy hấp dẫn của những người “trên mây” và “trong sóng”. Với em bé, được ở bên mẹ, làm mẹ vui và được mẹ yêu thương, che chở là niềm hạnh phúc không gì sánh được. 2. Trò chơi của em bé - Con là mây, mẹ là trăng, con lấy hai tay trùm lên người mẹ; - Con là sóng, mẹ là bờ biển, con sẽ lăn, lăn, lăn và vỗ vào gối mẹ. Tình cảm mẹ con sâu sắc: a. Tình cảm em bé dành cho mẹ - Luôn muốn ở bên mẹ, vui chơi cùng mẹ; - Sáng tạo ra những trò chơi thú vị để mẹ có thể chơi cùng; - Trò chơi vừa thỏa ước mong làm mây, làm sóng tinh nghịch, bay cao, lan xa phiêu du khắp chốn; lại vừa được quấn quýt bên mẹ - như mây quấn quýt bên vầng trăng, như sóng vui đùa bên bờ biển. b. Tình cảm mẹ dành cho em bé - Mẹ luôn muốn ở bên để chăm sóc, chở che, vỗ về: <i>mẹ mình đang đợi ở nhà, buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà;</i> - Mẹ giống như ánh trăng dịu hiền soi sáng từng bước con đi, bờ biển bao dung ôm ấp, vỗ về;

+ Em bé đã sáng tạo ra những trò chơi gì? Đó là những trò chơi nào? Trò chơi đó có gì thú vị so với lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”?

+ Em cảm nhận được gì về tình cảm mẹ con được thể hiện qua những trò chơi ấy?

+ Em cảm nhận như thế nào về câu thơ: **Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào?**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:

+ Em bé đã sáng tạo ra hai trò chơi để em và mẹ hóa thân thành mây và trăng, sóng và biển. Trò chơi đó thú vị hơn những lời mời kia vì em vừa có thể thỏa mãn khát khao trở thành mây, thành sóng, vừa được quấn quýt bên mẹ.

+ Những trò chơi ấy thể hiện tình mẫu tử sâu sắc;

+ Câu thơ *Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào* cho thấy hai mẹ con đi chơi khắp nơi, hòa nhập vào tất cả thế giới.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.

NV5:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu: *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- *Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào* Tình mẫu tử hòa quyện, lan tỏa, thâm nhập khắp vũ trụ mênh mông.

Cả bài thơ là tương quan của tình mẫu tử với thiên nhiên, vũ trụ Ca ngợi, tôn vinh tình mẫu tử bao la, thiêng liêng và vĩnh cửu.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Thơ văn xuôi, có lời kể xen đối thoại;

- Sử dụng phép lặp, nhưng có sự biến hóa và phát triển;

- Xây dựng hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.

2. Nội dung

Bài thơ thể hiện tình yêu thiết tha của em bé đối với mẹ, ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Qua đó, ta cũng thấy được tình cảm yêu mến thiết tha với trẻ em của nhà thơ, với thiên nhiên, cuộc đời bình dị.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Nghệ thuật: thơ văn xuôi, hình ảnh giàu ý nghĩa; + Nội dung: ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (5 – 7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống:

Tình huống 1: Nếu có bạn rủ em đi chơi và em thấy rất thú vị, nhưng ở nhà em vẫn còn bài tập chưa làm xong, bố mẹ cũng muốn em ở nhà để giúp đỡ bố mẹ, em sẽ làm gì?

Tình huống 2: Nếu có bạn rủ em đi chơi, nhưng cả tuần mới có một ngày nghỉ, em muốn dành thời gian để đi chơi với gia đình, em sẽ làm gì?

Tình huống 3: Nếu em được đi chơi, em rủ bạn em đi cùng, nhưng bạn lại từ chối vì còn bài tập phải hoàn thành, vì còn cần ở nhà phụ giúp bố mẹ hay vì bạn muốn dành thời gian cho gia đình của bạn, em sẽ có thái độ và ứng xử như thế nào?

Tình huống 4: Em thử tưởng tượng một trò chơi khác với em bé trong văn bản Mây và sóng.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.	

TIẾT 23: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong các ví dụ cụ thể;
- Ôn tập, củng cố lại kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ, công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp), đại từ nhân xưng đã được học ở Tiểu học thông qua một số bài tập nhận diện và phân tích.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực chuyên biệt

- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ.
- Phân tích được công dụng của dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức tiếng Việt vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
1. GV tổ chức trò chơi giải ô chữ, tìm từ khóa, HS tham gia trò chơi. Bộ câu hỏi: Câu 1: Tác giả của bài thơ <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> là ai? Câu 2: Rabindranath Tagore là nhà thơ của nước nào? Câu 3: Điền từ còn thiếu trong đoạn thơ sau: <i>Trời sinh ra trước nhất Chỉ toàn là trẻ con Trên trái đất trụi trần Không [...] ngọn cỏ</i> Câu 4: Bài thơ <i>Mây và sóng</i> của Tagore ngợi ca tình cảm đẹp đẽ nào của con người? 2. GV dẫn vào bài mới, HS tiếp nhận thông tin bài học. Ở tiết học trước, các em đã làm quen với biện pháp so sánh. Trong tiếng Việt, có một biện pháp tu từ khác rất gần với biện pháp tu từ so sánh, đó là biện pháp ẩn dụ. Nếu không để ý kỹ, chúng ta rất dễ nhầm lẫn hai biện pháp tu từ này. Vậy ẩn dụ là gì, chúng ta cùng đi vào bài học ngày hôm nay.	Câu trả lời cho các câu hỏi của HS: Câu 1: Xuân Quỳnh Câu 2: Ấn Độ Câu 3: Dáng cây Câu 4: Tình mẫu tử Từ khóa: ẨN DỤ

Bảng ô chữ:

					X	U	Â	N	Q	U	Ỡ	N	H
						Ã	N	Đ	Ộ				
							D	Á	N	G	C	Â	Y
T	Ì	N	H	M	Ã	U	T	Ủ					

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu biện pháp tu từ ẩn dụ

a. Mục tiêu: Hiểu được các khái niệm về ẩn dụ.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cung cấp ví dụ, yêu cầu HS quan sát các từ in đậm và trả lời câu hỏi (HS đóng sách giáo khoa). + <i>Cha lại dắt con đi trên cát mịn</i> <i>Ánh nắng cháy đầy vai.</i> (Hoàng Trung Thông, <i>Những cánh buồm</i>) + <i>Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng</i> <i>Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.</i> (Viễn Phương, <i>Viếng lăng Bác</i>) Em hãy cho biết các từ in đậm trên có gì đặc biệt? Từ <i>cháy</i> vốn là từ chỉ trạng thái vận động của sự vật nào, ở đây được dùng để chỉ sự vận động của sự vật nào? Từ <i>mặt trời</i> trong câu thơ thứ nhất và câu thơ thứ hai không chỉ cùng một đối tượng, theo em, từ <i>mặt trời</i> trong câu nào không chỉ mặt trời thực – ngôi sao trung tâm của Hệ Mặt Trời? Vậy từ <i>mặt trời</i> ấy chỉ đối tượng nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + <i>Cháy</i> vốn là từ dùng để chỉ sự vận động của chất lỏng (như nước, dung nham...) nhưng ở câu thơ này được dùng để chỉ ánh nắng, tạo cảm giác ánh nắng vàng rực đang tràn trề trên vai hai cha con, ánh nắng bao phủ khắp không gian, chúng như đang chuyển động. + <i>Mặt trời</i> vốn là danh từ để chỉ ngôi sao trung tâm trong Hệ mặt trời. Mặt trời mang năng lượng, ánh sáng và sự	I. Ẩn dụ - Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

ấm áp cho các ngôi sao và hành tinh khác trong đó có trái đất. Không có mặt trời sẽ không có sự sống.

Mặt trời trong dòng thơ thứ hai không chỉ mặt trời thực mà chỉ Bác. Đây là một cách so sánh ngầm, ví Bác Hồ với mặt trời - sự vĩnh hằng của vũ trụ. Nếu mặt trời mang lại sự sống cho các hành tinh thì Bác là người mang đến ánh sáng tự do, sự sống cho dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam.

➔ Từ ngữ được in đậm trong các ví dụ vốn để chỉ một sự vật, hiện tượng này, song đã được sử dụng để chỉ một sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.

Hoạt động 2: Tìm hiểu dấu câu và đại từ

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức về dấu câu và đại từ đã được học ở Tiểu học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: TÌM HIỂU DẤU CÂU Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho ví dụ, yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: Em hãy đọc đoạn văn bản dưới đây và cho biết, dấu chấm đã được đặt đúng vị trí trong các câu chưa? Hãy sửa lại sao cho các câu trở nên có nghĩa là có lý: <i>Chú bé bước vào đầu chú. Đội chiếc</i>	II. Dấu câu 1. Dấu câu - Dấu câu là phương tiện ngữ pháp dùng trong chữ viết, có tác dụng làm rõ trên văn bản một cấu tạo ngữ pháp bằng cách chỉ ra ranh giới giữa các câu, giữa cá thành phần của câu. - Dấu câu là phương tiện để biểu thị những sắc thái tế nhị về nghĩa của câu, về tư tưởng, tình cảm và thái độ của người viết.

mũ sắt dưới chân. Đi đôi giày da trên trán. Lấm tấm mồ hôi.

Em biết những dấu câu nào trong tiếng Việt?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:

+ Dấu chấm trong văn bản trên đã bị đặt sai vị trí;

+ Sửa lại: *Chú bé bước vào. Đầu chú đội chiếc mũ sắt. Dưới chân đi đôi giày da. Trên trán lấm tấm mồ hôi.*

- Tiếng Việt có 11 dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu chấm phẩy, dấu hai chấm, dấu ba chấm, dấu gạch ngang, dấu ngoặc tròn, dấu ngoặc vuông, dấu ngoặc kép.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.

NV2: TÌM HIỂU DẤU NGOẶC KÉP

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho ví dụ, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Trong bài thơ *Mây và sóng* có nhiều đoạn dẫn lời nói trực tiếp của các nhân vật. Em hãy cho biết dấu câu nào được dùng để đánh dấu những lời nói trực tiếp đó.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- Dự kiến sản phẩm: Dấu ngoặc kép đã

- Dấu câu dùng thích hợp thì người đọc hiểu rõ hơn, nhanh hơn. Không dùng dấu câu, có thể gây ra hiểu nhầm.

→ Có trường hợp vì dùng sai dấu câu mà sai ngữ pháp, sai nghĩa. Cho nên quy tắc về dấu câu cần được vận dụng nghiêm túc.

- Hiện nay, tiếng Việt sử dụng 11 dấu câu. Nội dung của bài học chủ yếu đề cập đến dấu “”.

2. Dấu ngoặc kép

- Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu;

- Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp;

- Đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt;

- Trong một số trường hợp thường đứng sau dấu hai chấm.

được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong bài thơ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. NV3: TÌM HIỂU ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt yêu cầu: - Em hãy nêu một số đại từ nhân xưng mà em biết và hay sử dụng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	III. Đại từ nhân xưng - Đại từ thường dùng để xưng hô (tôi, chúng tôi, chúng ta...); để hỏi (ai, gì, bao nhiêu, mấy, thế nào...); - Đại từ chỉ ngôi là những đại từ để chỉ ngôi: + Ngôi 1 - Số ít: tôi/tao/tớ/ta - Số nhiều: chúng tôi/chúng tao, bọn tao/bọn tớ + Ngôi 2 - Số ít: mày/mi/người/bạn - Số nhiều: các bạn/chúng mày/tụi mi/tụi bay + Ngôi 3 - Số ít: nó/hắn/y/cô ấy/anh ấy - Số nhiều: chúng nó/bọn hắn/ họ

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học: biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ; dấu câu; đại từ nhân xưng.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS hoàn thành bài tập nhóm.	Bài tập 1: - Em thấy cơn mưa rào/ Ướt tiếng cười của bố: + Biểu hiện của biện pháp tu từ ẩn dụ: <i>ướt</i>.

Bài tập: Xác định và chỉ ra ý nghĩa của biện pháp tu từ ẩn dụ trong các ví dụ sau:

Nhóm 1, nhóm 2:

Em thấy cơn mưa rào

Ướt tiếng cười của bố

(Phan Thế Cải, *Chiếc võng của bố*)

Nhóm 3, nhóm 4:

Uống nước nhớ nguồn

(Tục ngữ)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:

+ Nhóm 1, nhóm 2:

Biểu hiện của biện pháp tu từ ẩn dụ: *ướt*. Từ *ướt* vốn chỉ trạng thái của sự vật có hình khối, có thể cầm nắm khi tiếp xúc với nước. Nhưng ở đây, phép ẩn dụ khiến tiếng cười của bố như ướt đầm dưới cơn mưa rào. Hình ảnh ẩn dụ khiến cho câu thơ trở nên giàu cảm xúc, giàu hình ảnh và cả âm thanh. Tiếng cười thân quen của bố hòa trong với tiếng cơn mưa rào khiến cơn mưa như mang cả niềm vui, mang cả tâm tình của bố. Âm thanh của con người và thanh âm của tự nhiên hòa lẫn với nhau khiến không gian trong bài thơ trở nên giàu cảm xúc hơn.

+ Nhóm 3, nhóm 4:

Cả câu tục ngữ sử dụng biện pháp ẩn dụ. Uống nước chỉ hoạt động của con người khi hưởng thụ thành quả, những điều tốt đẹp mà người khác mang lại. Nguồn là nơi nước chảy đi, ngầm chỉ những người đã làm nên thành quả tốt đẹp ấy. Hình ảnh ẩn dụ đã làm nên ý nghĩa sâu sắc cho câu tục ngữ, răn dạy con người sống phải có lòng biết ơn với những người, những nơi đã đem lại

+ Từ *ướt* vốn chỉ trạng thái của sự vật có hình khối, có thể cầm nắm khi tiếp xúc với nước. Nhưng ở đây, phép ẩn dụ khiến tiếng cười của bố như ướt đầm dưới cơn mưa rào.

+ Hình ảnh ẩn dụ khiến cho câu thơ trở nên giàu cảm xúc, giàu hình ảnh và cả âm thanh.

- Uống nước nhớ nguồn:

+ Uống nước: hưởng thụ thành quả, nhận những điều tốt đẹp mà người khác mang lại.

+ Nguồn: những người đã làm nên thành quả tốt đẹp ấy.

Phép ẩn dụ khiến câu tục ngữ trở nên hàm súc, cô đọng, răn dạy con người sống phải có lòng biết ơn với những người, những nơi đã đem lại điều tốt đẹp cho ta.

điều tốt đẹp cho ta.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.

NV2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 3 SGK trang 47;
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ;
- Dự kiến sản phẩm:
 - + Điệp ngữ *lăn*
 - + Tác dụng: nhấn mạnh hành động của em bé sà vào lòng mẹ, nhấn mạnh hình ảnh những con sóng vỗ bờ → gợi hình ảnh em bé vui chơi hồn nhiên, tình nghịch bên người mẹ dịu dàng, âu yếm che chở cho con.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng

NV3:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 5, 6 SGK trang 47;
- GV gợi ý: sự khác nhau giữa *chúng ta*, *chúng tôi* và *bọn tao*, *chúng tao* là gì?

Bài tập 3 SGK trang 47

- Điệp ngữ *lăn*

→ Tác dụng:

+ Hình ảnh tả thực: hành động em bé sà vào lòng mẹ hết lần này đến lần khác.

+ Hình ảnh tả thực: những con sóng nối tiếp nhau, chạy đuổi theo nhau lan xa trên mặt đại dương bao la rồi vỗ vào bờ cát.

→ Gợi hình ảnh em bé vô tư hồn nhiên, tình nghịch vui chơi bên người mẹ hiền từ, dịu dàng, âu yếm che chở cho con.

Bài tập 5, 6 SGK trang 47

- *Chúng ta* là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều;

- *Chúng ta* trong những lời nói trực tiếp ở bài *Mây và sóng* dùng để chỉ những người “trên mây” và “trong sóng”.

- *Chúng mình, bọn mình*: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều bao gồm cả người nói và người nghe.

- *Chúng tôi, bọn mình, chúng tôi*: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói.

- *Bọn tôi*: đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: <i>Chúng ta</i> trong những lời nói trực tiếp ở bài <i>Mây và sóng</i> dùng để chỉ những người “trên mây” và “trong sóng”. Trong tiếng Việt, ngoài <i>chúng ta</i> còn có một số đại từ nhân xưng khác cũng thuộc ngôi thứ nhất số nhiều như <i>chúng ta, chúng tôi, bọn mình, chúng tớ</i>... Có thể dùng <i>bọn mình</i> hoặc <i>chúng tớ</i> trong số đó để thay cho <i>chúng ta</i>. Vì hai từ này có cùng ý nghĩa và đều mang sắc thái gần gũi, thân thiện. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.	bao gồm người nói → Có thể chọn những từ <i>bọn mình, chúng tớ</i> thay cho <i>chúng ta</i>. Vì hai từ này đều là những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói, có cùng ý nghĩa và mang sắc thái gần gũi, thân thiện.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Tưởng tượng em là em bé trong bài *Mây và sóng*. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về hai người bạn “trên mây” và “trong sóng”, trong đoạn văn có sử dụng dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều và biện pháp tu từ điệp ngữ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung;	- Báo cáo thực hiện công việc;	

(thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.	

TIẾT 24 – 25: VĂN BẢN 3. BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI (Tạ Duy Anh)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- củng cố kiến thức về người kể chuyện ngôi thứ nhất đã được học ở bài 1. *Tôi và các bạn*;
- Cảm nhận và biết trân trọng tình cảm gia đình.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

b. Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bức tranh của em gái tôi*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bức tranh của em gái tôi*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu thương gia đình, cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: Ở nhà, em có anh chị hay có em trai, em gái không? Em và những người anh, chị, em của mình đối xử với nhau như thế nào? Đã bao giờ em có cảm giác giận, ghét bỏ người anh, chị, em của mình chưa?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và chia sẻ về anh/chị/em của mình.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Anh, chị, em trong một gia đình chính là những người gần gũi, thân thiết với ta. Viết về đề tài anh em, chị em trong gia đình, tác giả Tạ Duy Anh có một tác phẩm rất nhẹ nhàng trong lối viết nhưng sâu sắc, ý nghĩa trong nội dung, đó là *Bức tranh của em gái tôi*. Hai anh em trong *Bức tranh của em gái tôi* đối xử với nhau thế nào, thay đổi lẫn nhau ra sao, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>Theo sự tìm hiểu được giao về nhà, em hãy nêu hiểu biết của mình về nhà văn Tạ Duy Anh.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức → Ghi lên bảng. GV có thể bổ sung thêm: Tạ Duy Anh là hội viên hội nhà văn VN; hiện công tác tại NXB Hội Nhà	I. Tác giả, tác phẩm 1. Tác giả - Tên: Tạ Duy Anh; - Năm sinh: 9/9/1959; - Quê quán: Hà Tây (nay là Hà Nội); - Là cây bút trẻ nổi lên trong thời kỳ đổi mới văn học những năm 1980. 2. Tác phẩm - Truyện ngắn <i>Bức tranh của em gái tôi</i> đạt giải nhì trong cuộc thi viết <i>Tương lai vậy gọi</i> của báo Thiếu niên Tiền phong 1998.

văn. Ông đã từng nhận giải thưởng truyện ngắn nông thôn do báo Văn nghệ, báo Nông nghiệp và Đài tiếng nói VN tổ chức; giải thưởng truyện ngắn của tạp chí Văn nghệ quân đội...	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được các nét tính cách của hai nhân vật: người anh và Mèo – Kiều Phương;

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời các câu hỏi: + Thể loại của văn bản này có gì khác so với hai văn bản <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> và <i>Mây và sóng</i>? + Nhân vật chính trong truyện là ai ? + Theo em truyện được kể theo ngôi thứ mấy ? + Em hãy chỉ ra bố cục của truyện. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức → Ghi lên bảng. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Trước khi cả nhà biết tài năng của nhân vật bé Mèo – Kiều Phương, thái	II. Đọc hiểu văn bản 1. Tìm hiểu chung - Thể loại: truyện ngắn - Nhân vật chính: Kiều Phương – Mèo; - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người anh – nhân vật “tôi”; - Bố cục: 3 phần: + Đoạn 1: Từ đầu... <i>vui lắm</i>: giới thiệu về em gái Kiều Phương – Mèo; + Đoạn 2: Tiếp theo... <i>để nó phát huy tài năng</i>: Tài năng của Mèo được mọi người phát hiện; + Đoạn 3: Tiếp theo... hết: Diễn biến tâm trạng của nhân vật tối sau khi cả nhà phát hiện và quan tâm đến tài năng của Mèo. 2. Tìm hiểu chi tiết 2.1. Diễn biến tâm trạng người anh – nhân vật “tôi” <i>a. Lúc đầu – trước khi mọi người phát hiện tài năng hội họa của Mèo – Kiều Phương</i> - Gọi là Mèo → Tên gọi dễ thương, thể hiện sự yêu thương của người anh dành cho

độ của nhân vật “tôi” với em gái mình ra sao?

+ Em hãy cho biết khi cả nhà phát hiện ra tài năng của nhân vật bé Mèo – Kiều Phương, nhân vật “tôi” đã có tâm trạng như thế nào?

+ *Nhân vật “tôi” đã thay đổi ra sao sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ? Vì sao có sự thay đổi ấy?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:

+ Trước khi cả nhà biết tài năng của nhân vật bé Mèo – Kiều Phương, người anh vẫn đối xử với em mình một cách bình thường;

+ Khi cả nhà biết tài năng của Mèo, người anh có tâm lý tự ti vì cảm thấy mình bất tài, từ đó hay cáu gắt với bé Mèo và không thể thân với Mèo như trước kia được nữa.

+ Sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ, nhân vật “tôi” đã “sững người”, “thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ”, “muốn khóc quá”.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.

em gái mình;

- “Bắt gặp” em gái đang làm gì đó → sự vô tình nhìn thấy;

- “Thảo nào” → hiểu ra điều gì đó. “Thảo nào các đít xoong chảo bị nó cạo trắng cả” → Cách kể cho thấy người anh đã ngộ ra lý do vì sao các đít xoong chảo bị cạo trắng; cách kể có sự dễ thương, trêu mến với những hành động của cô em gái.

- “Quyết định bí mật theo dõi em gái tôi” → Hành động tò mò, quan tâm.

→ Cõi hành động của em gái mình là những trò nghịch ngợm, dễ thương.

b. Khi tài năng hội họa của bé Mèo được phát hiện

- Cảm thấy mình bất tài:

+ “Làm một việc mà tôi vẫn coi khinh”;

+ “Gấp lại những bức tranh của Mèo, tôi lén trút ra một tiếng thở dài...” → Sự mệt mỏi, bất lực vì thấy em gái mình có tài còn mình thì không. “Lén”: sự lén lút, không để ai biết được → Mặc cảm của riêng bản thân không thể chia sẻ với người khác.

- Không thể thân với Mèo như trước kia;

- Khó chịu, gắt gỏng:

+ Khi bé Phương được mời tham gia trại thi vẽ Quốc tế: cả nhà vui, “trừ tôi”. Cách viết: “Rồi cả nhà – trừ tôi – [...]”: nhấn mạnh vào bản thân mình với thái độ khó chịu, không vui khi em mình được tham gia cuộc thi lớn.

→ Tự ái, mặc cảm, tự ti và có phần đổ kỵ với người em

→ Đây là một trạng thái cảm xúc tiêu cực mà bất kỳ ai cũng có thể trải qua. Nhưng mỗi chúng ta cần hiểu để vượt qua, thay đổi theo hướng tích cực.

c. Sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ

- Thái độ:

+ “Sững người”, “ngờ ngàng”: bất ngờ vì không nghĩ mình lại là nhân vật được vẽ

NV2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi:

+ *Em hãy chỉ ra những hành động của nhân vật Mèo – Kiều Phương trước khi được mọi người phát hiện tài năng.*

+ *Vì sao trước khi đi thi, Kiều Phương lại có vẻ hay “xét nét” anh trai mình? Việc Kiều Phương lựa chọn vẽ anh mình trong cuộc thi cho thấy cô bé là người như thế nào?*

+ *Em thích nhất đặc điểm gì của nhân vật Mèo – Kiều Phương? Vì sao?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:

+ Trước khi được mọi người phát hiện tài năng: tinh nghịch, lén pha chế màu để vẽ;

+ Trước khi đi thi, Kiều Phương hay “xét nét” anh trai mình vì muốn nhớ gương mặt anh cho thật kỹ để vẽ vào trong tranh. Hành động này cho thấy Kiều Phương là một cô bé trong sáng, không suy nghĩ đến những chuyện anh

trong tranh;

+ “Hãnh diện”: hãnh diện vì là anh trai của một tài năng, hãnh diện vì được vẽ đẹp, v.v...

+ “Xấu hổ”: xấu hổ vì đã có thái độ ích kỷ, gắt gỏng với Mèo và xấu hổ vì cả sự hãnh diện vừa xong của mình;

+ “Muốn khóc quá”: Tâm trạng lên đến đỉnh điểm, muốn vỡ òa trong tất cả các trạng thái cảm xúc. Cảm thấy em gái mình trong sáng và nhân hậu: không chấp nhận những lời gắt gỏng của anh mình.

2.2. Nhân vật bé Mèo

- Mặt luôn bị bẩn; hay lục lọi đồ vật; tự pha chế màu vẽ; vừa làm vừa hát; → hồn nhiên, tinh nghịch, có tài hội họa;

- Vui vẻ chấp nhận tên “Mèo”, hãnh diện: “còn dùng để xưng hô với bạn bè”, “ôm cổ tôi, thì thầm” → quý mến anh trai;

- Vẽ anh vào tranh → quý mến anh trai, không để ý đến những lời gắt gỏng của anh → Có lòng nhân hậu.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật qua cách kể ngôi thứ nhất → gần gũi, đáng tin vì đó như một trải nghiệm được kể lại.

2. Nội dung, ý nghĩa

- Đề cao tình cảm yêu thương gia đình giữa hai anh em và đề cao tình cảm trong sáng, nhân hậu bao giờ cũng lớn hơn, cao đẹp hơn lòng ghen ghét đố kỵ.

hay gắt gỏng, là một người hồn nhiên và có lòng nhân hậu, yêu thương gia đình, đặc biệt là anh mình.

+ Những đặc điểm của nhân vật Mèo – Kiều Phương mà HS thích và lý giải.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống:

Tình huống 1: Nếu em có một khả năng đặc biệt nào đó so với mọi người xung quanh, mọi người tự ti vì họ không giỏi bằng em và có xu hướng đổ kỵ. Trong trường hợp đó, em sẽ làm gì?

Tình huống 2: Nếu em thấy bạn khác thông minh, giỏi hơn mình và được mọi người công nhận. Em cũng muốn được người khác công nhận mình như thế, em có buồn vì bạn giỏi hơn mình không? Em sẽ làm gì để em và bạn vẫn thân thiết với nhau? Em sẽ làm gì để mọi người công nhận em?

Tình huống 3: Nếu em thấy một người bạn của mình đang tự ti vì bạn ấy không giỏi được như người khác, em sẽ khuyên bạn điều gì?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Từ các VB *Chuyện cổ tích về loài người*, *Mây và sóng*, *Bức tranh của em gái tôi*, em nhận thấy điều quan trọng nhất có thể gắn kết các thành viên trong gia đình là gì? Hãy viết một đoạn văn ngắn để nêu quan điểm của em.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp	Công cụ đánh giá	Ghi

	đánh giá		chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.	

TIẾT 26, 27, 28: VIẾT VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập ý; viết đoạn văn; chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- HS viết được đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, đảm bảo bố cục và số lượng câu đúng quy định.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp:

+ Trong hai VB *Chuyện cổ tích về loài người* và *Mây và sóng*, các tác giả đã đề cập đến vấn đề gì? Việc sử dụng hình thức thơ để thể hiện điều đó có tác dụng như thế nào?

+ Các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB đó có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện tình cảm của nhà thơ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, báo cáo kết quả hoạt động

- Dự kiến sản phẩm:

+ Hai VB *Chuyện cổ tích về loài người* và *Mây và sóng* đề cập đến tình yêu gia đình, thiên nhiên và cuộc sống. Việc sử dụng hình thức thơ giúp nhà thơ thể hiện điều đó tốt hơn vì thơ là thể loại trữ tình, phù hợp với việc bộc lộ tình cảm.

+ Các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB cho phép câu chuyện được tự kể, cảnh vật tự nói lên những điều cần thiết, mang dụng ý của tác giả mà tác giả không nhất thiết phải thể hiện một cách trực tiếp.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu bài học viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Theo em, một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả cần đáp ứng những yêu cầu gì? - GV gợi ý: + Có cần phải giới thiệu về bài thơ không? Giới thiệu về bài thơ bao gồm những gì? Có cần giới thiệu tên bài thơ và tác giả hay không?	1. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả - Giới thiệu nhan đề bài thơ và tên tác giả; - Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ; - Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ; đánh giá ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ; - Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ.

+ Có cần chỉ ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ không? Sau khi chỉ ra có cần phân tích để thấy tác dụng của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ không? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả cần phải giới thiệu được về bài thơ, bao gồm: tên bài thơ, tên tác giả; + Phải chỉ ra được các yếu tố tự sự, miêu tả và phân tích được tác dụng của chúng đối với việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ; + Nêu được ý kiến cá nhân, đồng tình hay không đồng tình, có góp ý gì với cách thể hiện của nhà thơ hay không. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi: - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được cách viết đoạn văn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. - Hướng dẫn HS tìm ý. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, lựa chọn bài thơ, tìm ý cho đoạn văn theo Phiếu	2. Các bước tiến hành <u>Trước khi viết</u> - Lựa chọn đề tài; - Tìm ý; - Lập dàn ý. <u>Viết bài</u>

học tập sau:

Nhiệm vụ: Tìm ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả
Gợi ý: Để làm bài tập tốt hơn, em hãy đọc lại một trong hai VB *Chuyện cổ tích về loài người* và *Mây và sóng*, tìm ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB đó.

Bài thơ đó có tên là gì? Tác giả là ai?	
Nội dung của bài thơ là gì? Cảm xúc chung của em với bài thơ?	
Các chi tiết tự sự trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ	
Các chi tiết miêu tả trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ	
Nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ	

- HS lập ý cho đoạn văn theo gợi ý;

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo sản phẩm thảo luận;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.

Chỉnh sửa

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết đoạn văn, giám sát các ý đã lập;

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý;

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.	

TIẾT 29: NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Biết cách trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình sao cho hấp dẫn và thuyết phục, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu bài học nói và nghe.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe; - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: <i>Dựa vào chính trải nghiệm của em hoặc tìm thêm thông tin liên quan từ sách báo, các phương tiện nghe nhìn để có cái nhìn toàn diện hơn về đề tài muốn nói; em có thể chuẩn bị thêm tranh ảnh, bài hát, v.v... về gia đình để minh họa cho bài nói;</i> - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói; - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực	1. Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành <u>Trước khi nói</u> - Lựa chọn đề tài, nội dung nói; - Tìm ý, lập ý cho bài nói; - Chỉnh sửa bài nói; - Tập luyện.

hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học; - Các nhóm luyện nói. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng	

Hoạt động 2: Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi một số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	2. Trình bày bài nói

Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói

a. Mục tiêu: Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	3. Đánh giá bài nói

- GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV điều phối: + HS trình bày sản phẩm thảo luận; + HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS vận dụng bài tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
NHÓM:			
TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ		
	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe; nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần.	Nói to; nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói to, truyền cảm; hầu như không lặp lại hay ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...) phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin; mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, nhìn vào người nghe; biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng.
TỔNG ĐIỂM:/10 ĐIỂM			

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

GV cho HS tự hoàn thành các nội dung *Củng cố, mở rộng* ở nhà.

THỰC HÀNH ĐỌC

GV cho HS tự thực hành đọc văn bản *Những cánh buồm* (Hoàng Trung Thông) ở nhà, gợi ý HS chú ý đến hình ảnh hai cha con và cuộc trò chuyện giữa họ, ý nghĩa của hình ảnh những cánh buồm trên biển buổi sớm mai sau trận mưa đêm; chú ý đến những biện pháp tu từ đã học được sử dụng trong bài thơ: ẩn dụ, điệp ngữ, v.v...

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 3. TÔI VÀ CÁC BẠN

.....

Môn: Ngữ văn 6 - Lớp.....

Số tiết: 16 tiết

MỤC TIÊU CHUNG BÀI 1

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất;
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật;
- Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong VB;
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, biết viết VB bảo đảm các bước;
- Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân;
- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

TIẾT 1: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của truyện đồng thoại và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Trải qua 5 năm học Tiểu học, em có bạn thân nào không? Theo em những người bạn có vai trò như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV giới thiệu: Bài học gồm hai nội dung: khái quát chủ đề và nêu thể loại các văn bản đọc chính. Với chủ đề Tôi, bài học tập trung vào một số vấn đề thiết thực, có ý nghĩa quan trọng: khám phá bản thân trong mối quan hệ với bạn bè, kết bạn và ứng xử với bạn, nhận thức về vẻ đẹp và vai trò của tình bạn... HS lắng nghe Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng	

Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được các khái niệm về cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời người kể chuyện.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn	Truyện và truyện đồng thoại Truyện là loại tác phẩm văn học kể lại

văn trong SGK

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:

Hãy chọn một truyện và trả lời các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố:

+ Ai là người kể chuyện trong tác phẩm này? Người kể ấy xuất hiện ở ngôi thứ mấy?

+ Nếu muốn tóm tắt nội dung câu chuyện, em sẽ dựa vào những sự kiện nào

+ Nhân vật chính của truyện là ai? Nên một vài chi tiết giúp em hiểu đặc điểm của nhân vật đó.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng

GV bổ sung:

Nhân vật là con người, thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,... có đời sống, tính cách riêng được nhà văn khắc hoạ trong tác phẩm. Nhân vật là yếu tố quan trọng nhất của truyện kể, gắn chặt với chủ đề tác phẩm và thể hiện lí tưởng thẩm mĩ, quan niệm nghệ thuật của nhà văn về con người. Nhân vật thường được miêu tả bằng các chi tiết ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, mối quan hệ với các nhân vật khác,...

Truyện đồng thoại: một thể loại truyện viết cho trẻ em, với nhân vật chính thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hoá. Các tác giả truyện đồng thoại

một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.

Truyện đồng thoại là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hoá. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa mang đặc điểm của con người.

Cốt truyện

Cốt truyện là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc.

Nhân vật

Nhân vật là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,... được nhà văn khắc hoạ trong tác phẩm. Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,...

Người kể chuyện

Người kể chuyện là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện:

+ Ngôi thứ nhất;

+ Ngôi thứ ba.

Lời người kể chuyện và lời nhân vật

Lời người kể chuyện đảm nhận việc thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cả việc thuật lại mọi hoạt động của nhân vật và miêu tả bối cảnh không gian, thời gian của các sự việc, hoạt động ấy.

Lời nhân vật là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trình bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kể chuyện.

sử dụng “tiếng chim lời thú” ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất thú vị và phù hợp với tâm lí trẻ thơ. Nhân vật đồng thoại vừa được miêu tả với những đặc tính riêng, vốn có của loài vật, đồ vật vừa mang những đặc điểm của con người. Vì vậy, truyện đồng thoại rất gần gũi với truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn và có giá trị giáo dục sâu sắc. Sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng, ngôn ngữ và hình ảnh sinh động mang lại sức hấp dẫn riêng cho truyện đồng thoại. Thủ pháp nhân hoá và khoa trương cũng được coi là những hình thức nghệ thuật đặc thù của thể loại này.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: lựa chọn một truyện mà em yêu thích và chỉ ra các yếu tố đặc trưng của truyện: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời người kể chuyện.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gần với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận

TIẾT 1, 2:

VĂN BẢN 1: CÔ BÉ BÁN DIÊM (An- đéc- xen)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Tiếp tục hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm truyện.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực tự học các tác phẩm truyện.
- Năng lực giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung của các văn bản.
- Năng lực sáng tạo trong nghệ thuật khi phân tích một vấn đề trong tác phẩm.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong quá trình cảm nhận một số chi tiết, hình ảnh tiêu biểu.
- Thu thập kiến thức xã hội có liên quan đến các tác phẩm văn tự sự nước ngoài
- Tự lập, tự tin, có tinh thần vượt khó khi tìm tòi về các tác phẩm văn tự sự nước ngoài
- Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, môi trường tự nhiên,...
- + Có ý thức công dân, có lối sống lành mạnh;
- + Có tinh thần đấu tranh với những quan điểm sống thiếu lành mạnh, trái đạo lý.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực đọc hiểu tác phẩm truyện.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cô bé bán diêm*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương, chia sẻ, biết giúp đỡ và có thái độ, cách cư xử với người khuyết tật, những người có hoàn cảnh kém may mắn trong xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án Word, giáo án ppt.
- Phiếu học tập.
- Tranh minh họa, phim hoạt hình cô bé bán diêm, video bài hát: *Đứa bé, Cô bé bán diêm*.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: Học sinh lắng nghe, cảm nhận.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chiếu video bài hát: *Em bé bán diêm*. Tên bài hát cũng chính là tên một truyện ngắn nổi tiếng người Đan Mạch - nhà văn An - đéc – xen. Hẳn các em đã từng đọc truyện của ông và bị lôi cuốn bởi sức mạnh kì diệu toát lên từ những trang truyện đậm đà chất cổ tích. Hôm nay, cô cùng các em sẽ tìm hiểu văn bản “*Cô bé bán diêm*” của tác giả An – đéc – xen.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản.

a. Mục tiêu: Hiểu được thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin, trình bày 1 phút để tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Phần trình bày của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động cá nhân: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV GV chiếu tranh chân dung nhà văn, yêu cầu HS giới thiệu về tác giả và tác phẩm: ? Giới thiệu một vài nét chính về nhà	I. Tác giả, tác phẩm 1. Tác giả - Nhà văn An – đéc – xen (1805-1875). - Tên đầy đủ: Hans Christian Andersen. - Là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng với những truyện viễn tưởng, truyện cổ tích

<i>văn An – đéc – xen.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS trình bày kết quả của các nhân; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt → Ghi lên bảng. - GV mở rộng thêm : An-đéc-xen (1805 - 1875) sinh ra trong một gia đình nghèo, bố là thợ giày. Ông ham thích văn thơ từ nhỏ nhưng được học hành rất ít. Năm 1819 ông lên thủ đô Cô – pen – ha - ghen với mơ ước trở thành một nhà thơ, một nhà soạn kịch nhưng thất bại. Năm 1827 ông đỗ tú tài, năm 1828 ông vào đại học và bắt đầu in một số tác phẩm. - <i>An- đéc -xen mồ côi cha từ năm 11 tuổi, mẹ tái giá. Ông phải tự mình kiếm sống, cho nên, ông rất cảm thông và thương yêu những trẻ mồ côi phải tự mình bươn trải giữa cuộc đời. Điều này thể hiện rất rõ trong các sáng tác của ông. Tác phẩm của ông rất quen thuộc với bạn đọc khắp năm châu, các tác phẩm đều toát lên lòng thương yêu con người và niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cái tốt đẹp trên thế gian.</i> - Năm 30 tuổi tài năng nghệ thuật của ông nở rộ với nhiều tác phẩm nổi tiếng:	viết cho tuổi thơ. Nhiều truyện ông biên soạn lại từ truyện cổ tích, nhưng cũng có những truyện do ông hoàn toàn sáng tạo ra. 2. Tác phẩm - Thể loại: truyện ngắn - Ngôi kể: thứ ba - Bố cục : 3 phần + Phần 1: Từ đầu đến ... <i>cứng đờ ra</i>: Hoàn cảnh của cô bé bán diêm. + Phần 2: Tiếp đó đến.... <i>Thượng đế</i>: Các lần quẹt diêm và những mộng tưởng. + Phần 3: Còn lại: Một cái chết thương tâm của em bé.

Truyện kể cho các em, Bầy chim thiên nga, Nàng tiên cá, Nàng công chúa và hạt đậu . Kho tàng truyện cổ tích của ông giàu chất nhân văn, đượm màu sắc hư ảo và thơ mộng, ngộ nghĩnh và thông minh đáng yêu.	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

- a. Mục tiêu:** Hiểu được nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của VB.
- b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin để tìm hiểu chung (Thể loại, bố cục), kĩ năng đọc hiểu để cảm thụ về nội dung, nghệ thuật của bài thơ
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

- a. Mục tiêu:** Hiểu được nội dung và nghệ thuật của văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào VB, đọc và trả lời các câu hỏi: + <i>Nhân vật chính trong VB là ai?</i> + <i>Phương thức biểu đạt của VB là gì?</i> + <i>Truyện Cô bé bán diêm được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả thực hiện;	II. Đọc – hiểu văn bản 1. Tìm hiểu chung - Người kể chuyện: ngôi thứ ba; - Phương thức biểu đạt: tự sự; - Bố cục: 3 phần + Đoạn 1: Từ đầu... <i>đôi bàn tay em đã cứng đờ ra</i>: hoàn cảnh của em bé bán diêm; + Đoạn 2: Tiếp theo... <i>họ đã về châu Thượng đế</i>: Những lần quẹt diêm và mộng tưởng của em bé; + Đoạn 3: Còn lại: Mọi người phát hiện ra cái chết của em bé.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

GV có thể bổ sung thêm:

*Truyện **Cô bé bán diêm** đã được chuyển thể thành nhiều tác phẩm thuộc các thể loại: nhạc, nhạc kịch, phim.*

NV2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu bài tập:

+ *Nêu các chi tiết miêu tả ngoại hình và cảnh ngộ của cô bé bán diêm. Những chi tiết đó giúp em hình dung như thế nào về cuộc sống của nhân vật?*

+ *Trong đêm giao thừa, mọi người được tác giả miêu tả như thế nào? Còn em bé bán diêm thì như thế nào? Cách miêu tả đó có tác dụng gì trong việc khắc họa hình ảnh đáng thương của em bé và sự thờ ơ, lãnh đạm của mọi người xung quanh?*

+ *Đọc lại một số câu văn miêu tả cách ứng xử của người đi đường trước tình cảnh của cô bé bán diêm. Em nghĩ gì về cách ứng xử của họ?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận và thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:

+ Ngoại hình của em bé: ăn mặc mỏng

2. Tìm hiểu chi tiết

2.1. Hoàn cảnh của em bé bán diêm và em bé trong đêm giao thừa

a. Cuộc sống của em bé bán diêm

- Ngoại hình: giữa trời đông giá rét

+ Đầu trần, bông tuyết bám đầy trên tóc xõa thành từng búp trên lưng

+ Đi chân đất, đồ ửng lên rồi tím bầm lại;

+ Dò dẫm trong đêm, bụng đói rét.

Hình dung về hoàn cảnh, gia cảnh khốn khó của em bé.

- Gia cảnh:

+ Mồ côi mẹ, bà nội hiền hậu cũng đã mất, gia sản tiêu tán;

- Sống với cha trong một xó tối tăm, luôn bị mắng nhiếc chửi rủa;

- Phải đi bán diêm để kiếm sống.

Tội nghiệp, đáng thương, thiếu vắng sự yêu thương, quan tâm, sự chia sẻ.

b. Trong đêm giao thừa

- Đêm khuya, gần giao thừa;

- Trời rét mướt.

manh, thiếu thốn; đầu trần; chân đất, đồ ửng rồi tím bầm; bụng đói; + Cảnh ngộ của em bé: + Đêm giao thừa: mọi người mặc đồ ấm, ở nhà ấm áp, sung túc; em bé bán diêm chỉ có một mình, ngồi ở xó tường lạnh Miêu tả tương phản khắc sâu sự đáng thương của em bé và sự thờ ơ, lãnh đạm của những người xung quanh. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng. NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và hoàn thành vào phiếu học tập: + <i>Em hãy đọc VB và cho biết có mấy lần em bé quẹt diêm? Mỗi lần quẹt diêm, những hình ảnh nào đã hiện ra?</i> + <i>Những hình ảnh sau mỗi lần quẹt diêm thể hiện những ước mong nào của em bé bán diêm? Theo em, có thể thay đổi trình tự xuất hiện của các hình ảnh đó không?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + <i>Tất cả có 5 lần quẹt diêm. (HS liệt kê mỗi lần quẹt diêm);</i>	Thời gian, không gian rất đặc biệt. Sử dụng các hình ảnh tương phản (đối lập) đặt gần nhau. + Tương phản giữa: Cảnh sum họp đầm ấm, sung túc trong các nhà >< Cảnh đơn độc, đói rét, thiếu thốn về vật chất và tinh thần của em bé. Tình cảnh thật khổ cực tội nghiệp, đáng thương: Cô độc, đói rét, bị đày ải mà không được ai đoái hoài, quan tâm, giúp đỡ. 2.2. Thực tế và mộng tưởng Quẹt 5 lần: - 4 lần đầu: mỗi lần 1 que; - Lần cuối: cả bao. - Lần 1: Ngồi trước lò sưởi lửa cháy vui mắt toả hơi nóng dịu dàng. Vì em đang rét, muốn được sưởi ấm; - Lần 2: Bàn ăn, đồ quý giá, ngỗng quay... Vì em đang đói, muốn ăn (gần 12 giờ đêm rồi); - Lần 3: Cây thông Noel, ngọn nến sáng rực, lấp lánh... Em bé muốn được đón niềm vui, hi vọng vào năm mới; - Lần 4: Thấy bà nội hiện về đang mỉm

Mỗi lần quẹt diêm có các hình ảnh lần lượt hiện ra tương ứng với những ước mơ của em bé.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.

NV4:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi:
 - + Theo em, cô bé bán diêm có được lên Thiên đường cùng bà không, hay đó chỉ là mộng tưởng?
 - + Dù là cái chết thương tâm hay được lên thiên đường, nó cho thấy điều gì về xã hội hiện thực trong tác phẩm?
 - + Kết thúc của truyện có hậu hay không?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ;
- Dự kiến sản phẩm:
 - + Đó vừa là cái chết thương tâm, vừa là một cách để em bé giải thoát khỏi cuộc sống khổ ải. Thiên đường có Chúa và bà của em là những hình ảnh siêu nhiên, mang tính chất niềm tin, có thể có, có thể không.
 - + Dù là cái chết thương tâm hay được lên thiên đường, nó phản ánh xã hội hiện

cười với em Vì vậy lời cầu xin của em vang lên thống thiết sâu sâu;

- Lần 5: Em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao. Mộng tưởng đẹp thể hiện khát khao cháy bỏng của cô bé về 1 cuộc sống tốt đẹp hạnh phúc.

Các mộng tưởng diễn ra theo trình tự hợp lý sau mỗi lần quẹt diêm:

- Khi diêm tắt, em bé trở về với thực tế phũ phàng
- Tương phản, đối lập, mộng tưởng đan xen thực tế...

Ý nghĩa: Thực tế cuộc sống chỉ là buồn đau, đói rét với người nghèo

2.3. Cái chết của em bé bán diêm

- Sáng hôm sau – ngày đầu năm mới, mọi người phát hiện ra em bé đã chết: mặt ửng hồng, môi mỉm cười. Sự giải thoát, về thiên đường, về với hạnh phúc, nó chỉ có ở một thế giới phi hiện thực.

Người đời lạnh nhạt, thiếu tình thương
Cái chết vô tội, thương tâm.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Miêu tả rõ nét cảnh ngộ và nỗi khổ cực của em bé bằng những chi tiết, hình ảnh đối lập.
- Sắp xếp trình tự sự việc nhằm khắc họa tâm lí em bé trong cảnh ngộ bất hạnh.
- Sáng tạo trong cách kể chuyện mang tính song song đối lập.
- Sáng tạo trong cách viết kết truyện.

2. Nội dung, ý nghĩa

Truyện không có một lời trữ tình ngoại đề nào của tác giả, nhưng đã thể hiện niềm

thực đã lãnh đạm, thờ ơ với cuộc sống xung quanh, thiếu tình thương, sự quan tâm, chia sẻ với hoàn cảnh khó khăn của con người. + Về mặt lý tưởng, kết truyện vẫn có hậu. Về mặt thực tế, kết truyện mang phần bi kịch. Đây là sự kết hợp độc đáo trong cách viết kết truyện của nhà văn. Bước 3: Báo cáo kết quả và thực hiện - HS báo cáo sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh. Là một cách nhắc nhở về thái độ của con người đối với cuộc sống.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố khắc sâu kiến thức đã học.

b. Nội dung: Làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập/ Câu chuyện kể của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm hoặc tổ chức cuộc thi kể lại VB thơ vừa được học.

PA1: Câu hỏi trắc nghiệm: (Trò chơi: Bán diêm)

Câu 1: An-đéc-xen là nhà văn của nước nào?

- A. Đan Mạch.
- B. Thụy Sĩ.
- C. Pháp.
- D. Thụy Điển.

Câu 2: Điều nào sau đây không đúng về gia cảnh của cô bé bán diêm?

- A. Gia đình sa sút, gia sản tiêu tan, phải rời khỏi chỗ ở đẹp đẽ, ấm cúng ngày trước.
- B. Cô bé mồ côi mẹ, bà mất và chỉ ở với người cha
- C. Người cha yêu thương cô bé hết lòng.
- D. Cô phải đi bán diêm kiếm sống

Câu 3: Trong lần quẹt diêm thứ mấy, cô bé đã thấy bà mỉm cười với em?

- A. Lần thứ nhất
- B. Lần thứ hai
- C. Lần thứ ba
- D. Lần thứ tư

Câu 4: Trong văn bản Cô bé bán diêm, các mộng tưởng của cô bé bán diêm mất đi khi nào?

- A. Khi bà nội em hiện ra.
- B. Khi trời sắp sáng.
- C. Khi em bé nghĩ đến việc sẽ bị người cha mắng.
- D. Khi các que diêm tắt.

Câu 5: Nhận định nào nói đúng nhất về tính chất của truyện Cô bé bán diêm?

- A. Cô bé bán diêm là một truyện ngắn có hậu
- B. Cô bé bán diêm là một truyện cổ tích có hậu
- C. Cô bé bán diêm là một truyện ngắn có tính bi kịch
- D. Cô bé bán diêm là một truyện cổ tích thần kì

PA2: Qua bài hát: *Đứa bé, chiếu hành ảnh về trẻ lang thang cơ nhỡ, mồ côi,...* Mỗi học sinh cần có thái độ và thể hiện sự quan tâm như thế nào với những đứa trẻ bất hạnh, gặp khó khăn trong cuộc sống?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn: Bức thư gửi tác giả truyện Cô bé bán diêm.

b. Nội dung: Từ nội dung bài học, cảm xúc cá nhân em, em viết đoạn văn để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn là bức thư của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) với nhan đề: Gửi tác giả truyện *Cô bé bán diêm*.

- Một số gợi ý:

+ Hình thức: đoạn văn là một bức thư.

+ Nội dung: Em có thể viết về niềm thương cảm của em dành cho cô bé bán diêm, có thể viết về sự đồng tình của em với suy nghĩ của nhà văn, hay em cũng có thể bày tỏ quan điểm của mình về cái kết không có hậu giống như trong truyện cổ tích.

- GV nhận xét, đánh giá.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

PHIẾU HỌC TẬP: **CÔ BÉ BÁN DIÊM**

Cô bé bán diêm phải ở một mình ngoài đường
nhất trong 1 đêm như thế nào?

PHIẾU HỌC TẬP: **CÔ BÉ BÁN DIÊM**

Những lần quẹt diêm và mộng tưởng:

Lần 1:

Lần 2:

Lần 3:

Lần 4:

Lần 5:

Hình ảnh sau mỗi lần quẹt diêm thể
hiện ước mong của cô bé là:

.....

.....

.....

.....

TIẾT 33: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;
- Nhận biết được cụm danh từ;
- Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận biết và phân tích tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; nhận biết và phân tích được cụm danh từ;
- Năng lực mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, những đoạn phim ngắn (ngâm thơ, đọc thơ), tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và hoàn thành bài tập: So sánh hai câu sau để nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ:

(1) Tuyết/ rơi.

(2) Tuyết trắng/ rơi đầy trên đường.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày sản phẩm thảo luận.

- Dự kiến sản phẩm:

+ Câu (1), mỗi thành phần chính của câu chỉ là một từ;

+ Câu (2), mỗi thành phần chính của câu là một cụm từ;

+ Chủ ngữ *tuyết trắng* cụ thể hơn *tuyết* vì có thông tin về đặc điểm màu sắc của tuyết;

+ Vị ngữ *rơi đầy trên đường* cụ thể hơn *rơi* vì có thông tin về mức độ và địa điểm rơi của tuyết.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Thành phần chính của câu có thể là từ và có thể là một cụm từ. Trong buổi Thực hành tiếng Việt hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu lý thuyết

a. Mục tiêu: Nhận biết được cụm danh từ và phân tích được tác dụng của nó trong việc mở rộng thành phần chính của câu.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1	I. Cụm danh từ
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	- Cụm danh từ gồm ba phần:

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp: + <i>Em hãy đọc phần thông tin trong SGK trang 66 và nêu hiểu biết về cụm danh từ;</i> + <i>Lấy ví dụ một danh từ và phát triển nó thành cụm danh từ.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Hiểu biết về cụm danh từ + Ví dụ một danh từ và phát triển thành cụm danh từ: ▪ <i>Tóc → Mái tóc màu đen óng mượt;</i> ▪ <i>Cô gái → Một cô gái xinh đẹp, dịu dàng đang đi trên đường.</i> Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	+ Phần trung tâm ở giữa: là danh từ + Phần phụ trước: thường thể hiện số lượng của sự vật mà danh từ trung tâm biểu hiện + Phần phụ sau: thường nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học: cụm danh từ

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK trang 66; - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập; - GV bổ sung thêm yêu cầu: sau khi tìm được các cụm danh từ, em hãy chỉ ra các thành phần trong cụm danh từ đó và phân tích tác dụng của chúng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	II. Bài tập Bài tập 1 SGK trang 66 Cụm danh từ trong các câu là: a. – <i>khách qua đường</i> (<i>khách</i>: danh từ trung tâm; <i>qua đường</i>: phần phụ sau, bổ sung ý nghĩa về đặc điểm cho danh từ trung tâm); - <i>lời chào hàng của em</i> (<i>lời</i>: danh từ trung tâm; <i>chào hàng, của em</i>: phần phụ sau, miêu tả, hạn định danh từ trung tâm); b. – <i>tất cả các ngọn nến</i> (<i>ngọn nến</i>: danh từ trung tâm; <i>tất cả các</i>: phần phụ trước, bổ sung ý nghĩa chỉ tổng thể sự vật (tất cả) và chỉ số lượng (các)); - <i>những ngôi sao trên trời</i> (<i>ngôi sao</i>: danh từ trung tâm; <i>những</i>: phần phụ trước, chỉ số lượng; <i>trên trời</i>: phần phụ sau, miêu tả, hạn định danh từ trung tâm). Bài tập 2 SGK trang 66 - Chỉ ra cụm danh từ đó nằm trong câu nào, đoạn nào của VB: đoạn cuối của VB;

NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Đọc bài tập 2 trong SGK trang 66; + Đọc lại VB <i>Cô bé bán diêm</i> và hoàn thành bài tập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS đọc và hoàn thành bài tập; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Đọc và hoàn thành	- Cụm danh từ: <i>Tất cả những que diêm còn lại trong bao</i> → Danh từ trung tâm: <i>que diêm</i> → Tạo ra ba cụm danh từ khác: + <i>Những que diêm cháy sáng lấp lánh;</i> + <i>Một que diêm bị ngấm nước;</i> + <i>Rất nhiều que diêm trong hộp diêm ấy.</i> - Cụm danh từ: <i>buổi sáng lạnh lẽo ấy</i> → Danh từ trung tâm: <i>buổi sáng</i> → Tạo ra ba cụm danh từ khác: + <i>Buổi sáng hôm nay;</i> + <i>Những buổi sáng nắng đẹp;</i> + <i>Một buổi sáng ấm áp.</i> - Cụm danh từ: <i>một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười</i> → Danh từ trung tâm: <i>em gái</i> → Tạo ra ba cụm danh từ khác: + <i>Em gái tôi;</i> + <i>Em gái có mái tóc dài đen óng;</i> + <i>Hai em gái có cặp sách màu hồng.</i> Bài tập 3 SGK trang 66 a. – <i>Em bé vẫn lang thang trên đường.</i> (Chủ ngữ là danh từ <i>em bé</i>). - <i>Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn lang thang trên đường.</i> (Chủ ngữ là cụm danh từ <i>em bé đáng thương, bụng đói rét</i>). b. – <i>Em gái đang dò dẫm trong đêm tối.</i> (Chủ ngữ là danh từ <i>em gái</i>).

<i>bài tập 3 SGK trang 66;</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: Tác dụng của việc dùng cụm danh từ làm thành phần chính của câu giúp câu văn có thêm nhiều thông tin và thể hiện được nhiều ý tưởng của người viết/nói. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức → Ghi lên bảng. NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	- <i>Một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.</i> (Chủ ngữ là cụm danh từ <i>một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất</i>). - Chủ ngữ là cụm danh từ giúp câu cung cấp nhiều thông tin hơn chủ ngữ là danh từ. - Hai câu có chủ ngữ là cụm danh từ : + Cung cấp thông tin về chủ thể của hành động (<i>em bé</i>) + Cho thấy ý nghĩa về số lượng (một) và đặc điểm rất tội nghiệp, nhỏ bé, đáng thương của em (<i>đáng thương, bụng đói rét; nhỏ, đầu trần, chân đi đất</i>). → Những câu văn có chủ ngữ là cụm danh từ còn cho thấy thái độ thương cảm, xót xa của người kể chuyện với cảnh ngộ đáng thương, khổ cực của cô bé bán diêm. Bài tập 4 SGK trang 67 a. <i>Gió vẫn thổi rít vào trong nhà</i> - Chủ ngữ: Gió; - Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ: <i>những cơn gió lạnh.</i> b. <i>Lửa tỏa ra hơi nóng dịu dàng</i> - Chủ ngữ: Lửa ; - Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ: <i>Ngọn lửa hồng.</i>

- GV yêu cầu HS đọc và tự hoàn thành bài tập 4 SGK trang 67; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả thực hiện; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Hãy tưởng tượng và viết đoạn văn (5 – 7 dòng) về cảnh cô bé bán diêm gặp lại người bà của mình, trong đoạn văn có ít nhất một cụm danh từ làm thành phần chủ ngữ của câu.

- GV có thể gợi ý: Khi gặp lại người bà của mình, khung cảnh lúc đó như thế nào? Trông bà của cô bé bán diêm như thế nào? Có ai khác ngoài hai bà cháu không? Bà đã hỏi cô bé bán diêm những gì và cô bé bán diêm đã kể với bà điều gì?, v.v...

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.	

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT: VĂN BẢN 2. GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

(Thạch Lam)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Xác định được người kể chuyện ngôi thứ ba; nắm được cốt truyện; nhận biết và phân tích được một số chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật Sơn. Từ đó hiểu đặc điểm nhân vật và nội dung của truyện;
- Nêu được một số điểm giống nhau và khác nhau của hai nhân vật: cô bé bán diêm và bé Hiên;
- Nhận xét, đánh giá hành động của hai chị em Sơn và cách ứng xử của mẹ Hiên, mẹ Sơn, nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương, biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Gió lạnh đầu mùa*;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Gió lạnh đầu mùa*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề;

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực học tập, chuẩn bị bài ở nhà làm bài tập đầy đủ trên lớp
- Trung thực: làm bài tập nghiêm túc, báo cáo đúng kết quả học tập
- Trách nhiệm: có trách nhiệm trong đảm nhận và hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.
- Nhân ái: Nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, những hình ảnh liên quan đến chủ đề bài học *Gió lạnh đầu mùa*;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:
 - + Đọc nhan đề *Gió lạnh đầu mùa*, em dự đoán nhà văn sẽ kể câu chuyện gì?
 - + Em đã từng trải qua mùa đông chưa? Khi nhắc đến mùa đông, em nghĩ ngay tới điều gì? Mùa đông có gì khác so với các mùa còn lại? Vào mùa đông, em thường làm gì để giữ cho cơ thể ấm và khỏe mạnh?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

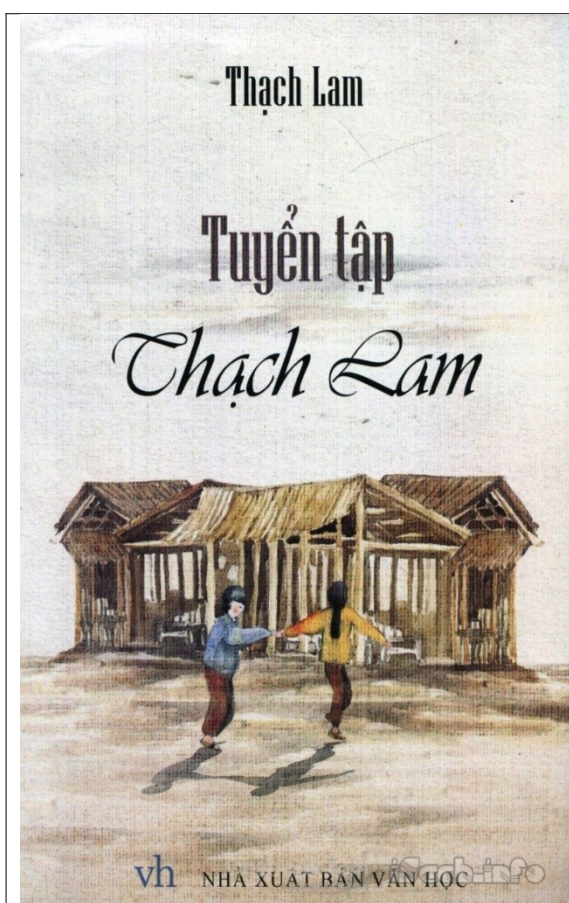
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Mỗi khi mùa đông đến, chúng ta cảm nhận được cái lạnh trong từng thớ thịt. Vào những ngày mùa đông, để giữ ấm cơ thể, chúng ta phải mặc rất nhiều quần áo ấm và đôi khi cần đến lò sưởi. Trong truyện ngắn ***Gió lạnh đầu mùa*** của Thạch Lam cũng thế, cũng có một mùa đông lạnh. Nhưng cô bé Hiên trong truyện lại không có quần áo ấm để mặc, thậm chí chiếc áo em mặc mỏng manh và đã rách tả tơi. Liệu bé Hiên có vượt qua được mùa đông lạnh lẽo này? Chúng ta cùng tìm hiểu VB ***Gió lạnh đầu mùa*** trong tiết học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- a. **Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	I. Tác giả, tác phẩm 1. Tác giả  THẠCH LAM Nhà văn nổi tiếng giai đoạn 1930-1945 với sở trường truyện ngắn Tên thật: Nguyễn Tường Vinh (sau đổi là Nguyễn Tường Lân) Quê quán: Hà Nội Ngày sinh: 7/7/1910 Ngày mất: 27/6/1942 - Tên: Tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh; - Quê quán: sinh ra ở Hà Nội, lúc nhỏ sống ở quê ngoại – phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. - Sáng tác ở nhiều thể loại (tiểu thuyết, truyện ngắn, tùy bút,...) song thành công nhất vẫn là truyện ngắn. Truyện ngắn của Thạch Lam giàu cảm xúc, lời văn



bình dị và đậm chất thơ, ẩn chứa niềm yêu thương, trân trọng đối với thiên nhiên, con người, cuộc sống.

2. Tác phẩm

- Các truyện ngắn tiêu biểu của Thạch Lam: *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn*, *Sợi tóc*,...

- *Gió lạnh đầu mùa* là một trong những truyện ngắn xuất sắc viết về đề tài trẻ em của Thạch Lam.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung, nghệ thuật của VB.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + <i>Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?</i> + <i>Em hãy nêu phương thức biểu đạt và thể loại của VB.</i> + <i>Bố cục VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	II. Đọc – hiểu văn bản 1. Tìm hiểu chung - Người kể chuyện: ngôi thứ ba; - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp miêu tả; - Thể loại: truyện ngắn; - Bố cục: + Đoạn 1: Từ đầu... <i>Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt</i>: Sự thay đổi của cảnh vật và con người khi thời tiết chuyển lạnh; + Đoạn 2: Tiếp... <i>trong lòng tự nhiên</i>

- HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lần lượt yêu cầu HS: + <i>Sau khi đọc VB Gió lạnh đầu mùa, em thấy gia đình Sơn có điều kiện như thế nào? Dựa vào đâu em có nhận định đó?</i> + <i>Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi nghe mẹ và vú già trò chuyện về chiếc áo bông của em Duyên; khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận được gì về nhân vật này?</i> + <i>Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự chia sẻ?</i> + <i>Hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ có làm em giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn không? Vì sao? Nếu là Sơn, em sẽ làm gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	<i>thấy ấm áp vui vui:</i> Sơn và Lan ra ngoài chơi với các bạn nhỏ ngoài chợ và quyết định cho bé Hiên chiếc áo; + Đoạn 3: Còn lại: Thái độ và cách ứng xử của mọi người khi phát hiện hành động cho áo của Sơn. 2. Tìm hiểu chi tiết 2.1. Nhân vật Sơn và Lan <u>a. Buổi sáng khi ở trong nhà</u> - Gia cảnh: sung túc + Có vú già; + Cách xưng hô: • Cách mẹ Sơn gọi em Duyên ngay từ đầu tác phẩm: “cô Duyên” – “cô” – trang trọng; • Cách gọi mẹ của Sơn: “mợ” gia đình trung lưu + Những người nghèo khổ mà Sơn quen biết vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn; - Khi nghe mẹ và vú già nói chuyện về em: + <i>Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá;</i> + <i>Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt.</i> Gia đình sung túc, giàu tình cảm, lòng trắc ẩn. <u>b. Khi ra ngoài chơi với các bạn nhỏ nghèo ở chợ</u> - Thái độ: Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn - Khi thấy Hiên đứng nép một chỗ không

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả hoạt động;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.

NV2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp:
- + Không gian xung quanh khi Sơn và chị Lan đi chơi với những đứa trẻ khác được miêu tả như thế nào?
- + Nhân vật Hiên và những đứa trẻ khác ăn mặc như thế nào? Chúng có thích chơi với Sơn và chị Lan không? Chúng có dám chơi cùng không? Tại sao?
- + Hãy chỉ ra một vài điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật cô bé

ra chơi cùng:

- + Gọi ra chơi;
- + Hỏi: “Áo lành đâu không mặc?”; “Sao không bảo u may may cho?” Câu hỏi có sự phát triển theo câu trả lời của Hiên
- Quan tâm thật lòng;
- + Quyết định đem cho Hiên chiếc áo:
chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo, thấy động lòng thương, một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong tâm trí.

tình cảm trong sáng của trẻ thơ, tâm hồn
nhân hậu của chi em Sơn.

c. Chiều tối khi trở về nhà

- Ngây thơ, sợ hãi, đi tìm Hiên để đòi áo
Lúc đó mới hiểu mẹ rất quý chiếc áo
bông ấy; vẫn có sự trẻ con: đã cho bạn
rồi còn đòi lại.

Lối miêu tả chân thực, tự nhiên của Thạch Lam khi khắc họa nhân vật trẻ em.

2.2. Nhân vật Hiên và những đứa trẻ nghèo

a. Không gian/ khung cảnh

- + Chợ vắng không, mấy cái quán chợ vơ lộng gió, rác bẩn rải rác lẫn với lá rụng của cây đề
- + Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới nhịp quốc của hai chị em

Yên ả, vắng lặng. Nghèo, lại thêm mùa đông càng khắc họa sâu về tình cảnh khốn khó.

b. Dáng vẽ

- + mặc không khác ngày thường, vẫn
những bộ quần áo màu nâu bạc đã vá

<i>bán diêm và bé Hiên, điền vào phiếu học tập.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Không gian xung quanh khi Sơn và chị Lan đi chơi được miêu tả trong cái lạnh và nghèo, bẩn; + Hiên và những đứa trẻ khác ăn mặc phong phanh, rách rưới, vá víu, không đủ ấm. Chúng rất thích chơi với Sơn và Lan nhưng chúng không dám thái • Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	<i>nhiều chỗ;</i> + <i>môi tím lại, qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi;</i> + <i>mỗi cơn gió đến, run lên, hàm răng đập vào nhau</i> <u><i>c. Thái độ</i></u> + <i>đương đợi Sơn ở cuối chợ để chơi đánh khăng, đánh đáo</i> + <i>đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vồ vập như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy;</i> + <i>giương đôi mắt ngăm bộ quần áo mới của Sơn</i> “giương”: ngược lên và mở to có sự chú ý đặc biệt “ngăm”: nhìn một cách tập trung, có sự yêu thích, ước mong Một bộ quần áo mới mà được chú ý đặc biệt và ước mong Càng khắc họa đậm hơn sự nghèo khó <u><i>d. Nhân vật Hiên</i></u> - <i>Từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, co ro đứng bên cột quán Từ nãy: thời gian dài, co ro: lạnh phải khúm người lại</i> - Vừa lạnh, phải chịu trong thời gian dài, lại còn có thêm mặc cảm: đứng ẩn nấp “dựa vào cột quán”; - <i>Gọi không lại</i> - <i>Chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay</i> - Khi được hỏi <i>bịu xịu</i> trả lời: mặt xị xuống, thường đi kèm những lời có ý buồn tủi mặc cảm, có sự tủi thân, như sắp vỡ òa. <u><i>e. So sánh Hiên với cô bé bán diêm</i></u> - Giống:

	+ Đều là những bé gái ở trong hoàn cảnh đáng thương; + Đều thiếu thốn vật chất, và ở trong mùa đông khắc nghiệt - Khác:		
		Hiên	Cô bé bán diêm
	Tên	Có tên	Không tên
	Không gian	Việt Nam đầu thế kỷ: đa phần nghèo	Đan Mạch/Châu Âu: tác giả khắc họa rõ nét sự đối lập giàu nghèo
	Thời gian	Đầu mùa đông Cái lạnh mới bắt đầu	Chính đông, khoảng khắc giao thừa, chuyển giao giữa năm cũ và năm mới Cô bé bán diêm đã phải chịu giá rét trong thời gian dài, đặc biệt tâm trạng sẽ buồn hơn Hiên vì đây là lúc mọi người quây quần bên gia đình đầm ấm đón chào năm mới.
NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	Tình thương	- Hiên có nhận được	Cô bé bán diêm không

- GV yêu cầu: <i>Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.		tình thương của mọi người xung quanh: mẹ, bạn bè, v.v...	nhận được tình yêu thương: bị bố đánh đập, mắng chửi, bị người qua lại lãnh đạm, thờ ơ
	Cái kết	Cái kết có hậu, Hiên có áo ấm	Cái kết vừa có hậu vừa mang tính bi kịch, cô bé bán diêm đã chết
2.3. Hai người mẹ: mẹ của Sơn và mẹ của Hiên <u>a. Mẹ của Hiên</u> - Nghề: chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc không đủ tiền để may áo cho con - Thái độ và hành động của mẹ Hiên khi biết Sơn cho Hiên chiếc áo: + Khép nép, nói tránh: “Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả nợ” Cách xưng hô có sự tôn trọng, như người dưới với người trên: Tôi – cậu – nợ; + Tự trọng: Sau khi trả xong, không xin xỏ gì mà đi về luôn. Thái độ: khép nép, nhưng cư xử đúng đắn, tự trọng của một người mẹ nghèo khổ <u>b. Mẹ của Sơn</u> - Cách cư xử nhân hậu, tế nhị của một người mẹ có điều kiện sống khá giả hơn. - Với các con, cách cư xử vừa nghiêm			

	khắc, vừa yêu thương không nên tự tiện lấy áo đem cho những mẹ vui vì các con biết chia sẻ, giúp đỡ người khác... III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả; - Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ; - Miêu tả tinh tế 2. Nội dung Truyện ngắn khắc họa hình ảnh những người ở làng quê nghèo khó, có lòng tự trọng và những người có điều kiện sống tốt hơn biết chia sẻ, yêu thương người khác. Từ đó đề cao tinh thần nhân văn, biết đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (5 – 7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Vì sao mẹ Sơn lại cho mẹ Hiên vay tiền mà không cho áo?

a. Vì mẹ Sơn không muốn giúp đỡ người khác;

b. Vì mẹ Sơn muốn lấy lại số tiền cho vay;

c. Vì mẹ Sơn rất quý chiếc áo là kỷ vật của em Duyên;

d. Vì mẹ Sơn muốn giữ chiếc áo là kỷ vật của em Duyên và vẫn muốn giúp đỡ mẹ Hiên

Câu 2: Vì sao những đứa trẻ nghèo không dám lại gần chơi với Sơn và Lan?

- a. Vì chúng không thích chơi với những người có điều kiện khá giả;
- b. Vì Sơn và Lan có thái độ khinh khỉnh;
- c. Vì chúng ngại cái nghèo của mình, biết thân biết phận;
- d. Cả a và b đều đúng.

Câu 3: Vì sao sau khi đã cho Hiên cái áo, Sơn lại muốn đòi lại?

- a. Vì Sơn thấy tiếc chiếc áo
- b. Vì Sơn muốn trêu đùa Hiên
- c. Vì Hiên không biết giữ gìn
- d. Vì con Sinh bảo sẽ nói với mẹ Sơn, Sơn sợ mẹ trách

Câu 4: Vì sao mẹ Hiên lại trả lại chiếc áo?

- a. Vì mẹ Hiên chê áo xấu
- b. Vì Sơn đòi lại áo
- c. Vì mẹ Hiên biết đó là kỷ vật của bé Duyên
- d. Vì mẹ Hiên nghèo nhưng có lòng tự trọng, biết mẹ Sơn chưa có sự đồng ý.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Đánh giá định lượng - Đánh giá định tính (bảng nhận xét)	- Phương pháp quan sát. - Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp viết - Phương pháp định lượng	- Phiếu học tập làm ở nhà - Hệ thống câu hỏi và bài tập.	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

PHIẾU HỌC TẬP
Văn bản Gió lạnh đầu mùa

1. Tìm hiểu về nhân vật Sơn theo gợi dẫn dưới đây:

a. Cảm nhận của Sơn về những đổi thay của đất trời khi mùa đông đến:	b. Ý nghĩ của Sơn khi nghe mẹ và vú già nói chuyện về chiếc áo bông cũ của Duyên:
c. Thái độ của Sơn với những bạn nhỏ nghèo khổ:	d. Suy nghĩ và hành động của Sơn trước hoàn cảnh của Hiền:

2. Cảm nhận của em về nhân vật Sơn:

3. Nhân vật cô bé bán diêm trong Cô bé bán diêm và bé Hiền trong Gió lạnh đầu mùa có điểm gì giống, khác nhau? Hãy so sánh hai nhân vật dựa vào sơ đồ gợi ý:

TIẾT 6-7: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được cụm động từ;
- Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;
- Biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ và cụm tính từ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận biết và phân tích tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ.
- Năng lực mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS:

+ Em hãy nhắc lại nội dung của cụm danh từ trong bài học trước;

+ Các từ ngữ in đậm trong câu sau bổ sung ý nghĩa cho những từ nào? Đó là những ý nghĩa gì?

Chúng ta đem cho nó **cái áo bông cũ**;

Mẹ cái Hiền **rất** nghèo.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;

- Dự kiến sản phẩm:

+ **Cái áo bông cũ** bổ sung ý nghĩa cho cụm từ đem cho nó. Đem cho nó là một cụm động từ, **cái áo bông cũ** làm rõ hơn đối tượng được cho là gì;

+ **Rất** bổ sung ý nghĩa cho **nghèo**. **Nghèo** là một tính từ, **rất** làm rõ hơn về mức độ của **nghèo**.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Như vậy, ngoài cụm danh từ, chúng ta có thể dùng cụm động từ và cụm tính từ để mở rộng thành phần câu. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về cụm động từ và cụm tính từ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu lý thuyết

a. Mục tiêu: Nhận biết được cụm động từ, cụm tính từ và phân tích được tác dụng của nó trong việc mở rộng thành phần chính của câu.

b. Nội dung: cụm động từ, cụm tính từ, bài tập về cụm động từ, cụm tính từ

c. Sản phẩm: Sản phẩm thảo luận nhóm, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cụm động từ	
a. Mục tiêu: Nhận biết được cụm động từ và phân tích được tác dụng của nó trong việc mở rộng thành phần chính của câu.	
b. Nội dung: cụm động từ	
c. Sản phẩm: Sản phẩm thảo luận nhóm, phiếu học tập.	
d. Tổ chức thực hiện:	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi chia sẻ vào phiếu học tập:

1. Em hãy đọc phần thông tin về Cụm động từ trong SGK trang 74 và nêu hiểu biết về cụm động từ.

2. Lấy ví dụ một động từ và phát triển nó thành cụm động từ.

Cấu tạo	Phần phụ trước	Phần trung tâm	Phần phụ sau
Ví dụ			

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS nhận và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn.

- Đại diện báo cáo sản phẩm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.

- Dự kiến sản phẩm:

=>

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.

I. Cụm động từ và cụm tính từ**1. Cụm động từ**

	Phần phụ trước	Phần trung tâm	Phần phụ sau
Cấu tạo	Thường bổ sung cho động từ ý nghĩa về + Thời gian (đã, đang, sẽ,...) + Khăng định/phủ định (không, chưa, chẳng...) + Tiếp diễn (đều, vẫn, cứ,...). + Mức độ của trạng thái (rất, hơi, quá,...) ...	Động từ	thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa về : + Đối tượng (đọc sách), + Địa điểm (đi Hà Nội), + Thời gian (làm việc từ sáng),...
Ví dụ	đang	đi	Hà Nội

Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cụm tính từ

a. Mục tiêu: Nhận biết được cụm tính từ và phân tích được tác dụng của nó trong việc mở rộng thành phần chính của câu.

b. Nội dung: cụm tính từ

c. Sản phẩm: Sản phẩm thảo luận nhóm, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:

+ Em hãy đọc phần thông tin về Cụm tính từ trong SGK trang 74 – 75 và nêu hiểu biết về cụm tính từ;

+ Lấy ví dụ một tính từ và phát triển nó thành cụm tính từ.

Cấu tạo	Phần phụ trước	Phần trung tâm
Ví dụ		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Hs thảo luận trả lời, đại diện trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung chéo.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.

- HS nhận và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn.

- Đại diện báo cáo sản phẩm.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Khi có một động từ, tính từ thì có thể phát triển thành cụm động từ, cụm tính từ bằng cách thêm vào phía trước và sau chúng những từ ngữ đóng vai trò phụ thuộc. Lúc đó so với động từ, tính từ đã có, cụm động từ, cụm tính từ có cấu tạo phức tạp hơn đồng thời ý nghĩa cũng cụ thể hơn. Trong câu, cụm động từ và cụm tính từ có thể thực hiện chức năng của các thành phần phụ và thành phần chính trong câu. Ở bài học này, chúng ta sẽ biết cách dùng cụm động từ và cụm tính từ để mở rộng thành phần vị ngữ của câu.

2. Cụm tính từ

	Phần phụ trước	Phần trung tâm	Phần phụ sau
Cấu tạo	Thường bổ sung cho tính từ ý nghĩa về + Mức độ (rất, hơi, khá,...), + Thời gian (đã, đang, sẽ,...), + Tiếp diễn (vẫn, còn,...). ...	Tính từ	thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về : + Phạm vi (giới toán), + So sánh (đẹp như tiên), + Mức độ (hay ghê),...
Ví dụ	vẫn	đẹp	quá

*** Hướng dẫn học bài ở nhà và chuẩn bị cho bài sau:**

- Học bài:
- + Nắm chắc cấu tạo của cụm động từ, cụm tính từ.
- + Lấy ví dụ các động từ, tính từ rồi tập phát triển thành cụm động từ, cụm tính từ.
- Bài mới : Chuẩn bị các bài tập cho tiết thực hành SGK/ Trang 81-82
- + Đọc kĩ bài tập
- + Dự kiến trả lời các bài tập.

CHUYỂN TIẾT 2

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học: cụm động từ, cụm tính từ.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM										
Bài tập 1,2,3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS lần lượt đọc bài tập 1, 2, 3 SGK trang 74; - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập; Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận. - Hs thảo luận trả lời, đại diện trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung chéo. Bước 4: Kết luận, nhận định Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	II. Bài tập 1. Bài tập 1 SGK trang 74 - Tìm một cụm động từ trong VB <i>Gió lạnh đầu mùa</i>. Ví dụ: <i>chơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng</i>; - Xác định động từ trung tâm: động từ <i>chơi</i>; - Từ động từ trung tâm, tạo ra ba cụm động từ khác: + <i>đang chơi ở ngoài sân</i>; + <i>đang chơi kéo co</i>; + <i>chơi trốn tìm</i>. 2. Bài tập 2 SGK trang 74 <table border="1"> <thead> <tr> <th></th><th>Cụm động từ</th><th>Động từ trung tâm</th><th>Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a.</td><td> - Nhìn ra ngoài sân - Thấy đất khô trắng </td><td> - Nhìn - Thấy </td><td> - Hướng, địa điểm của hành động </td></tr> </tbody> </table>				Cụm động từ	Động từ trung tâm	Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung	a.	- Nhìn ra ngoài sân - Thấy đất khô trắng	- Nhìn - Thấy	- Hướng, địa điểm của hành động
	Cụm động từ	Động từ trung tâm	Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung								
a.	- Nhìn ra ngoài sân - Thấy đất khô trắng	- Nhìn - Thấy	- Hướng, địa điểm của hành động								

			<i>nhìn;</i> - Đối tượng của hành động <i>thấy</i> .
b.	- Lật cái ví buồm; - Lục đồng quần áo rét.	Lật; - Lục.	Đối tượng của hành động <i>lật, lục</i> .
c.	Hăm hờ chạy về nhà lấy quần áo	Chạy	Cách thức, hướng, địa điểm của hành động <i>chạy</i> .

3. Bài tập 3 SGK trang 74

Tìm thêm trong VB *Gió lạnh đầu mùa* hai câu văn có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ và cho biết tác dụng của cách diễn đạt đó. Ví dụ:

(1) Chị Sơn và mẹ Sơn *đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống*.

(2) Mẹ Sơn *lật cái ví buồm, lục đồng quần áo rét*.

(3) Sơn *lo quá, sắp ăn, bỏ bữa đứng dậy, van*.

Tác dụng: Kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ thường thông báo một chuỗi hoạt động kế tiếp nhau (câu 1, 2) hoặc nguyên nhân – kết quả (câu 3: trạng thái *lo quá* ở nhân vật Sơn dẫn đến kết quả *sắp ăn, bỏ bữa đứng dậy, van*).

Bài tập 4,5,6

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS lần lượt đọc bài tập 4, 5, 6

SGK trang 74 – 75;

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập;
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Hs thảo luận trả lời, đại diện trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung chéo.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.

- HS báo cáo kết quả hoạt động;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.

4. Bài tập 4 SGK trang 74

- Tìm một cụm tính từ trong truyện *Gió lạnh đầu mùa: đã cũ*.
- Xác định tính từ trung tâm: *cũ*.
- Tạo ra ba cụm tính từ khác từ tính từ trung tâm:
 - + *chưa cũ*;
 - + *cũ lắm*;
 - + *rất cũ*.

5. Bài tập 5 SGK trang 74 – 75

	Cụm tính từ	Tính từ trung tâm	Ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung
a.	Trong hơn mọi hôm	Trong	Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa so sánh
b.	Rất nghèo	Nghèo	Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa chỉ mức độ

6. Bài tập 6 SGK trang 75

Mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ:

- a. Trời rét: Trời rét hơn mọi hôm.
- b. Tòa nhà cao: Tòa nhà cao quá.
- c. Cô ấy đẹp : Cô ấy đẹp vô cùng.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Đề bài: *Viết đoạn văn 5-7 câu nói về cảm xúc của em lúc giao mùa, trong đó có ít nhất một cụm động từ hoặc một cụm tính từ làm thành phần câu.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

1 hs lên bảng viết, dưới lớp hs thực hiện viết vào vở.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.

HS trình bày, các bạn nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Chiếu đoạn văn mẫu:

Tôi rất yêu mùa xuân, đặc biệt là khoảnh khắc giao mùa. Khi mùa xuân đến, muôn hoa đâm chồi, nảy lộc, rũ bỏ lớp áo khô héo và đón chào những ánh nắng ban mai rực rỡ hay chính những chú chim đã mang tặng cho ta tiếng ca trong vắt mà không mùa nào có được. Nhưng mùa xuân còn mang lại cho ta thứ quý giá hơn muôn phần, đó chính là gia đình được đoàn tụ sau một năm dài xa vắng, được cùng nhau nấu bánh chưng, bánh tét, đi chợ xuân, ngắm hoa mai, đào không phải là hạnh phúc nhất hay sao...Không chỉ riêng tôi mà là tất cả mọi người, mùa xuân đẹp như vậy đấy, cho dù ở nơi đâu mùa xuân cũng cho ta những cảm xúc hồn nhiên, sao xuyến mà ta khó có thể quên.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.	

*** Hướng dẫn học bài ở nhà và chuẩn bị cho bài sau:**

- Học bài:
 - + Nắm chắc cấu tạo của cụm động từ, cụm tính từ.
 - + Lấy ví dụ các động từ, tính từ rồi tập phát triển thành cụm động từ, cụm tính từ.
- Bài mới : Chuẩn bị các bài tập cho tiết thực hành SGK/ Trang 81-82
 - + Đọc kĩ bài tập
 - + Dự kiến trả lời các bài tập.

TIẾT 8 – 9 :

VĂN BẢN 2: CON CHÀO MÀO

(Mai Văn Phấn)



I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Tiếp tục hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm thơ (thể loại chính HS được học ở bài 2);

2. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

b. Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Con chào mào*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Con chào mào*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề;

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu

thương, chia sẻ không chỉ là tình cảm đẹp đẽ, quý giá giữa con người với con người mà còn là tình yêu, sự trân trọng cái đẹp, ý thức bảo vệ thiên nhiên,... của con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh có liên quan đến văn bản *Con chào mào*;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chiếu hình ảnh và đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:



giữa con người với con người. Vậy, ngoài



tình yêu thương giữa người với người, còn có tình yêu thương nào khác không? Con người có cần trân trọng cái đẹp của thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên không?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời về chủ đề của hai VB, chia sẻ suy nghĩ của mình về tình yêu của con người với thiên nhiên.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Cuộc sống cần có tình yêu thương. Tình yêu thương ấy không chỉ là tình yêu thương giữa con người với con người, mà còn bao gồm cả tình yêu thương, sự trân trọng của con người với vẻ đẹp của thiên nhiên. Con người chính là một phần của tự nhiên, vì vậy ta phải bảo vệ nó. Tiết học hôm nay, thầy/cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu về tình yêu thiên nhiên thông qua văn bản *Con chào mào* của nhà thơ Mai Văn Phấn.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản.

a. Mục tiêu: Hiểu được thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS vận dụng năng lực đọc thu thập thông tin, trình bày 1 phút để tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm học tập: Phần trình bày của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động cá nhân: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm: ? Giới thiệu một vài nét chính về tác giả(Tên, năm sinh, quê quán, sự nghiệp sáng tác,...), bài thơ “ <i>Con chào mào</i>” - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ.	I. Tác giả, tác phẩm 1. Tác giả - Tên: Mai Văn Phấn - Năm sinh: 1955 - Quê quán: Ninh Bình - Ông sáng tác thơ và viết tiểu luận phê bình. Thơ Mai Văn Phấn rất phong phú về đề tài; có những cách tân về nội dung và nghệ thuật; một số bài thơ được dịch ra nhiều thứ tiếng. 

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS trình bày kết quả của các nhân;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

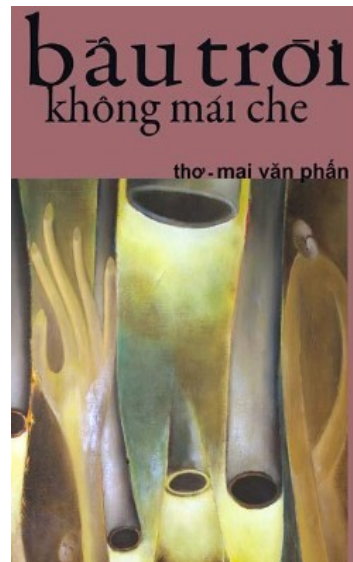
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt
→ Ghi lên bảng.

- **GV mở rộng thêm :** Nhà thơ Mai Văn Phấn là tác giả Việt thứ 2 giành giải Cikada. **Đây là một giải thưởng uy tín, nhiều nhà thơ từng nhận giải Cikada cũng đã được đề cử giải Nobel văn học.** Ông được người yêu thơ biết đến với các tập thơ tiêu biểu như: Hoa giấu mặt (2012), Bầu trời không mái che (2010), Và đột nhiên gió thổi (2009), Hôm sau (2009), Người cùng thời (1999), Gọi nắng (1992). Các tác phẩm thơ của ông đã đạt nhiều giải văn học trong nước và quốc tế, được dịch ra 24 ngôn ngữ khác nhau và được chọn in trong nhiều tuyển tập thơ quốc tế. Thơ Mai Văn Phấn đa dạng phong cách với nhiều thử nghiệm phong phú. Ông viết nhanh, chớp bắt được những biến đổi của màu sắc đời sống bằng cảm xúc đột khởi mạnh mẽ. Với đặc trưng mang tính truyện, giọng điệu tự sự, khám phá những điều tưởng chừng bông lơn, mang tính trào lộng, châm biếm, nhưng cũng có lúc lại biểu đạt sự huyền bí, thơ mộng. Ông chia sẻ chân tình về thơ của mình trước người yêu thơ : *“Bài thơ viết ra thì không còn là của mình nữa, mà nó thành một người bạn, người thầy của mình để dạy cho mình biết sống tử tế,*

2. Tác phẩm

Bài thơ *Con chào mào* được trích trong *Bầu trời không mái che*, NXB Hội nhà văn, 2010.



khoan hòa hơn. Chính thơ tôi đã thanh lọc tôi”.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung, nghệ thuật của VB.

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin để tìm hiểu chung (Thể loại, bố cục), kĩ năng đọc hiểu để cảm thụ về nội dung, nghệ thuật của bài thơ

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Nhiệm vụ 1: (Hoạt động chung cả lớp) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1) Đọc văn bản: - GV hướng dẫn cách đọc - HS đọc - Nhận xét cách đọc của HS 2) Tìm hiểu chung - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: + <i>Thể loại của VB là gì?</i> + <i>Bố cục VB gồm mấy phần? Nêu nội dung của các phần.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung	II. Đọc – Hiểu văn bản 1. Tìm hiểu chung - Thể loại: thơ tự do; - Bố cục: 3 phần + Phần 1: Khổ 1: Hình ảnh và tiếng hót của con chào mào; + Phần 2: Khổ 2, 3, 4: Suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” muốn giữ con chim ở lại bên mình; + Phần 3: Còn lại: hình ảnh và tiếng chim chào mào đã được nhân vật “tôi” lưu giữ trong ký ức.

câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

*** Nhiệm vụ 2:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động chung cả lớp:

- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:
 - + Em có thể hình dung, tưởng tượng những gì khi đọc ba dòng thơ đầu?

(Hết tiết 8 , chuyển tiết 9)

Hoạt động nhóm:

- GV sử dụng phiếu học tập:

Phiếu học tập 1:

+ Hãy nêu những ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi “vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”.(**Gợi ý: Vì sao khi ngắm**

2. Tìm hiểu chi tiết

2.1. Hình ảnh và tiếng hót của con chào mào



* Bức tranh đầy màu sắc và âm thanh miêu tả chào mào:

- Màu sắc: đốm trắng màu đỏ → Màu sắc của thiên nhiên;
- Tiếng hót: triu... uýt... huýt... tu hù... → Tiếng hót dài, trong trẻo;
- “Cây cao chót vót” → Khung cảnh thiên nhiên cao rộng, thoáng đãng, bình yên.

2.2. Cảm xúc của nhân vật “tôi” về tiếng chim

a. Lúc đầu

- “Vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”, “Sợ chim bay đi” → Thích tiếng chim, muốn tiếng chim là của riêng mình (“độc

bộ lông rất đẹp và lắng nghe tiếng hót du dương của con chim chào mào, nhân vật “tôi” lại vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ)

+ Nhà thơ đem “**khung nắng, khung gió**” và “**hối hả đuổi theo**” con chim để làm gì? Tại sao khi không còn tăm tích của con chim chào mào, nhà thơ lại hình dung về **những con sâu, trái cây chín, giọt nước thanh sạch?**

Hoạt động cá nhân:

- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:

+ Vì sao lúc đầu nhân vật “tôi” “sợ chim bay đi” nhưng kết thúc bài thơ lại khẳng định: “**Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ**”?

+ Tiếng hót mà nhân vật “tôi” nghe “**rất rõ**” vang lên từ đâu (trên cây cao chót vót hay trong tâm hồn)? Tiếng hót ấy cho thấy trạng thái cảm xúc nào của nhân vật “tôi” (vui hay buồn, hạnh phúc

chiếm”), muốn giữ mãi ở bên cạnh

- Khi “hối hả đuổi theo”, nhân vật “tôi” mang theo cả không gian đầy nắng, gió, cây xanh mong nín giữ con chim chào mào và tiếng hót. Nhưng khi không còn thấy tăm tích, nhân vật “tôi” đã hình dung con chim chào mào đang mổ những con sâu, trái cây chín đỏ, giọt nước thanh sạch “của tôi”- những món quà “chuộc lỗi” khi con người hiểu rằng, con chim chào mào mình yêu quý sẽ chỉ hạnh phúc trong cuộc sống tự do, tự nhiên giữa thiên nhiên,...

b. Lúc sau

- “Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ” → Vẫn rất thích tiếng chim, nhưng hiểu chim chào mào là một phần của thiên nhiên → Trân trọng tiếng chim và lưu giữ nó trong ký ức.

- Tiếng hót mà nhân vật “tôi” nghe “**rất rõ**” vang lên từ trong tâm hồn của nhân vật “tôi” → Vui, hạnh phúc → Bởi vì, nhân vật “tôi” đã biết ứng xử với thiên nhiên bằng sự tôn trọng và tình yêu chứ không phải bằng mong muốn “độc

hay đau khổ,...)? Vì sao nhân vật “tôi” có thể cảm thấy như vậy? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Hoạt động nhóm: - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: + Dòng thơ được lặp lại miêu tả cái gì? Sự lặp lại như vậy giúp em nhận biết điều đó như thế nào? + Qua tìm hiểu, em hãy khái quát nội dung ý nghĩa của bài thơ? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	chiếm” hẹp hòi, ích kỉ. Tình yêu thương ấy khiến cho tâm hồn con người rộng mở, phong phú, tràn đầy niềm vui và sức sống,... - Dòng thơ “triu... uyết... huyết... tu hù...được lặp lại 2 lần trong bài thơ. Tác giả đã cho những thanh âm của thiên nhiên điệp khúc, vang lên lần nữa ở cuối bài thơ. Chuỗi âm thanh được nhắc lại trọn vẹn như từng cất lên lần đầu, nhưng bạn đọc lại cảm nhận “con chào mào” đã đi qua một hành trình, từ đơn lẻ tới hòa nhập, từ âm vực có phần lạnh lót, chói gắt đến phối bè, vang vọng. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Thể thơ tự do phù hợp với mạch tâm trạng, cảm xúc; - Sử dụng các biện pháp điệp ngữ nhằm miêu tả, nhấn mạnh hình ảnh, vẽ đẹp trong tiếng hót của con chim chào mào. Từ đó làm nổi bật vẻ đẹp thiên nhiên và cảm xúc của chủ thể trữ tình với thiên nhiên. 2. Nội dung Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của chú chim chào mào. Từ đó ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu của con người

	đối với thiên nhiên.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố khắc sâu kiến thức đã học.

b. Nội dung: Làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập/ Câu chuyện kể của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm hoặc tổ chức cuộc thi kể lại VB thơ vừa được học.

PA1: Câu hỏi trắc nghiệm: (Phiếu học tập 2)

1. Con chào mào được viết theo thể thơ nào?

- A. Tự do
- B. Lục bát
- C. Bốn chữ
- D. Năm chữ

2. Đầu **không** phải ý nghĩa của việc lặp lại câu thơ "triu... uýt... huýt... tu hiu..."?

- A. Tạo điểm nhấn.
- B. Tạo nhịp điệu.
- C. Tạo hình tượng.
- D. Tạo âm thanh.

3. Tác giả đã có hành động gì để níu giữ con chào mào?

- A. Nhốt con chào mào vào lồng.
- B. Vẽ chiếc lồng trong suy nghĩ.
- C. Ôm chào mào vào lòng.
- D. Bắt con chào mào.

PA2: Tổ chức cuộc thi kể lại VB thơ vừa được học.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học , trải nghiệm thực tế để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp được em lưu giữ trong ký ức.

Tham khảo: Tôi thích nhất là được cùng mẹ ra thăm đồng vào buổi sớm mai. Khi ấy, mọi vật thật tinh khôi và tươi mới. Những ánh nắng đầu tiên của ngày mới rọi xuống cánh đồng làm bừng sáng cả không gian. Sương lúc này vẫn còn giăng mắc trên từng ngọn cây, lá cỏ, cả cánh đồng chìm trong màn sương sớm làm tôi có cảm giác như lạc vào chốn bồng lai tiên cảnh. Từng bông lúa nặng trĩu hạt lúc này như đang gượng dậy để đón chào những tia nắng ấm áp. Cánh đồng quê yêu dấu đã nuôi tôi khôn lớn, trưởng thành bằng hạt gạo trắng ngần, thơm như dòng sữa mẹ. Dù có đi đâu xa, hình ảnh về cánh đồng lúa sẽ mãi nhắc nhở tôi về một miền quê giản dị nhưng xiết bao trù mẫn, thân thương.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

Tiết 10-11-12: VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS viết được bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể;
- HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn tự sự (tiếp nối bài 1).

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: Em hãy chia sẻ về một kỷ niệm của em. Kỷ niệm đó có thể là kỷ niệm vui hoặc kỷ niệm buồn. Nhưng đó là kỷ niệm khiến em nhớ mãi.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ về những kỷ niệm;

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong cuộc sống, có trải nghiệm đem lại cho em niềm vui, sự tự hào, hạnh phúc; có trải nghiệm để lại trong em nỗi

buồn, sợ hãi hoặc tiếc nuối, v.v... Nhưng dù thế nào, từ những trải nghiệm đó, em có thể rút ra những bài học để trưởng thành hơn. Ở **bài Tôi và các bạn**, các em đã được hướng dẫn viết bài văn kể lại một trải nghiệm. Trong bài học này, em sẽ tiếp tục được rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn chia sẻ một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân với yêu cầu cao hơn.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của bài văn kể lại một trải nghiệm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + <i>Em hãy nhắc lại yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm đã được học ở các tiết học trước.</i> + <i>Kể chuyện theo ngôi thứ nhất, người kể xưng hô như thế nào? Tác dụng của ngôi kể thứ nhất là gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	1. Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất; - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ; - Tập trung vào sự việc đã xảy ra; - Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lý; - Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện; - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn kể lại một trải nghiệm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	- Tóm tắt lại câu chuyện:

- GV giới thiệu: *Bài viết tham khảo kể về một câu chuyện buồn, một lần hiểu nhầm trong tình bạn. Bài viết có cả bài học mà người viết rút ra từ câu chuyện đó.*

- GV yêu cầu HS: Đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi:

- + *Vì sao em biết câu chuyện này được kể theo ngôi thứ nhất?*
- + *Phần nào, đoạn nào của bài viết giới thiệu câu chuyện?*
- + *Bài viết kể về trải nghiệm gì?*
- + *Những từ ngữ nào trong bài văn cho thấy câu chuyện được kể theo trật tự thời gian và quan hệ nhân quả?*
- + *Những chi tiết nào miêu tả cụ thể thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện?*
- + *Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể?*
- + *Dòng, đoạn nào chỉ ra lý do đây là trải nghiệm có ý nghĩa với người viết, giúp người viết thay đổi thái độ và hành động?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

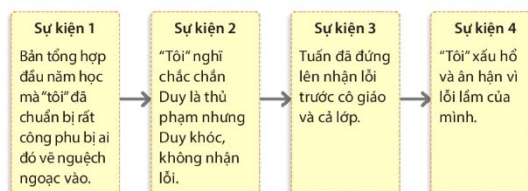
- HS thực hiện nhiệm vụ;
- Dự kiến sản phẩm.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng.



- Trả lời các câu hỏi:

- + Người kể chuyện xưng “tôi”: *Tôi có nhiều trải nghiệm... Nhưng tôi vẫn muốn kể lại...*
- + Đoạn mở bài đã giới thiệu đây là một trải nghiệm buồn có ý nghĩa với người viết.
- + Trật tự thời gian: *Sáng thứ Hai, đúng lúc ấy, lúc quay vào, khi cô chủ nhiệm vào lớp, về nhà...; quan hệ nhân quả: thoáng nhìn thấy Duy nghĩ là Duy đã vẽ; hiểu lầm Duy ân hận, v.v...*
- + *Chuyện xảy ra vào cuối tháng 9, năm tôi học lớp 6; tôi sầm sập chạy ra sân; Duy ngỡ ngàng như không hiểu chuyện gì; cả lớp im phăng phắc; Hai má tôi lúc ấy nóng rực lên vì xấu hổ;...*
- + *Xấu hổ, ân hận, buồn, sợ hãi, v.v...*
- + Đoạn cuối: *Tôi giữ nó trong trí nhớ như một lời nhắc nhở bản thân...*

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được cách viết bài văn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM												
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. - Hướng dẫn HS tìm ý. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập: Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em <table border="1" data-bbox="203 663 786 1352"> <tr> <td>Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn đối với em?</td><td>.....</td></tr> </table> - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?		Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?		Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào?		Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?		Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?		Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn đối với em?		2. Các bước tiến hành <u>Trước khi viết</u> - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý <u>Viết bài</u> <u>Chỉnh sửa bài viết</u>
Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?													
Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?													
Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào?													
Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?													
Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?													
Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn đối với em?													

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết đoạn văn, giám sát các ý đã lập;

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SHS;

+ Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu:

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT CHO BẠN

Họ và tên người chỉnh sửa:

Họ và tên tác giả bài viết:

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau.

1. Bài viết đã giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ chưa?

.....

2. Nội dung bài viết đã được sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa? (Nếu chưa, hãy nêu rõ ý nào chưa hợp lí.)

.....

3. Bài viết có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

.....

4. Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung.)

.....

5. Có nên lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn nên lược bỏ.)

.....

6. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các lỗi cần sửa chữa.)

.....

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú

- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.	

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT CHO BẠN

Họ và tên người chỉnh sửa:

Họ và tên tác giả bài viết:

Nhiệm vụ: *Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau.*

- Bài viết đã giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ chưa?
.....
- Nội dung bài viết đã được sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa? (Nếu chưa, hãy nêu rõ ý nào chưa hợp lí.)
.....
- Bài viết có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?
.....
- Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung.)
.....
- Có nên lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn nên lược bỏ.)
.....
- Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các lỗi cần sửa chữa.)
.....

TIẾT 13: NÓI VÀ NGHE KỂ VỀ MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS tiếp tục rèn luyện, phát triển kỹ năng nói và nghe về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân (tiếp nối bài 1. *Tôi và các bạn*).

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS xem lại bài viết;
- HS tiếp nhận nhiệm vụ;
- GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay, chúng ta sẽ thực hành nói về một trải nghiệm của em trước lớp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe; - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: <i>Dựa vào bài viết trong tiết trước, em hãy xem lại, chuẩn bị và luyện nói.</i> - GV hướng dẫn HS luyện nói theo cặp, nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói; - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực	1. Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành Trước khi nói - Lựa chọn đề tài, nội dung nói; - Tìm ý, lập ý cho bài nói; - Chỉnh sửa bài nói; - Tập luyện.

hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học; - Các nhóm luyện nói. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng	

Hoạt động 2: Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	2. Trình bày bài nói

Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói

a. Mục tiêu: Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu	

đánh giá.
 - HS tiếp nhận nhiệm vụ.
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
 - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
 - GV điều phối:
 + HS trình bày sản phẩm thảo luận;
 + HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
 + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**
 - GV yêu cầu HS: HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**
 - GV yêu cầu HS: HS vận dụng bài tập
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
NHÓM			
TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ		
	Chưa đạt (điểm 0)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện	Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe; nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói to, truyền cảm; hầu như không lặp lại hay ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt...) phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin; mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, nhìn vào người nghe; biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi hoặc không có kết thúc bài nói.	Có chào hỏi và có lời kết thúc bài nói	Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng.
TỔNG ĐIỂM:...../10 ĐIỂM			

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

- Yêu cầu HS ôn tập hai VB *Cô bé bán diêm* và *Gió lạnh đầu mùa* theo các đặc điểm: thể loại, nhân vật, người kể chuyện;
- Yêu cầu HS tự chọn một số truyện kể yêu thích và chỉ ra các yếu tố của truyện để phát triển năng lực đọc của HS.

THỰC HÀNH ĐỌC

GV cho HS tự thực hành đọc văn bản *Lắc-ki thực sự may mắn* (trích *Chuyện con mèo dạy hải âu bay*, Lu-i Xe-pun-ve-da) ở nhà, gợi ý HS chú ý tính chất gây tò mò của nhan đề, đặc điểm của hai nhân vật Gióc-ba (Zorba) và Lắc-ki, ý nghĩa những lời giảng giải của Gióc-ba với Lắc-ki ở đoạn kết, v.v...

TIẾT 14,15

ĐỌC MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ

- HS trình bày, trao đổi kết quả đọc mở rộng ngay tại lớp. HS biết vận dụng hiểu biết, trải nghiệm, kỹ năng được học trong các bài 1,2,3 để có thể tìm đọc các bài cùng thể loại.

- HS nêu được nội dung cơ bản của VB vừa đọc; trình bày được một số yếu tố của truyện (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, lời người kể chuyện, lời nhân vật), phân tích được một số đặc điểm của nhân vật; nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự và miêu tả, v.v...

2. Năng lực

a. Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản đọc mở rộng
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản đọc mở rộng
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề;

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực học tập, chuẩn bị bài ở nhà làm bài tập đầy đủ trên lớp
- Trách nhiệm: có trách nhiệm trong đảm nhận và hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: máy chiếu, bút dạ, màu

2. Học liệu: tài liệu, phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

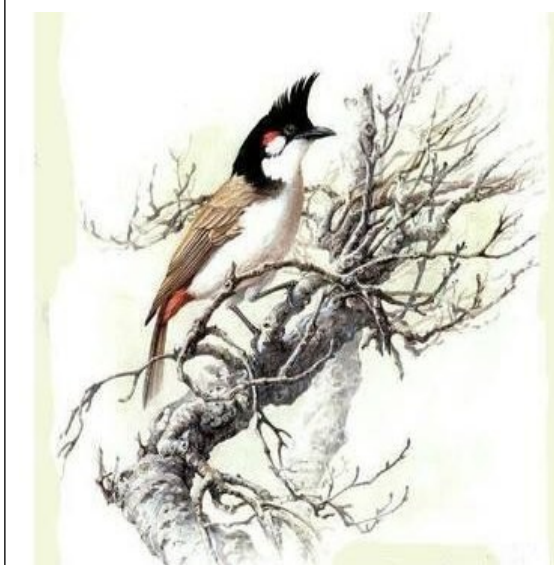
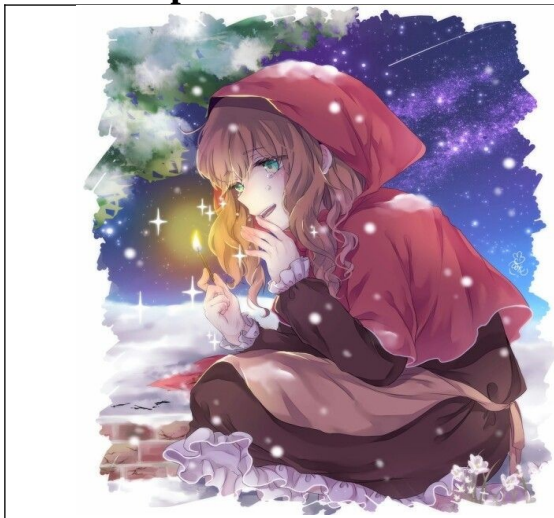
a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết về sự hình thành và phát triển của các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á. HS huy động hiểu biết đã có của bản thân và khai thác thông tin và hình ảnh để hoàn thành nhiệm vụ học tập

b. Nội dung: Cho học sinh quan sát tranh ảnh trao đổi với bạn và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:** Quan sát và cho biết các ảnh này liên quan đến các tác phẩm nào



***Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV - Nhận xét đánh giá câu trả lời của bạn

*** Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung cơ bản của VB vừa đọc; trình bày được một số yếu tố của truyện (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, lời người kể chuyện, lời nhân vật), phân tích được một số đặc điểm của nhân vật; nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự và miêu tả, v.v...

b. Nội dung: HS sử dụng các VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện, thơ) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài: bài 1. Tôi và các bạn, bài 2. Gõ cửa Trái tim, bài 3. Yêu thương và chia sẻ, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 3 nhóm và yêu cầu: <i>Mỗi nhóm chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện, thơ) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài trước, tiến hành đọc và trình bày nội dung và nghệ thuật của VB.</i> - GV gợi ý: + Để hoàn thành tốt tiết học hôm nay, các em hãy đọc lại phần Tri thức ngữ văn trong các bài học trước để nắm vững về thể loại, cũng như cách phân tích các đặc điểm nghệ thuật; + Người kể chuyện trong VB là ai? + Cốt truyện? (Nêu các sự kiện chính trong câu chuyện) + Nhân vật (Truyện có mấy nhân vật? Nhân vật trong truyện gồm những ai?) + Đối với VB truyện: Tìm lời người kể chuyện và lời nhân vật (Cho biết đâu là lời	

người kể chuyện, đâu là lời nhân vật) + Đối với VB thơ: tìm và nêu cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.

BÀI 4: QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU (12 tiết)



*Việt nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.
(Nguyễn Đình Thi)*

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Tri thức ngữ văn về thơ lục bát, lục bát biến thể, các phương tiện tu từ: từ đồng âm, từ đa nghĩa; hoán dụ và hiệu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.
- Tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên hay vẻ đẹp tinh thần mà các tác giả thể hiện qua ngôn ngữ của 3 văn bản: Chùm ca dao về quê hương đất nước; chuyện cổ nước mình; cây tre Việt Nam.
- Tập viết, làm thơ lục bát, viết cảm nhận một bài thơ lục bát.
- Học sinh chia sẻ suy nghĩ của mình về các vấn đề liên quan chủ đề đã học.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

- Nhận biết được từ đồng âm, từ đa nghĩa; nhận biết được hoán dụ và hiệu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.

- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát và viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hoá truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) **Mục tiêu:** Giúp HS

- Tập trung kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.(10P)

b) **Nội dung:**

- GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

- HS quan sát, lắng nghe video bài hát “Quê Hương” suy nghĩ cá nhân và trả lời.

<https://www.youtube.com/watch?v=1h2kZ54m5qo>



c) **Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

- Nội dung của bài hát: Ca ngợi vẻ đẹp của quê hương Việt Nam

- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi: H? Cho biết nội dung của bài hát? Bài hát gợi cho em cảm xúc gì? - Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ: H? Hãy kể tên một bài hát hoặc câu ca dao, tục ngữ cùng chủ đề mà em đã nghe? H? Em thích bài hát nào nào về chủ đề quê hương (em thích câu ca dao nào về chủ đề quê hương?) <u>GV giới thiệu về chủ đề:</u> “<i>Cây có cội, nước có nguồn, con người có quê hương. Quê hương là nơi tổ tiên, ông bà, cha mẹ ta đã sinh sống. Quê hương là đất đai xứ sở, truyền thống ông cha, là những điều giản dị và thân thuộc ta gắn bó hằng ngày. Tình yêu quê hương là tình cảm ấm áp, chân thành, bền lâu của con người.</i> <i>Tình yêu quê hương đất nước Việt Nam từ xưa đến nay đã đi vào văn học, âm nhạc, hội họa, điện ảnh,... Trong bài học này, em sẽ cảm nhận tình yêu quê hương trong những bài ca dao và thơ trữ tình hiện đại viết theo thể lục bát - một thể thơ mang đậm bản sắc Việt Nam.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe bài hát. - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. HS	

- Quan sát video, lắng nghe lời bài hát và suy nghĩ cá nhân. Bước 3: Báo cáo, thảo luận. Trình bày những hiểu biết về chủ đề được nhắc đến. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)	

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a) **Mục tiêu:** Giúp HS

- Khám phá tri thức Ngữ văn. (20P)

b) **Nội dung:**

- GV yêu cầu HS quan sát nội dung bài học, trả lời câu hỏi của GV.
- GV trình chiếu tri thức ngữ văn
- Tìm hiểu tri thức ngữ văn

c) **Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

- Tri thức ngữ văn: thơ lục bát, lục bát biến thể, từ đồng âm, từ đa nghĩa (từ nhiều nghĩa), hoán dụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu học sinh đọc tri thức ngữ văn. - GV Trình chiếu tri thức ngữ văn - GV chia nhóm khái quát lại tri thức ngữ văn . Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS quan sát - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. HS - Quan sát sgk, đọc kĩ và suy nghĩ cá nhân. - Đọc phần tri thức Ngữ văn. - Thảo luận cặp đôi + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.	



+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.
- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- GV Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và nêu lại tri thức ngữ văn.
- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc

Tri thức ngữ văn (trang 89 sgk)

- Thơ lục bát

+ Số chữ: Câu lục: 6 tiếng

Câu bát: 8 tiếng

+ Gieo vần: Theo luật bằng (B)- trắc (T)

Câu lục: Theo thứ tự tiếng 2- 4 - 6 là B – T- B

Câu bát: Theo thứ tự tiếng 2- 4 - 6- 8 là B- T- B- B

+ Nhịp chẵn: 2/2/2- 2/2/2/2(4/4); đôi khi nhịp lẻ: 3/3 để nhấn mạnh

- Lục bát biến thể

Biến đổi số tiếng, không tuân theo quy luật B -T

Từ đồng âm

Giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau

- Từ đa nghĩa

Từ có hai hoặc nhiều hơn hai nghĩa, các nghĩa này có liên quan với nhau

	- <u>Hoán dụ</u> Là biện pháp tu từ dùng từ ngữ vốn chỉ sự vật, hiện tượng này để gọi tên sự vật hiện tượng khác có mối quan hệ tương cận nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. mối quan hệ tương cận trong hoán dụ như: 1. Quan hệ bộ phận – toàn thể 2. Vật chứa – vật được chứa 3. Dấu hiệu sự vật – gọi sự vật 4. Cụ thể – trừu tượng... giữa sự vật, hiện tượng được nói đến và sự vật, hiện tượng bị thay thế.

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải bài tập.

b. Nội dung: Trình bày ngắn gọn các nội dung tri thức ngữ văn của tiết học này?

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Trình bày ngắn gọn các nội dung tri thức ngữ văn của tiết học này?

- HS làm bài , báo cáo kết quả.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức làm bài tập.

b. Nội dung: Em hãy tìm một bài ca dao mà em thích thuộc thơ lục bát, hoặc lục bát biến thể?

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Em hãy tìm một bài ca dao mà em thích thuộc thơ lục bát, hoặc lục bát biến thể?

- HS làm bài

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

=====

Tiết 2:

A. ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

2.1 Đọc văn bản 1 : CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm những đặc điểm cơ bản của thơ lục bát thể hiện qua các bài ca dao: số dòng, số tiếng, vần, nhịp của mỗi bài.
- HS nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền khác nhau mà tác giả dân gian thể hiện qua ngôn ngữ VB.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát
- HS biết nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- HS cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền khác nhau mà tác giả dân gian thể hiện qua ngôn ngữ VB.

3. Về phẩm chất

- Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hoá truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính
- Tranh ảnh về đền Trấn Võ, Thọ Xương xưa, Hồ Tây, chày Yên Thái và văn bản
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

Phiếu số 1

1 / Trang 90 - 91. Đọc các bài ca dao 1, 2 và cho biết: Mỗi bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát?

Số dòng	Cách phân bố số tiếng trong dòng thơ
	- Dòng 6: tiếng - Dòng 8: tiếng

Phiếu số 2:**Độc tri thức ngữ văn về thơ lục bát**

1. Trang 90 -91: Đối chiếu với những điều được nêu trong mục *Tri thức đọc hiểu* về thể thơ lục bát ở bảng phía dưới, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1 và 2.

Vần	Câu lục Câu bát
Thanh điệu	Câu lục Câu bát
Nhịp	Câu lục Câu bát

Tri thức ngữ văn về thơ lục bát

Về vần, thơ lục bát gieo vần **theo quy luật** :

<i>Tiếng thứ 6 dòng 6 vần với tiếng 6 dòng 8</i>	Ví dụ <i>Việt Nam/ đất nước/ ta <u>ơi</u> Mênh mông biển lúa /đầu <u>trời</u> đẹp <u>hơn</u> Cánh cò/ bay lả/ rập <u>rờn</u> Mây mờ che đỉnh/ Trường <u>Sơn</u> sớm chiều. (Nguyễn Đình Thi, Bài thơ Hắc Hải)</i>

<i>Tiếng thứ 8 dòng 8 lại vần với tiếng 6 dòng 8</i>	

Về thanh điệu:

Câu lục : Theo thứ tự tiếng 2- 4 - 6 là Bằng (B)- Trắc (T) – Bằng Câu bát: Theo thứ tự tiếng 2- 4 - 6- 8 là Bằng (B)- Trắc (T) – Bằng – Bằng	<i>Nước <u>non</u> nặng <u>một</u> lời <u>thề</u> B T B Nước <u>đi</u> đi <u>mãi</u> không về cùng <u>non</u>. B T B B (Tản Đà, Thề non nước)</i>

Tiếng thứ 6 và thứ 8 của dòng 8 cũng phải là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứ sáu là thanh huyền thì tiếng thứ tám là thanh ngang và ngược lại.

Tiếng thứ 4 dòng 6 và 8 đều phải là thanh trắc

Về nhịp:

Thơ lục bát thường ngắt nhịp chẵn. Câu lục thường là: 2/2/2, 2/4, 4/2 còn câu bát là 4/4, 2/2/4, 2/2/2/2, 4/2/2,... Ngắt nhịp lẻ trong câu lục 3/3 để nhấn mạnh	Ví dụ: <i>Bầu ơi/ thương lấy/ bí cùng</i> <i>Tuy rằng khác giống / nhưng chung một giàn. (Ca dao)</i>

Phiếu số 3:

Trang 91

Quan sát lại lục bát biến thể ở bảng tri thức ngữ văn, em hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu,...

Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá	Số tiếng	-
Đò về Vĩ Dạ, thảng ngã ba Sinh		-
Lờ đờ bóng ngả trăng chênh Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non (Ca dao)	Cách gieo vần, phối hợp thanh điệu	Luật bằng trắc : Nhận xét:

Tri thức ngữ văn

Lục bát biến thể :

- Tiếng thứ 2 có thể biến thành thanh trắc (biến đổi cách gieo vần, cách ngắt nhịp, cách phối thanh.)	1. Có sáo thì <u>sáo</u> nước <u>trong</u> T T B Đừng sáo nước <u>đục</u> đau <u>lòng</u> cò <u>con</u> T T B B
- Biến đổi số tiếng giữa các dòng	2. Mình nói dối ta mình chưa có chồng T B B B <i>Ta đi qua ngõ mình bỗng con ra</i> <i>Con mình khéo giống con ta</i> <i>Con mình bày rưới con ta ba phần.</i> (Ca dao)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a. **Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. **Nội dung:** HS chia sẻ cảm xúc của mình với cả lớp về cảnh đẹp và những bài ca về quê hương đất nước để kết nối hiểu biết, trải nghiệm của HS với VB một cách thú vị và hiệu quả.

Qua các câu hỏi ở phần trước khi đọc hoặc xem đoạn video...

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Dựa vào bài hát Quê hương yêu cầu học sinh kết nối về quê hương mình sau đó chia sẻ. + Với em, nơi đâu là quê hương yêu dấu? Nếu có thể nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương, em sẽ nói điều gì? - Hoặc giới thiệu cho HS một đoạn phim ngắn về cảnh đẹp và những bài ca về quê hương đất nước để kết nối hiểu biết, trải nghiệm của HS với VB một cách thú vị và hiệu quả. + GV trình chiếu video giới thiệu cảnh đẹp ở địa phương. + Em thích bài thơ nào viết về quê hương? Hãy đọc diễn cảm một vài câu trong bài thơ đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ cá nhân - HS trao đổi nhóm về từng nội dung được nêu trong SHS. - HS chia sẻ cảm xúc của mình với cả lớp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu	

hỏi của GV Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới	

2. Hoạt động 2: KHÁM PHÁ TRI THỨC

a) Mục tiêu:

- HS biết đọc thành tiếng VB.
- HS: sử dụng ngữ điệu đọc phù hợp với nội dung từng bài ca dao. .
- HS tìm hiểu nghĩa của những từ ngữ khó được chú thích
- HS nhận biết (câu 1, 2, 3); phân tích, suy luận (câu 4, 5) và đánh giá, vận dụng (câu 6, 7).

b) Nội dung:

- GV đọc mẫu, học sinh đọc
- Nêu các câu hỏi trong sgk

c) Sản phẩm:

- HS đọc to thành tiếng, rõ ràng
- Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ <i>* GV nêu nhiệm vụ</i> - Nêu cách hiểu của em về ca dao? - GV yêu cầu HS đọc diễn cảm VB: - GV yêu cầu HS tìm hiểu và giải thích các từ ngữ khó trong SGK: <i>* HS tiếp nhận nhiệm vụ.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc diễn cảm VB; - GV gọi HS khác nhận xét, góp ý về cách đọc của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá. - GV chốt . Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chi tiết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)	I. <u>Tìm hiểu chung</u> 1. <u>Khái niệm về ca dao</u> Ca dao là thơ trữ tình dân gian, nội dung biểu hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người bình dân. Ngôn ngữ ca dao giản dị, trong sáng, gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân lao động. 2. <u>Đọc văn bản</u> 3. <u>Chú thích:</u> (sgk trang 90-91 – ở chân trang)

Yêu cầu HS đọc lại 3 bài ca dao

GV phát phiếu học tập

- Phiếu 1,2

Hướng dẫn theo gợi ý:

- Em hãy đếm số tiếng của từng dòng để nhận số tiếng.

- Xác định vần được gieo ở dòng sáu, dòng tám

- Xác định thanh điệu của các tiếng 2- 4 – 6 trong dòng sáu tiếng và các tiếng 2- 4 – 6 – 8 trong dòng tám tiếng.

- Xác định cách ngắt nhịp trong các dòng thơ lục bát đó.

H? Hai bài ca dao 1,2, tác giả dân gian nói về vẻ đẹp của địa danh hay vùng, miền nào?

H? Đọc bài ca dao 1.

H? Cho biết ở câu “Nhịp chày yên thái mặt gương Tây Hồ”, hình ảnh mặt gương hàm ý so sánh Hồ Tây với cái gì?

H? Tác giả dân gian có trực tiếp nhắc đến sự vật được so sánh không? Dùng hình ảnh so sánh ngầm mang lại hiệu quả gì trong việc miêu tả vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên?

H? Nêu tình cảm của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông*. Hãy tìm một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ơi...*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- HS đọc

- HS suy nghĩ cá nhân

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Bài ca dao 1,2

- Thể thơ: lục bát,

+ Dòng 6 có 6 tiếng

+ Dòng 8 có 8 tiếng

- Cách gieo vần:

- Tiếng cuối của dòng 6 ở trên vần với tiếng thứ sáu của dòng 8 ở dưới, tiếng cuối của dòng 8 lại vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo...

Câu lục : 2- 4 - 6 là B- T- B

Câu bát: 2- 4 - 6- 8 là B- T- B- B

Ví dụ :

1. Gió đưa cành trúc la đà

B T B

Tiếng chuông Trấn Võ canh gà thợ
Xương

B T B

B

- Ngắt nhịp:

nhịp chẵn: 2/2/2; 4/4

Nội dung bài ca dao 1:

- Biện pháp tu từ:

+ Ẩn dụ: *mặt gương Tây Hồ* vẻ đẹp của Tây Hồ, nước trong vào buổi sớm như sương (ẩn dụ - so sánh ngầm)

Vẻ đẹp nên thơ vào sáng sớm của Thăng Long xưa

Nội dung bài ca dao 2:

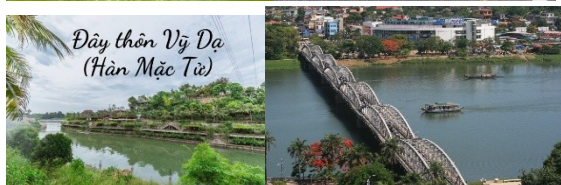
Lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông* Lời gọi, nhắn gửi tha thiết hãy

- HS trao đổi nhóm về từng nội dung được nêu trong phiếu học tập hoặc trong sách SHS. - Dự kiến sản phẩm: + Câu trả lời của HS; + Một số câu ca dao có sử dụng từ <i>ai</i> hoặc có lời nhắn <i>Ai ơi...</i> + <i>Ai ơi giữ chí cho bền</i> <i>Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.</i> + <i>Ai ơi chớ vội cười nhau</i> <i>Nhìn mình cho tỏ trước sau hãy cười.</i> + <i>Cày đồng đang buổi ban trưa</i> <i>Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày</i> <i>Ai ơi bưng bát cơm đầy</i> <i>Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần</i> + <i>Ai lên Phú Thọ thì lên,</i> <i>Lên non Cổ Tích, lên đền Hùng Vương.</i> <i>Đền này thờ tổ Nam Phương,</i> <i>Quy mô trước đã sửa sang rõ ràng.</i> <i>Ai ơi nhận lại cho tường,</i> <i>Lối lên đền Thượng sẵn đường xi măng.</i> <i>Lên cao chẳng khác đất bằng,</i> <i>Đua nhau lũ lượt lên lăng vua Hùng.</i> Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. Nhiệm vụ 3: Bài ca dao (3) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: làm phiếu 3 H? So với hai bài ca dao đầu, bài ca dao 3 là lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng,	dừng lại mà xem vẻ đẹp của xứ Lạng.

cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu, v.v...

- Đọc bài ca dao 3:

- Tìm hình ảnh của xứ Huế qua các ảnh cô giáo cho sẵn.



H? Em hãy gạch dưới những từ chỉ địa danh trong bài ca dao

H? Việc liệt kê các địa danh nổi tiếng của xứ Huế như Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ngã ba Sinh gọi cho em ấn tượng gì?

H? Từ “lời đồn” trong dòng thơ thứ ba thuộc loại từ nào, việc sử dụng từ đó có tác dụng gì? Cảm nhận của em về hình ảnh bóng ngả trăng chênh, tiếng hò xa vọng,...?

H? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Thảo luận nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn

- Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

3. Bài ca dao (3)

- Lục bát biến thể:

+ Số tiếng : hai dòng đầu: đều có 8 tiếng (không phải lục bát, một dòng 6 tiếng, một dòng 8 tiếng);

+ Về thanh, không tuân theo quy luật bằng – trắc

Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá

B B B T

Đò về Vĩ Dạ, thẳng ngã ba Sinh

B T T B

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.

Nhiệm vụ 4: Tổng kết

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS:

H? Em hãy cho biết tác giả dân gian đã sử dụng thể thơ gì để sáng tác ca dao?

H? Các bài ca dao trữ tình thường bộc lộ tình cảm trực tiếp, cảm xúc của con người.

H? Tình cảm trong các bài ca dao 1, 2, 3 là tình cảm đối với vùng miền nào của đất nước? Tình cảm đó được bộc lộ như thế nào?

HS có thể thấy hình ảnh các miền quê hiện lên trong các bài ca dao rất phong phú: vẻ đẹp thơ mộng, tưởng như mơ màng, lặng lẽ nhưng ẩn chứa sức sống bền bỉ, mãnh liệt của Hồ Tây; con đường lên xứ Lạng sơn thủy hữu tình; con đò trên sông Hương và những miền quê xứ Huế êm đềm;... Như vậy, dù viết về các vùng miền khác nhau (Hà Nội, Lạng Sơn, Huế); miêu tả những phong cảnh đặc sắc của mỗi miền nhưng chùm ca dao đã thể hiện tình yêu thiết tha, sâu nặng đối với quê hương đất nước. Tình yêu đó có khi lặng lẽ, kín đáo như trong bài ca dao 1; cũng có khi thốt lên thành lời thơ tha thiết: Ai ơi đứng lại mà trông (bài ca dao 2); Tiếng hò xa vọng nặng tình nước non (bài ca dao 3).

H? Qua chùm ca dao trên, em cảm nhận được gì về tình cảm của tác giả dân gian đối với quê hương đất nước?

H? Em hãy vẽ sơ đồ tư duy về bài học chùm ca dao về quê hương đất nước?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- Vẻ đẹp nên thơ nhưng trầm buồn của xứ Huế - Huế đẹp với sông nước menh mang, với những điệu hò mái nhì mái đẩy thiết tha, lay động lòng người.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Thể thơ lục bát và lục bát biến thể, phù hợp với việc tâm tình, bộc lộ tình cảm, cụ thể ở đây là tình yêu quê hương đất nước.

2. Nội dung

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.

- Chùm ca dao thể hiện tình yêu tha thiết và lòng tự hào của tác giả dân gian đối với vẻ đẹp của quê hương đất nước.



3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải bài tập.

b. Nội dung: Em hãy tìm một bài ca dao mà em thích, phân tích cấu trúc thể thơ lục bát.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: : Em hãy tìm một bài ca dao mà em thích, phân tích cấu trúc thể thơ lục bát..

-HS làm bài , báo cáo kết quả.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức làm bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.

- HS làm bài
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

2.2 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT



I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

- HS thực hiện, giải quyết các yêu cầu, bài tập của phần *thực hành tiếng Việt*;
- HS hiểu và phân biệt rõ từ đồng âm, từ đa nghĩa, cách dùng một số từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc và điển hình.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận diện và phân biệt các từ đồng âm, từ đa nghĩa, cách dùng một số từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc và điển hình.

3. Phẩm chất

- Yêu tiếng việt, thích và sử dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS:

SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo không khí học tập hấp dẫn, gây gấn, kích thích hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV chiếu video, câu hỏi

<https://www.youtube.com/watch?v=jhvh4aMiycY> (chiếu từ đoạn 4 phút 11 giây – đến đoạn 5 phút 16 giây.)

trích Hồ già gạo:

Này hỡi anh ơi, cho em hỏi anh:

Trăm trăm loại dầu, có dầu chi là dầu không thấp?

Trăm trăm thứ bắp, có bắp chi là bắp không rang?

Trăm ngàn thứ than, có than chi là than không quạt?

Trăm ngàn thứ bạc, có bạc chi là loại bạc không đổi, không tiêu?

Trai nam nhi, bên chàng đối đặng, dãi lụa điều em trao.

Nam:

Này hỡi em ơi,

Trăm trăm loại dầu,

có nắng dãi mưa dầu là loại dầu không thấp.

Trăm trăm thứ bắp, có bắp bắp mồm,

Lắp bắp miệng là loại bắp không rang.

Trăm ngàn thứ than, có than thổi,

Thơ than là than không quạt.

Trăm ngàn thứ bạc, có bạc tình,

Bạc nghĩa là bạc không đổi, không tiêu.

Trai nam nhi, anh đà đối đặng, dãi lụa điều có đâu?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

H? Em hãy tìm các từ giống nhau về phát âm và chữ viết của bài hát đối đáp trên ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong các ví dụ trên, chúng ta thấy các từ có thể đồng âm nhưng khác nhau về nghĩa, bên cạnh hiện tượng đồng âm chúng ta cũng thấy có hiện tượng từ thể có nhiều nghĩa và các nghĩa đó có sự liên quan với nhau. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về từ đồng âm và từ đa nghĩa.*

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. **Mục tiêu:** Hiểu được các khái niệm từ đồng âm, từ đa nghĩa

b. **Nội dung:**

- GV yêu cầu HS đọc phần nhận biết từ đồng âm và từ đồng nghĩa
- GV cho học sinh quan sát lại ví dụ:

1. Mẹ tôi ngâm **đỗ** (1) để nấu chè



2. Tôi sung sướng vì đã **đỗ** (2) đầu trong kỳ thi đường lên đỉnh Olympia.



3. Bạn hãy suy nghĩ cho **chín** rồi quyết định!



4. Vườn vải đã **chín** rục



c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp: H? Em hãy cho biết nghĩa của từ đỗ (1) và từ đỗ (2). Các nghĩa đó có liên quan với nhau không? H? Em hãy giải thích nghĩa của từ chín (3) và nghĩa của từ chín (4). Các nghĩa đó có liên quan với nhau không? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Nghĩa của từ đỗ (1): là một loại	1. Từ đồng âm - Từ đồng âm là từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan với nhau 2. Từ đa nghĩa - Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, các nghĩa khác nhau lại có liên quan với nhau.
3. Bạn hãy suy nghĩ cho chín (1) rồi quyết định 	

trạng thái thì cử đã đạt được kết quả tốt như mong muốn, khả quan, trúng tuyển. ⇒ Nghĩa của từ đỗ (1) và đỗ (2) không liên quan đến nhau + Nghĩa của từ chín (3): trạng thái nghĩ kỹ, suy xét thấu đáo, không thể hơn được nữa; Nghĩa của từ chín (4): trạng thái của các sự vật, hiện tượng về thực phẩm (như trái cây, cơm, v.v...), là trạng thái thực phẩm không còn sống, đã đạt đến mức có thể ăn được, ăn ngon, là trạng thái cuối cùng. ⇒ Nghĩa của từ chín (3) và chín (4) có nét tương đồng.(có nét chung về nghĩa) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.	

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học: từ đồng âm, từ đa nghĩa.
- b. **Nội dung:** Gv sử dụng bài tập SGK, học sinh sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc lại kiến thức về từ đồng âm và từ đa nghĩa, hoàn thành lần lượt các bài tập trong SGK. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	3. Luyện tập Bài tập 1 SGK trang 92 a. Lờ mờ bóng ngả trắng chênh. bóng: hình ảnh của vật 

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bài tập 1

GV yêu cầu học sinh quan sát hình ảnh và đọc yêu cầu của bài tập, sau đó cùng thảo luận,

Bài tập 2

GV yêu cầu học sinh quan sát hình ảnh và đọc yêu cầu của bài tập, sau đó cùng thảo luận.

do phản chiếu mà có

b. **Bóng** đã lăn ra khỏi đường biên dọc.



bóng: quả cầu rỗng bằng cao su, da hoặc nhựa, dễ nảy, dùng làm đồ chơi thể thao

c. Mặt bàn được đánh véc-ni thật **bóng**.



bóng: nhẵn đến mức phản chiếu được ánh sáng gần như mặt gương.

⇒ => Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau từ đồng âm.

Bài tập 2 SGK trang 92 – 93

a

- **Đường** lên xứ *Lạng* bao xa.



đường: chỉ khoảng không gian phải vượt qua để đi từ một địa điểm này đến một địa điểm khác

- Những cây mía óng ả này chính là nguyên liệu để làm **đường**.



đường: chỉ chất kết tinh có vị ngọt, dùng trong thực phẩm

- b. Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát

Bài tập 3

GV yêu cầu học sinh quan sát hình ảnh và đọc yêu cầu của bài tập, sau đó cùng thảo luận

Bài tập 4 .

GV yêu cầu học sinh quan sát hình ảnh và đọc yêu cầu của bài tập, sau đó cùng thảo luận



đồng: khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy, trồng trọt.

- Tôi mua cái bút này với giá hai mươi nghìn đồng.



đồng: đơn vị tiền tệ

⇒ Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau từ đồng âm.

Bài tập 3 SGK trang 93

a. Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều **trái**

b. Bố vừa mua cho em một **trái** bóng

c. Cách một **trái** núi với ba quãng đồng.





Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả hoạt động;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.

⇒ **Trái** trong ba ví dụ đều biểu thị sự vật có dạng hình cầu

⇒ **Từ đa nghĩa.**

Bài tập 4 SGK trang 93

a. Con cò có cái **cổ** cao.

Cổ: chỉ một bộ phận cơ thể, nối đầu với thân

b. Con quạ tìm cách uống nước trong một chiếc bình cao **cổ**

Cổ: chỗ eo ở gần nối phần đầu với thân của một đồ vật, giống hình dáng cái cổ

⇒ **Từ đa nghĩa.**

c. Phố **cổ** tạo nên vẻ đẹp của riêng Hà Nội.



Cổ: tính từ, chỉ sự cổ kính, lâu đời, không liên quan gì đến nghĩa của từ **cổ** trong

hai câu a. và b.

⇒ **Từ đồng âm.**

Bài tập 5 SGK trang 93

- Tiếng hò xa vọng **nặng** tình nước non

Nặng: tính chất, mức độ nhiều tình cảm.

- Một số ví dụ có từ **nặng** được dùng với nghĩa khác:

+ Túi hoa quả này **nặng** quá;

+ Em rất buồn vì bà nội bị ốm **nặng**.

⇒ **nặng ở đây là từ đa nghĩa.**

4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nói về tình yêu quê hương đất nước của em, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một từ đồng âm và một từ đa nghĩa.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

2.3 Đọc văn bản 2: CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH (Lâm Vỹ Dạ)



I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thể thơ lục bát thể hiện qua bài thơ.
- HS nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- HS cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Chuyện cổ nước mình*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chuyện cổ nước mình*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của VB với các VB có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu quê hương, đất nước, tự hào về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh có nội dung liên quan đến VB *Chuyện cổ nước mình*, giới thiệu về các câu chuyện cổ...
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: GV chiếu một số hình ảnh về các câu chuyện cổ có xuất hiện/được nhắc đến trong VB *Chuyện cổ nước mình*, yêu cầu HS trả lời:

H? Các hình ảnh đó đang nhắc đến chuyện cổ nào.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Chúng ta ai cũng thuộc một vài câu chuyện cổ với những kết thúc có hậu. Vẫn nhắc về những câu chuyện cổ với kết thúc có hậu ấy, nhưng Lâm Thị Mỹ Dạ lại thể hiện nó qua thể thơ lục bát – thể thơ mà chúng ta mới cùng tìm hiểu trong những tiết học trước. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu bài thơ Chuyện cổ nước mình của Lâm Thị Mỹ Dạ để thấy được những câu chuyện cổ đã được tái hiện như thế nào và tình yêu quê hương đất nước của nhà thơ.*

2. Hoạt động 2: KHÁM PHÁ TRI THỨC

2.1 TÌM HIỂU CHUNG

a. Mục tiêu: Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm; - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	I. Tác giả, tác phẩm 1. Tác giả - Họ tên: Lâm Thị Mỹ Dạ; - Năm sinh: 1949; - Quê quán: Quảng Bình;
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ.	- Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đằm thắm, trong trẻo, thể hiện một tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả;	

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.	2. Tác phẩm - Rút từ <i>Tuyển tập</i>, NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2011, tr.203.

2.2 TÌM HIỂU CHI TIẾT

- a. **Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: H? Em hãy cho biết thể loại và phương thức biểu đạt của VB. (gợi ý: Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Hãy cho biết những dấu hiệu giúp em nhận ra thể thơ đó). - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định	II. Đọc – hiểu văn bản 1. Tìm hiểu chung - Thể loại: thơ lục bát; - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp biểu cảm;

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng. Nhiệm vụ 2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 3 đội chơi trò Ai nhanh nhất: Dựa vào từ ngữ và các chi tiết được gợi nhắc trong bài thơ, các đội hãy nêu tên những câu chuyện cổ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng. Nhiệm vụ 3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: H? Chuyện cổ đã kể với nhà thơ những điều gì về vẻ đẹp tình người? + <i>Chỉ còn chuyện cổ thiết tha.</i> <i>Cho tôi nhận mặt ông cha của mình.</i> H? Tình cảm của nhà thơ với những câu chuyện cổ được thể hiện như thế	2. Tìm hiểu chi tiết 2.1. <u>Những câu chuyện cổ được gợi ra từ bài thơ</u> - Tấm Cám (<i>Thị thơm thì giấu người thơm/ Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà</i>) - Đẽo cày giữa đường (<i>Đẽo cày theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì</i>) - Sự tích trầu cau (<i>Đậm đà cái tích trầu cau/ Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người</i>) 2.2. Ý nghĩa của những câu chuyện cổ đối với tác giả <u>a. Những vẻ đẹp tình người</u> - Lòng nhân hậu, sự vị tha, độ lượng, bao dung... -> Tôi yêu chuyện cổ nước tôi vì vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa, vì rất công bằng, rất thông minh, vừa độ lượng lại đa tình, đa mang. <u>b. Sự tiếp nối, lưu truyền truyền thống,</u>

nào qua hai dòng thơ trên? + <i>Tôi nghe chuyện cổ thăm thì</i> <i>Lời ông cha dạy cũng vì đời sau</i> H? Hai dòng thơ trên gợi cho em những suy nghĩ gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng. Nhiệm vụ 4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: H? Nêu nội dung và nghệ thuật của	<u><i>lời căn dặn từ ông cha đến con cháu</i></u> - “Chỉ còn chuyện cổ thiết tha Cho tôi nhận mặt ông cha của mình” - Chuyện cổ là nhân chứng, sự lưu giữ những lời căn dặn, những suy nghĩ của ông cha -> Là cái còn lại, còn mãi dấu ông cha có đi xa, dấu đời ông cha với đời tôi/ Như con sông với chân trời đã xa. (Chân trời đã xa: khó để nắm bắt được nữa, con sông: dòng chảy, sự tiếp nối) - Tình yêu chuyện cổ không những là tình yêu sự nhân văn, bao dung, nhân hậu, mà còn là yêu quê hương, tổ tiên, đất nước, yêu những giá trị tinh thần truyền thống. - “Tôi nghe chuyện cổ thăm thì Lời ông cha dạy cũng vì đời sau” + “thăm thì”: thủ thỉ, tâm tình, nói nhỏ nhưng bền bỉ “chuyện cổ thăm thì”: mạch nguồn âm ỉ, bền bỉ; + “Lời ông cha dạy cũng vì đời sau” sự yêu thương của thế hệ trước dành cho thế hệ sau. - Những câu chuyện cổ “vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”: những câu chuyện cổ không bao giờ cũ, là viên ngọc vẫn tiếp tục tỏa sáng trong cuộc

văn bản? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	sống hiện tại. Những bài học từ những câu chuyện cổ vẫn luôn đúng và vẹn nguyên giá trị. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Dùng thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc để nói về những giá trị truyền thống, nhân văn. - Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình, thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, đắm sâu, nhưng đầy tự hào. 2. Nội dung - Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.

3. Hoạt động 3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để hoàn thành bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

H? Hãy kể một câu chuyện cổ tích mà em yêu thích nhất?

c. **Sản phẩm:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức làm bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Đời cha ông với đời tôi

Như con sông với chân trời đã xa

Chỉ còn chuyện cổ thiết tha

Cho tôi nhận mặt ông cha của mình

- GV gợi ý: Chú ý phân tích thể thơ lục bát có tác dụng như thế nào trong việc biểu hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhà thơ; chú ý đến các từ ngữ, các quan hệ từ, biện pháp tu từ, v.v...
- HS làm bài
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

2.4 Đọc văn bản 3: CÂY TRE VIỆT NAM (Thép Mới)



I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Hình ảnh cây tre trong đời sống và tinh thần của người Việt Nam.
- Những đặc điểm nổi bật về giọng điệu, ngôn ngữ của bài kí.
- Cảm nhận được một số chi tiết nghệ thuật đặc sắc.
- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu; cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,.. . Nhận ra PTBĐ chính: miêu tả kết hợp biểu cảm, thuyết minh, bình luận.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề.
- Năng lực tự quản bản thân.

- Năng lực giao tiếp.
- Năng lực hợp tác.

b. Năng lực riêng

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Cây tre Việt Nam.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Cây tre Việt Nam.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

3. Về phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: tình yêu, niềm tự hào đối với quê hương đất nước, với biểu tượng cây tre của dân tộc Việt Nam.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Sự chuẩn bị của giáo viên

- Kế hoạch dạy học, SGK, SGV.
- Thiết kế bài giảng Powerpoint.
- Phương tiện: Máy tính, máy chiếu, loa,...
- Học liệu: Video clip, tranh ảnh, câu nói nổi tiếng liên quan đến chủ đề.
- Phiếu học tập:

+ Phiếu số 1

	Làm việc nhóm H? Vẻ đẹp của cây tre được thể hiện như thế nào? Thể hiện phẩm chất gì của con người Việt Nam?  - Hình dáng:..... → - Màu sắc:..... → - Môi trường sống: →

+Phiếu số 2:

2. Sự chuẩn bị của học sinh

- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi trong SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS, HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b) **Nội dung:** GV nêu một số câu hỏi gợi mở vấn đề.

c) **Sản phẩm:** HS trả lời được nội dung các câu hỏi.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: H? Quan sát hình ảnh sau đây và cho biết các đồ dùng trên được làm từ chất liệu gì?  H? Nêu thêm một số công dụng của tre mà em biết? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS) - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận (HS) - HS trả lời câu hỏi Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV dẫn dắt vào bài học mới: Cây tre là hình ảnh gắn gũi với đời sống của người dân Việt Nam. Vậy với “Cây tre Việt Nam” của Thép Mới, hình ảnh cây tre được hiện lên mang những vẻ đẹp nào? có ý nghĩa gì? Hôm nay chúng ta cùng nhau tìm hiểu.	- HS chú ý câu hỏi và trả lời

2. Hoạt động 2: KHÁM PHÁ TRI THỨC

1. Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG

a. **Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV trình chiếu hình ảnh về tác giả,	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả

yêu cầu HS:



H? Hãy nêu một vài nét chính về tác giả, tác phẩm?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi bảng.

- Là nhà văn, nhà báo nổi tiếng chuyên viết về đề tài Chiến tranh Đông Dương và Chiến tranh Việt Nam.

2. Tác phẩm

- VB *Cây tre Việt Nam* là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà làm phim Ba Lan.

2. Hoạt động 2: TÌM HIỂU CHI TIẾT (Đọc – hiểu văn bản)

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản *Cây tre Việt Nam*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc và đọc mẫu: Đoạn đầu đọc với giọng trầm lắng, suy tư, phía sau ngọt ngào, dịu dàng khi thì khẩn trương sôi nổi, khi thì phấn khởi, hân hoan, thủ thỉ... H? Dựa vào VB vừa đọc, em hãy nêu thể loại, phương thức biểu đạt và bố cục của VB. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	II. Đọc – hiểu văn bản 1. Đọc 2. Thể loại, bố cục - Thể loại: bút ký chính luận trữ tình, giới thiệu phim tài liệu; - Phương thức biểu đạt: miêu tả kết hợp biểu cảm - Bố cục: 4 phần: + Từ đầu... <i>như người</i>: giới thiệu về cây tre trong mối quan hệ với con người Việt Nam. + Tiếp... <i>chung thủy</i>: tre – người bạn

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng.

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV trình chiếu đoạn văn, yêu cầu HS quan sát, **thảo luận nhóm tổ (5p)** hoàn thành phiếu bài tập sau:

+ Phiếu số 1

	Làm việc nhóm H? Vẻ đẹp của cây tre được thể hiện như thế nào? Thể hiện phẩm chất gì của con người Việt Nam?  - Hình dáng:..... → - Màu sắc:..... → - Môi trường sống: →

H? Từ những biểu hiện của cây tre cho em liên tưởng đến ai? Tác giả đã sử dụng BPTT nào?

H? Vì sao tác giả có thể khẳng định: “Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam”?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Nhóm HS báo cáo kết quả;

- GV gọi nhóm HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng.

GV giảng: Tre đã trở thành một biểu

gắn bó với đời sống sinh hoạt của người dân Việt Nam;

+ Tiếp... **chiến đấu!**: tre đồng hành chiến đấu cùng dân tộc Việt Nam;

+ Còn lại: Hình ảnh cây tre khi Việt Nam đã giành chiến thắng (tre gắn với đời sống tinh thần) và tre trong tương lai.

3. Tìm hiểu văn bản

2.1. Vẻ đẹp của cây tre

- Vẻ đẹp của cây tre:

+ Hình dáng: *mọc mọc và thanh cao; mọc thẳng*, dáng gầy, cao → Phẩm chất thanh cao, thẳng thắn, bất khuất.

+ Màu sắc: *tươi nhũn nhện*, màu xanh bình dị → tính cách khiêm tốn, nhún nhường.

+ Môi trường sống: *mọc xanh tốt ở mọi nơi* → dễ thích nghi, không kén chọn.

→ **Sử dụng các biện pháp nhân hóa, so sánh với phẩm cách của con người** → Hình ảnh cây tre là hình ảnh con người VN, vẻ đẹp cao quý của tre tượng trưng cho vẻ đẹp của dân tộc VN trong chiến đấu và dựng xây.

tượng sáng giá qua phép nhân hóa, điệp từ “tre”, hệ thống các tính từ đã nhấn mạnh phẩm chất của tre: sức sống kì diệu, mạnh mẽ với những vẻ đẹp riêng, mang những giá trị cao quý: thanh cao, giản dị, chí khí. Phẩm chất tốt đẹp này của tre cũng chính là phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam trên những chặng đường vẻ vang của lịch sử.

HẾT TIẾT 1

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS thảo luận nhóm (5p) phát họa ý nghĩa của cây tre thông qua phiếu bài tập. Mỗi tổ được phân công nhiệm vụ như sau:

H? Tìm các chi tiết biểu hiện và cho biết tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì để thể hiện ý nghĩa của cây tre đối với người dân Việt Nam?

Nhóm 1: Trong đời sống vật chất

Câu hỏi bổ sung:

Cho HS quan sát tranh

H? Những hình ảnh này khẳng định tre có mối quan hệ như thế nào với con người Việt Nam?

Nhóm 2: Trong đời sống tinh thần

Câu hỏi bổ sung

Nhóm 3: Trong chiến đấu

Câu hỏi bổ sung:

H? Bên cạnh việc chỉ ra những yếu tố về nội dung, em hãy chỉ ra các yếu tố nghệ thuật (lối viết giàu nhạc tính, nhịp điệu) đã góp phần thể hiện cảm xúc của nhà văn và khơi gợi cảm xúc của người đọc về hình ảnh gần gũi, sự thân thuộc của tre.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm báo cáo kết quả.

2.2. Ý nghĩa của tre đối với nông dân, người dân Việt Nam

a. Trong cuộc sống sinh hoạt, lao động

- Là cánh tay, là phương tiện phục vụ lao động, là niềm vui của tuổi thơ, sự khoan khoái của tuổi già.

-> *Biện pháp nhân hóa, so sánh, điệp ngữ, hình ảnh chọn lọc, âm điệu trầm bổng thiết tha → Tre gần bó khăng khít, bền chặt, thủy chung với con người*

b. Trong đời sống tinh thần

- Tre là nguồn vui, là phương tiện giúp con người biểu lộ tình cảm qua âm thanh nhạc cụ bằng tre

-> Lời văn giàu nhạc điệu, nhân hóa
→

c. Trong chiến đấu

- Tre là vũ khí, đồng chí

- chống lại sắt thép quân thù

- Xung phong vào xe tăng, đại bác

- Giữ làng, giữ nước, ...

- Hi sinh để bảo vệ con người

-> *Giọng điệu hào hùng, lời văn biểu cảm, điệp từ, nhân hóa → Sức mạnh, công lao của tre trong kháng chiến. Là vũ khí, là đồng chí, là đồng đội sát cánh sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì Tổ quốc*

- GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định. - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. GV bình luận: Hình ảnh bóng tre (được mượn từ câu thơ của Tố Hữu “Bóng tre trùm mát rượi”), bóng tre, dưới bóng tre được lặp lại tạo nên giọng văn nhẹ nhàng, mênh mang, biểu cảm, gợi ra một vẻ đẹp của lũy tre, vẻ êm đềm của xứ sở, vẻ đẹp của nền văn hóa lâu đời của dân tộc qua hàng nghìn năm lịch sử. Tre trở nên thân thuộc, gần bó, đáng yêu. GV giao bài tập về nhà: Từ những nội dung được tìm hiểu, hãy tóm tắt nội dung ý nghĩa của tre bằng sơ đồ tư duy. Nhiệm vụ 4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: H? Em hãy chỉ ra những hình ảnh trong VB mà nhà văn nói về tre trong tương lai; H? Em đang sống ở thời điểm “ngày mai” mà tác giả nhắc đến trong VB, “khi sắt thép có thể nhiều hơn tre nữa”. Theo em, vì sao cây tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc với đất nước, con người Việt Nam? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. Nhiệm vụ 5: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB;	c. <u>Vị trí của tre trong tương lai</u> - Khẳng định: “sắt thép có thể nhiều hơn tre nữa”, nhưng tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc, bởi: + Tre đã gắn với con người Việt Nam qua rất nhiều thế hệ, hình ảnh của tre là thân thuộc Hình ảnh có sự kế tiếp, từ đời này sang đời khác truyền cho nhau; Tin tưởng vào truyền thống văn hóa: <i>uống nước nhớ nguồn</i>. + Tre có sức sống mãnh liệt, ở đâu cũng có thể sống được; + Tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam; III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu; cách sử dụng các biện pháp tu từ,

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	điệp ngữ, hoán dụ,... Thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết. 2. Nội dung - Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam;

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải bài tập.

b. **Nội dung:** Em hãy tìm một bài ca dao, thơ về cây tre mà em biết

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:

H? Hãy tìm một số bài ca dao hoặc bài thơ về cây tre mà em biết?

-HS làm bài , báo cáo kết quả.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức làm bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về cây tre

- HS làm bài

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

B. VIẾT

TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS lựa chọn đề tài và vận dụng những hiểu biết về thể thơ để tập làm một bài thơ lục bát;

- HS viết được bài văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát;

- HS yêu thích và bước đầu có ý thức tìm hiểu thơ văn.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất

- Giáo dục tình cảm yêu mến thơ ca, tự hào về ngôn ngữ phong phú của đất nước.
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.
Tự lập, tự tin, tự chủ ; giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt..

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; máy chiếu.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS:

SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: - Giao nhiệm vụ

- GV nêu tên trò chơi: giải đố,
- Phổ biến luật chơi: Có 4 miếng ghép, mỗi miếng ghép chứa một câu đố, HS nào được lựa chọn sẽ được mở miếng ghép, trả lời đúng câu đố được thưởng điểm đồng thời một miếng ghép có chứa hình ảnh sẽ được mở ra. HS nào đọc đúng bài ca dao miêu tả về những hình ảnh ấy sẽ được thưởng điểm
- GV chiếu một bảng có chứa các câu đố, yêu cầu HS lật các miếng ghép và suy nghĩ trong 5 giây. Trả lời câu hỏi.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS lật các miếng ghép và suy nghĩ trong 5 giây. Trả lời câu hỏi.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ về những hiểu biết về thơ lục bát.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Cày trên đồng ruộng trắng phau
Khát xuống uống nước giếng sâu đen ngòm?
(Là cái gì? - Cái bút mực)
-Đến đây hỏi khách tương phùng
Con gì mọc cánh dạo cùng nước non
(Là cái gì) Chiếc thuyền buồm

- Đố ai giải phóng Thăng Long
Nửa đêm trừ tịch quyết lòng tiến binh.
Đồng Đa, sông Nhị vườn mình.
Giặc Thanh vỡ vụng, cường binh tươi bởi
Là ai (Quang Trung – Nguyễn Huệ)

Rõ ràng một nửa là “đường”
Dai như kẹo kéo, dẻo dường kẹo nha.
Đen như bánh mật chẳng ngoa
Thế nhưng độc lắm ai mà dám ăn
(Là từ gì – nhựa đường)

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

GV lưu ý: HS tiến hành chơi, có thể có nhiều HS được đoán khi chưa đúng.

- Khi miếng ghép cuối được mở ra GV có thể hỏi thêm những câu hỏi sau:
H? Những bức ảnh này nói về thắng cảnh đẹp của vùng miền nào trên đất nước ta?

- H? Bài ca dao miêu tả vẻ đẹp ấy gồm mấy dòng thơ, mỗi dòng có mấy tiếng
- HS trả lời
 - GV hỏi tiếp: Vậy thể thơ gồm một hoặc nhiều cặp câu thơ với một câu 6 tiếng, một câu 8 tiếng thuộc thể loại văn học nào?
 - Nếu HS trả lời là lục bát thì GV có thể hỏi: Em biết được gì về đặc điểm của thể thơ này
 - GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: Qua những bài ca dao và thơ làm theo thể lục bát được học trong bài, em đã nắm được những đặc điểm cơ bản của thể thơ này. Dựa trên những hiểu biết đó, Hãy đọc 1 bài thơ lục bát mà em biết.
 - GV có thể đưa ra một số câu hỏi gợi mở nhằm khơi gợi, tạo không khí: Em hãy đọc cho cả lớp nghe một bài thơ lục bát em thích. Em đã từng tập làm thơ lục bát chưa? Có thể chia sẻ với cả lớp bài thơ của em được không?
 - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài tập làm thơ lục bát

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu đối với bài tập làm thơ lục bát.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Theo em, yêu cầu đối với một bài tập làm thơ lục bát là gì? - GV gợi ý: + Làm một bài thơ lục bát có cần tuân theo vận luật của thơ lục bát không? + Ngôn ngữ và nội dung của bài thơ phải như thế nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung	1. Yêu cầu đối với một bài tập làm thơ lục bát - Đúng luật của thơ lục bát; - Nội dung gần gũi, phù hợp với lứa tuổi, bộc lộ những tình cảm đẹp đẽ, chân thành; - Ngôn ngữ thích hợp, sinh động, gợi cảm.

câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

2.2. Hoạt động 2: Thực hành tập làm một bài thơ lục bát theo các bước

a. Mục tiêu: Hiểu được cách làm một bài thơ lục bát.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gợi dẫn: Sáng tác một bài thơ không phải là điều dễ dàng. Nhưng em có thể thử sức để hiểu rõ hơn cách mà một bài thơ xuất hiện. Đó quả thật là một điều kỳ diệu! - GV yêu cầu HS: xác định đề tài, tập gieo vần, phát triển ý tưởng GV cho HS làm bài tập SGK: Tập gieo vần bằng cách chọn những tiếng và từ ngữ thích hợp vào các đoạn thơ: + <i>Tiếng chim.....</i> <i>.....rơi nghiêng.</i> + <i>Tre già.....</i> <i>.....đất tròn.</i> GV nhận xét ví dụ HS làm. + Hình dung cụ thể về đề tài em định viết. Thử tìm một nhan đề thích hợp cho bài thơ theo đề tài mà em định chọn; + Bắt đầu bằng cách thử viết dòng 6 đầu tiên, cặp lục bát đầu tiên. Chú ý sử dụng số tiếng, lựa chọn vần, ngắt nhịp theo đúng quy định của thể thơ lục bát; + Viết những dòng lục bát tiếp theo; + Thử phát triển ý tưởng, cảm xúc và	2. Các bước tiến hành a. Khởi động viết - Tập gieo vần, Tìm từ ngữ phù hợp. - Xác định đề tài. b. Thực hành viết c. Chỉnh sửa

hình ảnh thơ theo nhiều cách khác nhau. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. Gv tiểu kết phần thực hành: Thi làm thơ PP: Trò chơi. - Thành lập hai đội chơi - GV phổ biến luật chơi. - GV nêu VD chơi thử. - HS tiến hành chơi trò chơi làm thơ lục bát về chủ đề thầy cô, bạn bè, mái trường hoặc về chính quê hương em. - Đội 1 xướng câu lục, đội 2 đối câu bát trong thời gian 30s và ngược lại. Tính số lượt thắng thua. Sau 5-7 lần chơi sẽ thông báo kết quả. GV làm trọng tài. HS tiến hành chơi. Đội thắng sẽ được những tràng pháo tay cổ vũ.	

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát;

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời. HS biết chia sẻ cảm xúc về một bài thơ mà các em yêu thích.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi cho HS: + Trong những tiết học trước, chúng ta đã học viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. Em hãy nhắc lại yêu cầu đối với một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. + Theo em, yêu cầu đối với một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát cần đáp ứng những yêu cầu gì? Có gì giống và khác giữa thể hiện cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả với thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát? - GV gợi ý: + Có cần nêu tên tác giả, tên bài thơ đó không? + Có cần nêu cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ lục bát đó không? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	2. Yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát - Giới thiệu bài thơ, tác giả (nếu có); - Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một số khía cạnh nội dung của bài thơ; - Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, v.v...)

2.4. Hoạt động 4: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn kể lại một trải nghiệm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để cùng đọc VB trong SGK và phân tích VB theo các chỉ dẫn (bên phải) trong SGK. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	3. Đọc và phân tích bài viết tham khảo - Giới thiệu bài ca dao (thơ lục bát); - Nêu cảm xúc về nội dung chính của bài ca dao; - Nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài ca dao.

2.5. Hoạt động 5: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được cách viết đoạn văn;

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc; - GV hướng dẫn HS tìm ý và hoàn thành vào Phiếu học tập (đính kèm trong phần <i>Hồ sơ dạy học</i>). - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	4. Các bước tiến hành Trước khi viết - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý Viết bài Chỉnh sửa bài viết

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm;

- GV yêu cầu HS:

+ Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SGK;

+ Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu Phiếu học tập (đính kèm trong phần **Hồ sơ dạy học**).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

3. Hoạt động 3 : LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Dựa vào phiếu chỉnh sửa, hãy chỉnh sửa lại đoạn văn của em cho hoàn chỉnh.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

C. NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ TÌNH CẢM CỦA CON NGƯỜI VỚI QUÊ HƯƠNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS biết trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương. Lòng tự hào về cảnh sắc, truyền thống văn hóa của nơi mình sinh ra và lớn lên.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Tự tìm hiểu về yêu cầu của các bài văn được học, sử dụng ngôn ngữ để chia sẻ tình cảm về quê hương; Năng lực sáng tạo, cách viết mới, ngôn từ độc đáo, mới lạ.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.
- *Nhân ái*: Học sinh biết tôn trọng, yêu thương và tự hào về con người và cảnh sắc quê hương.
- *Chăm học, chăm làm*: có ý thức vươn lên trong học tập để bày tỏ tình cảm, cảm xúc một cách thích hợp, biết vận dụng bài học vào tình huống thực tế, có ý thức học hỏi không ngừng.
- *Trách nhiệm*: trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với quê hương, để thành người công dân có ích.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện: Hoạt động nhóm, cá nhân

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

H? Quê hương em có điều gì đặc biệt khiến em ấn tượng hay nhớ mãi? Điều đặc biệt đó khiến em cảm thấy như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân
- Từ chia sẻ của HS, GV: cho hs xem 1 đoạn video đã chuẩn bị về nơi các em đang sinh sống. Hoặc nghe một bài hát về quê hương...

GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng thực hành trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương.*

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài. Giúp học sinh định hướng nội dung bài học, có hứng thú hơn trong việc học tập, khai thác và lĩnh hội kiến thức.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe; - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: lựa chọn đề tài, nội dung nói, tìm ý dựa vào trải nghiệm của chính HS; - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói, bằng các câu hỏi: Em muốn kể về điều gì của quê hương? Mục đích chia sẻ của em về điều e kể là gì? GV hướng dẫn hs ghi chú ngắn gọn nội dung sẽ trình bày để hỗ trợ HS trong quá trình nói. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV yêu cầu HS luyện nói theo cặp\ nhóm. GV giao nhiệm vụ cho từng cặp HS thực hành theo phiếu ghi chú đã xây dựng. (Mỗi HS trình bày 5-7). Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến	1. Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành Trước khi nói - Lựa chọn đề tài, nội dung nói. - Tìm ý, lập ý cho bài nói; - Chỉnh sửa bài nói. Lưu ý: khi trình bày bài nói, cần tập trung vào mục đích nói, nêu lên suy nghĩ của em về tình cảm của con người, sự gắn bó với quê hương, cần liên hệ tình cảm của e với quê hương mình. Tiếp thu những nhận xét, góp ý để phần trình bày mình hay hơn, Tập nói rõ ràng, điều chỉnh ngữ điệu phù hợp.

bài học;(Bài trình bày có tập chung vào chủ đề không, ngôn ngữ sử dụng có phù hợp với mục đích nói và đối tượng tiếp nhận không, khả năng truyền cảm hứng thể hiện thế nào ở ngôn ngữ, âm lượng, nhịp điệu, giọng nói, cách phát âm.....

- Các nhóm tìm ý, luyện nói.

-Hoạt động Trao đổi về bài nói

GV lưu ý HS (với tư cách người nói) lắng nghe những trao đổi của bạn một cách tích cực, chủ động.

+ Tiếp thu những góp ý của bạn mà mình thấy hợp lí.

+ Giải thích những điều bạn muốn làm rõ hơn

+ Trao đổi lại với bạn về những ý kiến khác biệt.

- GV hướng dẫn HS (với tư cách người nghe) trao đổi, góp ý về nội dung nói, cách nói của bạn;

+ Bạn đã trình bày hấp dẫn, rõ ràng, mạch lạc nội dung vấn đề chưa?

+ Bài trình bày có tập trung vào việc thể hiện suy nghĩ về tình cảm gắn bó của con người với quê hương không?

+ Ngôn ngữ sử dụng có phù hợp với mục đích nói và đối tượng tiếp nhận không?

+ Nhịp điệu, tốc độ, cách phát âm đã thực sự tạo được sức hấp dẫn, lôi cuốn chưa?

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời về đề tài, nội dung, các ý trong bài nói;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

Nhiệm vụ 2: Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói, khi lắng nghe. Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày. *Hình thành năng lực:* Thuyết trình

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS, nhận biết được nói nghe tương tác: *có nghĩa*

- Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về 1 vấn đề, biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi một số HS trình bày trước lớp; - có thể nói theo cặp, luyện nói theo phiếu ghi chú đã xây dựng. -GV hướng dẫn HS thực hành nói: Cần chú ý đặc điểm yếu tố kèm lời và phi ngôn ngữ trong khi nói như ngữ điệu, tư thế, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ... - GV hướng dẫn các HS còn lại đánh giá bài nói/phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Một số HS nói trước lớp; - Hai hoặc ba cặp trình bày trước lớp. - Các HS còn lại lắng nghe và điền vào phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	2. Trình bày bài nói 3. Đánh giá bài nói

- GV gọi HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, góp ý cho bài nói của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS lắng nghe, đánh giá bài của bạn bằng phiếu đánh giá (Mức độ 5 là mức độ tốt nhất)

GV có thể hỏi thêm về ấn tượng của HS khi nghe bài trình bày của bạn bằng câu hỏi gợi dẫn: *Em có đồng ý với những suy nghĩ của bạn về tình cảm của con người với quê hương không? Suy nghĩ của em về vấn đề này có tương đồng với suy nghĩ của bạn không? Em thích điều gì nhất trong phần trình bày của bạn? Theo em, bài nói của bạn có nhận được sự đồng cảm của người nghe không? Em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
+ Tiếp thu những góp ý của bạn mà mình thấy hợp lí.

+ Giải thích những điều bạn muốn làm rõ hơn

+ Trao đổi lại với bạn về những ý kiến khác biệt.

- GV hướng dẫn HS (với tư cách người nghe) trao đổi, góp ý về nội dung nói, cách nói của bạn;

+ Bạn đã trình bày hấp dẫn, rõ ràng, mạch lạc nội dung vấn đề chưa?

+ Bài trình bày có tập trung vào việc thể hiện suy nghĩ về tình cảm gắn bó của con người với quê hương không?

+ Ngôn ngữ sử dụng có phù hợp với mục đích nói và đối tượng tiếp nhận

không? + Nhịp điệu, tốc độ, cách phát âm đã thực sự tạo được sức hấp dẫn, lôi cuốn chưa?	

3 . Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để nói và nghe. liên hệ thực tiễn

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc, Nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm, kt “mảnh ghép” Động não, hợp tác

d. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS. - Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

4 . Hoạt động 4: VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS tự hoàn thành các nội dung *Củng cố, mở rộng* ở nhà:

+ Đọc lại các VB *Chùm ca dao về quê hương đất nước, Chuyện cổ nước mình, Cây tre Việt Nam* và xác định lại nội dung, nghệ thuật nổi bật của các VB để hoàn thành bài tập 1.SGK-116.

BT 2:+ Em có thể tìm thêm các bài ca dao, thơ lục bát và thực hành đọc diễn cảm.

THỰC HÀNH ĐỌC

GV cho HS tự thực hành đọc văn bản *Hành trình của bầy ong* (Nguyễn Đức Mậu) ở nhà, gợi ý HS chú ý đến những đặc điểm của thể thơ lục bát được thể hiện trong bài thơ; vẻ đẹp của quê hương, đất nước; ý nghĩa được gợi lên từ “hành trình của bầy ong”.

Mục lục:

1. PHIẾU ĐÁNH GIÁ:

TIỂU CHÍ	BIỂU HIỆN	Mức độ đạt được.				
		1	2	3	4	5
1. Khả năng thành thạo khi nói 2,Nội dung nói,	1.1: Nói lưu loát, phát âm chuẩn, trôi chảy. 1.2: Nói truyền cảm, ngữ điệu, âm lượng, phù hợp, hấp dẫn. 2.1 Nội dung bài tập btrung vào					

3.sử dụng từ ngữ.	vấn đề chính					
	2.2: Nội dung trình bày phong phú, hấp dẫn.					
4.Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp.	3.1 Sử dụng từ vựng chính xác, phù hợp.					
	3.2 Sử dụng từ ngữ hay. ấn tượng.					
5. Mở đầu và kết thúc	4.1- Dáng vẻ, tư thế, ánh mắt, nét mặt phù hợp với nội dung thuyết trình.					
	4.2- Cử chỉ tạo ấn tượng thể hiện thái độ thân thiện, giao lưu với người nghe.					
	5.1- Mở đầu và kết thúc ấn tượng.					

2. PHIẾU GHI CHÚ

Bài học:

Tên nhóm/học sinh thực hiện:

Lớp:

Hình thức thực hiện: nhóm 2 HS thảo luận

Thời gian: 10 phút

Chủ đề bài nói:.....

1. Mở bài:

- Những câu thơ, bài hát em biết về quê hương?
- Giới thiệu cảnh đẹp mà em yêu thích: Cảnh gì? Ở đâu?

2. Thân bài:

a) Tả bao quát:

– Quê tên gì? Nằm ở đâu.....

.....

– Quê có những cảnh đẹp gì nổi bật?

Màu sắc, mùi vị chung của toàn cảnh (rộng, hẹp...) như thế nào?

b) Tả chi tiết:

- Cảnh miêu tả cụ thể qua không gian, thời gian, màu sắc, hương vị

.....

.....

- Sinh hoạt của con người trong cảnh

.....

.....

Kết bài: Cảm nghĩ của em đối với cảnh đẹp đã tả , trách nhiệm của bản thân em với quê hương.

.....

2.5 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT



I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nhận biết được biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;

- HS hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận diện và phân tích biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;

- Hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

3. Phẩm chất

- Yêu tiếng Việt.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV cho học sinh chơi cho chơi: Hộp quà bí mật.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho học sinh cùng xem video bài hát “Con chim vành khuyên”

- GV nêu yêu cầu: chỉ ra các biện pháp tu từ mà em đã học có trong lời bài hát?

<https://youtu.be/qPPDxL7t2QU>

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Các em ạ, trong bài hát, tác giả có sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa và so sánh, khiến hình ảnh chú chim vành khuyên hiện lên thật đáng yêu với bộ lông mượt như tơ óng, và có nét đáng yêu, lễ phép, ngoan ngoãn giống như các bạn nhỏ. Các biện pháp nghệ thuật này các em đã học ở những lớp dưới, và hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu thêm biện pháp tu từ hoán dụ.

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Hiểu được các khái niệm về hoán dụ.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS		DỰ KIẾN SẢN PHẨM			
NV1: Tìm hiểu về hoán dụ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK trang 99 – 100. ? Từ áo chàm để chỉ ai? ? Giữa áo chàm với đối tượng em vừa tìm có mối liên hệ gì? ? Từ đó nêu khái niệm hoán dụ và các kiểu hoán dụ? (HS điền vào phiếu học tập).		I. Hoán dụ - Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. - Các kiểu hoán dụ thường gặp: + Hoán dụ dựa trên mối quan hệ toàn thể- bộ phận; + Hoán dụ dựa trên mối quan hệ vật chứa với vật được chứa; + Hoán dụ dựa trên mối quan hệ sự vật - chất liệu...			
<table><tr><th colspan="2">Hoán dụ</th></tr><tr><td>Khái niệm</td><td>Các kiểu hoán dụ</td></tr></table> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực			Hoán dụ		Khái niệm
Hoán dụ					
Khái niệm	Các kiểu hoán dụ				

hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức .	

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học: biện pháp tu từ hoán dụ.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV2: Bài tập 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Hoàn thành bài tập 1/SGK trang 99 – 100; - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ NV3: Bài tập 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 2 SGK trang 100 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gợi ý; - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	II. Bài tập Bài tập 1 SGK trang 99 – 100 <i>Nhắm mắt xuôi tay</i> nói đến cái chết. <i>Mái nhà tranh, đồng lúa</i> chỉ quê hương, làng mạc, ruộng đồng nói chung. <i>Áo cơm cửa nhà</i> nói đến của cải vật chất, những thứ tốt đẹp mà người tốt, hiền lành xứng đáng được hưởng. Bài tập 2 SGK trang 100 - Biện pháp tu từ so sánh, ví khoảng cách giữa <i>Đời cha ông</i> với <i>đời tôi</i> cũng xa như <i>con sông</i> với <i>chân trời</i>. Tác dụng: Tác giả muốn diễn tả ý: giữa các thế hệ luôn có những khoảng cách, nhưng cũng có sợi dây kết nối. - Biện pháp tu từ nhân hóa: gậy tre, chông tre chống lại sắt thép quân thù; Tre xung phong vào xe tăng đại bác. Tác dụng: tăng tính gợi hình, gợi cảm, làm cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn đồng thời nhấn mạnh vai trò và phẩm chất cao quý của cây tre: tre cũng có

NV4: Bài tập 3,4 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và làm các bài tập 3,4 SGK trang 100. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gợi ý; - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	những hành động và đức tính giống con người. Bài tập 3,4/ SGK trang 100 a. <i>Đẽo cày theo ý người ta</i> <i>Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì</i> Liên tưởng đến thành ngữ: Đẽo cày giữa đường; Ý nghĩa: những người không độc lập, không có chính kiến riêng, luôn bị tác động và thay đổi theo ý kiến người khác thì làm việc gì cũng không đạt được kết quả. b. <i>Tre già măng mọc</i>: Thể hiện sự tiếp nối giữa thế hệ trước với thế hệ sau.

4. Hoạt động 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Viết một đoạn văn ngắn (6 – 8 câu) miêu tả vẻ đẹp quê hương em, trong đoạn văn có sử dụng phép hoán dụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Tuần:...

BÀI 5: NHỮNG Nẻo ĐƯỜNG XỨ SỞ

Số tiết: 18 tiết

MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Hiểu được các tri thức ngữ văn (hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôn thứ nhất của du kí);
- Hiểu được công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt).

2. Về năng lực:

- Phân tích được các đặc điểm của du kí thể hiện qua hình thức ghi chép, ngôi kể, trình tự kể;
- Chia sẻ được trải nghiệm của bản thân về nơi mình sống hoặc từng đến;
- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt đảm bảo các bước.

3. Về phẩm chất:

- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

TIẾT ...: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác,...

b. Năng lực riêng biệt

- Nhận biết và phân tích được các đặc điểm nghệ thuật của thể kí.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chiếu video: "Việt Nam ơi", sau đó nêu vấn đề: Sau khi lắng nghe ca khúc "Việt Nam ơi" các em có cảm xúc gì về đất nước Việt Nam của chúng ta?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nêu suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- GV: Trong Bài 5: Những nẻo đường xứ sở mà chúng ta sắp tìm hiểu, chúng ta sẽ được khám phá vùng đảo Cô Tô và hang Én – hai danh lam thắng cảnh nổi tiếng của đất nước. Không chỉ vậy, chúng ta sẽ được biết thêm một thể loại mới – thể loại du kí. Đầu tiên, chúng ta cùng đi vào phần Tri thức ngữ văn.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động: Tìm hiểu giới thiệu bài học và Khám phá tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học, nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí;

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Em hãy đọc phần tri thức ngữ văn	1. Kiến thức trọng tâm a. Kí - Kí là tác phẩm văn học chú trọng ghi

liên quan đến kí, du kí và cho biết kí và du kí là gì. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi lên bảng.	chép sự thật; - Trong kí có kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết. Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc; - Với một số thể loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc. b. Du kí - Du kí là thể loại ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Tuần:...

BÀI 5: NHỮNG NÉO ĐƯỜNG XỨ SỞ
ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
TIẾT ...: VĂN BẢN 1. CÔ TÔ
(Nguyễn Tuân)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong đoạn trích *Cô Tô*. Nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích (từ ngày thứ tư đến ngày thứ năm, thứ sáu trên đảo; miêu tả *Cô Tô* trong trận bão và sau bão); xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi”; nhận biết được các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc;
- Nhận biết được vẻ đẹp của cảnh và người *Cô Tô*. Vẻ đẹp của cảnh *Cô Tô*: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt; vẻ đẹp của con người *Cô Tô*: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ và lặng lẽ bám biển để lao động sản xuất và giữ gìn biển đảo quê hương;
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh...

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cô Tô*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cô Tô*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về đặc sắc nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Yêu mến và tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề, sau đó trình chiếu hình ảnh của đảo Cô Tô.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

+ Kể tên những danh lam thắng cảnh của nước ta mà em đã từng được đến tham quan? Chia sẻ một số điều em quan sát được từ những chuyến đi đó?

+ Quan sát hình ảnh thiên nhiên đảo Cô Tô, từ đó nêu cảm nhận của em về thắng cảnh nổi tiếng này?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ, trả lời câu hỏi;

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Đất nước của chúng ta nổi tiếng với rất nhiều cảnh sắc thiên nhiên nên thơ, đẹp đẽ, là nguồn cảm hứng dạt dào cho các nhà thơ, nhà văn viết nên những tác phẩm hay, chứa chan tình yêu quê hương, con người xứ sở. Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng đến với tác phẩm Cô Tô của nhà văn Nguyễn Tuân để tìm hiểu về cảnh và người Cô Tô cũng như các đặc điểm nổi bật của thể loại kí.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin chính về nhà văn Nguyễn Tuân và tác phẩm Cô Tô.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NHIỆM VỤ 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm * Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Đọc và tìm hiểu nghĩa của những từ được chú thích ở cuối trang; + Em hãy đọc phần thông tin và nêu các nét chính về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * HS thực hiện nhiệm vụ - HS đọc phần thông tin, tìm ra các nét chính về tác giả, tác phẩm. * Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức sau đó ghi lên bảng hoặc trình chiếu slide. NHIỆM VỤ 2: Đọc văn bản và tìm bố cục * Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn và yêu cầu HS: + Ngữ điệu đọc phù hợp với nội dung từng phần của VB (phần miêu tả bão biển đọc khác với phần tả cảnh bình yên trên đảo,...); + Lưu ý trong khi đọc VB, chủ yếu sử dụng các chiến lược hình dung và theo dõi trong khung màu vàng ở bên phải	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: Nguyễn Tuân (1910 – 1987) - Quê quán: Hà Nội - Ông là nhà văn có phong cách độc đáo, lối viết tài hoa, cách dùng từ ngữ đặc sắc. Thể loại sở trường của ông là kí, truyện ngắn. Kí của Nguyễn Tuân cho thấy tác giả có vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực đời sống. Một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân: <i>Vang bóng một thời</i> (tập truyện ngắn), <i>Sông Đà</i> (tùy bút)... 3. Tác phẩm - <i>Cô Tô</i> được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. Bài kí được in trong tập <i>Kí</i>, xuất bản lần đầu năm 1976 4. Đọc – kể tóm tắt - Thể loại: Kí; - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả; - Bố cục: 4 phần + Từ đầu... <i>quỷ khốc thần linh</i>: Cơn bão biển Cô Tô; + <i>Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô... lớn lên theo mùa sóng ở đây</i>: Cảnh Cô Tô một ngày sau bão (điểm nhìn: trên nóc đồn biên phòng Cô Tô);

văn bản; + Dựa vào phần tri thức ngữ văn đã học, em hãy nêu thể loại và phương thức biểu đạt của VB; + Bố cục của VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì? Gợi ý: Theo em, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ những vị trí nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức, sau đó ghi lên bảng hoặc trình chiếu slide.	+ <i>Mặt trời... nhịp cánh</i>: Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô (điểm nhìn: nơi đầu mũi đảo); + Còn lại: Buổi sớm trên đảo Thanh Luân (điểm nhìn: cái giếng nước ngọt ở rìa đảo).

Hoạt động 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản *Cô Tô*;

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NHIỆM VỤ 1: Cảm nhận về sự dữ dội của trận bão trên đảo Cô Tô. * Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát phiếu học tập, yêu cầu học sinh thảo luận theo cặp đôi: PHIẾU HỌC TẬP: Hãy tìm những	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Sự dữ dội của trận bão - Nhà văn sử dụng hàng loạt các từ ngữ cùng phép tu từ so sánh, nhân hóa gây ấn tượng mạnh, tập hợp các từ ngữ trong trường nghĩa chiến trận

từ ngữ và các phép tu từ miêu tả sự dữ dội của trận bão. Chỉ ra tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ, các phép tu từ vừa tìm được trong việc miêu tả cơn bão.	
Danh từ, cụm danh từ	
Động từ, cụm động từ	
Tính từ, cụm tính từ	
Lượng từ	
Phép tu từ + So sánh + Nhân hóa	
Tác dụng:	

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

*** HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh hoàn thành phiếu học tập:
Gợi ý:

- Các danh từ, cụm danh từ: Cánh cung, hỏa lực, trống trận, thủy tộc, quỷ khốc thần linh

- Lượng từ: ba ngàn thước, trăm thước...

- Cụm tính từ + động từ mạnh: buốt, rát, liên thanh quạt lia lịa, trắng mù mù, thúc, âm âm rền rền, vỡ tung, rít lên, rú lên, ghê rợn;

- Biện pháp so sánh:

+ Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim.

-> diễn tả sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão.

- Qua đó, thể hiện cái nhìn độc đáo của tác giả về trận bão biển. Miêu tả cơn bão như trận chiến dữ dội, để cho thấy sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão.

=> Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

+ ...trời đất trắng mù mù toàn bãi như là kẻ thù đã bắt đầu thả hơi ngạt
 + Sóng thúc lẫn nhau mà vào bờ âm âm rền rền như vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm trống trận.
 + Nó rít lên rú lên như cái kiếu người ta vẫn thường gọi là quỷ khốc thần linh.

- Biện pháp nhân hóa:

+ Hình như gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa cánh cung bãi cát, rồi mới tăng thêm hỏa lực của gió.

+ Nó rít lên rú lên...

*** Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trình bày kết quả thảo luận;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

*** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức, sau đó ghi lên bảng hoặc trình chiếu slide.

Giáo viên bổ sung kiến thức: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân, bút pháp tài hoa, miêu tả cảnh thiên nhiên bằng những từ ngữ chiến sự, những từ Hán Việt độc đáo, giàu tính gợi hình.

NHIỆM VỤ 2: Cảm nhận về cảnh Cô Tô sau cơn bão

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chia lớp thành 3 nhóm, các nhóm cùng thảo luận các câu hỏi:

+ Khung cảnh thiên nhiên ở đảo Cô Tô sau bão hiện lên như thế nào (qua hình ảnh, bầu trời, cây, nước biển, mặt trời, ...)?

2. Cảnh Cô Tô sau cơn bão

- Khác với cách miêu tả trận bão biển, biển sau bão không còn được miêu tả bằng những từ ngữ tạo cảm giác mạnh, kịch tính mà được miêu tả bằng các hình ảnh trong sáng, giàu sức sống, gợi không khí yên ả và vẻ đẹp tinh khôi của Cô Tô.

-> Tình cảm yêu mến, gắn bó gần gũi

+ Em có nhận xét gì về cảnh Cô Tô trong và sau bão? Từ đây em có thấy hình ảnh trong thể loại kí có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc? + Em hãy chỉ ra câu văn thể hiện sự yêu mến đặc biệt của tác giả đối với Cô Tô trong đoạn văn từ <i>Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô... theo mùa sóng ở đây</i>. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Gợi ý: - Cảnh đảo Cô Tô sau cơn bão được miêu tả qua các từ ngữ: ▪ + Bầu trời – trong trẻo, sáng sủa, trong sáng ▪ + Núi đảo, nước biển – xanh mướt, lam biếc đậm đà ▪ + Cát – vàng giòn ▪ + Cá – lưới càng thêm nặng mẻ cá già đôi → tài nguyên phong phú - Cảm xúc của tác giả: “càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng đi ra và lớn lên theo mùa sóng nơi đây * Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS của nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức, sau đó ghi lên bảng hoặc	của tác giả đối với mảnh đất này. => Với thể loại kí, tác giả trực tiếp chứng kiến sự vật, sự việc, chú trọng ghi chép sự thật, nên hình ảnh trong kí hiện lên chân thực, cụ thể, rõ nét, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. 3. Cảnh mặt trời mọc trên đảo Cô

chiếu slide.

NHIỆM VỤ 3: Cảm nhận cảnh mặt trời mọc trên đảo Cô Tô

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi: Nhà văn Nguyễn Tuân đã sử dụng những từ ngữ nào để miêu tả cảnh mặt trời mọc trên biển? Em có nhận xét gì về những từ ngữ ấy?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

*** HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

*** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức, sau đó ghi lên bảng hoặc chiếu slide.

NHIỆM VỤ 4: Cảm nhận về cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức dạy học theo trạm, học sinh chia làm 4 đội, từng nhóm nhỏ trong đội sẽ thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự:

(Lưu ý: Giáo viên chia đội sao cho mỗi đội có đủ học sinh phân theo năng lực: yếu – trung bình – khá – giỏi và thứ tự trong đội cũng xếp theo năng lực tăng dần, nhóm thực hiện nhiệm vụ trạm 1 sẽ là nhóm học sinh yếu, đến nhiệm vụ

Tô

- Hình ảnh so sánh độc đáo, mới lạ:

+ Khi mặt trời chưa nhú lên: chân trời trong, sạch như tấm kính

+ Khi mặt trời bắt đầu nhú lên: mặt trời như lòng đỏ trứng thiên nhiên đầy đặn, hồng hào thắm thắm

+ Bầu trời: mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hừng hồng; mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh

=> Bức tranh mặt trời mọc trên đảo Cô Tô được khắc họa rực rỡ, lộng lẫy, nên thơ, hùng vĩ, thể hiện trí tưởng tượng phong phú, lối viết độc lạ, tài hoa;

- Dậy từ canh tư, ra tận mũi đảo ngồi nhìn mặt trời lên → Cách đón nhận công phu và trang trọng, thể hiện tình yêu của tác giả đối với thiên nhiên.

4. Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô

ở trạm cuối là nhóm học sinh giỏi. Từng nhóm năng lực trong đội theo thứ tự đã sắp xếp tiến lên trạm thực hiện nhiệm vụ, điền kết quả thảo luận cặp vào phiếu ghi kết quả đã được phát sẵn, chỉ khi cặp trước thực hiện xong thì cặp tiếp theo mới được thực hiện nhiệm vụ ở trạm sau) Trạm 1 (dành cho học sinh yếu): Em hãy chỉ ra các từ ngữ miêu tả cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô. Trạm 2 (dành cho học sinh trung bình): Em hãy chỉ ra phép tu từ so sánh được sử dụng trong đoạn trích. Trạm 3 (dành cho học sinh khá): Em hãy nêu tác dụng của phép tu từ so sánh mà đội mình vừa tìm được. Trạm 4 (dành cho học sinh giỏi): Em hình dung khung cảnh Cô Tô sẽ như thế nào nếu thiếu chi tiết miêu tả giếng nước ngọt và hoạt động của con người quanh giếng? * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: Trạm 1: Các từ ngữ miêu tả cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô. + cái sinh hoạt của nó vui, đậm đà, mát nhẹ + có không biết bao nhiêu là người đến gánh và múc + bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sạp đổ nước ngọt vào + từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nói	- Sinh hoạt quanh giếng nước ngọt: đông đúc, nhộn nhịp + Phép so sánh: cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền. -> Giếng nước ngọt là một phần không thể thiếu của người dân đảo Cô Tô, là dấu hiệu của sự sống con người trên đảo. Nó vừa là nguồn sống cho dân đảo, vừa ghi dấu sự sống của họ. - Chị Châu Hòa Mãn dụ con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc giàu ý nghĩa, tạo cho người đọc ấn tượng khó quên về khung cảnh, tiềm năng của biển Cô Tô cũng như cuộc sống lao động của những con người mới đang từng ngày từng giờ cống hiến cho sự phồn vinh của đất nước. => Thể hiện tình yêu của tác giả với biển đảo quê hương và sự tôn vinh những người lao động trên đảo.

tiếp đi đi về về

+ anh hùng Châu Hòa Mãn quấy 15 gánh nước

+ chị Châu Hòa Mãn địu con dịu dàng

Trạm 2 + 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ so sánh được sử dụng trong đoạn trích.

+ Cái giếng nước ngọt ở rìa một hòn đảo giữa biển, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền.

-> Phép so sánh khiến hình ảnh sinh hoạt của người dân đảo Cô Tô quanh giếng nước ngọt hiện lên nhộn nhịp, đông vui, đồng thời mang đậm hương quê, hồn quê.

+ Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành

-> Phép so sánh không chỉ tô đậm tình mẹ yêu con bao la của chị Châu Hòa Mãn, mà còn khẳng định thiên nhiên, biển cả như người mẹ hiền mang đến cho con người biết bao sản vật giàu có, trù phú.

Trạm 4: Khung cảnh Cô Tô nếu thiếu chi tiết giếng nước ngọt sẽ thiếu sự sinh động, nhộn nhịp, mất đi sức sống, hơi ấm của con người, chỉ còn là một quần đảo thiên nhiên hoang sơ đơn thuần. Giếng nước ngọt là một phần không thể thiếu trong sinh hoạt của người dân nơi đây, là linh hồn của đảo Cô Tô. Nếu không miêu tả chi tiết này, tác phẩm Cô Tô của Nguyễn Tuân

thực sự đã thiếu đi một chi tiết rất quan trọng. * Báo cáo kết quả và thảo luận - Các đội trả lời câu hỏi theo trạm, báo cáo kết quả; - GV quan sát kết quả từng trạm, * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức, sau đó ghi lên bảng hoặc chiếu slide.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NHIỆM VỤ: * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên hướng dẫn và yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ: Trong <i>Cô Tô</i>, mặt trời lúc bình minh được ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh so sánh đó (có thể liên hệ với cách miêu tả mặt trời lúc bình minh của tác phẩm khác mà em biết). - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Gợi ý: Để chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh so sánh này, trước hết HS cần hình dung được hình ảnh mặt trời lúc mới	- Học sinh trình bày đoạn văn nêu tác dụng của ý nghĩa của hình ảnh so sánh. + Về nội dung: nêu được điểm tương đồng giữa hai sự vật so sánh, từ đó rút ra ý nghĩa, tác dụng của phép so sánh cùng tài năng sử dụng từ ngữ khéo léo, tài hoa, độc đáo của Nguyễn Tuân. + Về hình thức: đảm bảo hình thức một đoạn văn

mọc, từ đó thấy được mối liên hệ giữa sự vật so sánh và sự vật được so sánh. HS cần đưa ra những phán đoán lí giải tại sao tác giả lại so sánh như vậy: Hình ảnh lòng đỏ quả trứng có ngộ nghĩnh không? Nó liên quan và tương đồng với ý miêu tả mâm lễ phẩm được nói tới ở câu sau như thế nào? GV gợi ý cho HS nhớ lại những tác phẩm đã đọc có miêu tả cảnh bình minh để thấy sự độc đáo trong cách miêu tả của Nguyễn Tuân. * Báo cáo kết quả và thảo luận - HS viết đoạn văn ngắn, trình bày bài làm sau khi hoàn thành. - GV gọi HS khác nhận xét, bài làm của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Từ ấn tượng của em về khung cảnh đảo Cô Tô trong văn bản đã học, hãy vẽ một bức tranh thiên nhiên cảnh biển kèm một đoạn văn ngắn (từ 5 – 7 dòng) diễn giải về nội dung bức tranh và thông điệp em muốn gửi gắm qua bức tranh.

- GV nhận xét, đánh giá.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Tuần:...

**BÀI 5: NHỮNG NẸO ĐƯỜNG XỨ SỞ
ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
TIẾT ...: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nhận diện được biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh; chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh;
- HS biết sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh;
- Năng lực sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV trình chiếu các câu văn, câu thơ có sử dụng phép tu từ so sánh hoặc ẩn dụ, yêu cầu học sinh sắp xếp các câu văn, câu thơ đó vào ô “Ẩn dụ” hoặc “So sánh”.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong các tiết học trước, chúng ta đã được học về biện pháp tu từ ẩn dụ và so sánh. Trong tiết học hôm nay, chúng ta tiếp tục nhận diện và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ và so sánh trong các ví dụ cụ thể.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học

a. Mục tiêu: Nhằm được các khái niệm so sánh, ẩn dụ, vận dụng được kiến thức để thực hiện các nhiệm vụ.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Nêu lại kiến thức về biện pháp ẩn dụ và so sánh. Lấy ví dụ cho từng biện pháp. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	I. Khái niệm 1. Ẩn dụ - Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. 2. So sánh - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức, sau đó ghi lên bảng.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học: biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh, nhân hóa.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																
NHIỆM VỤ 1: * Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức chơi điền từ ngữ vào các ô ở cột phải tương ứng với các từ ngữ ở cột trái để chỉ ra những sự vật đã ngầm được nhắc đến. <table border="1"> <tr> <td>quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>mâm bạc</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>mâm bể</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>cái chất bạc nén</td><td>.....</td></tr> </table> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi, viết các từ tương ứng; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. NHIỆM VỤ 2: * Chuyển giao nhiệm vụ	quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ		mâm bạc		mâm bể		cái chất bạc nén		II. Luyện tập Bài tập 1 SGK trang 113 – 114 a. <table border="1"> <tr> <td>quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ</td><td>mặt trời</td></tr> <tr> <td>mâm bạc</td><td>bầu trời sáng và lấp lánh</td></tr> <tr> <td>mâm bể</td><td>mặt biển</td></tr> <tr> <td>cái chất bạc nén</td><td>độ sáng và sự lấp lánh</td></tr> </table> b. Biện pháp tu từ được sử dụng: ẩn dụ -> Tác dụng: làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, cụ thể ở đây là tăng vẻ đẹp cho hình ảnh thiên nhiên ở Cô Tô. Bài tập 2 SGK trang 114 a. Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này	quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ	mặt trời	mâm bạc	bầu trời sáng và lấp lánh	mâm bể	mặt biển	cái chất bạc nén	độ sáng và sự lấp lánh
quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ																	
mâm bạc																	
mâm bể																	
cái chất bạc nén																	
quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ	mặt trời																
mâm bạc	bầu trời sáng và lấp lánh																
mâm bể	mặt biển																
cái chất bạc nén	độ sáng và sự lấp lánh																

- HS trình bày sản phẩm; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	+ <i>Sóng thúc lẫn nhau mà vào bờ âm âm rền rền như vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm trống trận.</i> -> So sánh hình ảnh sóng thúc lẫn nhau vào bờ như vua thủy; so sánh âm thanh của sóng thúc vào bờ với âm thanh của trống trận mà vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm: âm âm, rền rền -> gợi nhịp điệu, độ hăng say, dữ dội của trống trận trong trận chiến => khắc họa sinh động, cụ thể, giàu sức gợi sự dữ dội của những đợt sóng trong cơn bão. + Nó rít lên rú lên như cái kiêu người ta vẫn thường gọi là quỷ khóc thần linh -> So sánh tiếng gió với tiếng khóc của quỷ, không chỉ đơn giản là tiếng khóc của quỷ mà còn là tiếng khóc của quỷ dành cho thần linh, từ đó làm nổi bật được sự kỳ quái, ghê rợn, đáng sợ => Tiếng gió rú rít được tăng sức gợi cảm, khiến người đọc cảm nhận được sự đáng sợ, ghê rợn của gió và thấy được sức mạnh của một cơn bão. Đồng thời thấy được cách lựa chọn hình ảnh so sánh tài hoa, độc đáo, mới lạ của nhà văn Nguyễn Tuân.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên trong đó có sử dụng biện pháp tu từ so sánh hoặc ẩn dụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Tuần:...

BÀI 5: NHỮNG Nẻo ĐƯỜNG XỨ SỞ
ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
TIẾT ...: VĂN BẢN 2. HANG ÉN
(Hà My)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của bài kí *Hang Én*;
- HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người;
- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,...

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hang Én*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hang Én*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của VB với các VB có cùng chủ đề.
- HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người.
- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,...

3. Về phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động của thầy và trò	Yêu cầu cần đạt
HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU	
a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học. b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS. d. Tổ chức thực hiện: Vấn đáp, thuyết trình.	
<i>*GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:</i> Hãy kể tên một số hang động nổi tiếng ở Việt Nam mà em biết. <i>*HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi</i> <i>*GV lắng nghe, đánh giá kết quả.</i> <i>*GV dẫn dắt vào bài học mới:</i> Trong tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu về thể loại kí qua VB <i>Cô Tô</i> của Nguyễn	Huy động những tri thức cần thiết liên quan đến văn bản đọc hiểu *Dự kiến sản phẩm: - Hạ Long: hang Sừng Sốt, động Thiên Cung, hang Đầu Gỗ... - Ninh Bình: động Thiên Hà, động Thủy Cung, hang Bụt, hang Tam Cốc, hang Bích Động ... (thuộc quần thể di sản thế giới Tràng An)

Tuân. Trong tiết học này, chúng ta tiếp tục tìm hiểu thể loại kí qua VB <i>Hang Én</i>.	
HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI Khám phá văn bản Hang Én	
Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung văn bản a. Mục tiêu: Hiểu được các thông tin về tác giả, tác phẩm. b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS. d. Tổ chức thực hiện:	
<i>*GV chuyển giao nhiệm vụ</i> - GV yêu cầu và đặt câu hỏi HS: + Nêu những thông tin cơ bản của VB “Hang Én”? + Dựa vào phần Tri thức ngữ văn đã học trong các tiết trước, em hãy cho biết VB thuộc thể loại nào? + Xác định phương thức biểu đạt của VB? + Bố cục VB gồm mấy phần? Chỉ rõ nội dung của từng phần? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <i>*HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</i> - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + HS nêu những thông tin cơ bản của VB, PTBD, bố cục + Thể loại: Kí. Kể theo trình tự thời gian, tuyến tính Phù hợp với thể loại kí, cho thấy sự tuần tự, câu chuyện trở nên chân thật và người đọc dễ hình dung. <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung	I. Tìm hiểu chung 1. Thông tin về văn bản - Trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình; truy cập: 14/10/2020 - Tác giả: Hà My. 2. Đọc, kể tóm tắt - Thể loại: Kí - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm - Bố cục: 2 phần chính: + Phần 1: Từ đầu... <i>lòng hang chính:</i> Hành trình đi đến hang Én + Phần 2: Còn lại: Khám phá vẻ đẹp bên trong hang Én (Lưu ý Phần 2 có thể chia nhỏ hơn: Tiếp... <i>trần hang cao vài trăm mét:</i> Kích thước của hang Én Tiếp... <i>đôi cánh ấy sẽ lạnh hắt:</i> Những con chim én trong hang Én Tiếp... <i>tạo tác của tự nhiên:</i> vẻ đẹp thiên nhiên ở sau hang Én. Tiếp... <i>tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều:</i> Hang Én khi trời tối. Tiếp... <i>hết:</i> Hang Én vào sáng hôm

câu trả lời của bạn. <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	sau.)
Hạt động 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật của VB <i>Hang Én</i>. b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện:	
NV1: <i>*Chuyển giao nhiệm vụ</i> - GV chia lớp thành 3 nhóm thảo luận: Quan sát Phần I (theo bố cục đã chia) hãy tái hiện lại hành trình đến với Hang Én dựa trên việc trả lời những câu hỏi sau: + Cách thức di chuyển vào hang Én có gì đặc biệt? + Việc đi bộ sẽ cho tác giả cơ hội trải nghiệm những điều kì thú của thiên nhiên như thế nào? + Tìm những chi tiết miêu tả địa hình, cây cối, loài vật trên đường đến hang Én. Những chi tiết này gợi cho em cảm nhận gì về rừng nguyên sinh? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <i>*HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</i> - HS thực hiện nhiệm vụ. <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn. <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Hành trình đến hang Én - “Phải xuyên qua rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao, ngoằn ngoèo, lội khoảng ba mươi quãng suối và sông” Đến được hang Én là một thách thức, đòi hỏi con người có nghị lực, sự quyết tâm, kiên trì và khát vọng chinh phục - Chỉ có cách đi bộ cách duy nhất để đến được hang Én có thời gian để khám phá và hòa mình vào thiên nhiên: + Thách thức, nguy hiểm: dốc cao gập ghềnh; đường mòn, trơn; cây cổ thụ chắn ngang, vòm dây leo giăng kín; lội sông, trèo ngược vách đá cao hiểm trở; + Vẻ đẹp: + một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai; + cây cổ thụ tán cao vút, hoa phong lan nở, nhiều côn trùng, chim chóc; + con đường, thảm cỏ (cách dùng từ “thảm”, không phải “bãi), tiếng chim, đàn cá bơi, đàn bướm quần quýt cả vào chân người; + các từ, cụm từ chỉ cảm xúc: thích nhất, yêu vô cùng, ngỡ mình đang đi

lại kiến thức Ghi lên bảng.

NV2:

**Chuyển giao nhiệm vụ*

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi:

+ Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu nào? Các số liệu đó nói lên điều gì?

+ Những chi tiết nào cho thấy sự hòa mình của du khách với thiên nhiên? (Gợi ý: khi cho chim én ăn, khi sống trong hang Én buổi tối hôm trước và sáng hôm sau); Việc hòa mình với thiên nhiên có khó khăn không? Em hãy thử hình dung về cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của mình với đầy đủ tiện nghi (điện, nhà, phòng ngủ, v.v...) để trả lời câu hỏi;

+ Em hiểu được gì về sự “sống” của đá và cuộc sống của loài én chưa “biết sợ con người”?

+ Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã có làm cho người đọc khiếp sợ tự nhiên không? Vì sao?

**HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ*

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:

+ Các số liệu nói về kích thước của hang Én cho thấy hang Én rất rộng lớn;

+ Những chi tiết cho thấy du khách hòa mình với thiên nhiên: cho chim én ăn, sinh hoạt ở hang Én tối hôm trước và sáng hôm sau;

trong một giấc mộng đẹp;

Các từ ngữ miêu tả thiên nhiên có độ gợi cảm cao, thể hiện thái độ, tình cảm yêu mến của người viết.

2. Vẻ đẹp bên trong hang Én

a. Kích thước

- Số đo: rộng nhất là 110m², cao nhất là 120m, sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km;

- Cách so sánh để cụ thể hóa, dễ hình dung: có thể chứa được hàng trăm người, tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng.

Cụ thể hóa hang Én cho người đọc: Hang Én rất cao, rộng, dài Con người trở nên nhỏ bé trước thiên nhiên rộng lớn

b. Vẻ đẹp trong hang Én

- Sự kiến tạo của tự nhiên:

+ Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường;

+ “Bờ sông cát mịn, nước mát lạnh, trong veo, đáy toàn sỏi đá đã bào nhẵn tạo thành một bãi tắm thiên nhiên hoàn hảo”;

+ Dải hóa thạch sò, ốc, san hô; nhũ đá, măng đá, ngọc động
tuyệt đẹp, trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên

Những vật vô tri nhưng đều có sự sống, sinh thành, biến hóa qua chiều dài của lịch sử địa chất.

Chiều sâu của lịch sử, cội nguồn của sự sống trên hành tinh.

- Sinh vật tự nhiên sống trong hang Én: chim én

+ Sự “sống” của đá và của loài én “chưa biết sợ con người” cho thấy hang Én phải được kiến tạo từ rất lâu mới có được như hôm nay và nó vẫn còn nguyên sự nguyên sơ so với những nơi khác đã bị con người không có ý thức tàn phá; + Cách tác giả miêu tả cho thấy sự hòa nhập của con người với tự nhiên. <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	+ Tính từ: “dày đặc” + Nhân hóa, cách dùng từ, viết câu thể hiện tình cảm, cảm xúc: Én bố mẹ, én anh chị, én ra ràng, bạn én thiếu niên Ngủ nướng; say giấc. “Nếu đặt lên vai, bạn sẽ rúc vào tóc hoặc đậu trên đầu mình để... ngủ tiếp!” dấu ba chấm để thể hiện sự bất ngờ ở phía sau: bạn én thiếu niên ham ngủ lối viết giàu cảm xúc, tình cảm; không mấy may để ý đến sự hiện diện của nhóm du khách; ung dung mỗ cớ trong lòng bàn tay - Khung cảnh trong hang Én thay đổi theo thời gian: + Tối: • Bóng tối trùm trong hang, khoảng trời trên cửa hang vẫn sáng rất lâu; • Đàn én bay về hang; tứ bề tiếng chim líu ríu, chiu chít, tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều; • Tiếng nước chảy âm âm. + Sáng: • Năm giờ: luồng nắng ban mai rực rỡ sáng bừng cả lòng hang, tương bật điện từ tối sang sáng, con người chưa kịp thích nghi; • Khói mơ lãng đãng trên mặt nước do nắng và hơi nước mỏng cộng lại vẽ đẹp thơ mộng, bình yên, trong trẻo của buổi sáng. Cách dùng từ đảo ngữ: không phải “khói mơ lãng đãng” mà là “lãng đãng khói mơ”; • Không khí mát lành, tinh khiết. c. Sự hòa mình của con người với tự

	<i>nhiên</i> - Cách con người tương tác với tự nhiên: + Cách gọi hang Én: cái tổ được Mẹ Thiên Nhiên ban tặng. “Cái tổ” gọi cảm giác nguyên thủy, ấm áp, gần gũi. “Mẹ Thiên Nhiên”: gọi thiên nhiên là “Mẹ”, viết hoa các tiếng thái độ ngưỡng vọng, biết ơn, trân trọng sự dồi dào, phong phú, vẻ đẹp của thiên nhiên; + Thời xa xưa, tộc người A-rem đã sống trong hang Én, có bàn chân mỏng, ngón dẹt – dấu tích của bao thế hệ leo vách đá con người sống giữa thiên nhiên, hòa hợp và thích ứng với thiên nhiên; + Tộc người A-rem khi ra ngoài sinh sống: vẫn giữ lễ hội “ăn én”; + Cư xử với đàn bướm: thái độ yêu thích, bước đi cùng đàn bướm, ngắm cánh hồ điệp monh manh thái độ trân trọng, nâng niu vẻ đẹp mong manh; + Cư xử với chim én: đặt lên vai, cho ăn trong lòng bàn tay sự gần gũi, thân thiện; + Sống trong hang: • Ngồi bệt trên cát, chân trần trực tiếp tiếp xúc với thiên nhiên, không cần vật bảo hộ, ngăn, kê, lót. • Tối: Ngắm sông, ngắm trời; • Sáng: ngoài người ra khỏi lều Tâm trạng, thái độ: yêu thích, cảm phục, ngưỡng vọng, kết giao với tự nhiên, cảm thấy được sống an nhiên trong cái “tổ” của “Mẹ Thiên Nhiên”.

NV3:

**Chuyển giao nhiệm vụ*

- GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS:

- + Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức điều gì ở con người? (GV gợi ý HS dựa vào những chi tiết như hành trình để đến được hang Én, điều kiện sống trong hang Én)
- + Hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ*

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:

+ HS nêu quan điểm đồng tình hoặc không về ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm.

+ Hành trình khám phá hang Én đánh thức ở con người: mở rộng tầm mắt với những trải nghiệm thú vị khi được sống cùng thiên nhiên hoang sơ, vừa là thử thách đối với sức khỏe và kỹ năng sinh tồn của con người trong điều kiện thiếu thốn. Thiên nhiên là người mẹ vừa nuôi dưỡng vừa dạy dỗ con người.

+ HS tổng kết về nội dung và nghệ thuật của VB.

**Báo cáo kết quả và thảo luận*

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

III. Tổng kết**1. Nghệ thuật**

- Sử dụng các từ ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc tăng khả năng liên tưởng, tưởng tượng và khơi lên tình cảm trong lòng người đọc;

- Lối kể tuyến tính phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc

2. Nội dung

VB cho thấy vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của hang Én và thái độ của con người trước vẻ đẹp của tự nhiên.

<i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	
HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học. b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập. c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS. d. Tổ chức thực hiện:	
- GV tổ chức cuộc thi vẽ tranh tường tượng về hang Én dựa vào VB đã học; - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	Tranh vẽ tường tượng về Hang Én dựa trên văn bản đã học.
HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức. b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi. c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện:	
- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về hang Én. GV gợi ý HS chú ý đến những chi tiết như phải đi bao lâu, bao xa mới đến được hang Én, bên trong hang Én có gì đặc biệt, cách sinh hoạt ở hang Én, v.v... - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	Đoạn văn 5-7 câu nêu cảm nhận về Hang Én.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Tuần:...

BÀI 5: NHỮNG Nẻo ĐƯỜNG XỨ SỞ

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT ...: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn;
- HS nhận diện được các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận diện và phân tích tác dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn;
- Năng lực nhận diện và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

3. Về phẩm chất: Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động của thầy và trò	Yêu cầu cần đạt
HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU	
a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.	
b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.	
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.	
d. Tổ chức thực hiện:	
<i>*GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:</i> Trong các tiết học thực hành tiếng Việt trước, chúng ta đã tìm hiểu về các dấu câu, cụ thể là dấu ngoặc kép. Em hãy	

nêu lại định nghĩa về dấu câu, dấu ngoặc kép và nêu tác dụng của chúng. <i>*HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời</i> <i>*GV dẫn dắt vào bài học mới:</i> Tiết học hôm nay, chúng ta tiếp tục tìm hiểu về dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu, đoạn văn và luyện tập phân tích các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa.	
HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI Nhắc lại lý thuyết về dấu câu và biện pháp tu từ a. Mục tiêu: HS nắm được khái niệm, tác dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang; nêu và phân tích các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa; b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện:	
<i>*Chuyển giao nhiệm vụ</i> - GV chia lớp thành các nhóm: + Các nhóm hãy nêu lại khái niệm của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang và các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa đã được học trong các bài học trước; + Lấy ví dụ cho từng loại dấu câu và biện pháp tu từ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <i>*HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</i> - HS thực hiện nhiệm vụ. <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt	I. Dấu câu 1. Dấu ngoặc kép - Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu. - Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp. - Đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt. - Trong một số trường hợp thường đứng sau dấu hai chấm. 2. Dấu phẩy - Dùng để ngăn cách thành phần chính với thành phần phụ của câu; - Dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép; - Dùng để liên kết các yếu tố đồng chức năng; - Ngăn cách các thành phần chú thích

lại kiến thức Ghi lên bảng.	với thành phần khác trong câu. 3. Dấu gạch ngang - Đặt đầu dòng trước những bộ phận liệt kê; - Đặt đầu dòng trước lời đối thoại; - Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu; - Đặt nối những tên địa danh, tổ chức có liên quan đến nhau; - Phiên âm tên nước ngoài; - Dùng trong cách để ngày, tháng, năm. II. Biện pháp tu từ 1. So sánh - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. 2. Nhân hóa - <i>Nhân hóa</i> là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt.
HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập. b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập. c. Sản phẩm: Kết quả của HS. d. Tổ chức thực hiện:	
<i>*Chuyển giao nhiệm vụ</i> - GV yêu cầu HS: Đọc và hoàn thành lần lượt các bài tập trong SGK trang 118. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <i>*HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</i>	Bài tập 1 SGK trang 118 a. <i>Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lỏi qua cánh rừng nguyên sinh này.</i> - Nghĩa của từ trong ngoặc kép: “ngược dòng” bơi ngược, lội ngược,

- HS thực hiện nhiệm vụ. <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	không thuận theo lẽ thông thường. Tác dụng khi đưa vào dấu ngoặc kép: “ngược dòng” được hiểu theo cách đặc biệt, là quay về tìm hiểu những điều từ xa xưa, lúc sự sống mới bắt đầu, như đi ngược với thời gian tuyến tính đang chảy trôi ở hiện tại. <i>b. Hang có ba cửa lớn: cửa trước có hai lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một “sảnh chờ” rộng rãi; cửa trong lại thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm khá rộng, sâu quá thẳm lừng.</i> Nghĩa của các từ trong ngoặc kép: “sảnh chờ”: phòng lớn dùng làm nơi tiếp khách, là nơi để tạm dừng, chờ cho việc đi lại tiếp theo. Tác dụng khi đưa vào dấu ngoặc kép: so sánh không gian hang ngoài của hang Én rộng và đẹp giống như sảnh chờ, báo hiệu ngoài hang đầu tiên bên ngoài, sẽ còn những hang phía bên trong Cụ thể hóa, giúp người đọc dễ hình dung về không gian trong hang Én, gợi sự tò mò về các hang tiếp theo ở hang Én. Bài tập 2 SGK trang 118 <i>a. Giờ họ đã rời ra ngoài sống thành bản nhưng vẫn còn giữ lễ hội “ăn én”. Cũng nghe kể rằng, trong bản A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt – dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét.</i> Tác dụng của: - Dấu phẩy: + Dấu phẩy (1): ngăn cách các vế trong

	câu, vẽ sau giải thích và làm sáng tỏ nghĩa cho vẽ trước; + Dấu phẩy (2) (3): liệt kê sự vật, hiện tượng cùng loại với với sự vật, hiện tượng liền kề phía trước. Cụ thể: bàn chân mỏng và ngón dẹt có cùng đặc điểm chung là những bộ phận dưới cùng, tiếp giáp với mặt đất của cơ thể con người. - Dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ được hiểu theo cách đặc biệt. Cụ thể ở đây là từ “ăn én”, không phải là ăn thịt chim én mà là tên một lễ hội của người A-rem để lưu giữ ký ức họ đã từng sống trong hang động. - Dấu gạch ngang: là thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt” giải thích vì sao người A-rem lại có đặc điểm sinh học đặc biệt như vậy. <i>b. Hô-oát Lim-bơ, người tìm ra hơn 500 hang động ở Việt Nam, trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới, khẳng định rằng: mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên. Và tất cả mảnh đá, nhũ đá, ngọc động ấy vẫn “sống” trong hành trình tạo tác của tự nhiên.</i> Tác dụng của: - Dấu phẩy: + Dấu phẩy (1): ngăn cách thành phần giải thích với thành phần chính (ở đây là chủ ngữ của câu), vẽ sau giải thích, bổ sung thêm ý nghĩa cho vẽ trước: ở đây bổ sung thêm thông tin cho biết Hô-oát Lim-bơ là người tìm ra hơn 500

	hang động ở Việt Nam; + Dấu phẩy (2): ngăn cách các vế câu, vế sau làm thành phần phụ chú cho vế trước và nhấn mạnh vào vế sau giúp sự diễn đạt trở nên gần gũi, dễ tiếp nhận. Cụ thể ở đây vế <i>trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới</i> bổ sung thêm cho <i>trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới</i>. + Dấu phẩy (3): ngăn cách các vế, các thành phần của câu; + Dấu phẩy (4): liệt kê sự vật, hiện tượng cùng loại với với sự vật, hiện tượng liền kề phía trước. Cụ thể ở đây là liệt kê nhũ đá, măng đá, ngọc động. Chúng là những sự vật có cùng tính chất. - Dấu ngoặc kép: + “Sống” theo nghĩa thông thường: tồn tại ở hình thái có trao đổi chất với môi trường ngoài, có sinh đẻ, lớn lên và chết (Từ điển tiếng Việt Hoàng Phê); + “Sống” được để trong ngoặc kép trong ví dụ: nhấn mạnh và hiểu theo nghĩa cụ thể, đặc biệt: các măng đá, nhũ đá, ngọc động vẫn tiếp tục được bồi đắp, bào mòn trong hành trình tạo tác của tự nhiên. Đó là một sự hiển nhiên, sinh động cho thấy tất cả mọi vật đều ở trạng thái vận động. - Dấu gạch ngang: “xen-ti-mét”: phiên âm từ tiếng nước ngoài. Cụ thể là từ từ “centimet”, chỉ đơn vị đo độ dài. Bài tập 3 SGK trang 118 Những câu văn có sử dụng dấu ngoặc kép trong các VB <i>Cô Tô</i>, <i>Hang Én</i>:

	- VB <i>Cô Tô</i>: + Anh quấy 15 gánh cho thuyền anh: “Đi ra khơi, xa lắm mà. Có khi mười ngày mới về. Nước ngọt cho vào sạp, chỉ để uống. Vo gạo thối cơm cũng không được lấy nước ngọt. Vo gạo bằng nước biển thôi” Tác dụng khi sử dụng: trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp. Ở đây, tác giả Nguyễn Tuân trích dẫn lại lời của nhân vật anh hùng Châu Hòa Mãn theo lối trực tiếp. - Vb <i>Hang Én</i>: + Bạn sẽ thấy những “thương hải tang điền” còn hiện hữu trên dải hóa thạch sò, ốc, san hô... nơi vách đá “Thương hải tang điền”: bãi bể nương dâu. Dùng để chỉ những biến đổi lớn lao. Đây là điển cố được sử dụng nhiều trong văn học Trung Quốc và văn học Việt Nam cổ trung đại. Tác dụng khi sử dụng: tăng khả năng gợi cảm cho sự diễn đạt, ngầm ý nói sự thay đổi từ biển sang hang động còn để lại dấu tích ở các hóa thạch. Bài tập 4 SGK trang 118 a. Bữa tối, một chú én tò mò sa xuống bàn ăn, cánh bị thương không bay lên được. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được gọi bằng “chú”. b. Sáng hôm sau, tôi vẫn thấy nó thản nhiên đi lại quanh lều bên một bên cánh còn hơi sã xuống. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được miêu tả với những từ ngữ, cử chỉ,

	điều bộ như con người: “thần nhiên”, “đi lại”. Tác dụng: biện pháp tu từ nhân hóa ở đây không những làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động như người mà còn có tác dụng thẩm mỹ. Tác dụng thẩm mỹ giúp lời văn có chất hồn nhiên, tinh nghịch. Người đọc cảm thấy những con chim én nhỏ trở nên thân thiết, quen thuộc như những người bạn. Bài tập 5 SGK trang 118 a. <i>Nhiều bạn én thiếu niên ngủ nướng, say giấc ngay trên những mỏm đá thấp dọc lối đi.</i> - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Gọi chim én là “bạn”, cũng phân chia thành các độ tuổi và tính cách như con người: “thiếu niên”, “ngủ nướng”, “say giấc”. Tác dụng: biện pháp tu từ nhân hóa ở đây không những làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động như người mà còn có tác dụng thẩm mỹ. Tác dụng thẩm mỹ giúp lời văn có chất hồn nhiên, tinh nghịch. Người đọc cảm thấy những con chim én nhỏ trở nên thân thiết, quen thuộc như những người bạn. b. <i>Chúng đậu thành từng vạt như đám hoa lá ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất.</i> - Biện pháp tu từ: so sánh. Vẻ đẹp của đàn bướm khi đậu trên mặt đất được ví với hoa lá được ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất. Tác dụng: tăng sức gợi cho sự miêu tả, diễn đạt hình ảnh đàn bướm đậu thành

	từng vật đẹp, rực rỡ như hoa lá và cho thấy cảm xúc của người viết trước vẻ đẹp. c. <i>Cửa thứ hai thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ đón khí trời và ánh sáng.</i> - Biện pháp tu từ: so sánh. So sánh cửa thứ hai ở hang Én thông lên mặt đất cao, rộng, sáng như giếng trời khổng lồ. - Tác dụng: giúp cho đối tượng so sánh trở nên cụ thể hóa, dễ hình dung, tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, tạo cảm giác choáng ngợp trước không gian sáng rộng, và trong trẻo.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Tuần:...

BÀI 5: NHỮNG Nẻo ĐƯỜNG XỨ SỞ
ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
TIẾT ...: VĂN BẢN 3. CỬU LONG GIANG TA OI
(Trích, Nguyên Hồng)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS thấy được tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước của nhà thơ thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể là nhịp điệu thơ, cách dùng biện pháp tu từ, cách sáng tạo hình ảnh,...

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng đọc – hiểu văn bản trữ tình.
- Kỹ năng viết đoạn văn cảm nhận về vb trữ tình.

3. Thái độ

- Yêu quê hương đất nước, biết trân trọng những giá trị văn hoá, lịch sử, địa lý của dân tộc.

4. Năng lực

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cửu Long Giang ta ơi*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cửu Long Giang ta ơi*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

5. Phẩm chất:

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu thương gia đình, cuộc sống.

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho hs xem video giới thiệu về sông Cửu Long và nêu yêu cầu : Bằng những kiến thức về địa lý Việt Nam cùng với việc theo dõi video sau, em hãy cho biết sông Cửu Long bắt nguồn từ con sông nào và sông Cửu Long chảy qua những địa danh nào của Việt Nam?

<https://youtu.be/umpUOIwu4Gw>

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, theo dõi và trả lời.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong các tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu các VB về chủ đề *Những nẻo đường xứ sở* qua những địa danh như Cô Tô, hang Én. Trong tiết học này, thầy/cô trò chúng ta tiếp tục tìm hiểu về hình ảnh sông Cừ Long thông qua VB *Cửu Long Giang ta ơi* của nhà văn Nguyên Hồng.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nhằm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời các câu hỏi: + Em hãy nêu những nét chính về tác giả, tác phẩm của VB; + Nêu phương thức biểu đạt và bố cục của VB. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả hoạt động và thảo luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	I. Đọc - Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Tên: Nguyên Hồng; - Năm sinh – năm mất: 1918 – 1982; - Quê quán: sinh ra ở Nam Định và sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng; - Nguyên Hồng sáng tác ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ, v.v... Những trang viết của ông tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống. - Các tác phẩm chính: <i>Những ngày thơ ấu</i> (hồi kí), <i>Bỉ vỏ</i> (tiểu thuyết), <i>Trời xanh</i> (thơ), <i>Cửa biển</i> (tiểu thuyết), <i>Bước đường viết văn</i> (hồi kí), v.v... 2. Tác phẩm a. Xuất xứ: - VB <i>Cửu Long Giang ta ơi</i> được trích trong <i>Trời xanh</i>, NXB Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 5 – 9. b. Phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm; c. Bố cục:

	+ Phần 1: Từ đâu → “... <i>hai ngàn cây số mệnh mỏng</i> ”: Hình ảnh sông Mê Kông trong những ngày đi học; + Phần 2: Tiếp → “... <i>không bao giờ chia cắt</i> ”: Hình ảnh sông Mê Kông gắn liền với những sinh hoạt lao động; + Phần 3: Còn lại: Chủ thể trữ tình nhìn sự đổi thay hiện tại và nhớ lại kỷ niệm xưa.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của VB.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: * Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS: + Em hình dung như thế nào về “tấm bản đồ rực rỡ”? Nhân vật trong bài thơ có cảm xúc như thế nào khi nhìn tấm bản đồ ấy? + Nêu những cảm nhận của em về tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Nhân vật/chủ thể trữ tình - “Ngày xưa ta đi học”: + “Tấm bản đồ rực rỡ”: tấm bản đồ trong bài giảng của thầy giáo trở nên đẹp đẽ lạ thường, không chỉ là hình ảnh sông Mê Kông mà còn tượng trưng cho Tổ quốc thiêng liêng. → Tấm bản đồ trong cảm nhận của cậu học trò mười tuổi như mở ra một không gian mới, gợi niềm háo hức, mê say. - Hình ảnh người thầy trở nên kỳ diệu, như có phép lạ: “gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ”; - “Ta đi... bản đồ không nhìn nữa”: câu thơ mang tính chất tự sự, ngầm bên trong là trữ tình → So sánh với ngày mười tuổi, nhân vật trữ tình không còn nhìn vào bản đồ mê say; thay vào đó là bắt tay vào lao

NV2: * Chuyển giao nhiệm vụ - GV lần lượt đặt câu hỏi và yêu cầu HS trả lời: + Em hãy tìm những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông. + Hình ảnh người nông dân Nam Bộ được tác giả khắc họa qua những chi tiết nào? Những chi tiết đó gợi cho em cảm nhận gì về con người nơi đây? + Bài thơ <i>Cửu Long Giang ta ơi</i> có nhiều hình ảnh sinh động, giàu sức gợi. Em thích những hình ảnh nào? Vì sao? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	động, gây dựng đất nước, Tổ quốc, tiếp nối truyền thống ông cha: “Những mặt đất Cha ông ta nhắm mắt Truyền cháu con không bao giờ chia cắt” → Ý thức được truyền thống, trân trọng những giá trị, sự tiếp nối các thế hệ trên mảnh đất quê hương. → Sự thay đổi của nhân vật trữ tình gắn với sự thay đổi trong hành động: từ nhỏ tuổi sang lớn lên, từ ngồi học sang bước đi, từ nhìn bản đồ mê say đến không nhìn nữa. Nhưng tình cảm đối với quê hương, Tổ quốc càng ngày càng lớn dần, đậm sâu. - “Ta đã lớn”: + “Thầy giáo già đã khuất”: câu thơ tự sự, vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa nói lên sự đổi thay của thời gian, và hình ảnh thầy giáo không còn là hình ảnh to lớn như đạo sĩ trước kia. Nhưng hình ảnh thầy lại đọng lại là một kỷ niệm của cậu bé năm mười tuổi. Câu thơ có sự suy niệm, hồi tưởng; + “Thước bảng to nay thành cán cờ sao”: hình ảnh mang ý nghĩa hình tượng: những điều thầy dạy đã được các học trò tiếp thu và thực hành, tiếp tục xây dựng quê hương, Tổ quốc. Nhịp thơ 3/5: vế sau dài hơn vế trước tạo giọng điệu kể, thủ thỉ, tạo nên sự xúc động. + “Những tên làm man mác tuổi thơ xưa Đã thấm máu của bao hồn bất tử”

	→ Tiếp tục mạch cảm xúc của khổ cuối bài thơ, khẳng định giá trị vĩnh cửu (“bất tử”) của những người đã cống hiến vì Tổ quốc. - Tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông: + <i>Mê Kông chảy, Mê Kông cũng hát</i> + <i>Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi váng</i> <i>Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa</i> <i>Bến nước Mê Kông tôm cá ngộp thuyền</i> + <i>Mê Kông quận đê</i>: quận đê → đau đớn, nhưng cố gắng vô cùng vì tương lai. + Đọc lên nước mắt đều muốn ứa → Hình ảnh dòng sông Mê Kông đối với tác giả có sự gần gũi, thân thiết, gắn bó sâu sắc như tình cảm với những người thân ruột thịt. Dòng sông Mê Kông chảy cùng với những sinh hoạt của người dân, bồi đắp và tạo nên sản vật trù phú cho người dân, cùng người dân trải qua những lao động vất vả. → Tình yêu, sự trân trọng, đồng cảm của tác giả đối với dòng Mê Kông và những người nông dân → Tình yêu đối với quê hương, đất nước. 2. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông - Trong dòng chảy của nó, sông Mê Kông hiện lên với nhiều vẻ đẹp khác nhau; - Khi chảy vào vùng đất Nam Bộ - Việt Nam (đoạn này gọi là sông Cửu Long) được đặc tả ở vẻ trù phú – gắn

	liên với tính chất của người mẹ: + Trúc đào tươi chim khuyển rửa cánh sương đọng long lanh; + <i>Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi vầng</i> <i>Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa</i> <i>Bến nước Mê Kông tôm cá ngợp thuyền</i> → chín nhánh Mê Kông – cách nói khác ám chỉ sông Cửu Long, nhưng đồng thời còn cho thấy số lượng của những nhánh Mê Kông nhiều, màu mỡ, đầy phù sa. Từ <i>nổi vầng</i> ở cuối, kết thúc bằng thanh T, giúp để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc; → Thủ pháp liệt kê kết hợp với điệp ngữ: Chín nhánh Mê Kông; Ruộng bãi Mê Kông, Bến nước Mê Kông → Nhấn mạnh, tạo cảm giác nhiều, và khơi lên cảm xúc. + Sầu riêng thơm dậy, suối mát dội trong lòng dừa trầu quả, v.v... + <i>Mê Kông quặn đẽ: quặn đẽ</i> 3. Hình ảnh người nông dân Nam Bộ - Cuộc sống của người nông dân Nam Bộ gắn với ruộng đồng vùng lưu vực sông Cửu Long: <i>Nông dân Nam Bộ gỏi đất nằm sương... Truyền cháu con không bao giờ chia cắt.</i> III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Sử dụng các hình ảnh mang tính hình tượng; - Lối viết tự sự kết hợp biểu cảm tạo nên cảm xúc trong lòng người đọc;

	- Sử dụng các từ ngữ đắt giá, có tính biểu cảm cao; - Các biện pháp tu từ: nhân hóa, so sánh, điệp ngữ, v.v... 2. Nội dung Bài thơ thể hiện tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông, rộng ra là tình yêu với quê hương, đất nước.

C – D. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) nêu những cảm nhận của em về tình yêu của tác giả với dòng Mê Kông, với quê hương đất nước được thể hiện trong bài thơ.

- *GV hướng dẫn:* Nhìn bao quát toàn bộ đoạn trích để thấy những dòng thơ thể hiện từng chặng đường đời của nhân vật trữ tình: *Mười tuổi thơ; Ta đi... bản đồ không nhìn nữa, Ta đã lớn...*

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Tuần:...

BÀI 5: NHỮNG NẸO ĐƯỜNG XỨ SỞ TIẾT ...: VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giới thiệu được cảnh sinh hoạt trong văn bản Cô Tô, Hang Én
- Tả bao quát quang cảnh chung (không gian, thời gian, hoạt động chính)
- Tả hoạt động cụ thể của con người.
- Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.

- Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự chủ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS hiểu, phát huy khả năng quan sát cách miêu tả cảnh sinh hoạt của con người qua văn bản Cô Tô, Hang Én.
- Biết cách quan sát, miêu tả cảnh sinh hoạt trong đời sống hàng ngày.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Em hãy kể lại một cảnh sinh hoạt mà em đã chứng kiến hoặc tham gia. Cảnh sinh hoạt đó cho em những suy nghĩ, cảm nhận gì?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, báo cáo kết quả hoạt động.
- GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu bài học viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt

- a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- GV yêu cầu lớp hoạt động chung ? Theo em, một bài văn tả cảnh sinh hoạt cần đáp ứng những yêu cầu gì? HS trao đổi thảo luận HS báo cáo - Giới thiệu được cảnh sinh hoạt định tả; - Tả bao quát quanh cảnh (không gian, thời gian) - Tả hoạt động cụ thể của con người; + Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động; - Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt - Giới thiệu khái quát cảnh sinh hoạt; - Tả bao quát quanh cảnh (không gian, thời gian) - Tả hoạt động cụ thể của con người; - Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt được tả. Lưu ý: Khi tả sử dụng từ ngữ phù hợp để tả làm cho quang cảnh, hoạt động của con người hiện lên một cách rõ nét, sinh động;

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

- a. Mục tiêu:** Từ bài viết tham khảo Phiên chợ vùng cao, nắm được cách viết bài văn miêu tả và hình thành ý tưởng để viết bài văn kể lại một trải nghiệm.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi: Hoạt động cặp đôi ? Xác định bố cục của bài viết Phiên chợ vùng cao? Nêu nội dung từng phần? ? Em có nhận xét gì về bố cục của bài viết? Hs báo cáo Bố cục 3 phần: - Phần 1. Từ đầu -> thứ bảy hàng tuần: Giới thiệu thời gian diễn ra chợ phiên - Phần 2. Tiếp đến tuần sau xuống chợ: Tả quang cảnh chung và cnhr hoạt động cụ thể của con người. - Phần 3. Còn lại: Thái độ, suy nghĩ của người viết về phiên chợ - Bài viết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của một bài văn tả cảnh sinh hoạt: HS khác nhận xét, bổ sung GV nhận xét Hoạt động chung ? Cảnh sinh hoạt được tả trong bài viết Phiên chợ vùng cao là cảnh gì? HS báo cáo + Giới thiệu cảnh sinh hoạt: chợ phiên vùng cao; + Tả quang cảnh chung: cái nhìn bao quát, đi từ bên ngoài vào trong, từ xa đến gần (“chợ họp trên sườn núi”, “từ trên cao nhìn xuống”, “vào chợ”); + Tả cảnh hoạt động cụ thể của con người: phụ nữ, đàn ông, em bé có	II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo Phiên chợ vùng cao. - Bài văn có bố cục 3 phần + Phần 1. Giới thiệu khái quát phiên chợ. + Phần 2. Diễn biến của phiên chợ Nội dung các phần diễn ra theo trình tự từ chung đến riêng: Giới thiệu chung về cảnh sinh hoạt, giới thiệu cụ thể về quang cảnh, cảnh sinh hoạt, hoạt động cụ thể của con người. + Phần 3. Nêu lên suy nghĩ của bản thân về các hoạt động trong phiên chợ vùng cao.

những hoạt động riêng; HS nhận xét, bổ sung ? Em có nhận xét gì về cách tác giả sử dụng từ ngữ để miêu tả cảnh sinh hoạt? Qua văn bản đó tác giả đã gửi gắm tới chúng ta điều gì? HS báo cáo, + Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động; + Thể hiện thái độ, suy nghĩ của người viết (“Chợ phiên là nơi lưu giữ bản sắc văn hóa trong sinh hoạt cộng đồng các dân tộc thiểu số phía bắc Việt Nam). HS nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng * Củng cố, dặn dò - Nắm được yêu cầu của bài văn tả cảnh sinh hoạt. - Nắm được bố cục của bài văn tả cảnh - Chuẩn bị: Tìm ý, lập dàn ý cho đề bài.	+ Sử dụng từ ngữ miêu tả sinh động, để làm cho cảnh phiên chợ vùng cao lên sinh động, hấp dẫn - Bộc lộ suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của phiên chợ vùng cao.

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được các bước viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

b. Nội dung: Xác định được mục đích viết, viết cho ai đọc và viết như thế nào cho đúng với yêu cầu bài tả cảnh sinh hoạt

c. Sản phẩm học tập: Học sinh xác định nội dung viết, viết được đoạn văn, bài văn được cảnh sinh hoạt.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- GV yêu cầu HS đọc mục a. Hoạt động cá nhân ? Em hãy lựa chọn một cảnh sinh hoạt đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc hoặc cảnh sinh hoạt có ý nghĩa trong	III. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết a. Lựa chọn đề tài; Cảnh thu hoạch mùa màng

cuộc sông?
 HS lựa chọn, báo cáo
 -Lựa chọn: Cảnh thu hoạch mùa màng
 GV nhấn mạnh về mục đích viết và đối tượng đọc bài viết.

HS hoạt động cặp đôi

? Hãy tìm ý cho đoạn văn theo Phiếu học tập sau:

Câu hỏi	Trả lời
Em sẽ tả cảnh gì?	
Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?	
Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?	
Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?	
Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động gì?	
Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?	

HS đại diện báo cáo
 - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
 - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

HS hoạt động chung

? Hãy lập dàn ý cho đề bài Miêu tả cảnh thu hoạch mùa màng.

HS báo cáo

GV nhận xét, chốt

-Lưu ý phần Thân bài: Tả bao quát

b. Tìm ý.

-Đề bài: Miêu tả cảnh thu hoạch mùa màng

+ Cảnh diễn ra ở làng quê Việt Nam vào khoảng tháng 6, (tháng 12)

-Khung cảnh đang diễn ra tấp nập, khẩn trương và sôi động.

-Tiếng gọi nhau ý ới, âm thanh của máy tuốt lúa vang khắp cả vùng trời

-Con người cần mẫn gom từng bó lúa cho vào máy tuốt, thu lúa vào bao, vận chuyển về nhà...

-Báo hiệu một mùa bội thu, cuộc sống người dân được ấm no, đầy đủ.

c. Lập dàn ý.

* Mở bài:

Giới thiệu khái quát cảnh thu hoạch lúa trên quê hương em

* Thân bài: Miêu tả cảnh thu hoạch (các ý trong phần tìm ý)

khung cảnh và ấn tượng chung về cảnh thu hoạch mùa màng Tả cụ thể cảnh sinh hoạt theo trình tự thời gian, hoạt động cụ thể của những người tham gia Thể hiện cảm xúc khi quan sát, chứng kiến hoặc tham gia cảnh thu hoạch mùa màng GV lưu ý cho hs - Bài văn tả cảnh sinh hoạt đảm bảo theo các phần trong dàn bài - Khi viết có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa để câu văn thêm sinh động - Sử dụng từ ngữ thể hiện chân thực, tình cảm, suy nghĩ của bản thân Hoạt động cá nhân ? Viết các đoạn văn phần mở bài, thân bài, kết bài cho đề bài trên theo dàn ý đã lập? HS báo cáo lần lượt từng phần đã viết GV gọi hs khác nhận xét, bổ sung *Củng cố, dặn dò - Nắm được các ý cần có trong bài miêu tả - Lập được dàn ý cho đề bài. - Viết hoàn chỉnh các đoạn văn mở bài, thân bài, kết bài có so sánh đối chiếu với yêu cầu trong SGK - Tiết sau sửa chữa bài viết Ngày soạn:..... Ngày dạy:..... Tiết 3 Gv yêu cầu hs hoạt động cá nhân	* Kết bài: Suy nghĩ của em về cảnh thu hoạch mùa màng. Lưu ý: - Khi viết có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa - Sử dụng từ ngữ thể hiện chân thực, tình cảm, suy nghĩ của bản thân <u>2. Viết bài</u> - Viết đoạn văn phần mở bài - Viết các đoạn văn phần thân bài - Viết đoạn văn kết bài <u>3. Chỉnh sửa bài viết</u>

? Hãy rà soát bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

HS so sánh, đối chiếu

HS báo cáo

GV nhận xét, sửa chữa

GV đưa đoạn văn mẫu

Chiếu đoạn văn Phần mở bài.

Trên mảnh đất quê hương em đang sinh sống đã diễn ra rất nhiều cảnh sinh hoạt có ý nghĩa sâu sắc với cuộc sống của con người. Nhưng ấn tượng lớn nhất trong em đó là quang cảnh cánh đồng khi những bông lúa đã đến thời điểm thu hoạch và không khí khẩn trương, tấp nập của những người nông dân trong những ngày mùa gặt hái.

GV cho học sinh xác định cảnh sinh hoạt và quang cảnh chung

Đoạn văn phần thân bài:

HS báo cáo, hs khác nhận xét

GV nhận xét, sửa chữa

GV đưa đoạn văn mẫu.

Đoạn văn phần kết bài:

HS báo cáo, hs khác nhận xét

GV nhận xét, sửa chữa

GV đưa đoạn văn mẫu

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức lý thuyết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

HS biết viết bài văn tả cảnh sinh hoạt dưới các các dạng đề cụ thể

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả viết bài văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết đoạn văn, liên kết các đoạn văn tạo thành bài văn hoàn chỉnh.

- GV nhận xét, đánh giá, sửa chữa

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về văn tả cảnh sinh hoạt để hoàn thiện bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để viết bài văn tả cảnh sinh hoạt hoàn chỉnh.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả viết bài văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết đoạn văn, bài văn ở nhà
- *GV nhận xét, đánh giá, sửa chữa vào buổi học 2/ngày.*

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Tuần:...

BÀI 5: NHỮNG NẸO ĐƯỜNG XỨ SỞ

TIẾT ...: NÓI VÀ NGHE:

CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM VỀ NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG ĐẾN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS kể và miêu tả được một trải nghiệm của chính mình về khung cảnh hay hoạt động mà mình quan sát hoặc trực tiếp tham gia.

- HS biết cách nói và nghe phù hợp: Với tư cách người nói, HS có thể dựa trên bài đã viết, phát triển và làm phong phú hơn cho phần nói, biết phát huy những lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời; với tư cách người nghe, HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học;
- Giao tiếp và hợp tác;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo

b. Năng lực riêng biệt: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy nói và nghe. Một số kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt được tích hợp trong quá trình dạy đọc, viết, nói và nghe.

Qua bài học, học sinh biết:

- Nói: HS kể và miêu tả được một trải nghiệm của chính mình về khung cảnh hay hoạt động mà mình quan sát hoặc trực tiếp tham gia.

- Nghe: Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.

- Nói, nghe tương tác: Biết tham gia và trình bày thảo luận, biết đặt và trả lời câu hỏi...

2.3. Phẩm chất:

- Nhân ái: yêu thương quê hương, đất nước, con người,...
- Chia sẻ: Biết chia sẻ với mọi người xung quanh về suy nghĩ của mình
- Tự hào: Tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước, con người,...
- Ý thức tự giác, tích cực: bảo vệ quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu, loa, bảng phụ, bút, màu, phiếu đánh giá,...

- Học liệu: Hình ảnh, clip, tư liệu về phong cảnh quê hương đất nước.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu

- Tạo hứng thú cho học sinh với tiết học.
- Học sinh nhận biết được những bức tranh về cảnh đẹp, cảnh sinh hoạt của quê hương quê hương. Từ đó khơi gợi ý tưởng cho học sinh về bài nói.

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát, nhận biết.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời và thái độ học tập của học sinh.

d. Tổ chức hoạt động:

- GV chiếu tranh: phong cảnh (Hồ Hoàn Kiếm, Sông Hương,...), sinh hoạt (Chợ, trường học,...)
- GV đặt câu hỏi: Hãy nêu nội dung những bức tranh này? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về những nơi này?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ và giải quyết nhiệm vụ.
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay, chúng ta sẽ thực hành nói và nghe về chủ đề Chia sẻ một chủ đề về nơi em sống hoặc từng đến.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

a. Mục tiêu:

- HS tìm hiểu, luyện tập cách thức, quy trình kể và tả một cảnh thiên nhiên hay sinh hoạt mà em trực tiếp quan sát hay tham gia; biết cách thức kể chuyện, trao đổi chia sẻ thông tin trước nhóm, tổ, lớp; cách dùng phương tiện nghe nhìn để hỗ trợ trình bày.
- Rèn cho HS kĩ năng lắng nghe tích cực (tôn trọng người nói, biết cách đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe...)

b. Nội dung:

- HS bám sách giáo khoa, chuẩn bị đề tài, xây dựng các ý chính của bài nói. (Làm trước ở nhà).
- Thảo luận, trao đổi với các bạn trong nhóm về đề tài đã chuẩn bị (nội dung, tranh ảnh, clip...; cách thức trình bày, cách nghe).

c. Sản phẩm học tập: HS chọn ra được một bài và một bạn nói đại diện cho nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Chuyển giao nhiệm vụ -GV: Như hướng dẫn chuẩn bị trước của cô, mỗi	1. Chuẩn bị bài nói:

một bạn đã chọn cho mình một khung cảnh thiên nhiên hoạt một cảnh sinh hoạt mà em đã trực tiếp quan sát hoặc tham gia. Vậy trong tiết nói và nghe hôm nay, chúng ta sẽ tiến hành chia sẻ những trải nghiệm của mình về những điều đó cho các bạn cùng lớp nghe; đồng thời nghe các bạn chia sẻ. Chúng ta sẽ làm việc theo nhóm, mỗi nhóm sẽ chọn một bài và một bạn lên trình bày.

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm: Phát phiếu câu hỏi cho từng nhóm. Chiếu phiếu câu hỏi lên máy chiếu.

*** HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ (Giải quyết những câu hỏi trong phiếu)**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

? Chọn đề tài, nội dung nói nào trong số các bài đã chuẩn bị?

GV gợi ý: Em có thể kể về những điều đã thấy trên con đường tới trường; những lần theo cha mẹ, ông bà ra đồng ruộng, đi chợ, đi dạo phố...Có thể chia sẻ về một khung cảnh thiên nhiên hay sinh hoạt...

Các nhóm chọn cho mình một đề tài, nội dung trong các bài các bạn trong nhóm đã chuẩn bị.

? Dàn ý chuẩn bị đã đủ ý chưa? Cần bổ sung thêm ý gì?

GV hướng dẫn: Cần chú ý các ý chính; phần giới thiệu hoàn cảnh; kể, tả cụ thể; nêu những trải nghiệm và ấn tượng cụ thể của em về khung cảnh nơi em nói đến.

HS tiến hành chỉnh sửa, bổ sung dàn ý của bài nói.

?Em có chuẩn bị tranh ảnh, tư liệu minh họa không? Dự kiến đưa vào những ý nào?

GV hướng dẫn: Nhóm chọn các tranh ảnh, tư liệu tiêu biểu. Thảo luận cách trình bày sao cho ấn tượng.

? Cách nói thế nào?

- Lựa chọn đề tài, nội dung nói.

- Tìm ý, lập ý cho bài nói.

- Chỉnh sửa bài nói.

- Tập luyện.

GV hướng dẫn: nói tự tin, sử dụng thêm ngữ điệu, động tác, nét mặt,... Các nhóm cho bạn trình bày trước nhóm, nhóm góp ý. * Báo cáo kết quả. - HS báo cáo kết quả hoạt động: Đề tài, nội dung. Bạn trình bày nói. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

PHIẾU CÂU HỎI THẢO LUẬN

Câu	Nội dung
1	Chọn đề tài, nội dung nói nào trong số các bài đã chuẩn bị?
2	Dàn ý chuẩn bị đã đủ ý chưa? Cần bổ sung thêm ý gì?
3	Em có chuẩn bị tranh ảnh, tư liệu minh họa không? Dự kiến đưa vào những ý nào?
4	Cách nói thế nào?

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu:

- Trình bày trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến bằng hình thức nói
- Tóm tắt được nội dung trình bày của bạn.
- Tham gia và trình bày thảo luận, đặt và trả lời câu hỏi...

b. Nội dung:

- Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến.
- Các câu hỏi và trả lời của các bạn nghe và nói.

c. Sản phẩm học tập: Bài nói và ý kiến đánh giá, nhận xét của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Trình bày bài nói * Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho đại diện các nhóm bốc thăm thứ tự nói.	2. Trình bày bài nói Trình bày nội dung dưới

- Yêu cầu các học sinh trong quá trình nghe, chú ý ghi lại các câu hỏi về bài trình bày của các bạn. Để sau khi từng nhóm nói - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * HS thực hiện nhiệm vụ - HS lên trình bày bài nói * Báo cáo kết quả * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV khen ngợi tinh thần trình bày của nhóm Hoạt động 2: Trao đổi về bài nói * Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát phiếu đánh giá, hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá. Các nhóm kiểm tra vòng tròn (nhóm 1-> nhóm 2-> nhóm 3-> nhóm 4->nhóm 1) - HS nghe đặt câu hỏi về những điều cần rõ thêm, hoàn thành phiếu đánh giá nghe. (nhóm 4-> nhóm 3->nhóm 2-> nhóm 1) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS hoạt động nhóm: thực hiện phiếu đánh giá nói theo phân công; đưa ra câu hỏi về những điều cần làm rõ thêm cho nhóm bạn và hoàn thành phiếu đánh giá nghe theo phân công. * Báo cáo kết quả và thảo luận - GV điều phối: + HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi. + HS trình bày phiếu đánh giá đã thảo luận; * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. + Thư ký lớp tổng hợp kết quả theo bảng tổng hợp.	hình thức nói cá nhân 3. Sau khi nói - Học sinh lắng nghe - Học sinh nghe đưa ra câu hỏi để nhóm nói trả lời

PHIẾU SỐ 1: ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG NÓI		
NHÓM:		
Tiêu chí	Mức độ	

	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)	Điểm
1. Chọn được nội dung phù hợp	Chưa có nội dung, đề tài để kể, tả	Có đề tài, nội dung để kể, tả nhưng chưa hay	Nội dung và đề tài hay và ấn tượng	
2. Trải nghiệm phong phú, hấp dẫn	Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu trải nghiệm của bạn	Nội dung có đủ chi tiết để người nghe hiểu được trải nghiệm của bạn	Nội dung có đủ chi tiết để người nghe hiểu được trải nghiệm và hấp dẫn, thú vị.	
3. Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, trôi chảy	Giọng nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần.	Giọng nói to, rõ ràng; có thể nói lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Giọng nói to, rõ ràng, trôi chảy, truyền cảm.	
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn về người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.	
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Có lời chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng.	
Tổng điểm				

PHIẾU SỐ 2: ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG NGHE. NHÓM:.....		
Tiêu chí	Yêu cầu	Nhận xét (Đánh dấu X vào dòng thích hợp)
1. Tập trung chú	Chú ý (2đ)	

ý	Bình thường(1đ)	
	Chưa chú ý (0đ)	
2. Thái độ lắng nghe	Chăm chú, ghi chép lại (2đ)	
	Chú ý nghe nhưng không ghi chép (1đ)	
	Không chú ý(0đ)	
3. Phản hồi ý kiến	Khéo léo, lịch sự (2đ)	
	Bình thường (1 đ)	
	Gay gắt (0đ)	

BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG NÓI- NGHE				
Tiêu chí	Nhóm			
	1	2	3	4
1. Chọn được đề tài, nội dung hay, có ý nghĩa				
2. Nội dung trải nghiệm phong phú, hấp dẫn				
3. Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, trôi chảy				
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp				
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí				
Tổng điểm nói (1)				
1. Tập trung chú ý				
2. Thái độ lắng nghe				
3. Phản hồi ý kiến				
Tổng điểm nghe(2)				
Tổng chung (1)+ (2)				

- GV đánh giá tổng kết theo phiếu số 1 và phiếu số 2.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu

- Củng cố kiến thức, nội dung bài học.
- Mở rộng thêm kiến thức

b. Nội dung hoạt động: GV ra bài tập. HS làm bài tập

c. Sản phẩm học tập: Bài tập của học sinh

d. Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

BT 1- Viết đoạn văn trình bày nhận thức, bài học rút ra từ chia sẻ trải nghiệm của nhóm mình.

BT 2- Tìm đọc, tự tìm thêm các tác phẩm kí hoặc thơ viết về các vùng miền của đất nước, chỉ ra một vài nét tương đồng và khác biệt của những tác phẩm đó với các tác phẩm đã học trong bài: Cô Tô và Hang Én.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn hs tìm hiểu yêu cầu của bài tập.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

*** Báo cáo kết quả:**

GV hướng dẫn hs nộp sản phẩm sau khi hoàn thành: Thời gian : sau 1 tuần, nộp trực tiếp trên giấy kiểm tra.

*** Đánh giá kết quả:**

- GV nhận xét ý thức và chất lượng bài làm của học sinh sau khi chấm
- GV nhắc nhở những học sinh không làm bài

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Tuần:...

TIẾT.....: ÔN TẬP HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở học kì I.
- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận diện và phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học.
- Năng lực sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Hệ thống sơ đồ, bảng tóm tắt các vấn đề: chủ đề, thể loại VB; kiểu bài thực hành viết, nói và nghe; kiến thức tiếng Việt.
- Một số VB đọc mới thuộc thể loại truyện đồng thoại, thơ lục bát, du kí liên quan đến chủ đề của các bài học.
- Phim ngắn, tranh ảnh minh hoạ phù hợp với các chủ đề được học.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV trình chiếu các hình ảnh có liên quan tới các văn bản đã học, HS quan sát tranh để nhận diện tên tác phẩm tương ứng.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong các tiết học trước, chúng ta đã được học về các tác phẩm thơ, văn rất hay và bổ ích. Ở giờ học ngày hôm nay, cô cùng các em sẽ cùng tổng hợp về các kiến thức của ba phân môn đã được tìm hiểu trong học kì I, chuẩn bị thật tốt về kiến thức và kĩ năng cho bài kiểm tra học kì sắp tới nhé.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học

a. Mục tiêu: Nhắc lại các kiến thức đã học và vận dụng nó để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS					DỰ KIẾN SẢN PHẨM																													
* Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Trong học kì I, em đã học các bài: <i>Tôi và các bạn</i>, <i>Gõ cửa trái tim</i>, <i>Yêu thương và chia sẻ</i>, <i>Quê hương yêu dấu</i>, <i>Những nẻo đường xứ sở</i>. Hãy chọn mỗi bài một văn bản và lập bảng theo mẫu sau: <table><tr><th>Bài</th><th>Văn bản</th><th>Tác giả</th><th>Thể loại</th><th>Đặc điểm nổi bật</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td>- Nghệ thuật - Nội dung</td></tr></table> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.					Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật					- Nghệ thuật - Nội dung	Câu 1: <table><tr><th>Bài</th><th>Văn bản</th><th>Tác giả</th><th>Thể loại</th><th>Đặc điểm nổi bật</th></tr><tr><td>Tôi và các bạn</td><td>Bài học đường đời đầu tiên</td><td>Tô Hoài</td><td>Truyện ngắn</td><td>- Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn. Nghệ thuật miêu tả loài vật sinh động, đặc sắc. Ngôn ngữ chính xác, giàu tạo hình - Bài văn miêu</td></tr><tr><td>Tôi và các bạn</td><td>Nếu cậu muốn có một người bạn</td><td>Ăng-tơ Xanh-tơ E-xu-pe-ri</td><td>Truyện ngắn</td><td>- Nghệ thuật miêu tả sinh động. Ngôn ngữ chính xác, giàu sức tạo hình. - Hoàng tử bé hoang mang, đau khổ vì phát hiện ra đóa hồng của mình không phải là duy nhất, mà ở vùng đất cậu vừa đi qua này có đến cả một vườn hồng,</td></tr></table>					Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật	Tôi và các bạn	Bài học đường đời đầu tiên	Tô Hoài	Truyện ngắn	- Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn. Nghệ thuật miêu tả loài vật sinh động, đặc sắc. Ngôn ngữ chính xác, giàu tạo hình - Bài văn miêu	Tôi và các bạn	Nếu cậu muốn có một người bạn	Ăng-tơ Xanh-tơ E-xu-pe-ri	Truyện ngắn	- Nghệ thuật miêu tả sinh động. Ngôn ngữ chính xác, giàu sức tạo hình. - Hoàng tử bé hoang mang, đau khổ vì phát hiện ra đóa hồng của mình không phải là duy nhất, mà ở vùng đất cậu vừa đi qua này có đến cả một vườn hồng,
					Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật																									
									- Nghệ thuật - Nội dung																									
Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật																														
Tôi và các bạn	Bài học đường đời đầu tiên	Tô Hoài	Truyện ngắn	- Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn. Nghệ thuật miêu tả loài vật sinh động, đặc sắc. Ngôn ngữ chính xác, giàu tạo hình - Bài văn miêu																														
Tôi và các bạn	Nếu cậu muốn có một người bạn	Ăng-tơ Xanh-tơ E-xu-pe-ri	Truyện ngắn	- Nghệ thuật miêu tả sinh động. Ngôn ngữ chính xác, giàu sức tạo hình. - Hoàng tử bé hoang mang, đau khổ vì phát hiện ra đóa hồng của mình không phải là duy nhất, mà ở vùng đất cậu vừa đi qua này có đến cả một vườn hồng,																														

C.

Tôi và các bạn	Bắt nạt	Nguyễn Thế Hoàng Linh	Thơ	- Điệp từ. Ngôn ngữ ngắn gọn, trong sáng, dễ hiểu. - Bài thơ nói chuyện bắt nạt mà vẫn ẩn chứa ý vị hài hước. Nhân vật thử thách những ai bắt nạt người khác đọc bài

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS:

Em đã thực hành viết các kiểu bài: kể lại một trải nghiệm của bản thân, nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, tập làm thơ lục bát, tả cảnh sinh hoạt. Hãy thực hiện những yêu cầu sau đây:

a. Trình bày yêu cầu đối với mỗi kiểu bài.

b. Nêu đề tài mà em lựa chọn nếu thực hành viết một trong các kiểu bài.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

*** HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

GV có thể hướng dẫn HS tóm tắt đặc điểm của các kiểu bài bằng sơ đồ tư duy theo hai cách:

- Diễn dịch: Nêu tên kiểu bài, yêu cầu của từng kiểu bài, sử dụng các đoạn văn, bài thơ tiêu biểu làm dẫn chứng minh họa.

- Quy nạp: Chọn một số bài viết tiêu biểu và khái quát đặc điểm của kiểu bài thông qua các sản phẩm cụ thể này.

NHIỆM VỤ 1: * Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức hoạt động nhóm. Chia lớp ra thành nhiều nhóm (số lượng tùy thuộc vào số lượng HS). Mỗi nhóm sẽ thực hành trả lời 4 câu hỏi trong bài trong thời gian 3 phút. GV gọi các nhóm NX chéo và chốt kiến thức chuẩn của bài. Câu 1. <i>Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào?</i> A. Mẹ Dẻ Gai B. Một cây dẻ trong rừng già C. Một nhân vật trong câu chuyện D. Nhân vật “tôi” - đứa con bé nhất của mẹ Dẻ Gai Câu 2. <i>Từ “chúng tôi” trong câu chuyện được dùng để chỉ những nhân vật nào?</i> A. Mẹ, hạt dẻ gai và các anh chị em B. Nhân vật “tôi” và các anh chị em C. Nhân vật “tôi” và các bạn trong rừng già D. Những hạt dẻ gai trong rừng già Câu 3. <i>Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu: “Và tôi nhìn rõ cả cánh rừng già, cả sườn núi cao, cả bầu trời mây gió lồng lộng ào ạt trôi trên đầu mẹ”?</i> A. Ẩn dụ B. Điệp ngữ C. Hoán dụ D. So sánh Câu 4. <i>Vì sao khi mùa đông đến, “tôi” cứ mãi thu mình trong tấm áo gai xù bông ấm áp?</i> A. Vì “tôi” nhỏ nhất nhà và chưa đủ lớn. B. Vì “tôi” rất thích tấm áo gai xù bông ấm áp. C. Vì “tôi” sợ gió lạnh, sợ mùa đông đến. D. Vì “tôi” sợ xa mẹ, sợ tự lập và	II. Luyện tập 1. Phần trắc nghiệm : Câu 1 : D Câu 2 : B Câu 3 : B Câu 4 : D

Đề 1. Em hãy tưởng tượng những điều hạt dẻ gai gặp trong giấc mơ và sau giấc ngủ đông ấm áp. Hãy giúp bạn ấy kể tiếp câu chuyện của mình trong rừng già theo cách của em. Đề 2. Những trải nghiệm của nhân vật “tôi” trong đoạn trích có thể gợi liên tưởng đến điều gì trong cuộc sống của em? Hãy chia sẻ điều đó với mọi người. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tập và đọc lại VB; - HS hoàn thành bài tập. * Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Viết bài văn hoàn chỉnh cho một trong hai đề ở phần trên.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Ngày soạn:

Ngày dạy:.....

TUẦN

Bài 6

CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG

(13 tiết)

*con phải kể cho con của con nghe những truyền thuyết mà mẹ đã kể
cho con - giống như bà đã kể cho mẹ và bà cố đã kể cho bà...*

Bét-ti Xmít (Betty Smith)

Tiết 1

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo; nhận biết được chủ đề của VB.
- Nhận biết được VB thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai VB theo trật tự thời gian.
- Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp).
- Bước đầu biết viết VB thông tin thuật lại một sự kiện.
- Viết bài văn thuyết minh về một lễ hội truyền thống địa phương
- Kể được một truyền thuyết.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

3. Về phẩm chất:

- Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

2. Học sinh

- Đọc văn bản, trả lời các câu hỏi trong SGK, thực hiện các hoạt động theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Khám phá tri thức Ngữ văn.

b) Nội dung:

GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

HS quan sát, lắng nghe *video về các loại hình văn hóa dân gian trong đời sống hiện nay* và suy nghĩ cá nhân và trả lời.

c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

- Nội dung của video: giới thiệu về các loại hình văn hóa dân gian
- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:
? Cho biết nội dung của bài hát?

B2: Thực hiện nhiệm vụ**HS**

- Quan sát video, lắng nghe lời bài hát và suy nghĩ cá nhân.

GV:

- Hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe video.
- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

B3: Báo cáo thảo luận**GV:**

- Yêu cầu cá nhân lên trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.
- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc
- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**1. Giới thiệu bài học****a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Nhận biết được chủ đề của bài học.
- Nêu được đặc điểm của một nhóm truyền thuyết tiêu biểu kể với những người anh hùng.
- Vị trí trung tâm, nổi trội của các nhân vật anh hùng.

b) Nội dung:

GV yêu cầu HS suy nghĩ, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi của GV.

HS quan sát, suy nghĩ cá nhân và trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh d) Tổ chức thực hiện:	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Yêu cầu HS tự đọc thảo luận nhóm & đặt câu hỏi: ? Cho biết chủ đề của bài học là gì? ? Nhân vật trung tâm của bài học? ? Nhân vật đó có đặc điểm gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS - Đọc sách, suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm đưa ra câu trả lời. - Đọc phần giới thiệu bài học. - Thảo luận nhóm: + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập. GV: - Hướng dẫn HS đọc, suy nghĩ và làm việc nhóm. - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm. - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn). HS: - Trả lời câu hỏi của GV.	- Chủ đề của bài học: đặc điểm của một nhóm truyền thuyết tiêu biểu. thông qua các VB đọc hiểu, nêu bật đặc điểm của một nhóm truyền thuyết tiêu biểu (chuyện kể về những người anh hùng). - Người anh hùng có vị trí trung tâm, năng lực nổi trội hùng trong các truyền thuyết về' lịch sử xa xưa của dân tộc, đất nước nhưng đồng thời nhấn mạnh mối liên hệ mật thiết giữa cá nhân người anh hùng với cộng đồng. - Nhân vật người anh hùng hay chính truyền thuyết về người anh hùng là sản phẩm từ kí ức của cộng đồng. Vì

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.	là sản phẩm của kí ức (trí nhớ, tưởng tượng...) nên nhân vật người anh hùng và truyền thuyết về người anh hùng kết hợp cả yếu tố thực (những hạt nhân, hình bóng sự thật lịch sử; sự vật, hiện tượng, lô-gíc thực,...) và yếu tố hư ảo (hoang đường, kì ảo).

2. Tri thức ngữ văn	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Nhận biết được định nghĩa về truyền thuyết, một số yếu tố của truyền thuyết (nhân vật chính, cốt truyện, lời kể, yếu tố kì ảo). - Kể được tên một vài tác phẩm truyền thuyết đã học hoặc tự đọc. b) Nội dung: GV sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh d) Tổ chức thực hiện:	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia lớp ra làm 5 nhóm: - Phát phiếu học tập số 3 & giao nhiệm vụ:	Truyền thuyết - Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử

? Nêu định nghĩa của truyền thuyết. ? Thế giới nghệ thuật của truyền thuyết có những yếu tố nào? ? Thế nào là văn bản thông tin một sự kiện? ?Dấu chấm phẩy có công dụng gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS - Đọc sách, suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm đưa ra câu trả lời. - Đọc phần tri thức ngữ văn - Thảo luận nhóm: + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập. GV: - Hướng dẫn HS đọc, suy nghĩ và làm việc nhóm. - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm. - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho	thông qua sự tưởng tượng, hư cấu. Thế giới nghệ thuật của truyền thuyết - Chủ đề: cuộc đời và chiến công của nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong tục, sản vật địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian. - Thời gian: theo mạch tuyến tính. Nội dung thường gồm ba phần gắn với cuộc đời của nhân vật chính: hoàn cảnh xuất hiện và thân thế; chiến công phi thường; kết cục. • Nhân vật chính: là những người anh hùng. - Lời kể: cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm gây ấn tượng về tính xác thực của câu chuyện. - Yếu tố kì ảo (lạ, không có thật) xuất hiện đậm nét ở tất cả các phần nhằm tôn vinh, lí tưởng hoá nhân vật và chiến công của họ. Văn bản thông tin thuật lại một sự kiện - Văn bản thông tin là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin. - - Văn bản thông tin thuật lại một sự kiện dùng để trình bày những gì mà người viết chứng kiến hoặc tham gia. Diễn biến của sự kiện thường được sắp xếp theo trình tự

nhóm bạn (nếu cần).	thời gian.
B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.	Dấu chấm phẩy Dấu chấm phẩy thường được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

- Học sinh kể tên một số truyền thuyết đã đọc và liên hệ với tri thức ngữ văn vừa đọc.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia lớp ra làm 5 nhóm: - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ: ? Tóm tắt ngắn gọn cốt truyện và xác định nhân vật chính của một truyền thuyết yêu thích. ? Chỉ ra các yếu tố cơ bản của truyền thuyết (cốt truyện, nhân vật chính, lời kể,...) trong những VB đã đọc. ? Chỉ ra những yếu tố hoang đường, kì ảo được sử dụng trong các truyền thuyết mà các em đã đề cập. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS	- Tóm tắt ngắn gọn cốt truyện và xác định nhân vật chính của một truyền thuyết yêu thích. - Các yếu tố cơ bản của truyền thuyết (cốt truyện, nhân vật chính, lời kể,...) trong những VB đã đọc. - Những yếu tố hoang đường, kì ảo được sử dụng trong các truyền thuyết mà các em đã đề cập.

- Suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm đưa ra câu trả lời. - Thảo luận nhóm: + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập. GV:- Hướng dẫn HS đọc, suy nghĩ và làm việc nhóm. - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm. - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.	

HOẠT ĐỘNG 4: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG:

(Hướng dẫn thực hiện ở nhà)

1. Học bài cũ: xem lại nội dung tri thức Ngữ văn.
2. Soạn bài: Đọc và soạn bài Thánh Gióng.

Tiết 2,3

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Văn bản (1)

THÁNH GIÓNG

– Truyền thuyết–

I. MỤC TIÊU

1.1 Về kiến thức:

- Nhận biết chủ đề của truyện.
- Hiểu được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyền thuyết tình huống điển hình của cốt truyện, các chi tiết tiêu biểu, nhân vật có tính biểu trưng cho ý chí và sức mạnh của tập thể, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo,...
- Hiểu được một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện trong lời kể truyền thuyết.

1.2 Về năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

1.3 Về phẩm chất:

- Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Tranh ảnh về truyền thuyết Thánh Gióng.
- Video về những người anh hùng áo trắng trong cuộc chiến chống dịch Covid hiện nay (link: https://www.youtube.com/watch?v=l60MZA_tFq5o)
- Phiếu học tập.
- + *Phiếu số 1: Xác định bối cảnh câu chuyện truyền thuyết Thánh Gióng*

	Chi tiết
Thời gian	
Không gian	
Sự việc	
⇒ Nhận xét:	

+ *Phiếu số 2: Sự ra đời của Gióng*

Chi tiết	Bình thường	Khác thường
⇒ Vì sao nhân dân muốn Gióng ra đời kì lạ như vậy?		

+ *Phiếu học tập số 3: Tổng kết*

	Chi tiết	Nhận xét
<i>Tình huống</i>		
<i>Các chi tiết tiêu biểu</i>		
<i>Nhân vật</i>		
<i>Lời kể</i>		

2. Học sinh

- Đọc văn bản, trả lời các câu hỏi trong SGK, thực hiện các hoạt động theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. KHỞI ĐỘNG

e) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh, HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

f) **Nội dung:** GV hỏi, HS xem video và trả lời.

g) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

h) **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV chiếu video về các anh hùng áo trắng trong cuộc chiến chống dịch bệnh Covid hiện nay. Link: <https://www.youtube.com/watch?v=l60MZAfFq5o>

? Các em hãy cùng theo dõi video và cho biết video nói về ai? Họ có những đặc điểm gì chung?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem video và suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. ĐỌC VĂN BẢN

1. Đọc và tóm tắt	
a) Mục tiêu: Giúp HS hình dung, theo dõi và tưởng tượng những diễn biến sự kiện, đặc điểm cơ bản của nhân vật có trong tác phẩm b) Nội dung: - GV hướng dẫn HS đọc văn bản, chú thích và đặt câu hỏi. - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc một số đoạn, phần chú thích - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ: ? Truyện Thánh Gióng có những nhân vật và sự kiện tiêu biểu nào? Hãy tóm tắt bằng sơ đồ tư duy và kể tóm tắt câu chuyện trước lớp. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản từng phần theo hướng dẫn của GV, theo các chiến lược theo dõi, hình dung, tưởng tượng. - Làm việc cá nhân 5 phút: hoàn thành sơ đồ tư duy nhân vật và các sự việc cơ bản. GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động. - Dự kiến KK: một số chú thích Hán Việt, chưa	1. Đọc và tóm tắt • <u>Đọc</u>: rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những chi tiết kì lạ phi thường. • <u>Kể tóm tắt</u>: + Vào đời vua Hùng thứ 6 ở làng Gióng, có vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn , có tiếng là phúc đức, nhưng mãi chưa có con. Bà vợ ra đồng ướm vào vết chân to, về nhà thụ thai, mười hai tháng sau sinh ra một chú bé khôi ngô nhưng đến 3 tuổi mà cậu bé chẳng biết nói biết cười, chẳng biết đi. + Giặc Ân xuất hiện, nghe sứ giả rao, chú bé bỗng cất tiếng nói đòi đi đánh giặc. Từ đó, chú

xác định được nhánh chính, nhánh phụ khi HS vẽ sơ đồ. + Tháo gỡ: giải thích kĩ càng từng từ Hán Việt, đặt các câu hỏi phụ để HS xác định các sự việc khi tóm tắt (sự việc mở đầu, phát triển, cao trào, kết thúc....). B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của cá nhân. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho các bạn(nếu cần). GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng sơ đồ tư duy B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	<i>bé lớn nhanh như thổi. Bà con phải góp gạo nuôi Thánh Gióng.</i> + <i>Thánh Gióng vươn vai thành tráng sĩ, mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, cưỡi ngựa sắt xông ra diệt giặc và đánh tan được kẻ thù.</i> + <i>Gióng một mình một ngựa trèo lên đỉnh núi rồi bay thẳng lên trời. Nhân dân lập đền thờ. Hiện nay vẫn còn những dấu tích trận đánh của Gióng năm xưa.</i>
2. Tác phẩm	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, bố cục, các dị bản khác...) b) Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi tập để học sinh hoàn thành bài cá nhân. - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ: ? Truyện “Thánh Gióng” thuộc loại truyện nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?	- Thể loại: truyền thuyết về người anh hùng. - Phương thức biểu đạt: tự sự - Văn bản chia làm 4 phần

? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? ? Xác định phương thức biểu đạt của truyện. ? Ngoài văn bản trong sách giáo khoa, em còn sưu tầm được những dị bản nào khác? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2' GV: - Theo dõi, hỗ trợ HS hoạt động cá nhân. B3: Báo cáo HS: Trả lời câu hỏi cá nhân. GV: - Nhận xét câu trả lời của HS B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	+ P1: Từ đâu ... “nằm đấy” → Sự ra đời của Gióng. + P2: tiếp ... “cứu nước”: → Gióng trưởng thành và đánh tan quân giặc. + P3: tiếp ...”lên trời”: → Gióng đánh thắng giặc và bay về trời. + P4: còn lại → Sự bất tử của người anh hùng Gióng. - Một số dị bản: như bản kể trong sách <i>Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam</i> của tác giả Nguyễn Đồng Chi, bản kê' trong sách <i>Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập 1 - Văn học dân gian</i> (Phong Châu kể)

II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN
3. Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng
a) Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được các chi tiết tái hiện bối cảnh của câu chuyện, sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng. - Hiểu được ý nghĩa của sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng, thi pháp xây dựng nhân vật người anh hùng b) Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành. d) Tổ chức thực hiện											
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến										
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm. - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ: 1. Nêu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu chuyện. <table border="1"> <thead> <tr> <th></th><th>Chi tiết</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thời gian</td><td></td></tr> <tr> <td>Không gian</td><td></td></tr> <tr> <td>Sự việc</td><td></td></tr> <tr> <td colspan="2">Nhận xét:.....</td></tr> </tbody> </table> B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập. GV: Quan sát, hướng dẫn HS. Dự kiến KK: Phần nhận xét về bối cảnh đặc trưng của thể loại truyền thuyết. - Tháo gỡ: Mở rộng bối cảnh các truyền thuyết khác để HS phát hiện ra đặc điểm		Chi tiết	Thời gian		Không gian		Sự việc		Nhận xét:.....		a) Bối cảnh của câu chuyện: + Thời gian: đời Hùng Vương thứ sáu. + Không gian: không gian hẹp là một làng quê, không gian rộng là bờ cõi chung của đất nước. + Sự việc: Giặc Ân xâm lược, thế giặc mạnh. ⇒ Đây là tình huống khá điển hình ở các tác phẩm truyền thuyết: đất nước đối diện với một mối lâm nguy, thử thách to lớn: đánh đuổi giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi. Tại thời điểm này, lịch sử đòi hỏi phải có những cá nhân kiệt xuất, những người tài đánh giặc giúp dân cứu nước.
	Chi tiết										
Thời gian											
Không gian											
Sự việc											
Nhận xét:.....											

chung. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. Nhấn mạnh bối cảnh đặc trưng của truyền thuyết. - GV mở rộng về một số cách kể khác về bối cảnh của câu chuyện Thánh Gióng trong các dị bản khác. - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.													
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm. - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ: <table><tr><th>Chi tiết</th><th>Bình thường</th><th>Khác thường</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table> ⇒ Vì sao nhân dân muốn Gióng ra đời lạ như vậy?	Chi tiết	Bình thường	Khác thường										b) Sự ra đời của Gióng. - Các chi tiết về sự ra đời của Gióng: + Hai vợ chồng ông lão nhà nghèo, chăm làm ăn và có tiếng phúc đức, nhưng chưa có con. + Một hôm bà ra đồng, trông thấy một vết chân to hơn vết chân người thường. + Bà ướm thử vào vết chân, không ngờ về nhà đã thụ thai. + Sau mười hai tháng thai nghén, bà sinh ra một em bé mặt mũi rất khôi
Chi tiết	Bình thường	Khác thường											

1. Tìm những chi tiết cho biết sự ra đời của Gióng. 2. Sự ra đời của Gióng gì đặc biệt? Theo em, tại sao tác giả dân gian lại muốn Gióng ra đời kì lạ như vậy? 3. Có phải chỉ Thánh Gióng mới ra đời kì lạ như vậy không? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân - 3 phút thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập. GV: Dự kiến KK: câu hỏi số 2,3 - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ: - Hướng dẫn HS xác định các chi tiết kì lạ theo từng bước, dựa vào dự đoán và suy luận của HS: + Vết chân to lớn, khổng lồ - người có hình dáng cũng phải to lớn, khổng lồ. + Người to lớn, khổng lồ thường có sức mạnh phi thường. + Người to lớn, khổng lồ thường không xuất hiện trong đời thường, suy ra đó có thể là một vị thần (trong trí tưởng tượng dân gian). - Hướng dẫn HS xác định ý nghĩa sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng bằng việc mở rộng về	ngô. + Chú bé đã ba tuổi mà chẳng biết cười, biết nói gì cả, và cũng không nhích đi được bước nào, đặt đâu nằm đấy. => Ý nghĩa: Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng làm nổi bật tính chất khác thường, hé mở rằng đứa trẻ này không phải là một người bình thường. Điều này nằm trong mối liên kết xuyên suốt VB truyền thuyết kể về' người anh hùng: ra đời một cách khác thường, kì lạ - lập nên những chiến công phi thường - và sau đó từ giã cuộc đời cũng theo một cách không giống người bình thường.

một trong những phương cách mà tác giả dân gian thường dùng khi thần thánh hoá người anh hùng đó là gắn kết họ với các sức mạnh của tự nhiên. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.	
4. Gióng lớn lên và đi đánh giặc	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Giúp HS nhận biết được các chi tiết tiêu biểu của truyện, đồng thời phân tích được ý nghĩa biểu trưng của chi tiết. - Hiểu được thi pháp đặc trưng xây dựng nhân vật anh hùng của truyền thuyết và văn học dân gian: sự việc, hành động phi thường. b) Nội dung: - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.	

d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) * Vòng chuyên sâu (7 phút) - Chia lớp ra làm 5 nhóm: - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4,5... - Phát phiếu học tập số 3 & giao nhiệm vụ: Nêu ý nghĩa của các chi tiết sau: Nhóm 1: Câu nói của Gióng: “Về bảo với vua rèn cho ta một con ngựa sắt, một thanh gươm sắt, một giáp sắt và một nón sắt, ta sẽ đánh đuổi giặc dữ cho!”. Nhóm 2: Bà con hàng xóm vui lòng góp gạo, thối cơm cho Gióng ăn, may quần áo cho Gióng mặc. Nhóm 3: Gióng vươn vai trở thành một tráng sĩ khổng lồ. Nhóm 4: Ngựa sắt phun ra lửa, gươm sắt loang loáng như chớp giật và bụi tre hai bên đường đã hỗ trợ Gióng trong quá trình đánh giặc. Nhóm 5: Gióng đánh giặc xong, cởi giáp bỏ nón lại và bay thẳng lên trời. * Vòng mảnh ghép (8 phút) - Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III mới, các em số 4 tạo thành nhóm 4, các em số 5 tạo thành nhóm 5 & giao	<i>a. Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói đòi đi đánh giặc.</i> + Câu nói thể hiện ý thức đánh giặc cứu nước, cứu dân của Thánh Gióng. + Cậu bé làng Phù Đổng ra đời một cách khác thường (trong hoàn cảnh đất nước đang có chiến tranh) báo hiệu cậu sẽ là người thực hiện nhiệm vụ của lịch sử. Khi thời điểm thực hiện nhiệm vụ đến thì cậu bé sẽ cất tiếng nói đầu tiên, phải là tiếng nói nhận nhiệm vụ: đánh giặc cứu dân, cứu nước. Đó cũng là dấu mốc quan trọng đánh dấu thời khắc một cá nhân được tham gia vào công việc, thử thách chung của cả cộng đồng. <i>b. Bà con làng xóm vui lòng góp gạo nuôi Gióng ăn, may quần áo cho Gióng mặc.</i> + Gióng được nuôi dưỡng từ trong ND. Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của toàn dân. + ND ta rất yêu nước một lòng đoàn kết để tạo sức mạnh đánh giặc cứu nước. <u>GV mở rộng:</u> Ngày nay ở làng Gióng,

nhiệm vụ mới: 1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu. 2. Chiến công phi thường mà Gióng đã làm nên là gì? Em hãy nêu ý nghĩa của hình tượng Gióng. 3. Ngoài chiến công phi thường của Thánh Gióng, em còn biết những chiến công nào khác nữa? B2: Thực hiện nhiệm vụ * Vòng chuyên sâu HS: - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân. - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm). GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). * Vòng mảnh ghép (7 phút) HS: - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép. - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại. GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV:	ND vẫn tổ chức cuộc thi nấu cơm, hái cà nuôi Gióng. Đây là hình thức tái hiện quá khứ rất giàu ý nghĩa. <i>c. Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ khổng lồ.</i> □ Chi tiết thể hiện suy nghĩ và ước mơ của ND về người anh hùng cứu nước: + Người anh hùng là người khổng lồ trong mọi sự việc, kể cả sự ăn uống và lớn lên. + Ước mong Gióng lớn nhanh để kịp đánh giặc cứu nước. + Đó là cái vươn vai phi thường để giúp người anh hùng đạt tới sự khổng lồ. Đó cũng là ước mong của ND ta về sức mạnh của người anh hùng đánh giặc. Hơn nữa cái vươn vai của Gióng còn là cái vươn vai của cả DT khi đứng lên chống giặc ngoại xâm. <i>d. Ngựa sắt phun ra lửa, gươm sắt loang loáng như chớp giật và bụi tre hai bên đường đã hỗ trợ Gióng trong quá trình đánh giặc.</i> - Việc thần kì hoá vũ khí bằng sắt của Thánh Gióng là một chi tiết có ý nghĩa biểu tượng, ca ngợi thành tựu văn minh kim loại của người Việt cổ ở thời đại Hùng Vương.

- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục tiếp theo.	- Đó cũng là đặc điểm nổi bật của thời đại truyền thuyết - thời đại anh hùng trên nhiều phương diện, trong đó có những đổi thay lớn về' công cụ sản xuất và vũ khí chiến đấu <i>e. Gióng đánh giặc xong, cởi giáp bỏ nón lại và bay thẳng lên trời._</i> - Đây là sự ra đi thật kì lạ nhưng cũng thật cao quý: + Gióng không màng danh lợi, vinh hoa, phú quý. + Nhân ta muốn giữ mãi hình ảnh cao đẹp về người anh hùng cứu nước nên đã để Gióng về với cõi vô biên, bất tử. Bay lên trời Gióng là non nước, đất trời, là biểu tượng của người dân Văn Lang. ⇒ Gióng đã lập nên những chiến công phi thường, có ý nghĩa với nhiều người. Đây là đặc điểm tiêu biểu của nhân vật anh hùng. ⇒ Ý nghĩa của hình tượng Thánh Gióng: Thánh Gióng là hình tượng tiêu biểu, rực rỡ của người anh hùng đánh giặc giữ nước. Thánh Gióng mang trong mình sức mạnh của cả cộng đồng ở buổi đầu dựng nước: sức mạnh vô hạn của tự nhiên đất nước; sức mạnh và ý chí của nhân dân -

	những người thợ thủ công anh hùng, những người nông dân anh hùng, những binh lính anh hùng,...
5. Dấu tích còn lại	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Nhận biết được các dấu ấn còn lại sau khi Gióng về trời. - Hiểu được đặc điểm lời kể của truyền thuyết. b) Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi học tập để học sinh hoàn thành bài cá nhân. - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ: ? Lời kể nào trong truyện <i>Thánh Gióng</i> hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ? Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân 2’. - Trao đổi thảo luận nhóm đôi GV: - Theo dõi, hỗ trợ HS hoạt động cá nhân. GV: Dự kiến KK: câu hỏi số 2 - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng tóm tắt và giới thiệu cho HS một vài bản kể truyền thuyết khác có lời kể như vậy.	- Lời kể: <i>Hiện nay, vẫn còn đến thờ ở làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng.....</i> Ý nghĩa: + Lời kể về những dấu tích còn lại của người anh hùng làng Gióng trong quá trình đánh giặc cho thấy nhân dân ta luôn tin rằng Thánh Gióng là người anh hùng có thật và tự hào về sức mạnh thần kì của dân tộc trong đấu tranh chống ngoại xâm. + Đây cũng là một biểu hiện có tính chất đặc thù trong thi

B3: Báo cáo HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	pháp của truyền thuyết.

III. Tổng kết								
a) Mục tiêu: Giúp HS - Giúp HS hệ thống lại những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. - Hệ thống lại những đặc điểm cơ bản của thể loại truyền thuyết. b) Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành. d) Tổ chức thực hiện								
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập số 3 <table border="1"> <thead> <tr> <th></th><th>Chi tiết</th><th>Nhận xét</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tình huống</td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table>		Chi tiết	Nhận xét	Tình huống			III. Tổng kết 1.Chủ đề <i>Thánh Gióng</i> là truyện đặc sắc, thể hiện sự ngợi ca, tôn vinh của nhân dân đối với các thành tựu	
	Chi tiết	Nhận xét						
Tình huống								

<i>Các chi tiết tiêu biểu</i>		
<i>Nhân vật</i>		
<i>Lời kể</i>		

- Giao nhiệm vụ nhóm:

? Nêu chủ đề của truyền thuyết Thánh Gióng?

? Từ văn bản Thánh Gióng em hãy nêu một số đặc điểm thi pháp của thể loại truyền thuyết.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy.
- Làm việc nhóm 5' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).

GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

HS:

- Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

GV:

- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.
- Chuyển dẫn sang đề mục sau.

của tiến nhân trong lịch sử.

- Thông qua câu chuyện góp phần giáo dục lòng yêu nước, ý thức công dân và sự tự hào, tự tôn dân tộc cho thế hệ trẻ.

2. Một số đặc điểm thi pháp của thể loại truyền thuyết

- **Tình huống diễn hình** của cốt truyện: ra đời một cách khác thường, kì lạ - lập nên những chiến công phi thường - và sau đó từ già cuộc đời cũng theo một cách không giống người bình thường.
- Các **chi tiết tiêu biểu**: kì lạ, phi thường.
- Nhân vật có **tính biểu trưng** cho ý chí và sức mạnh của tập thể.
- Lời kể có nhiều **chi tiết hoang đường, kì ảo,...**

Hoạt động 3: Viết kết nối với đọc

a) Mục tiêu: Giúp HS

- HS viết được đoạn văn về một hình ảnh hay hành động của nhân vật.
- Yêu cầu: HS tái hiện lại được hình ảnh hay hành động và nêu được ý nghĩa của chi tiết hay hình ảnh đó.

b) Nội dung: HS viết đoạn văn

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nhận của em về một hình ảnh hay hành động của Gióng đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

GV: quan sát, hỗ trợ HS nếu cần:

- Dự kiến KK: học sinh chưa biết hình thành dàn ý cơ bản, viết đoạn thiếu liên kết giữa các ý.

Tháo gỡ KK: yêu cầu HS nhắc lại các bước cơ bản của đoạn văn nêu ý nghĩa của chi tiết, sự việc.

Tham khảo dàn ý: Nêu cảm nhận về chi tiết “*Ngựa sắt phun ra lửa, roi sắt quật giặc chết như ngã rạ và những cụm tre cạnh đường quật giặc tan vỡ.*”

- Mở đoạn: Giới thiệu chi tiết (Trong truyền thuyết Thánh Gióng, em thích nhất là chi tiết ngựa sắt.....)

- Thân đoạn:

+ Nêu vị trí của chi tiết: Thánh Gióng ra trận và giết giặc.

+ Nêu ý nghĩa của chi tiết:

. Việc thần kì hoá vũ khí bằng sắt của Thánh Gióng là một chi tiết có ý nghĩa biểu tượng, ca ngợi thành tựu văn minh kim loại của người Việt cổ ở thời đại Hùng Vương.

. Đó cũng là đặc điểm nổi bật của thời đại truyền thuyết - thời đại anh hùng trên nhiều phương diện, trong đó có những đổi thay lớn về công cụ sản xuất và vũ khí chiến đấu

- Kết đoạn: Nêu suy nghĩ của bản thân.

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

HOẠT ĐỘNG 4: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG:

(Hướng dẫn thực hiện ở nhà)

1. Học bài cũ: Học và xem lại bài Thánh Gióng.
2. Soạn bài: Đọc và soạn bài Thực hành Tiếng Việt.

Tiết 4

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS củng cố kiến thức về cấu tạo của cụm động từ, cụm tính từ, nắm được nghĩa của một số cụm động từ, cụm tính từ.
- HS luyện tập về từ ghép và từ láy, biết phân biệt hai loại từ này.
- Luyện tập về biện pháp tu từ so sánh, biết sử dụng trong khi nói, viết.
- Nhận biết được cấu tạo của từ Hán Việt, có yếu tố giả (kẻ, người) nhằm phát triển vốn từ Hán Việt.

2. Năng lực.

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện từ ghép, từ láy, cụm động từ, cụm tính từ, các biện pháp tu từ, các từ Hán Việt và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV giới thiệu bài học: Ở Tiểu học, các em đã học về các từ loại. Hãy kể tên các từ loại em đã học. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv dẫn dắt:	HS nắm được yêu cầu của bài thực hành tiếng việt.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm từ và cụm từ

a. Mục tiêu: Nắm được các khái niệm từ và cụm từ.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM										
NV1 : Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức trò chơi: <i>Ai nhanh hơn</i> Chia lớp thành 4 nhóm, hãy ghép các từ ở cột phải với các từ ở cột trái cho phù hợp: <table border="1"> <thead> <tr> <th>A</th><th>B</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cụm từ</td><td>Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động.</td></tr> <tr> <td>Tính từ</td><td>Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng.</td></tr> <tr> <td>Động từ</td><td>Nhóm, tập hợp nhiều từ</td></tr> <tr> <td>Từ Hán Việt</td><td>Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người</td></tr> </tbody> </table>	A	B	Cụm từ	Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động.	Tính từ	Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng.	Động từ	Nhóm, tập hợp nhiều từ	Từ Hán Việt	Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người	I. Từ và cụm từ - Cụm từ: Nhóm, tập hợp nhiều từ - Tính từ: Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động. - Động từ: Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng. - Từ HV: Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt,
A	B										
Cụm từ	Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động.										
Tính từ	Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng.										
Động từ	Nhóm, tập hợp nhiều từ										
Từ Hán Việt	Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người										

Việt,	
- HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: Vuốt – nhọn hoắt Cánh – hùn hoăn Người – rung rinh, bóng mờ Răng – đen nhánh, ngoằm ngoạp Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về từ đơn, từ ghép, từ láy.	
NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập nhanh Bài tập thêm: Hãy chỉ ra các từ ghép, từ láy trong câu thơ sau: Việt Nam đất nước ta ơi! Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: Từ đơn: ta, ơi, biển, lúa, đâu, trời, đẹp, hơn Từ ghép: Việt Nam, đất nước Từ láy: mênh mông Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo	Bài tập - Từ ghép: Việt Nam, đất nước, biển lúa - Từ láy: mênh mông

luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	

Hoạt động 2: Nhắc lại biện pháp tu từ so sánh

a. Mục tiêu: Hiểu được các khái niệm, tác dụng biện pháp tu từ so sánh.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV3: Tìm hiểu biện pháp tu từ so sánh Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm: So sánh là gì? Tác dụng của so sánh? - GV yêu cầu HS rút ra kết luận về so sánh - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Gv chuẩn kiến thức GV nhắc lại mô hình so sánh:	II. So sánh - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng.

định từ ghép và từ láy trong các câu - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Gv lưu ý HS về cách nhận diện từ ghép, từ láy. NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tìm và phân tích các từ láy trong các câu văn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Cụm đồng từ: xâm phạm/bờ cõi, cất/tiếng nói, lớn /nhanh như thối, chạy/nhờ. - Cụm tính từ: chăm/làm ăn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	góp, mặt mũi, đền đáp. - Từ láy: vội vàng, hoảng hốt. Bài 3/ trang 9 - Cụm đồng từ: xâm phạm/bờ cõi, cất/tiếng nói, lớn /nhanh như thối, chạy/nhờ. - Cụm tính từ: chăm/làm ăn - Đặt câu: HS tự đặt từ 2-3 câu Bài 4/ trang 9 - Biện pháp nghệ thuật so sánh - Cấu trúc: A như B

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. - GV hướng dẫn HS vận dụng biện pháp này để nói về một sự vật hoặc hiện tượng được kể trong truyện. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) nêu suy nghĩ của em về nhân vật Thánh Gióng. Trong đoạn văn có sử dụng từ ghép, từ láy, biện pháp nghệ thuật so sánh.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp	Công cụ đánh giá	Ghi

	đánh giá		chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

*** Rút kinh nghiệm.**

.....

.....

.....

TIẾT 4-5: ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
VĂN BẢN 2:
SƠN TINH THỦY TINH

I.MỤC TIÊU:

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS xác định được chủ đề của truyện.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thể loại truyền thuyết trong VB truyện: các sự kiện thường được kết nối với nhau bởi một chuỗi quan hệ nguyên nhân - kết quả; nhân vật có nhiều đặc điểm kì lạ, có thể có dấu vết của nhân vật thần trong thần thoại; lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo; nội dung của truyện cũng có thể hướng đến việc lí giải nguồn gốc các sự vật, hiện tượng hoặc nguyên nhân của một hiện tượng thời tiết, mùa ...
- HS biết vận dụng tình huống giả định: Nếu là một nhân vật trong truyện thì sẽ có suy nghĩ, cảm xúc như thế nào?

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc ta, có ước mơ khát vọng chế ngự thiên tai, giữ gìn bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

+ Phương tiện dạy học

- Máy tính/ điện thoại có kết nối internet, máy chiếu, bộ loa.
- Bài soạn (gồm văn bản dạy học để dưới dạng điện tử; các hoạt động được thiết kế để tổ chức cho học sinh).

+ Hình thức tổ chức dạy học

- Dạy học cá nhân, nhóm, cả lớp;
- HS thuyết trình, giới thiệu, trao đổi, thảo luận,...

2. Học sinh:

- Đọc văn bản, trả lời các câu hỏi trong SGK, thực hiện các hoạt động theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình bằng nhiều hình thức khởi động khác nhau.

b) Nội dung: GV có thể chiếu video, xem tranh ảnh hoặc kể chuyện, hay đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề...

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (Có thể sử dụng nhiều hình thức khác nhau) *GV có thể cho HS trao đổi nhóm về từng nội dung được nêu trong SHS. Một số HS trình bày trước lớp. 1. - Đối với cuộc sống của con người, tùy từng thời điểm cụ thể, các hiện tượng tự nhiên có thể bộc lộ một trong hai mặt: ích lợi và tác hại. Nêu một số ích lợi và tác hại của các hiện tượng đó. 2. - Hãy nêu những hoạt động của con người nhằm hạn chế tác hại của các hiện tượng tự nhiên mà em biết. *GV có thể cho HS xem một đoạn phim khoa học ngắn nói về một hiện tượng tự nhiên hoặc tổ chức một trò chơi trí tuệ nhẹ nhàng để kết nối hiểu biết, trải nghiệm của HS về các hiện tượng tự nhiên, thời tiết. *GV cũng có thể giới thiệu các đoạn phim ngắn, các tranh ảnh, truyện kể nói về những người đã dũng cảm vượt qua các thảm họa thiên nhiên để khơi gợi trí nhớ và kích thích sự	- HS xem và chia sẻ những cảm nhận của mình.

tìm hiểu của các em. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Quan sát video, hoặc nghe câu hỏi và suy nghĩ cá nhân trả lời, bộc lộ cảm xúc. B3: Báo cáo trả lời - Trả lời câu hỏi của GV. - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét hoạt động của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc. GV dẫn dắt vào bài mới: Hằng năm, ở vùng đồng bằng Bắc Bộ nước ta nói chung và khu vực Miền Trung nói riêng trời lại mưa như trút nước, lũ lụt xảy ra triền miên để lại những hậu quả nặng nề cho con người... Với trí tưởng tượng phong phú, nhân dân ta đã sáng tạo nên một truyền thuyết mang tên Sơn Tinh, Thủy Tinh. Vậy nội dung, ý nghĩa của truyền thuyết này như thế nào, chúng ta sẽ cùng đến với bài học ngày hôm nay.	

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Đọc diễn cảm văn bản, kể tóm tắt được cốt truyện, nhận biết được các chi tiết trọng tâm kết nối với nhau bởi quan hệ nguyên nhân - kết quả.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS đọc đúng chính tả, ngắt nghỉ đúng chỗ, phân biệt được lời kể và lời nhân vật; kể đúng diễn biến cốt truyện, chủ đề, nhân vật và sự việc chính. Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: * B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV: Tổ chức cho học sinh tự nghiên cứu cá nhân về văn bản và yêu cầu học sinh nêu cách đọc và đọc văn bản. - B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Cá nhân tự nghiên cứu văn bản, Nêu cách đọc - GV: Nhận xét, hướng dẫn cách đọc và có thể đọc một vài đoạn. GV hướng dẫn đọc: Giọng đọc giọng chậm	I. ĐỌC VĂN BẢN: 1. Đọc:

rãi ở hai đoạn đầu; đoạn giữa sôi nổi, nhanh, gấp ở cuộc giao tranh; đoạn cuối bình tĩnh... GV nên chia VB ra thành một số đoạn, và chỉ định các em có giọng đọc tốt đọc từng đoạn trước lớp. - GV lưu ý trong khi đọc VB, HS chủ yếu sử dụng chiến lược <i>theo dõi các ô chỉ dẫn màu vàng</i> để nắm vững các sự kiện chính, ghi nhớ diễn biến câu chuyện, phát huy trí tưởng tượng đối với một số chi tiết hấp dẫn của VB. - GV lưu ý các từ khó và cần kiểm tra mức độ hiểu của HS về các từ ngữ khó trong VB (như: <i>Lạc hầu, sính lễ, hồng mao, nao núng,...</i>). - GV cho HS tìm hiểu thêm về các dị bản của truyền thuyết <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i>, đặc biệt là giới thiệu thêm một số bản kể khác về Sơn Tinh - Tản Viên Sơn Thánh để HS hiểu thêm về nhân vật này trong đời sống văn hoá tín ngưỡng của dân tộc. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS đọc. HS đọc văn bản B4: Kết luận, nhận định (GV) + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	
NV2: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi: 1. Các sự kiện trong một câu chuyện dân gian thường được kết nối với nhau bởi quan hệ nguyên nhân và kết quả. Hãy tóm lược cốt truyện <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> theo chuỗi quan hệ <i>nguyên nhân - kết quả</i> và thể hiện chuỗi quan hệ đó theo mẫu SGK (Câu hỏi 1 trang 14-15)?. B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.	2, Kể tóm tắt: - Tóm lược cốt truyện <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> HS kẻ bảng vào vở: + Sơn Tinh đến trước được vợ, Thủy Tinh đến sau không lấy được vợ dùng đòn nôi giận, gây chiến đánh nhau với Sơn Tinh. + Sơn Tinh thắng, Thủy Tinh thua và hằng năm Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh.

Yêu cầu HS kẻ bảng vào vở; mời 1 - 2 HS trình bày trước lớp. HS: quan sát SGK, kẻ bảng vào vở; HS trình bày trước lớp. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức	

HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, PTBD, ngôi kể, nhân vật, bố cục...) b) Nội dung: - GV sử dụng KT khăn phủ bàn yêu cầu HS thảo luận nhóm. - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. c) Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS d) Tổ chức thực hiện															
HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM														
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ: Câu hỏi: Đọc truyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh” hãy hoàn thành phiếu học tập sau: <table border="1" data-bbox="164 1361 962 1803"> <tr> <th colspan="2">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</th></tr> <tr> <th colspan="2">Nhóm:</th></tr> <tr> <td>Thể loại</td><td></td></tr> <tr> <td>Phương thức biểu đạt</td><td></td></tr> <tr> <td>Ngôi kể</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhân vật chính</td><td></td></tr> <tr> <td>Bố cục</td><td></td></tr> </table> B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc nhóm GV:	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1		Nhóm:		Thể loại		Phương thức biểu đạt		Ngôi kể		Nhân vật chính		Bố cục		I. Đọc và tìm hiểu chung: - Thể loại: Truyện truyền thuyết. - Phương thức biểu đạt: Tự sự - Ngôi kể : Ngôi thứ 3 - Nhân vật chính: Sơn Tinh, Thủy Tinh - Bố cục: 3 phần. +Từ đầu → “Một đôi”: Vua Hùng kén rể. +Tiếp → “Rút quân”: Sơn Tinh, Thủy Tinh cầu hôn và cuộc giao tranh giữa hai vị thần. + Còn lại: Việc trả thù của Thủy Tinh.
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1															
Nhóm:															
Thể loại															
Phương thức biểu đạt															
Ngôi kể															
Nhân vật chính															
Bố cục															

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Nhận xét sản phẩm của HS.(Phát vấn và trao đổi, bổ sung thêm) B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập& sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .															
II. TÌM HIỂU CHI TIẾT a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật của văn bản b. Nội dung: Học sinh sử dụng sách giáo khoa, ra chốt lọc kiến thức để tiến hành câu trả lời. c. Dự kiến sản phẩm: Học sinh tiếp thu kiến thức và câu trả lời d. Tổ chức thực hiện.															
1. Giới thiệu nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh.															
a) Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được những chi tiết giới thiệu về nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh. - Nhận xét về 2 nhân vật và nghệ thuật kể chuyện của tác giả dân gian. b) Nội dung: - GV sử dụng phiếu học tập cho HS thảo luận nhóm. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện															
HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS		DỰ KIẾN SẢN PHẨM													
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia lớp ra làm 4 nhóm - Phát phiếu học tập& giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 1. Hoàn thiện bảng sau và nêu nhận xét về hai nhân vật Sơn Tinh, ThủyTinh:															
<table><tr><td>Nhân vật</td><td>Sơn Tinh</td><td>ThủyTinh</td></tr><tr><td>Lai lịch</td><td></td><td></td></tr></table>		Nhân vật	Sơn Tinh	ThủyTinh	Lai lịch			<table><tr><td>Nhân vật Đặc điểm</td><td>Sơn Tinh</td><td>Thủy Tinh</td></tr><tr><td>Lai lịch</td><td>Là chúa miền non cao (vùng núi Ba Vì) một người là</td><td>Là chúa vùng nước thẳm (tận miền Biển</td></tr></table>		Nhân vật Đặc điểm	Sơn Tinh	Thủy Tinh	Lai lịch	Là chúa miền non cao (vùng núi Ba Vì) một người là	Là chúa vùng nước thẳm (tận miền Biển
Nhân vật	Sơn Tinh	ThủyTinh													
Lai lịch															
Nhân vật Đặc điểm	Sơn Tinh	Thủy Tinh													
Lai lịch	Là chúa miền non cao (vùng núi Ba Vì) một người là	Là chúa vùng nước thẳm (tận miền Biển													

Tài năng					
Nhận xét chung:					
B2: Thực hiện nhiệm vụ					
HS: - Thảo luận nhóm 3 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).					
GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).					
GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).					
B3: Báo cáo, thảo luận					
GV:					
- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.					
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).					
HS:					
- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.					
- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.					
B4: Kết luận, nhận định (GV)					
- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.					
- Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2					
* Vòng chuyên sâu (2 phút)					
GV: Trong câu chuyện này, nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh được gọi là thần. Hãy chỉ ra những đặc điểm khiến cho họ được coi là những vị thần?					
HS trình bày suy nghĩ của mình.					
GV nhận xét, chốt ý:					
Để xác định nhân vật được gọi là thần, HS cần đọc lướt nhanh lại toàn bộ câu chuyện, đến đoạn Sơn Tinh và Thủy Tinh giao chiến, sẽ thấy tác giả dân gian gọi cả hai nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh là thần. Ngoài ra, GV cũng có thể giải thích cho HS hiểu yếu tố Hán Việt <i>thần</i> trong <i>Sơn</i>					

<i>Tinh, Thuỷ Tinh</i> chỉ thần linh hoặc yêu quái. - Các đặc điểm của nhân vật cần nhấn mạnh: + Đến từ vùng xa thăm của tự nhiên: <i>một người là chúa miền non cao</i> (vùng núi Ba Vì), <i>một người là chúa vùng nước thăm</i> (tận miền Biển Đông). + Cả hai đều có nhiều phép lạ và tài năng phi thường (<i>Sơn Tinh: vẫy tay về phía đông phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi; Thuỷ Tinh: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về</i>). + Nhân vật “trẻ mãi không già” (tính bất biến, không trôi chảy của thời gian thần thoại); Từ đó, oán nặng thù sâu, hằng năm <i>Thuỷ Tinh làm mưa gió, bão lụt, dâng nước đánh Sơn Tinh...</i>	

2. Vua Hùng kén rể:
a) Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được lý do vì sao vua Hùng kén rể - Cuộc thi tài kén rể trong câu chuyện này có gì đặc biệt. b) Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức cho HS hoạt động cá nhân - HS làm việc cá nhân, trình bày, quan sát và bổ sung (nếu cần) c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Gv giao nhiệm vụ: Câu 1: Tìm được lý do vì sao vua Hùng kén rể? Câu 2: Cuộc thi tài kén rể trong câu chuyện này có gì đặc biệt B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân GV: Dự kiến KK: câu hỏi số 2 - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ (?)(Tại sao trước 2 chàng trai có tài vua Hùng	2.Vua Hùng kén rể: * Lý do: + Vua Hùng có con gái Mị Nương xinh đẹp, hiền dịu đến tuổi lấy chồng, vua yêu thương con hết mực và muốn kén cho con một người chồng xứng đáng.

lại bắn khoăn?Trước 2 người ngang tài, ngang sức vua Hùng đã phải đưa ra giải pháp gì? Em có nhận xét gì về lễ vật thách cưới đó? Qua việc thách cưới em có nhận xét gì về vua Hùng?) GV:Có ý kiến cho rằng: Vua Hùng đã có ý chọn Sơn Tinh nhưng cũng không muốn mất lòng Thủy Tinh nên mới bày ra cuộc đua tài về nộp sính lễ. Ý kiến của em như thế nào? - Qua đó, em thấy vua Hùng ngầm đứng về phía ai? Vua Hùng là người như thế nào? - Thái độ của vua Hùng cũng chính là thái độ của nhân dân ta đối với nhân vật? Đó là thái độ như thế nào? * GV: Người Việt thời cổ cư trú ở vùng ven núi chủ yếu sống bằng nghề trồng lúa nước. Núi và đất là nơi họ xây dựng bản làng và gieo trồng, là quê hương, là ích lợi, là bè bạn. Sông cho ruộng đồng chất phù sa cùng nước để cây lúa phát triển những nếu nhiều nước quá thì sông nhấn chìm hoa màu, ruộng đồng, làng xóm. Điều đó đã trở thành nỗi ám ảnh đối với tổ tiên người Việt. B3: Báo cáo kết quả GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức, ghi bảng, chuyển dẫn sang mục sau.	- Đồ sính lễ của vua Hùng kì lạ và khó kiếm nhưng đều là những con vật sống ở trên cạn. Qua đó ta thấy vua Hùng ngầm đứng về phía Sơn Tinh, vua đã bộc lộ sự thâm thúy, khôn khéo. -> Vua Hùng ngầm đứng về phía Sơn Tinh. Vua Hùng rất anh minh. -> Tôn thờ thần núi, coi thần núi là phúc thần. *Cuộc thi tài kén rể đặc biệt: + Vua Hùng kén rể hiền tài, Sơn Tinh và Thủy Tinh cùng đến cầu hôn. + Hai bên thi tài để có thể lấy được công chúa, nhưng không phân được thắng bại, cả hai đều xứng đáng. + Vua Hùng thách cưới (cuộc thi tài lần 2): Sơn Tinh nhanh hơn nên lấy được công chúa, đưa công chúa về núi. + Thủy Tinh đuổi theo, hai bên đánh nhau (thi tài lần 3), Sơn Tinh chiến thắng nên giữ được vợ, cùng vợ sống hạnh phúc; Thủy Tinh thua, không lấy được vợ nên hằng năm gây lũ lụt báo thù.
3. Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh: a) Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được nguyên nhân của cuộc giao tranh - Cuộc giao tranh như thế nào. - Kết quả của cuộc giao tranh. - Chủ đề của truyện	

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức cho HS hoạt động nhóm
- HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm trình bày , quan sát và bổ sung (nếu cần)

d) Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chia lớp thành 6 nhóm (hai nhóm thực hiện 1 nhiệm vụ, mỗi nhiệm vụ là 1 mảnh ghép).

- Dùng kĩ thuật mảnh ghép trong thời gian 02 phút hoàn thành phiếu học tập số 3:

- Phát phiếu học tập số 3 & giao nhiệm vụ:

	Sơn Tinh	Thủy Tinh
Nguyên nhân		
Diễn biến		
Kết quả		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc nhóm (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).

GV:Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu các nhóm lên bảng gián kết quả mảnh ghép của nhóm mình.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.

- Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm

- Gv chuẩn kiến thức ở màn hình.

* Vòng chia sẻ: Gv và hs trao đổi, giao lưu với nhau bằng các câu hỏi sau:

1. Nguyên nhân nào dẫn đến cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh? Diễn biến và kết quả như thế nào? vì sao người thắng cuộc xứng đáng được xem là một anh hùng?

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

	Thủy Tinh	Sơn Tinh
Nguyên nhân	Sơn Tinh đến trước, rước Mị Nương về núi. Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, nổi giận đem quân đuổi đánh Sơn Tinh.	
Diễn biến	+Thủy Tinh hô mưa gọi gió làm thành dông bão, dâng nước đánh Sơn Tinh.	+ Sơn Tinh không hề run sợ, chống cự một cách quyết liệt: bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất để ngăn lũ... nước dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu...
Kết quả	Sơn Tinh thắng, TT thua đành phải rút	

2. Nhận xét về nghệ thuật và nhận xét về ý nghĩa của cuộc giao tranh ? HS giao lưu và trình bày ý kiến của mình, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. - GV: Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của hs - Gv chốt kiến thức, liên hệ, mở rộng: Lúc đầu, Sơn Tinh và Thủy Tinh chỉ thi tài xem ai được Vua Hùng ưng gả công chúa. Khi không lấy được công chúa, Thủy Tinh nổi giận, gây chiến, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Lúc này Sơn Tinh và Thủy Tinh mới phải giao tranh. - Hai nhân vật giao tranh vì lí do cá nhân, nhưng việc Thủy Tinh dâng nước lên làm ngập nhà cửa, khiến thành Phong Châu nổi lênh bênh như trên một biển nước. Sơn Tinh giao chiến với Thủy Tinh vì lí do cá nhân, nhưng cũng đồng thời để ngăn chặn một thảm họa thiên nhiên, bảo vệ sự sống cho con người, cỏ cây, súc vật. Vì thế khi Sơn Tinh chiến thắng Thủy Tinh thì Sơn Tinh là một anh hùng của cộng đồng. GV tổ chức hoạt động nhóm(Cặp đôi chia sẻ) - Hãy thảo luận với bạn của mình và cho biết: ST, TT có phải là nhân vật có thật không? Các tác giả dân gian xây dựng lên 2 nhân vật này nhằm mục đích gì? Chủ đề của truyện <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> là gì? - HS: các cặp đôi thảo luận với nhau. - GV: yêu cầu các cặp đôi trình bày kết quả HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. - GV: Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của hs - GV bổ sung kiến thức: Đằng sau câu chuyện mỗi tình Sơn Tinh, Thủy Tinh và Mị Nương là cốt lõi lịch sử, phản ánh hiện thực c/s lao động vật lộn với thiên tai của cư dân đồng bằng Bắc Bộ, thể hiện ước mơ và khát vọng của người Việt	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="933 143 1117 369"></td><td data-bbox="1117 143 1473 369"> quân. + Hàng năm TT lại dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thua. </td></tr> <tr> <td data-bbox="933 369 1117 757">Nghệ thuật</td><td data-bbox="1117 369 1473 757"> Xây dựng hình tượng nhân vật mang dáng dấp thần linh với nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo có tính khái quát cao. - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động. </td></tr> </table> => Sơn Tinh chiến thắng Thủy Tinh thì Sơn Tinh là một anh hùng của cộng đồng. + Chủ đề của truyện <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i>: Nhân dân ta xây dựng hai hình tượng nhân vật này nhằm mục đích giải thích các hiện tượng thiên nhiên,k thời tiết: + Thủy Tinh là thần Nước, tượng trưng cho sức mạnh mưa gió, bão lụt hàng năm. + Sơn Tinh là thần Núi, đại diện cho sức mạnh vĩ đại của nhân dân ta trong việc đấu tranh chống bão lụt hàng năm. Tâm vóc vũ trụ, tài năng và khí phách của ST là biểu tượng sinh động cho chiến công của người Việt cổ.		quân. + Hàng năm TT lại dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thua.	Nghệ thuật	Xây dựng hình tượng nhân vật mang dáng dấp thần linh với nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo có tính khái quát cao. - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.
	quân. + Hàng năm TT lại dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thua.				
Nghệ thuật	Xây dựng hình tượng nhân vật mang dáng dấp thần linh với nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo có tính khái quát cao. - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.				

cổ trong việc chế ngự chiến thắng thiên tai để bảo vệ cuộc sống, bảo vệ mùa màng. - Ý nghĩa hình tượng nhân vật: Sơn Tinh, Thủy Tinh là những nhân vật hoang đường, kì ảo do người xưa tưởng tượng ra. - Nhân dân ta xây dựng hai hình tượng nhân vật này nhằm mục đích giải thích các hiện tượng thiên nhiên thời tiết: + Thủy Tinh là thần Nước, tượng trưng cho sức mạnh mưa gió, bão lụt hàng năm. + Sơn Tinh là thần Núi, đại diện cho sức mạnh vĩ đại của nhân dân ta trong việc đấu tranh chống bão lụt hàng năm. Tâm vóc vũ trụ, tài năng và khí phách của ST là biểu tượng sinh động cho chiến công của người Việt cổ. -> Thể hiện ước mơ của nhân dân ta trong việc chiến thắng thiên tai. Truyện gắn với thời đại Vua Hùng, tại địa bàn dựng nước Văn Lang xưa, nhằm đề cao và tôn vinh những chiến công của người Việt cổ trong công cuộc chống bão lụt, chế ngự và sử dụng nguồn nước (ở lưu vực sông Đà và sông Hồng) để phát triển trồng trọt, chăn nuôi, ổn định cuộc sống, dựng xây đất nước. * Vòng chuyên sâu: GV giao nhiệm vụ: Hoạt động cá nhân hóa thân vào nhân vật dành cho HS khoảng 5-7 phút suy nghĩ về việc nhập vai Thủy Tinh . HS: nhận và thực hiện nhiệm vụ. Kết quả hoạt động: Sản phẩm của HS GV: Thử tưởng tượng em là Thủy Tinh và nêu những suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật sau khi bị thua cuộc? GV tháo gỡ khó khăn: GV hướng dẫn HS trả lời, có thể làm đề cương sơ bộ để khi phát biểu thì rành mạch hơn. Yêu cầu đặt ra: Ngôi kể cần phù hợp với sự việc và nhân vật được lựa chọn, thể hiện đúng cách nhìn và giọng kể mang phong cách dân gian. GV cho HS kể trong nhóm bằng ngôn ngữ nói. Một số HS kể trước lớp.	-> Thể hiện ước mơ của nhân dân ta trong việc chiến thắng thiên tai.

GV: Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của hs.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Giao nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân trả lời: 1. ? Hãy rút ra biện pháp nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân trả lời. GV hướng theo dõi, B3: Báo cáo, thảo luận HS: - HS trả lời câu hỏi, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Xây dựng hình tượng nhân vật mang dáng dấp thần linh với nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo có tính khái quát cao. - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động. 2. Nội dung, Ý nghĩa * Nội dung: Truyện giải thích hiện tượng mưa bão, lụt xảy ra hàng năm ở đồng bằng Bắc Bộ thuở các vua Hùng dựng nước. * Ý nghĩa: Thể hiện sức mạnh và ước mơ chế ngự thiên tai bảo vệ cuộc sống của người Việt cổ.

HOẠT ĐỘNG 4: VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC:

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- Hs viết được đoạn văn tưởng tượng về ngoại hình của nhân vật Sơn Tinh hoặc Thủy Tinh.

b) Nội dung: Hs viết đoạn văn

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

- Viết đoạn văn ngắn (từ 5 – 7 câu) miêu tả ngoại hình của một nhân vật mà em yêu thích trong văn bản.
- Yêu cầu đặt ra: các nét miêu tả ngoại hình nhân vật có thể tự do, phóng khoáng nhưng cần dựa trên các chi tiết về tài năng, hành động,... của nhân vật trong truyện.
- *Gv giới thiệu một đoạn/cả bài thơ: “Sơn Tinh, Thủy Tinh” của Nguyễn Nhược Pháp để các em HS có thêm tư liệu viết bài.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

HOẠT ĐỘNG 5: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG: (Hướng dẫn thực hiện ở nhà)

1. Học bài cũ: Xem lại truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh và ghi tóm tắt lại những sự việc chính.

2. Hoàn thành các bài tập sau:

Câu 1: Từ truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh em nghĩ gì về chủ trương xây dựng, củng cố đê điều, nghiêm cấm nạn phá rừng, đồng thời trồng thêm rừng phủ xanh đất trống đồi trọc của nước ta trong giai đoạn hiện nay?

Câu 2: Dựa vào hiểu biết bản thân, viết tên một số truyện kể dân gian liên quan đến thời đại các vua Hùng mà em biết ?

GV gợi ý:

Đó là những chủ trương hoàn toàn đúng đắn để giảm thiểu những ảnh hưởng của lũ lụt đối với cuộc sống của nhân dân ta hiện nay. Đặc biệt trong tình hình lũ lụt ở nước ta hàng năm đang diễn ra ngày càng khó lường.

3. Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng việt: trả lời các câu hỏi trong SGK.

TIẾT 7

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được công dụng của dấu chấm phẩy và biết sử dụng dấu chấm phẩy trong việc viết câu và đoạn văn.
- HS nhận biết được cấu tạo của từ HV có yếu tố thủy (nước) nhằm phát triển vốn từ HV, nhận biết được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng xuất hiện trong văn bản đọc hiểu.
- Củng cố kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ qua việc tìm những câu văn có sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ cũng như chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ này.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực dùng , các phép tu từ và tác dụng của chúng.
- Năng lực nhận biết và sử dụng dấu chấm phẩy trong viết câu, đoạn văn.
- Năng lực nhận biết từ Hán Việt, nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: <i>Khi đọc một văn bản, em thường thấy có những dấu câu nào? Hãy kể tên và nêu tác dụng của những dấu câu đó?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV dẫn dắt: Các dấu câu có vai trò quan trọng trong tạo lập văn bản. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về dấu chấm phẩy. <i>HS tiếp nhận nhiệm vụ.</i>	HS lắng nghe và huy động kiến thức đã có về dấu chấm phẩy, từ HV, phép tu từ điệp ngữ

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về dấu chấm phẩy, phép tu từ điệp ngữ

a. Mục tiêu: Hiểu được các khái niệm về dấu chấm phẩy, phép tu từ điệp ngữ

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 :	I. Dấu chấm phẩy

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Em hãy nêu hiểu biết của mình về dấu chấm phẩy?</i> - GV đưa ra bài tập mẫu: Tìm dấu chấm phẩy trong câu sau và nêu tác dụng <i>a) Cốm không phải là thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ.</i>(Thạch Lam) - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: Dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa 2 vế của câu ghép. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Có thể thay bằng dấu phẩy và nội dung của câu không bị thay đổi.	- Công dụng: dùng để ngắt các thành phần lớn trong một câu, thường các thành phần này có quan hệ đồng đẳng, mang tính liệt kê. - Vị trí: đặt ở cuối dòng có tính liệt kê.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.	II. Luyện tập Bài tập 1/ trang 13 HS tự làm vào vở

HS đọc đoạn văn, thảo luận nhóm, trình bày nhận xét về vị trí, công dụng của dấu chấm phẩy trong đoạn văn, tương quan của hai bộ phận trước và sau dấu chấm phẩy. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS. NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 2 GV hướng dẫn HS: để viết đoạn văn cần trả lời hai câu hỏi + <i>Em dự định viết đoạn văn chủ đề gì?</i> + <i>Em dự định dùng dấu chấm phẩy ở chỗ nào, câu nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS viết vào vở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	Bài 2/ trang 13

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: NV5: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. GV nhắc lại kiến thức: BPTT điệp ngữ dùng để liệt kê, nhấn mạnh, gây ấn tượng với người đọc, người nghe. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	Bài 4/ trang 13 +Hô mưa gọi gió: người có sức mạnh siêu nhiên, có thể làm được những điều kỳ diệu, to lớn +Oán nặng thù sâu: sự hận thù sâu sắc, khắc cốt ghi tâm, ghi nhớ ở trong lòng, không bao giờ quên được. Thành ngữ được tạo nên bằng cách đan xen các từ ngữ theo cách tương tự đó là: Góp gió thành bão, đội trời đạp đất, dài nắng dầm mưa, chân cứng đá mềm, chém to kho mận. Bài 5/trang 13 - <i>Một người là chúa miền non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể Vua Hùng, nhấn mạnh sự ngang tài ngang sức, mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thủy Tinh.</i> - <i>Một người ở vùng núi Tản Viên, có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. [...] Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về: liệt kê các phép lạ của Sơn Tinh, Thủy Tinh, nhấn mạnh sự dứt khoát, hiệu</i>

	nghiệm tức thì. - Nước ngập ruộng đồng nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lên trên một biển nước: liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua đó thể hiện sức mạnh, sự tức giận của Thủy Tinh.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) sử dụng phép tu từ điệp ngữ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

*** Rút kinh nghiệm.**

.....

.....

.....

TIẾT 8

ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 3:

AI ƠI MỪNG CHÍN THÁNG TƯ

I. MỤC TIÊU.

1. Mức độ/Yêu cầu cần đạt.

- Nhận biết được văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian.

2. Năng lực.

a. Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, về năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác,.....

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản “Ai ơi mừng chín tháng tư”.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản thông tin.
- Năng lực phân tích so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản thông tin với các văn bản khác có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng tinh thần học tập và niềm đam mê môn học.
- Bồi dưỡng tình cảm tự hào và tôn vinh giá trị văn hoá truyền thống của quê hương, đất nước. Từ đó giúp học sinh hiểu biết và hòa nhập hơn với môi trường mà mình đang sống, có ý thức tìm hiểu, phát huy và truyền bá tinh hoa văn hoá quê hương trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Đồng thời giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án;
- Phiếu bài tập tập, trả lời câu hỏi.
- Tranh, ảnh, video về lễ hội Gióng;

2. Chuẩn bị của học sinh

Sách giáo khoa, sách bài tập Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm nhận của bản thân.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV trình chiếu video clips “ Lễ hội làng Gióng”. Em cảm nhận được gì từ đoạn phim trên?

HS tiếp nhận nhiệm vụ, quan sát và phát biểu ý kiến

- Gọi Hs trao đổi và bổ sung ý kiến.

- GV tổng hợp, giới thiệu bài:

Hội Gióng là một lễ hội văn hóa cổ truyền mô phỏng rõ một cách sinh động và khoa học diễn biến các trận đấu của Thánh Gióng và nhân dân Văn Lang với giặc Ân. Yêu nước chống ngoại xâm là một chủ đề lớn xuyên suốt tiến trình phát triển của Văn học Việt Nam. Nhiều tác phẩm đã tạc vào thời gian những người anh hùng bất tử với non sông. Bài hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu rõ hơn nét đặc sắc của một lễ hội nổi tiếng qua văn bản “Ai ơi mồng chín tháng tư”.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nhớ được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc và hiểu nghĩa những từ khó.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1	I. Tìm hiểu chung.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc VB: GV chỉ định vài HS đọc thành tiếng từng đoạn của văn bản, giọng to, rõ ràng, chú ý các từ ngữ địa phương. - Yêu cầu HS đọc chú thích. GV lưu ý HS các từ khó như: <i>phỗng, phù giá, xà cạp,...</i> - GV yêu cầu HS: Trình bày những tri thức cơ bản về tác giả, xuất xứ của tác phẩm. - HS đọc VB, đọc chú thích, suy nghĩ và khái quát tri thức cơ bản về tác giả, xuất xứ của TP. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi lên bảng	1. Tác giả: Anh Thơ. 2. Tác phẩm. a. Xuất xứ: Báo điện tử Hà Nội mới, 2004.
NV 2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	b. Thể loại: VB thông tin. c. PTBD chính: Thuyết minh.

- GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời CH: Xác định thể loại, PTBĐ chính và bố cục của VB? Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận thực hiện nhiệm vụ: Học sinh nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: - Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận. - Giáo viên gọi học sinh nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện Giáo viên nhận xét, bổ sung chốt lại kiến thức ghi bảng.	d. Bố cục: 3 phần: - Phần 1: một từ đầu --> “...<i>đồng bằng Bắc Bộ</i>”: Bộ giới thiệu về Hội Gióng. - Phần 2: tiếp theo --> “...<i>viên hầu cận</i>...”: tiến trình hội Gióng. - Phần 3: Còn lại: Ý nghĩa của hội Gióng.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung: Học sinh sử dụng sách giáo khoa, chiết lọc kiến thức để tiến hành câu trả lời.

c. Dự kiến sản phẩm: Học sinh tiếp thu kiến thức và câu trả lời

d. Tổ chức thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên đặt câu hỏi: 1. Văn bản này thuật lại sự kiện gì? 2. Đoạn mở đầu của văn bản nêu rõ những thông tin gì? Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực	II. Tìm hiểu chi tiết. 1. Giới thiệu hội Gióng. - Tên: Lễ hội Gióng hay hội làng Phù Đổng. - Thời gian: 9/4 âm lịch. - Địa điểm: xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

hiện nhiệm vụ. Dự kiến sản phẩm: 1. Văn bản Thuật lại sự kiện lễ hội Gióng vào ngày 9 tháng 4 âm lịch tại xã phù đồng huyện Gia Lâm Hà Nội 2. Đoạn mở đầu của văn bản cho biết các thông tin về sự kiện, thời gian diễn ra, bối cảnh (có mưa giông) tính chất, đặc điểm lễ hội (là một trong những lễ hội lớn nhất ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ) Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận. + Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận. + Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét bổ sung câu trả lời của bạn bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Giáo viên nhận xét, bổ sung chốt lại kiến thức và ghi bảng.	
NV 3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ. Giáo viên đặt câu hỏi hỏi: 1. Hội Gióng diễn ra ở những địa điểm nào? 2. Những địa điểm đó nhắc em nhớ đến các chi tiết nào trong truyền thuyết Thánh Gióng? Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ	

Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: Một số địa danh diễn ra hội Gióng như: Cổ Viên, Miếu Ban, đền Mẫu, khu đền Thượng. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận. + Giáo viên gọi học sinh nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi bảng. Giáo viên cho học sinh xem thêm một số tranh ảnh về các di tích liên quan đến hội Gióng. Ở mỗi địa danh, GV kể cho HS về dấu tích có liên quan đến các chi tiết trong truyền thuyết Thánh Gióng. <i>(Tham khảo các dị bản được sưu tầm thêm tại các địa phương này trong công trình “Người anh hùng làng Dóng” của tác giả Cao Huy Đình).</i>	Lễ hội diễn ra trên khu vực rộng lớn.
NV 4 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm hoàn thành phiếu bài tập số 1 (SGV trang 29) để tìm hiểu về tiến trình của lễ hội. - Từ đó em có nhận xét gì về tiến trình của	2. Tiến trình của hội Gióng. - Thời gian chuẩn bị: từ 1/3 đến 5/3 - Lễ hội bắt đầu: + Mừng 6: lễ rước cờ tới đền Mẫu, cồng chày lên đền Thượng. + Mừng 9: chính hội, có múa hát thờ,

lễ hội? Lễ hội được tổ chức như thế nào? Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Học sinh trao đổi, thảo luận, thực hiện nhiệm vụ. Dự kiến sản phẩm: - Học sinh kẻ bảng, đọc kĩ đoạn văn và thống kê các con số: thứ tự, thời gian, không gian, sự kiện, người tham gia lễ hội. - Lễ hội diễn ra trang trọng, đủ nghi thức với nhiều hoạt động phong phú. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận. + Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận. + Giáo viên gọi học sinh nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi bảng.	hội trận và khao quân. + Mừng 10: Lễ duyệt quân, tạ ơn Thánh. + Ngày 11, 12: Lễ rửa khí giới và lễ rước cờ báo tin thắng trận. → Lễ hội diễn ra trang trọng, đủ nghi thức với nhiều hoạt động
NV 5: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời: Hãy tìm một số hình ảnh hoạt động trong lễ hội được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng? - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ. Học sinh thảo luận và trả lời từng câu hỏi.	

Dự kiến sản phẩm: Học sinh liệt kê các hình ảnh hoạt động. Một số hình ảnh, hoạt động trong lễ hội đã được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng như: + Lễ rước nước từ đền Hạ về đền Thượng ngày mùng 8: tượng trưng cho việc tôi luyện vũ khí trước khi đánh giặc; + Hội trận mô phỏng cảnh Thánh Gióng đánh giặc.; + 28 cô tướng từ 9 đến 12 tuổi mặc tướng phục đẹp tượng trưng cho 28 đạo quân thù; + 80 phù giá lưng đeo túi dết, chân quấn xà cạp là quân ta; + Dăm ba bé trai cầm roi rồng, mặc áo đỏ đi dọn đường, tượng trưng cho đạo quân mục đồng; + Cảnh chia nhau những đồ tế lễ tượng trưng cho việc xin lập Thánh để được may mắn trong cả năm; + Ngày 12 là lễ rước cờ tượng trưng cho việc báo tin thắng trận với trời đất, thiên hạ hưởng thái bình. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận. + Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận. + Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4:	Lễ hội mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc và thể hiện sự tôn kính, trân trọng truyền thống lịch sử dân tộc.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi bảng.	
NV 6 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ. Giáo viên đặt câu hỏi: Theo em việc tổ chức hội Gióng mang lại ý nghĩa và giá trị gì? Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Học sinh trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận. + Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận. + Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi bảng. <i>Lễ hội Gióng là một di sản vô giá của văn hóa dân tộc, là dịp để mỗi người dân Việt Nam có thể cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, thiêng liêng và trần thế,....</i>	3. Ý nghĩa của hội Gióng. - Lễ hội Gióng là một di sản vô giá của văn hoá dân tộc, là dịp để mỗi người Việt Nam có thể cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, thiêng liêng và trần thế... - Lễ hội cần được bảo tồn và phát huy để giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp cho muôn đời.
NV 7 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ. Giáo viên đặt câu hỏi: - Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật của văn bản?	III. Tổng kết. 1. Nội dung, ý nghĩa. Giới thiệu về lễ hội đền Gióng, qua đó thể hiện được nét đẹp văn hóa tâm linh và truyền thống uống nước nhớ nguồn

- Nhận xét về trật tự thời gian, cách triển khai nội dung và ngôn ngữ của văn bản? Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Học sinh trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. Học sinh thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận. + Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận. + Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi bảng. - Trật tự thời gian trong VB thông tin tường thuật sự kiện. - Cách triển khai nội dung trong từng phần, mục của VB thông tin tường thuật một sự kiện: mở đầu - diễn biến - kết thúc - tổng kết ý nghĩa, giá trị. - Ngôn ngữ của VB thông tin: giản dị, rõ ràng, có hàm lượng thông tin cao. → Đó chính là đặc điểm của VB thông tin tường thuật lại một sự kiện.	của dân tộc. 2. Nghệ thuật. - Trật tự thời gian khi tường thuật sự kiện. - Cách triển khai nội dung trong từng phần, mục: mở đầu - diễn biến - kết thúc - tổng kết ý nghĩa, giá trị. - Ngôn ngữ: giản dị, rõ ràng, có hàm lượng thông tin cao. → Đặc điểm của VB thông tin tường thuật lại một sự kiện. - Sử dụng các phương thức thuyết minh ngắn gọn, súc tích.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS: Hãy lập sơ đồ tư duy và thuyết minh ngắn gọn về lễ hội Gióng ở nước ta.

Gợi ý: Dựa vào các yếu tố: thời gian, địa điểm, sự kiện, người tham gia, ý nghĩa của lễ hội.

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (5 đến 7 câu) nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của lễ hội Gióng ở nước ta.

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	Phù hợp với mục tiêu, nội dung. - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC.

Tóm tắt tiến trình diễn ra hội Gióng trong văn bản “*Ai ơi mừng chín tháng tư*” bằng cách điền nội dung thích hợp vào bảng sau:

Phiếu bài tập

Tiến trình Thứ tự	Thời gian	Không gian	Sự kiện	Người tham gia	Ý nghĩa biểu trưng (nếu có)
1					
2					
3					

Tiết 9,10,11,12 B. VIẾT (4 tiết)
VIẾT BÀI VÀN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN
(MỘT SINH HOẠT VĂN HOÁ)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Tri thức một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem, nghe qua sách báo, truyền hình, truyền thanh.
- Cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.

2. Về năng lực:

- Biết thuyết minh một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) ở ngôi thứ nhất.
- Bước đầu biết viết văn bản thông tin thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem, nghe qua sách báo, truyền hình, truyền thanh.
- Biết tập trung vào diễn biến sự việc đã xảy ra.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hóa của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.
- Phiếu học tập.
- Video về một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá)

PHIẾU TÌM Ý

Họ và tên HS: Lớp

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá).

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, em hãy viết theo trí nhớ, kinh nghiệm của mình bằng cách trả lời vào cột bên phải các câu hỏi ở cột bên trái

Sự kiện gì?	
Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì?	
Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu?	
Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì?	
Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?	

III. T
Tiết 1

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI

a) Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung:

- GV hỏi, HS trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV chiếu video: <https://www.youtube.com/watch?v=Tlhb9cP4d8E>

HĐ 2: Hình thành kiến thức mới:

TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN

a) Mục tiêu:

- HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài thuyết minh.

- Biết cách thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa)

b) Nội dung:

- GV chia nhóm lớp.

- Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Tìm hiểu văn bản “Ai ơi mùng 9 tháng 4”**

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ: ? Văn bản “Ai ơi mùng 9 tháng 4” đã thuyết minh/thuật lại sự kiện gì? ? Xác định kiểu bài yêu cầu của văn bản? ? Để thuyết minh về 1 sự kiện văn hóa chúng ta cần chú ý tới những nội dung chính nào ? ? Người kể sẽ phải sử dụng ngôi kể thứ mấy? Vì sao? ? Hình thức bài viết cần trình bày ntn ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Quan sát văn bản “Ai ơi mùng 9 tháng 4 ”. - Suy nghĩ cá nhân B3: Báo cáo, thảo luận - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục “Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh một sự kiện”.	Vb: VB tường thuật lại lễ hội Gióng, một sinh hoạt văn hoá dân gian. Đó chính là VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, thuộc loại VB thông tin. * Thuyết minh về một sự kiện văn hóa (Thời gian, không gian, diễn biến, ý nghĩa, cảm nhận của bản thân...) - Người kể: sử dụng ngôi kể thứ nhất (xưng “tôi”/ chúng tôi). *Hình thức: bài văn đầy đủ 3 phần: MB, TB, KB.

*** ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Bài viết kể về những hiểu biết, trải nghiệm nào của tác giả? GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm 1. Xác định ngôi kể trong bài văn? Vì sao em biết VB này sử dụng ngôi kể thứ nhất? 2. Phần nào, đoạn nào của bài viết giới thiệu về sự kiện? 3. Phần nào tập trung vào giới thiệu sự kiện ? Những chi tiết nào giới thiệu về bối cảnh để	Bài mẫu: * Kể về hội chợ xuân ở trường của tác giả. * Ngôi kể: ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) * Các phần: - Đoạn 1: Giới thiệu bối cảnh, mục đích tổ chức hội chợ xuân. - Đoạn 2,3,4 tập trung giới thiệu sự kiện, với các chi tiết:

người đọc hiểu về sự kiện? 4. Bài viết tường thuật theo trình tự nào? Hãy thống kê các hoạt động chính? <table border="1" data-bbox="183 495 927 748"> <tr> <th>TT</th><th>Hoạt động chính</th></tr> <tr> <td>1</td><td></td></tr> <tr> <td>2</td><td></td></tr> <tr> <td>3</td><td></td></tr> <tr> <td>....</td><td>.....</td></tr> </table> ? Những từ ngữ nào cho thấy sự kiện được thuật lại theo trật tự thời gian và trình tự nguyên nhân - kết quả một cách hợp lí? 5. Phần nào thể hiện nhận xét, đánh giá của người viết trước sự kiện được tường thuật? Vì sao em biết điều đó GV yêu cầu: HS thuyết minh lại sự kiện theo các hoạt động chính được xác định. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc nhóm 3' để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. GV: - Hướng dẫn HS trả lời - Quan sát, theo dõi HS thảo luận B3: Báo cáo thảo luậnHS: - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm	TT	Hoạt động chính	1		2		3				+ Thời gian: cuối năm âm lịch, sắp đến Tết; + Không gian: trong sân trường; + Diễn biến sự kiện: toàn bộ quá trình diễn ra hội chợ xuân từ việc chuẩn bị đến ngày diễn ra hội chợ, các hoạt động được tổ chức trong sân trường vào ngày hôm đó: khai mạc, hoạt động mua bán, vui chơi... 4. Trật tự thời gian: <i>8 giờ sáng, sau, liền sau đó, đồng thời, 6 giờ chiều;</i> Trình tự nguyên nhân - kết quả: chuẩn bị -> khai mạc -> diễn biến -> kết thúc). 5. - Đoạn 5: Nêu lên nhận xét, đánh giá của người viết. - Vì có những từ ngữ nào thể hiện được suy nghĩ, đánh giá của người viết như: <i>ấn tượng rất sâu sắc; cảm nhận; kỉ niệm đáng nhớ; được sống trong một bầu không khí rộn rã, vui tươi...</i>)
TT	Hoạt động chính										
1											
2											
3											
....											

B4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét + Câu trả lời của HS + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm.	

*GV mở rộng, chốt một số nội dung:

Văn bản thuyết minh sẽ cung cấp cho những người đọc, người nghe những kiến thức cụ thể về đặc điểm, tính chất, tác dụng, thành phần... của những hiện tượng kỳ lạ và sự vật trong tự nhiên cũng như trong xã hội bằng phương pháp giải thích, giới thiệu hay trình bày

- **Bố cục: 3 phần là mở bài, thân bài và kết bài.** Văn bản thuyết minh sẽ cung cấp cho những người đọc, người nghe những kiến thức cụ thể về đặc điểm, tính chất, tác dụng, thành phần... của những hiện tượng kỳ lạ và sự vật trong tự nhiên cũng như trong xã hội bằng phương pháp giải thích, giới thiệu hay trình bày

- **Mở bài:** Giới thiệu sơ qua về đối tượng người dùng được thuyết minh, gợi mở cho quý khách
- **Thân bài:** Trình bày rõ ràng và cụ thể về tính chất chất, đặc biệt quan trọng, sự kiện và bản chất của sự việc việc, hiện tượng kỳ lạ hướng tới. Giải thích được nguyên nhân, nguồn gốc, kết cấu, chức năng, kết cấu để cung cấp thông tin rõ ràng và cụ thể cho những người đọc.
- **Kết bài:** Xếp loại về đối tượng người dùng, tổng kết lại nội dung của toàn bài.

* **Đặc điểm của văn thuyết minh:**

- **Tính khách quan, chính xác, mang lại lợi ích cho con người phục vụ công việc và cuộc sống tốt nhất**

- **Trình bày văn bản rõ ràng, mạch lạc, đủ nội dung đúng ý, kết cấu phân chia rõ**

- **Người viết am hiểu về nội dung mình đang viết tới để trình bày đúng, đủ ý, truyền đạt cho những người đọc hiểu và sử dụng có ích.**

- Để văn thuyết minh trở nên hấp dẫn, góp phần làm nổi bật đặc điểm, tính chất, nhấn mạnh vấn đề ý chính trong nội dung bài viết và gây hứng thú cho những người đọc nên sử dụng một số biện pháp nổi bật như kể chuyện, tự thuật, đối thoại, diễn ra, tự luận, ẩn dụ,...

HD 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- HS kể tên được các sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem, nghe qua sách báo, truyền hình, truyền thanh.
- HS biết cách tìm kiếm, khai thác thông tin qua nhiều kênh

b) Nội dung:

- GV hỏi, HS trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

GV:

? Em kể lại sự kiện lễ hội hoặc một sinh hoạt văn hoá đã từng được tham gia, chứng kiến hoặc được biết đến qua sách báo, truyền hình, truyền thanh ?

- Dự kiến KK HS gặp: không biết kể về trải nghiệm của bản thân.

- GV tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ: *Em biết những ngày lễ lớn nào ở nước ta ? Trong những ngày lễ đó thì ngày nào thường được tổ chức thành lễ hội? Em hãy nêu tên lễ hội đó? Lễ hội đó thường diễn ra ở ở đâu? Vào thời điểm nào? Diễn ra như thế nào?*

HD 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Kể ra được các lễ hội của các vùng miền, của địa phương nơi mình sinh sống.

b) Nội dung: HS kể được một số các lễ hội / sinh hoạt văn hóa.

c) Sản phẩm: *Sản phẩm của học sinh.*

d) Tổ chức thực hiện:

- HS tìm đọc các văn bản/xem các video về các sinh hoạt văn hóa của quê hương đất nước.

- Vẽ bức tranh về một lễ hội của quê hương em

Tiết 2: HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI THUYẾT MINH MỘT SỰ KIỆN (Tiếp)

HD 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: *Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập*

b) Nội dung:

– HS xem video, tham gia trò chơi để thu thập thông tin, hiểu cách viết bài thuyết minh một sự kiện/ một sinh hoạt văn hóa.

c) Sản phẩm: hs trình bày

d) Tổ chức thực hiện:

- GV chiếu video giới thiệu về một số sự kiện văn hóa/lễ hội ở Việt Nam:

<https://www.youtube.com/watch?v=LUbfeFcyFeo>

- GV tổ chức trò chơi: Tiếp sức.

+ GV chia lớp ra thành 3 nhóm, các thành viên của các nhóm lần lượt lên viết tên của các lễ hội được nhắc đến trong video.

+ Thời gian: 3 phút

+ Hết thời gian: Ban giám khảo chấm điểm cho các nhóm .

HĐ 2: Hình thành kiến thức

- a) Mục tiêu: HS thu nhận được một số thông tin cơ bản qua việc khai thác các video trên mạng internet.
 - b) Nội dung:
HS hoàn thành vào phiếu học tập
 - c) Sản phẩm: Bài làm của học sinh
 - d) Tổ chức thực hiện:
- GV chiếu video về lễ hội chùa Hương ở Hà Nội, thời gian 3 phút
<https://www.youtube.com/watch?v=AhHq5qCxyE8>
 - HS làm việc cá nhân, thời gian 3 phút
- ? Em hãy ghi lại những điều em thu nhận được sau khi xem video về lễ hội chùa Hương
- Hết thời gian, GV thu phiếu học tập của HS, GV chiếu bài của HS, HS nhận xét, bổ sung.

HĐ 3: Luyện tập

THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC							
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết viết bài theo các bước. - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý. - Tập trung vào những hoạt động đã xảy ra. - Sử dụng ngôi kể thứ nhất: xưng “tôi” hoặc “chúng tôi” b) Nội dung: - GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài. - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện							
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến						
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Liệt kê những sự việc đáng nhớ trong cuộc đời? ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn? ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý. HS:	1. Trước khi viết a) Lựa chọn đề tài b) Tìm ý <table><tr><td>Sự kiện gì?</td></tr><tr><td>Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì ?</td></tr><tr><td>Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu?</td></tr><tr><td>Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì?</td></tr><tr><td>Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?</td></tr><tr><td>Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì?</td></tr></table>	Sự kiện gì?	Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì ?	Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu?	Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì?	Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?	Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì?
Sự kiện gì?							
Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì ?							
Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu?							
Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì?							
Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?							
Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì?							

- Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài. - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu. - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. HS: - Đọc sản phẩm của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. - Lập dàn ý chi tiết cho đề văn sau: Đề ra: Em hãy thuyết minh về một lễ hội/một sự kiện văn hóa để lại trong em nhiều ấn tượng đẹp đẽ nhất.	c) Lập dàn ý - <u>Mở bài</u>: Giới thiệu sự kiện (Không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện). - <u>Thân bài</u>: Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian + Những nhân vật tham gia sự kiện. + Các hoạt động chính trong sự kiện ; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động. + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất - <u>Kết bài</u>: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết

Tiết 3: VIẾT BÀI

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: *Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập*

b) Nội dung:

– HS chuẩn bị các phương tiện học tập để viết bài.

c) Sản phẩm:

d) Tổ chức thực hiện: GV động viên khuyến khích HS.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu:

- HS viết được bài một bài văn thuyết minh hoàn chỉnh về một sự kiện văn hóa mà mình yêu thích/ để lại cho bản thân nhiều ấn tượng đẹp đẽ.

- Bài viết tuân thủ các đặc điểm của văn bản thuyết minh, hấp dẫn người đọc, thể hiện được sự hiểu biết và tình cảm của người viết đối với đối tượng được thuyết minh trong bài viết.

b) Nội dung:

Đề ra: Em hãy thuyết minh về một lễ hội/một sự kiện văn hóa để lại trong em nhiều ấn tượng đẹp đẽ nhất.

c) Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV ghi đề lên bảng, nhắc lại ngắn gọn các yêu cầu về kiểu bài, nội dung.
- HS ghi đề vào giấy/vở và làm bài.
- Trong quá trình HS viết bài, GV quan sát, nhắc HS dành thời gian đọc lại và sửa lỗi trước khi nộp bài, khuyến khích những bài viết sáng tạo

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- HS vận dụng kiến thức đã học về văn thuyết minh để tạo lập văn bản.
- HS có thái độ nghiêm túc. Tinh thần cầu thị khi viết bài.
- Bài viết thể hiện được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào về các sinh hoạt văn hóa đặc sắc làm nên vẻ đẹp của các truyền thống dân tộc Việt Nam.

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho học sinh thực hiện.*

c) Sản phẩm dự kiến: Dàn ý

* *Mở bài:* Giới thiệu sự kiện

* *Thân bài:* Giới thiệu về:

- Lịch sử hình thành (Nguồn gốc)
- Thời gian
- Quy mô
- Diễn biến chính

+ Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian

+ Những nhân vật tham gia sự kiện.

+ Các hoạt động chính trong sự kiện ; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.

+ Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất

- **Kết bài:** *Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết.*

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- HS tìm kiếm và nhận ra được các văn bản thuyết minh trong đời sống.

b) Nội dung:

- HS có thể thuyết minh một sự kiện văn hóa/khoa học/kinh tế ... trong đời sống.

VD: Thuyết minh về sự kiện hưởng ứng Ngày trái đất ở địa phương em

c) Sản phẩm: Bài viết của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của giáo viên.

Tiết 4: TRẢ BÀI

a) Mục tiêu: Giúp HS - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết. - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn. b) Nội dung: - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn. - HS đọc bài viết, làm việc nhóm. c) Sản phẩm: Bài đã sửa của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nhắc lại đề, xác định các yêu cầu về hình thức và nội dung của bài viết. - GV trả bài, yêu cầu HS đọc bài của mình, nhận ra các lỗi sai. B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm - Xây dựng dàn ý - Nhận xét góp ý B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. - HS nhận xét bài viết. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.	1. Đề ra: Em hãy thuyết minh về một lễ hội/một sự kiện văn hóa để lại trong em nhiều ấn tượng đẹp nhất. 2. Dàn ý <u>Mở bài:</u> Giới thiệu sự kiện - <u>Thân bài:</u> - Lịch sử - Thời gian - Quy mô - Diễn biến chính + Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian + Những nhân vật tham gia sự kiện. + Các hoạt động chính trong sự kiện ; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động. + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất - <u>Kết bài:</u> Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết. 3. Nhận xét: (Phần này GV sẽ tự đánh vào sau)

	khi chấm bài của HS) * Ưu điểm về: - Cách lựa chọn đối tượng thuyết minh:..... - Về kiểu bài: - Về bố cục: - Cách diễn đạt: dùng từ, đặt câu: - Cách trình bày bài :.... * Hạn chế: - Cách lựa chọn đối tượng thuyết minh:..... - Về kiểu bài: - Về bố cục: - Cách diễn đạt: dùng từ, đặt câu: - Cách trình bày bài :.... 4. Đọc bài viết hay nhất của HS

- *Nhắc HS chuẩn bị nội dung tiết tiếp theo :.....*

*** THAM KHẢO:**

Dàn ý thuyết minh về lễ hội đền Hùng

Lễ hội đền Hùng là lễ hội truyền thống lớn nhất của dân tộc Việt Nam, để ghi nhớ công ơn dựng nước của 18 vị vua Hùng.



Thuyết minh về lễ hội đền Hùng

Mở bài:

- Giới thiệu về lễ hội đền Hùng, dẫn dắt vào đề bài.

- Gợi ý: Cứ hàng năm, những người con dân tộc Việt luôn hướng về quê hương Phú Thọ thân yêu dịp 10/3 âm lịch để tưởng nhớ công ơn của các vua Hùng khi có công to lớn trong việc dựng nước và giữ nước từ hàng nghìn năm trước. Đây cũng là dịp mà lễ hội Đền Hùng- một trong những lễ hội lớn nhất của nước ta diễn ra và dù có đi đâu, ở đâu

con cháu Việt Nam đều muốn đến đây để thể hiện lòng biết ơn của mình.



Dàn ý gợi ý thuyết minh về lễ hội đền Hùng

Thân bài:

Lịch sử lễ hội

- Đây là lễ hội đã có từ lâu đời
- Từ thời Đinh, Lý, Tiền Lê, thời Trần, người dân cả nước đều tụ hội về đây lễ bái gửi lòng cảm tạ thành kính đến công ơn của mười tám đời vua Hùng.
- Thời gian diễn ra mùng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm
 - + Năm lẻ: Lễ hội được tổ chức bởi tỉnh Phú Thọ
 - + Năm chẵn: Trung ương phối hợp với ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và bộ văn hóa tổ chức

Xem thêm:

Quy mô

- Đây được xem là quốc lễ vì vậy có quy mô cực kỳ lớn.

Hình thức

- Về phần lễ:
 - + Bao gồm lễ rước kiệu và lễ dâng hương
 - + Lễ rước kiệu được diễn ra trong không khí đầy long trọng với cờ, lộng, hoa đầy màu sắc.
 - + Đoàn đại biểu trung ương, tỉnh và thành phố tập trung tại một địa điểm cùng đoàn xã tiểu binh rước hoa long trọng tới chân núi Hùng.

- + Sau khi rước hoa đến đền, đoàn người kính cẩn dâng lễ vào thượng cung
- + Đại biểu đại diện bộ Văn hoá thay mặt cho lãnh đạo tỉnh và nhân dân cả nước trình trọng đọc chúc căn lễ tổ.
- + Lễ dâng hương là nghi thức mà mỗi người con đều mong muốn thắp lên đền thờ nén nhang thành kính, nhờ hương khói nói hộ tâm nguyện của lòng mình với tổ tiên.

Về phần hội:

- + Các trò chơi dân gian được diễn ra nhiều chọi gà, đu quay, đấu vật.
- + Dân ca diễn xướng, hát quan họ hay kịch nói được thi tài giữa các làng, các thôn.

Kết bài

- Khái quát lại về lễ hội đền Hùng
- Nêu cảm nghĩ của em về lễ hội
- Gợi ý: Lễ hội đền Hùng là một lễ hội lớn, là một trong những nét đẹp truyền thống của dân tộc ta, niềm tự hào với nguồn gốc con rồng cháu tiên. Đây cũng là một cơ hội để chúng ta bày tỏ lòng thành kính biết ơn đối với công lao của 18 đời vua Hùng. Chúng ta- những thế hệ sau phải có trách nhiệm gìn giữ nét đẹp truyền thống này, gìn giữ cội nguồn của chúng ta.

TIẾT 14. NÓI

KỂ LẠI MỘT TRUYỀN THUYẾT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nói được về một truyền thuyết mình yêu thích
- Hoàn cảnh và sự kiện được kể.
- Những đặc điểm chính của nhân vật Lang Liêu.
- Những truyền thống tốt đẹp của Người Việt được câu chuyện ca ngợi

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS xem lại bài viết.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành nói về một truyền thuyết trước lớp.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
GV giao nhiệm vụ cho học sinh. Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích kể, bám sát mục đích kể và đối tượng nghe. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói. - GV hướng dẫn HS luyện kể theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm luyện nói Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	1. Chuẩn bị bài nói 2. Các bước tiến hành <u>Trước khi viết</u> - Lựa chọn đề tài: + Hãy nhớ lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) mà em trực tiếp tham gia hoặc tìm hiểu, quan sát được qua các phương tiện thông tin. + Có thể chọn một số đề tài sau: Hội chợ sách, hội chợ xuân ở thành phố, làng quê của em, lễ hội dân gian, hội khỏe phù đồng ở trường hoặc địa phương em. - Tìm ý: Sau khi lựa chọn được sự kiện định tường thuật. Hãy tìm ý cho bài viết bằng một số hoạt động sau: + Thời gian, địa điểm diễn ra sự kiện + Hoạt động chính (trình tự, kết quả hđ) + Ý nghĩa của sự kiện, - Lập dàn ý: + Mở bài: Giới thiệu sự kiện + Thân bài: Tóm tắt diễn biến của sự kiện

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	theo trình tự thời gian: những nhân vật tham gia sự kiện; các hoạt động chính trong sự kiện; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động; hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc. + Kết bài: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết. <u>Viết bài</u> <u>Chỉnh sửa bài viết</u>

Hoạt động 2: Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kỹ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu; - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	2. Trình bày bài viết

Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói

a. Mục tiêu: Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Gv giao nhiệm vụ cho học sinh: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	2. Trình bày bài viết Viết bài văn thuyết minh lại một sự kiện (sinh hoạt văn hóa) như: Lễ hội dân gian, hội chợ xuân.... Mà em đã quan sát hoặc trực tiếp tham gia. * Hội chợ xuân ở trường tôi - Người tường thuật ngôi thứ nhất số ít (“tôi”) - Giới thiệu hội chợ xuân (bối cảnh, mục đích) - Sắp xếp các chi tiết hợp lý (theo trình tự thời gian trước – sau. Không gian trung tâm – xung quanh). - Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn (lễ khai mạc, màn sân khấu hóa...) - Thể hiện đánh giá, cảm nhận của người viết.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

1. Thảo luận về các đặc điểm của truyền thuyết và hoàn thiện bảng theo mẫu:

ST T	Các yếu tố	Đặc điểm
1	Chủ đề	
2	Nhân vật	
3	Cốt truyện	
4	Lời kể	
5	Yếu tố kỳ ảo	

2. Sưu tầm một số bản kể khác của truyền thuyết đã học. So sánh và nêu nhận xét về sự giống nhau và khác nhau (sự kiện, chi tiết...) giữa các bản kể.

3. Theo em, vì sao hội thi thể thao trong nhà trường phổ thông thường đặt tên là Hội khỏe Phù Đổng.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS vận dụng bài tập;
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 7. THẾ GIỚI CỔ TÍCH

Môn: Ngữ văn 6 - Lớp:

Số tiết: 16 tiết

MỤC TIÊU CHUNG

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.
- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích.
- Kể được một truyện cổ tích một cách sinh động.
- Sống vị tha, yêu thương con người và sự sống; trung thực, khiêm tốn.

TIẾT 1: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo*, *đồ vật kì ảo*; lời kể chuyện,...

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết, phân tích những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo*, *đồ vật kì ảo*; lời kể chuyện,...

3. Về phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ những câu chuyện cổ tích đã được nghe, đọc và cảm nhận về câu chuyện hay, ấn tượng nhất.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

Em hãy kể tên những câu chuyện cổ tích mà em đã được đọc hoặc nghe kể? Em thích nhất câu chuyện nào? Hãy kể cho cô và các bạn cùng nghe.

Bước 2: HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động: GV gọi 2 – 3 HS trả lời

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giới thiệu: Bài học gồm hai nội dung: khái quát chủ đề và nêu thể loại các văn bản đọc chính. Với chủ đề Thế giới cổ tích, bài học tập trung vào tìm	

hiểu 3 văn bản truyện cổ tích: Thạch Sanh, Cây khế, Vua chích chòe. Từ đó các em có thể kể lại các câu chuyện được học bằng cách đóng vai một nhân vật trong truyện. HS lắng nghe Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng	

Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Hiểu được các khái niệm truyện cổ tích và những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo, đồ vật kì ảo*; lời kể chuyện,...

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK - GV yêu cầu HS kể tên một vài truyện cổ tích đã được nghe, đọc hoặc được học. + HS kể tên một số truyện đã biết và liên hệ với tri thức ngữ văn.	1. Truyện cổ tích Truyện cổ tích là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận và cuộc đời của nhân vật trong các mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ

Câu hỏi gợi ý: <i>Em biết những truyện cổ tích nào? Em biết các truyện cổ tích đó trong hoàn cảnh nào?</i> + HS tóm tắt truyện và xác định nhân vật chính của một truyện cổ tích yêu thích. + HS trao đổi nhóm để nhận biết các yếu tố cơ bản của truyện cổ tích (cốt truyện, nhân vật chính, lời kể,...) trong những truyện đã biết. + HS chỉ ra những yếu tố hoang đường, kì ảo (lạ và không có thật) được sử dụng trong các truyện mà các em đã đề cập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng GV bổ sung: - GV mở rộng thêm một số định nghĩa của các nhà nghiên cứu, học giả để hiểu rõ tính chất thể loại cổ tích, phân biệt nó với các	về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa. 2. Đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích - Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thể hiện ước mơ đổi thay số phận của chính họ. - Nhân vật trong truyện cổ tích đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác). - Các chi tiết, sự việc thường có tính chất hoang đường, kì ảo. - Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thể hiện rõ quan hệ nhân quả

thể loại tự sự dân gian khác như thần thoại, truyền thuyết. Ví dụ: + Giáo trình <i>Văn học dân gian Việt Nam</i> của Đinh Gia Khánh - Chu Xuân Diên (đồng Chủ biên) phân định: “Thần thoại là những truyện mà nhân vật là thần, còn truyện cổ tích thì nhân vật là người; thần thoại là sáng tác dân gian thời nguyên thủy, còn truyện cổ tích là sản phẩm của xã hội thị tộc tan rã, phản ánh đấu tranh xã hội; thần thoại hấp dẫn bằng những hình tượng mỹ lệ, táo bạo, còn truyện cổ tích lôi cuốn chúng ta bằng những nỗi niềm vui khổ, không khí đấu tranh chống cường quyền...”. + Tác giả Hoàng Tiến Tựu định nghĩa: “Truyện cổ tích là loại truyện kể dân gian ra đời từ thời kì cổ đại gắn liền với quá trình tan rã của chế độ công xã nguyên thủy, hình thành của gia đình phụ quyền và phân hoá giai cấp trong xã hội, nó hướng về những vấn đề cơ bản, những hiện tượng có tính phổ biến trong đời sống nhân dân, đặc biệt là những xung đột có tính chất riêng tư giữa người với người trong phạm vi gia đình, xã hội. Nó dùng một thứ tưởng tượng và hư cấu riêng”.	giữa các sự kiện. - Lời kể trong truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. Tùy thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có thể thay đổi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau ở cùng một cốt truyện.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS: lựa chọn một truyện mà em yêu thích và chỉ ra các yếu tố đặc trưng của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo, đồ vật kì ảo*; lời kể chuyện,...

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

Em có thích truyện *Thạch Sanh* không? Hãy viết một đoạn văn giải thích vì sao?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi	

- Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 7. THỂ GIỚI CỔ TÍCH

ĐỌC VĂN BẢN

TIẾT 2 - VĂN BẢN 1. THẠCH SANH

(Truyện cổ tích)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS nêu được ấn tượng chung về VB.
- HS xác định được chủ đề của câu chuyện.
- HS tóm tắt được câu chuyện.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo*, *đồ vật kì ảo*; lời kể chuyện,...
- HS biết nhận xét, đánh giá về bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm.
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo*, *đồ vật kì ảo*; lời kể chuyện,...
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của nhân vật Thạch Sanh; mẹ con Lý Thông, rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thạch Sanh*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Thạch Sanh* ;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích Thạch Sanh với các truyện cùng chủ đề.

3. Về phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.
- Biết ghét cái ác, yêu cái thiện, sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi. Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;
- Tranh ảnh: có nhiều tranh ảnh minh họa về các truyện cổ tích
- Sơ đồ, bản đồ, bảng biểu, mô hình: dùng để minh họa, trình bày cốt truyện cổ tích, dàn ý bài viết hoặc phần ôn tập, tổng kết kiến thức.
- Các phương tiện kĩ thuật: máy tính, máy chiếu, màn chiếu, ti vi,... cần thiết cho việc trình bày các nội dung.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

- GV tổ chức một trò chơi: yêu cầu một số nhóm thuyết minh về “sản phẩm” của nhóm mình; cho cả lớp bình chọn xem sản phẩm của nhóm nào thú vị, hấp dẫn hơn cả. (Yêu cầu đã giao từ tiết trước)

? Hãy tưởng tượng, vẽ một con vật kì ảo và giới thiệu về con vật đó.

Bước 2: HS tiếp nhận nhiệm vụ: Cử đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động: GV gọi 2 – 3 nhóm HS trả lời

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

Giới thiệu bài: Trong thế giới chuyện cổ tích, chúng ta sẽ sống với thế giới kì ảo, thể hiện được ước mơ, khát vọng của con người. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản Thạch Sanh để tìm hiểu thế giới kì diệu ấy.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu:

b. Nội dung: GV tổ chức đàm thoại, vấn đáp với HS để tìm hiểu những nội dung chung về tác phẩm.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về thể loại, kiểu nhân vật, tiếp cận ban đầu với văn bản.

b. Nội dung: GV tổ chức đàm thoại, vấn đáp với HS để tìm hiểu về tác phẩm, HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Nhắc lại khái niệm truyện cổ tích? (Đã học ở tiết trước) ?Truyện Thạch Sanh thuộc kiểu truyện viết về nhân vật nào? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. GV bổ sung: Đây là kiểu nhân vật chúng ta thường gặp trong truyện cổ tích Việt Nam nói riêng và truyện cổ tích Thạch Sanh nói chung. Trong số đó chưa có nhân vật nào lập chiến công nhiều như Thạch Sanh, có tài năng và nhiều kẻ thù như	I. Tìm hiểu chung 1. Thể loại: - Thể loại: Truyện cổ tích. + Truyện cổ tích là loại truyện dân gian kể về các kiểu nhân vật: bất hạnh, dũng sĩ, thông minh, ngốc nghếch.... + Thường có yếu tố hoang đường, thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân vào chính - Kiểu nhân vật: Truyện Thạch Sanh kể về kiểu nhân vật dũng sĩ.

Thạch Sanh và có nhiều phẩm chất cao
đẹp như nhân vật này

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS: đọc và giới tác phẩm *Thạch Sanh*.
- GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó GV gọi 2 – 3 HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.

? Kể những sự việc chính trong văn bản?

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV lưu ý trong khi đọc VB, HS chủ yếu sử dụng hai chiến lược: tưởng tượng và theo dõi. Chỉ có một câu hỏi dự đoán nhưng thực chất cũng nhằm đánh giá sự theo dõi VB của HS. Chiến lược tưởng tượng giúp hình thành hình

2. Đọc và tóm tắt:

a. Đọc:

b. Tóm tắt

Khi tóm tắt cần đảm bảo các sự việc chính:

ảnh trong tâm trí HS, kết nối trí tưởng tượng của các em với những gì đang đọc; bước đầu chú ý vào những chi tiết hư cấu của truyện kể. Chiến lược theo dõi giúp HS nắm vững các sự kiện chính, ghi nhớ được diễn biến câu chuyện. VB Thạch Sanh khá dài nên cần sử dụng nhiều câu hỏi theo dõi giúp cho HS nắm vững mạch truyện. Câu hỏi dự đoán giúp HS có ý thức suy nghĩ về những gì đã biết và tìm kiếm manh mối trong VB để dự đoán về những điều sắp xảy ra. Để làm được điều đó, HS cần phải kiểm chứng lại những gì đã đọc trước đó; kết nối với những hiểu biết khác về tình huống này và có thể phải sửa đổi cả dự đoán khi tiếp tục đọc thêm những đoạn tiếp theo. - GV giới thiệu thêm về các dị bản của truyện cổ tích Thạch Sanh. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: <i>Thủy phủ, Sinh nhai, Nước chư hầu, Động binh, Thân chinh</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS theo dõi SGK trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - HS trả lời	- Thạch Sanh ra đời - Thạch Sanh lớn lên học võ và phép thần thông - Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lí Thông - Mẹ con LT lừa TS đi chết thay cho mình. - Thạch Sanh diệt chằn tinh bị LT cướp công. - TS diệt đại bàng cứu công chúa, lại bị cướp công. - TS diệt hồ tinh, cứu thái tử, bị vu oan vào tù. - TS được giải oan lấy công chúa. - TS chiến thắng quân 18 nước chư hầu. - TS lấy công chúa và lên ngôi vua. 3. Tìm hiểu chú thích:

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ <i>? Văn bản có thể chia làm mấy phần?</i> <i>Nội dung của từng phần?</i> <i>? Nêu phương thức biểu đạt , ngôi kể của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng	4. Bố cục, phương thức biểu đạt, ngôi kể a. Bố cục. - Gồm 3 phần . + Phần 1 : Từ đầu“thần thông”: Giới thiệu lai lịch nguồn gốc Thạch Sanh. + Phần 2 : Tiếp ...đến “hoá kiếp bọ hung” : những chiến công của Thạch Sanh. + Phần 3 : Còn lại : Thạch Sanh lấy công chúa và lên ngôi vua. b. Phương thức biểu đạt: tự sự c. Ngôi kể: ngôi thứ 3

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về gia cảnh của Thạch Sanh, những con vật và đồ vật kì ảo trong tác phẩm, nhân vật công chúa, so sánh được hai nhân vật Lý Thông và Thạch Sanh, kết thúc có hậu của truyện.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1. - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Theo dõi phần 1 của văn bản, em hãy tìm những chi tiết kể về gia cảnh của Thạch Sanh có gì đặc biệt? - GV yêu cầu HS theo dõi văn bản để tìm chi tiết - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng Nhiệm vụ 2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo Phiếu học tập số 1 (<i>phần phụ lục</i>) - GV đặt câu hỏi gợi dẫn theo phiếu: Truyện <i>Thạch Sanh</i> có những con vật kì ảo nào? Chúng có đặc điểm gì khác	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Gia cảnh của Thạch Sanh - Các chi tiết miêu tả gia cảnh của Thạch Sanh: + Chàng trai nhà nghèo, sống trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa, hằng ngày lên rừng đốn củi kiếm ăn. + Sống lẻ loi một mình (mồ côi, không người thân thích). - Nhân vật mồ côi, nhà nghèo là một kiểu dạng nhân vật điển hình, xuất hiện nhiều trong những câu chuyện cổ tích Việt Nam. Đó cũng là sự hình tượng hoá một kiểu thân phận điển hình trong xã hội phong kiến Việt Nam trước đây. Truyện cổ tích thường quan tâm đến số phận của họ, là diễn đàn để họ cất lên tiếng nói ước mơ đòi thay số phận. 2. Con vật kì ảo trong truyện <table border="1"> <tr> <td>Con vật kì ảo</td><td>Đặc điểm/ý nghĩa:</td></tr> <tr> <td></td><td>- Có nhiều phép lạ, thường ăn thịt</td></tr> </table>	Con vật kì ảo	Đặc điểm/ý nghĩa:		- Có nhiều phép lạ, thường ăn thịt
Con vật kì ảo	Đặc điểm/ý nghĩa:				
	- Có nhiều phép lạ, thường ăn thịt				

thường? Đọc truyện <i>Thạch Sanh</i> và thực hiện các yêu cầu. Hoàn thành sơ đồ sau bằng cách điền từ ngữ phù hợp vào chỗ trống. <table border="1" data-bbox="167 488 758 900"> <tr> <td>Con vật kì ảo</td><td>Đặc điểm/ý nghĩa:</td></tr> <tr> <td> </td><td> </td></tr> </table> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng - GV chuẩn kiến thức: Nhiệm vụ 3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	Con vật kì ảo	Đặc điểm/ý nghĩa:			<table border="1" data-bbox="826 152 1445 1263"> <tr> <td>Con trần tình</td><td> người - Quan quân đã nhiều lần đến định diệt trừ nhưng không thể làm gì được. Dân trong vùng phải lập cho nó một cái miếu thờ, hằng năm nộp một mạng người cho nó ăn thịt để nó đỡ phá phách </td></tr> <tr> <td>Đại bàng</td><td> - Bắt giam công chúa trong hang. - Thử thách Thạch Sanh. </td></tr> </table>	Con trần tình	người - Quan quân đã nhiều lần đến định diệt trừ nhưng không thể làm gì được. Dân trong vùng phải lập cho nó một cái miếu thờ, hằng năm nộp một mạng người cho nó ăn thịt để nó đỡ phá phách	Đại bàng	- Bắt giam công chúa trong hang. - Thử thách Thạch Sanh.
Con vật kì ảo	Đặc điểm/ý nghĩa:								
Con trần tình	người - Quan quân đã nhiều lần đến định diệt trừ nhưng không thể làm gì được. Dân trong vùng phải lập cho nó một cái miếu thờ, hằng năm nộp một mạng người cho nó ăn thịt để nó đỡ phá phách								
Đại bàng	- Bắt giam công chúa trong hang. - Thử thách Thạch Sanh.								

- GV đặt câu hỏi: Sau khi được Lý Thông kéo lên từ hang của đại bàng và đưa trở lại cung, công chúa đã bị câm. Theo em, điều gì sẽ xảy ra nếu công chúa không bị như vậy? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	3. Nhân vật công chúa - Nàng công chúa không nói, không cười thuộc mô-típ <i>người câm</i> quen thuộc trong truyện cổ tích. - Đây là một sự hình tượng hoá các nhân vật đang mang chịu một nỗi uất ức hay che giấu một điều bí mật nào đó chưa thể hoặc không thể tiết lộ ra. Đó cũng là một hình thức “giãn cách” thời gian tạm thời để chờ đợi sự xuất hiện của nhân vật chính. - Nàng công chúa trong truyện <i>Thạch Sanh</i> không nói gì như một hình thức từ chối/ không nhận kẻ giả mạo Lý Thông. Chỉ đến khi nghe tiếng đàn của Thạch Sanh (nhân vật chính đã xuất hiện trở lại), công chúa mới lên tiếng để trao cho Thạch Sanh cơ hội vạch mặt kẻ giả mạo. - Nếu công chúa không bị câm thì có thể nàng sẽ nói cho nhà vua biết toàn bộ sự thật và câu chuyện sẽ đi theo một kết cục khác. Tuy nhiên, đó không phải là dụng ý của tác giả dân gian. Chức năng giải mã bí mật, phơi bày sự thật, vạch mặt kẻ giả

	mạo trong câu chuyện này không được đặt ở nhân vật công chúa.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS trả lời
? Kể tóm tắt lại truyện bằng lời văn của em.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS xem lại các sự việc chính và tóm tắt.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- HS trình bày
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, đánh giá.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
- c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:

Viết đoạn văn (5 – 7 câu) kể lại một sự việc trong câu chuyện *Thạch Sanh* bằng lời của nhân vật đó.

GV gợi ý có thể lựa chọn lời của nhân vật Thạch Sanh. Ngôi kể phải phù hợp với sự việc và nhân vật được lựa chọn, thể hiện đúng cách nhìn và giọng kể của người kể chuyện, đảm bảo tính chính xác của các sự kiện.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 7. THẾ GIỚI CỔ TÍCH

ĐỌC VĂN BẢN

TIẾT 3 - VĂN BẢN 1. THẠCH SANH (Tiếp)

(Truyện cổ tích)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS nêu được ấn tượng chung về VB.
- HS xác định được chủ đề' của câu chuyện.
- HS tóm tắt được câu chuyện.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo*, *đồ vật kì ảo*; lời kể chuyện,...
- HS biết nhận xét, đánh giá về bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dần

gian gửi gắm.

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo, đồ vật kì ảo*; lời kể chuyện,...
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của nhân vật Thạch Sanh; mẹ con Lý Thông, rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thạch Sanh*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Thạch Sanh* ;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích Thạch Sanh với các truyện cùng chủ đề.

3. Về phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.
- Biết ghét cái ác, yêu cái thiện, sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi. Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;
- Tranh ảnh: có nhiều tranh ảnh minh hoạ về các truyện cổ tích được học trong bài

(trong SHS đã có một số)

- Sơ đồ, bản đồ, bảng biểu, mô hình: dùng để minh họa, trình bày cốt truyện cổ tích, dàn ý bài viết hoặc phần ôn tập, tổng kết kiến thức.

- Các phương tiện kỹ thuật: máy tính, máy chiếu, màn chiếu, ti vi,... cần thiết cho việc trình bày các nội dung.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

? Thạch Sanh có hoàn cảnh sống như thế nào? Em có ấn tượng như thế nào với nhân vật Thạch Sanh?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày sản phẩm của nhóm, tham gia nhận xét, bình chọn sản phẩm.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

Hoạt động 2: Khám phá văn bản (Tiếp)

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về gia cảnh của Thạch Sanh, những con vật và đồ vật kì ảo trong tác phẩm, nhân vật công chúa, so sánh được hai nhân vật Lý Thông và Thạch Sanh, kết thúc có hậu của truyện.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM								
Nhiệm vụ 4 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Truyện <i>Thạch Sanh</i> có nhiều đồ vật kì ảo. Hãy liệt kê các đồ vật đó và nêu đặc điểm, tác dụng của chúng. Hoàn thành sơ đồ sau bằng cách điền từ ngữ phù hợp vào chỗ trống. <table border="1"> <tr> <td>Các đồ vật kì ảo</td><td>Đặc điểm/ý nghĩa:</td></tr> <tr> <td> </td><td> </td></tr> </table> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận	Các đồ vật kì ảo	Đặc điểm/ý nghĩa:			II. Tìm hiểu chi tiết 1. Gia cảnh của Thạch Sanh 2. Con vật kì ảo trong truyện 3. Nhân vật công chúa: 4. Các đồ vật kì ảo trong truyện <table border="1"> <tr> <td>Các đồ vật kì ảo</td><td>Đặc điểm/ý nghĩa:</td></tr> <tr> <td>Tiếng đàn</td><td> - Tiếng đàn giúp cho nhân vật được giải oan, giải thoát. Nhờ tiếng đàn mà công chúa khỏi câm, giải thoát cho TS, Lí Thông bị vạch mặt. đó là tiếng đàn của công lí. Tác giả dân gian đã sử dụng chi tiết thần kì để thể hiện quan niệm và ước mơ công lí của mình. - Tiếng đàn làm cho quân 18 nước chư hầu phải cuốn giáp xin hàng. Nó là vũ khí đặc biệt để cảm hoá kẻ thù. Tiếng đàn là đại diện cho cái thiện và tinh thần yêu chuộng hoà </td></tr> </table>	Các đồ vật kì ảo	Đặc điểm/ý nghĩa:	Tiếng đàn	- Tiếng đàn giúp cho nhân vật được giải oan, giải thoát. Nhờ tiếng đàn mà công chúa khỏi câm, giải thoát cho TS, Lí Thông bị vạch mặt. đó là tiếng đàn của công lí. Tác giả dân gian đã sử dụng chi tiết thần kì để thể hiện quan niệm và ước mơ công lí của mình. - Tiếng đàn làm cho quân 18 nước chư hầu phải cuốn giáp xin hàng. Nó là vũ khí đặc biệt để cảm hoá kẻ thù. Tiếng đàn là đại diện cho cái thiện và tinh thần yêu chuộng hoà
Các đồ vật kì ảo	Đặc điểm/ý nghĩa:								
Các đồ vật kì ảo	Đặc điểm/ý nghĩa:								
Tiếng đàn	- Tiếng đàn giúp cho nhân vật được giải oan, giải thoát. Nhờ tiếng đàn mà công chúa khỏi câm, giải thoát cho TS, Lí Thông bị vạch mặt. đó là tiếng đàn của công lí. Tác giả dân gian đã sử dụng chi tiết thần kì để thể hiện quan niệm và ước mơ công lí của mình. - Tiếng đàn làm cho quân 18 nước chư hầu phải cuốn giáp xin hàng. Nó là vũ khí đặc biệt để cảm hoá kẻ thù. Tiếng đàn là đại diện cho cái thiện và tinh thần yêu chuộng hoà								

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng - GV chuẩn kiến thức: Các chi tiết thần kì : tiếng đàn của TS, niêu cơm,...-> đại diện cho công lí,cái thiện,tấm lòng yêu hoà bình của nhân dân ta. Nhiệm vụ 5 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: ? Liệt kê các chi tiết (tiêu biểu) miêu tả hành động của Thạch Sanh: ? Liệt kê các chi tiết (tiêu biểu) miêu tả hành động của Lý Thông: ? Từ kết quả của bài tập 2 và 3, hãy lập bảng so sánh và nhận xét về đặc điểm của hai nhân vật Thạch Sanh và Lý Thông: <table><tr><td>Thạch Sanh</td><td>Lý Thông</td></tr></table>	Thạch Sanh	Lý Thông	<table><tr><td></td><td>bình của nhân dân ta.</td></tr><tr><td>Niêu cơm</td><td> - Niêu cơm có sức mạnh phi thường cứ ăn hết lại đầy, làm cho quân 18 nước chư hầu phải từ chỗ coi thường, chế giễu, phải ngạc nhiên, khâm phục. - Niêu cơm và lời thách đố đã chứng tỏ sự tài giỏi của Thạch Sanh. - Niêu cơm thần kì là tượng trưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân. </td></tr></table> 5. Sự đối lập giữa Thạch Sanh và Lý Thông * Liệt kê các chi tiết (tiêu biểu) miêu tả hành động của Thạch Sanh: Bị mẹ con Lí Thông lừa đi canh miếu thờ, thế mạng. -> TS diệt chằn tinh - Xuống hang diệt đại bàng, cứu công chúa, bị Lí Thông lấp cửa hang -> Diệt đại bàng, cứu công chúa, cứu con vua Thủy Tề - Bị hồn chằn tinh, đại bàng báo thù, TS bị bắt vào ngục -> TS minh oan, lấy công		bình của nhân dân ta.	Niêu cơm	- Niêu cơm có sức mạnh phi thường cứ ăn hết lại đầy, làm cho quân 18 nước chư hầu phải từ chỗ coi thường, chế giễu, phải ngạc nhiên, khâm phục. - Niêu cơm và lời thách đố đã chứng tỏ sự tài giỏi của Thạch Sanh. - Niêu cơm thần kì là tượng trưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân.
	Thạch Sanh	Lý Thông					
	bình của nhân dân ta.						
Niêu cơm	- Niêu cơm có sức mạnh phi thường cứ ăn hết lại đầy, làm cho quân 18 nước chư hầu phải từ chỗ coi thường, chế giễu, phải ngạc nhiên, khâm phục. - Niêu cơm và lời thách đố đã chứng tỏ sự tài giỏi của Thạch Sanh. - Niêu cơm thần kì là tượng trưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân.						

		chúa - 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh -> chiến thắng 18 nước chư hầu. -> Sự thật thà chất phát, dũng cảm và tài năng, nhân hậu, cao thượng, yêu hoà bình... * Liệt kê các chi tiết (tiêu biểu) miêu tả hành động của Lý Thông: - Kết nghĩa anh em với Thạch Sanh để mưu lợi. - Lừa TS đi nộp mạng thay mình. - Cướp công của TS ⇒ Lí Thông là kẻ lừa lọc, phản phúc, nham hiểm, độc ác, xảo quyệt, bất nhân, bất nghĩa.... * So sánh 2 nhân vật				
- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV chốt: Trong truyện cổ tích, nhân vật chính diện và phản diện luôn đối lập nhau về hành động và tính cách. đây là một đặc điểm xây dựng nhân vật của thể loại truyện cổ tích. Ở đây LT là kẻ thù lâu dài và chủ yếu nhất của TS. Từ đầu đến cuối hẳn đều thể hiện mình là một kẻ tham lam, xảo quyệt đại gian đại ác. Làm bất cứ việc gì hẳn cũng tính toán để mình được lợi nhiều nhất. Mặc dù được hưởng sự khoan hồng của TS		<table><tr><th>Thạch Sanh</th><th>Lý Thông</th></tr><tr><td> - Thạch Sanh là người lương thiện, nhân hậu, khoan dung, trong sáng vô cùng. Luôn tin người, sẵn sàng giúp đỡ người bị hại, không bao giờ nghĩ tới việc người đền ơn. (Thạch Sanh giết chằn tinh, đại bàng, </td><td> - Lí Thông là kẻ vong ân bội nghĩa, xảo trá, mưu mẹo, gian ác, thấp hèn. (Lí Thông hèn nhát đẩy Thạch Sanh thế mạng cho mình nhưng khi Thạch Sanh lập được công lớn thì lại tìm cách </td></tr></table>	Thạch Sanh	Lý Thông	- Thạch Sanh là người lương thiện, nhân hậu, khoan dung, trong sáng vô cùng. Luôn tin người, sẵn sàng giúp đỡ người bị hại, không bao giờ nghĩ tới việc người đền ơn. (Thạch Sanh giết chằn tinh, đại bàng,	- Lí Thông là kẻ vong ân bội nghĩa, xảo trá, mưu mẹo, gian ác, thấp hèn. (Lí Thông hèn nhát đẩy Thạch Sanh thế mạng cho mình nhưng khi Thạch Sanh lập được công lớn thì lại tìm cách
Thạch Sanh	Lý Thông					
- Thạch Sanh là người lương thiện, nhân hậu, khoan dung, trong sáng vô cùng. Luôn tin người, sẵn sàng giúp đỡ người bị hại, không bao giờ nghĩ tới việc người đền ơn. (Thạch Sanh giết chằn tinh, đại bàng,	- Lí Thông là kẻ vong ân bội nghĩa, xảo trá, mưu mẹo, gian ác, thấp hèn. (Lí Thông hèn nhát đẩy Thạch Sanh thế mạng cho mình nhưng khi Thạch Sanh lập được công lớn thì lại tìm cách					

nhưng cuối cùng LT vẫn bị đấng tối cao trừng trị thích đáng....	cứu công chúa, tha cho mẹ con Lý Thông, dùng tiếng đàn đẩy lui quân 18 nước chư hầu,...)	cướp công, hãm hại Thạch Sanh).
Nhiệm vụ 6 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Kết thúc truyện, Thạch Sanh được nhà vua gả công chúa và nhường ngôi. Qua cách kết thúc này, tác giả dân gian muốn thể hiện điều gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng - GV chuẩn kiến thức: Gv chốt:ở hiền gặp lành, cái thiện chiến thắng cái ác và ước mơ của nhân dân ta	Hình tượng nhân vật Thạch Sanh và Lí Thông đại diện cho hai thái cực thiện và ác. => Đó là sự đối lập giữa thiện và ác, chính nghĩa và gian tà. Sự chiến thắng của Thạch Sanh đối với Lí Thông là sự chiến thắng của cái thiện, cái tốt đối với cái ác, cái xấu. 6. Kết thúc truyện <i>Kết hôn và lên ngôi vua</i> là mô-tip quen thuộc thường thấy ở nhiều câu chuyện cổ tích. Đây là dạng “kết thúc có hậu”, là phần thưởng mà tác giả dân gian dành tặng cho những nhân vật tốt bụng, tài năng. Qua đó, tác giả dân gian thể hiện ước muốn cao đẹp về lẽ công bằng: <i>có công được thưởng, có tội bị trừng phạt</i>. Nhân vật lí tưởng sẽ được hưởng thụ một cuộc sống giàu sang, sung sướng (qua ý nghĩa biểu tượng của “vua”). -> Cách kết thúc có hậu thể hiện công lí XH	

về một sự đổi đời. Đây là cách kết thúc phổ biến trong truyện cổ tích	

Hoạt động 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung: GV tổ chức đàm thoại, vấn đáp với HS để HS khái quát giá trị của tác phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa - Truyện kể về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng cứu người bị hại vạch mặt kẻ vong ân, chống quân xâm lược - Truyện thể hiện ước mơ của, niềm tin về đạo đức công lý xã hội... 2. Nghệ thuật. - Nhiều chi tiết tưởng tượng thần kỳ độc đáo và giàu ý nghĩa

- GV chuẩn kiến thức:	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**
- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS:
- ? Hãy viết một đoạn văn của em nói lên tình cảm của mình đối với nhân vật Thạch Sanh?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: Viết đoạn văn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- HS trình bày đoạn văn
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm cho HS

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập	

	- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

BÀI 7: THẾ GIỚI CỔ TÍCH **TIẾT 4: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS hiểu và vận dụng được cách nhận biết nghĩa của từ ngữ trong VB (suy đoán, tra từ điển; đặc biệt là cách suy đoán).
- HS thấy được mối quan hệ giữa một số thành ngữ và các câu chuyện kể.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ;
- Năng lực suy đoán nghĩa của thành ngữ cụ thể.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức vận dụng kiến thức về từ và thành ngữ vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi chất vấn: Khi đọc một VB, các em có gặp những từ ngữ khó hiểu không? Các em đã làm thế nào để hiểu được các từ ngữ đó? Cho ví dụ.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời.

- Dự kiến sản phẩm: Theo cấu tạo: từ đơn, từ ghép, từ láy;

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Ở Tiểu học, các em đã được học về nghĩa cả từ. Hôm nay, để giúp các em có thể hiểu sâu hơn và luyện tập cách giải nghĩa của từ, cả lớp chúng ta cùng ôn lại kiến thức trong bài “Thực hành tiếng Việt”.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Ôn tập kiến thức về nghĩa của từ.

a. Mục tiêu: Biết cách suy đoán nghĩa của từ

b. Nội dung: HS sử dụng kiến thức đã biết để giải thích nghĩa của một số từ ngữ.

c. Sản phẩm học tập: HS biết cách suy đoán nghĩa của từ.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Thực hiện trò chơi theo tổ: Mình cùng giải nghĩa của từ	

+ Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Chia mỗi tổ làm 1 đội thi. GV Yêu cầu các đội nhanh chân lên bảng ghi từ ngữ cần tìm lên phần bảng của đội khi giáo viên trình chiếu nội dung của từ trên màn hình. 1...<i>Dinh dự dưới nước, nơi ở của thủy thần.</i> 2...<i>Kiểm sống</i> 3...<i>hủy bỏ hôn nhân.</i> 4... <i>tự mình.</i> 5...<i>sử dụng quân đội để tiến hành chiến tranh.</i> + Thực hiện nhiệm vụ: - HS các tổ nhanh chân lên bảng ghi từ theo nội dung GV đưa ra. - Các nhóm còn lại nhận xét kết quả chéo. + Sản phẩm: GV trình chiếu kết quả: 1. Thủy phủ: <i>Dinh dự dưới nước, nơi ở của thủy thần.</i> 2. Sinh nhai: <i>Kiểm sống</i> 3. Từ hôn: <i>hủy bỏ hôn nhân.</i> 4. Thân chinh: <i>tự mình.</i> 5. Động binh: <i>sử dụng quân đội để tiến hành chiến tranh.</i> GV: Vậy, em hiểu nghĩa của từ là gì? HS: Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị.	
Bước 2: Củng cố lý thuyết. * Chuyển ý: Vậy thì làm sao để hiểu được nghĩa của từ chúng ta mới gặp mà chưa biết nghĩa?	I. Nghĩa của từ: 1. Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị. VD:

Khi gặp từ ngữ mới trong văn bản, trước khi dùng từ điển để tra cứu, có thể dựa vào nghĩa của những yếu tố tạo ra nó để suy đoán nghĩa của nó. - GV có thể cung cấp cho HS nghĩa của những yếu tố Hán Việt khó như: tiên (trước, sớm nhất,...); truyền (trao, chuyển giao,...); súc (các loại thú nuôi như trâu, bò, dê, chó,...); sản (của cải); cảnh hiện trạng nhìn thấy, tình cảnh);... sau đó yêu cầu HS suy đoán nghĩa của cả từ.	- Thủy phủ: Dinh thự dưới nước, nơi ở của thủy thần. - Sinh nhai: Kiếm sống. 2. Hiểu nghĩa của từ bằng cách: - Tra từ điển; - Suy đoán nghĩa của từ nhờ nghĩa của những yếu tố tạo nên nó. VD: gia tài. + gia: nhà + tài: của cải. - Dựa vào từ ngữ xung quanh để suy đoán nghĩa.

C. LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bài tập 1: - GV có thể cho HS huy động vốn từ có sẵn của các em để suy đoán nghĩa. Chẳng hạn: + GV hỏi HS: Gia là “nhà”; còn tiện nghĩa là gì? Các em thử nhớ xem trong tiếng Việt có những từ nào có yếu tố tiên. Chẳng hạn: đầu tiên, trước tiên, tiên phong, tiên tiến, tiến tri, tổ tiên,... Tiên trong những từ này có nghĩa là “trước”, “sớm nhất. Như vậy, có thể suy đoán, từ được tạo thành trên cơ sở kết hợp gia với tiên có nghĩa là “những người thuộc thế hệ	II. Luyện tập.

đầu, qua đời đã lâu của gia đình” hiểu gọn hơn là “tổ tiên”. Vậy gia tiên là “tổ tiên của gia đình”. Cách hiểu này hoàn toàn phù hợp với cách dùng từ gia tiên trong những kết hợp như: bàn thờ gia tiên, cúng gia tiên,.... +GV hỏi HS: Gia là “nhà”, còn truyền nghĩa là gì? Các em thử nhớ xem trong tiếng Việt có những từ nào có yếu tố truyền. Chẳng hạn: truyền đạt, truyền thụ, truyền tin, truyền tụng, truyền thống,... Truyền trong những từ này có nghĩa là “trao, chuyển giao”. Như vậy, có thể suy đoán, từ được tạo thành trên cơ sở kết hợp gia với truyền có nghĩa là “được chuyển giao, được truyền lại qua các thế hệ trong gia đình, thường dùng để nói về những gì quý báu riêng của một gia đình. Cách hiểu này hoàn toàn phù hợp với cách dùng từ gia truyền trong những kết hợp như: phở gia truyền, phương thuốc gia truyền,...	
+ Chuyển giao nhiệm vụ: Từ việc hiểu nghĩa của các yếu tố như phân tích, cá nhân HS sẽ thực hiện giải nghĩa của từ ở BT 1. + Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện độc lập (GV yêu cầu HS giải nghĩa từ và lên bảng ghi lại kết quả. + Sản phẩm: - gia tiên: tổ tiên của gia đình - gia cảnh: hoàn cảnh gia đình gia cảnh khó	Bài tập 1: Nghĩa của từ ngữ: Mô hình: gia + X - gia tiên: tổ tiên của gia đình - gia cảnh: hoàn cảnh gia đình gia cảnh khó khăn. - gia truyền: ông bà các đời trước truyền lại - gia sản: tài sản của một gia đình - gia súc: thú nuôi trong nhà

khăn. - gia truyền: ông bà các đời trước truyền lại - gia sản: tài sản của một gia đình - gia súc: thú nuôi trong nhà + Mở rộng: GV có thể mở rộng thêm các từ Hán Việt khác có cùng cấu tạo, như: gia quy gia pháp, gia phả, gia bảo,...	
Bài tập 2 GV: Phân tích, lý giải: Để giải thích nghĩa thông thường của từ ngữ, có thể tra từ điển; nhưng để giải thích nghĩa của từ ngữ trong câu, đoạn văn, nên dựa vào các từ ngữ xung quanh. VD: “Cô chị rất khéo léo, còn cô em thì rất hậu đậu.” Nhiều em hiểu nghĩa của từ “khéo léo” nhưng không hiểu nghĩa của từ “hậu đậu”, Nhờ sự xuất hiện 2 từ này trong câu là đối lập nhau về nghĩa. Nên chúng ta suy đoán: “hậu đậu” là không khéo léo, là vụng về.	
+ Giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm 6. Vận dụng phương pháp suy đoán nghĩa của từ in đậm trong các câu. - Nhóm 1,2,3,4: câu a và b - Nhóm 5,6,7,8: câu c và d Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm thảo luận - Trình bày kết quả và nhận xét chéo. + Sản phẩm:	Bài tập 2: a. Hiện nguyên hình: trở về hình ảnh của mình vốn có. b. Vu vạ: đổ tội cho người khác (tội mà người đó không làm) c. Rộng lượng: ha thứ, cảm thông với những sai lầm, tội lỗi,... của người khác d. Bùn rùn: không thể cử động được do gân cốt như rã rời ra.

Bài tập 3. + Chuyển giao nhiệm vụ: - HS thảo luận theo bàn để giải thích nghĩa của từ ngữ in đậm trong bài tập 3. + Thực hiện nhiệm vụ: - HS trao đổi theo bàn: dãy bàn 1 câu a,b, dãy bàn 2 câu c,d. + Trình bày kết quả và dự kiến sản phẩm. - GV mời từng cá nhân HS trình bày kết quả - Các HS khác nhận xét. + Sản phẩm:	Bài tập 3: - khỏe như voi: rất khỏe, khỏe khác thường - lân la: từ từ đến gần, tiếp cận ai đó - gạ: chào mời, dụ dỗ làm việc gì đó b. - hí hửng: vui mừng thái quá c. - khôi ngô tuấn tú: diện mạo đẹp đẽ, sáng láng d. - bất hạnh: không may, gặp phải những rủi ro khiến phải đau khổ. - buồn rười rượi: rất buồn, buồn lặng lẽ.
Bài tập 4: + Chuyển giao nhiệm vụ: - Dựa vào truyện Thạch Sanh, suy đoán nghĩa của thành ngữ “niêu cơm Thạch Sanh” - Chỉ ra những thành ngữ khác được hình thành từ nội dung của truyện kể. + Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân và trả lời trước lớp. + Dự kiến sản phẩm:	Bài tập 4: - Nghĩa của thành ngữ “niêu cơm Thạch Sanh” là niêu Cơm ăn không bao giờ hết, suy rộng ra là nguồn cung cấp vô hạn. - Thạch Sùng còn thiếu mẹ kho (truyện Thạch Sùng), hiền như cô Tấm (truyện Tấm Cám),...

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG.

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn ngắn (khoảng 50 chữ) nêu suy nghĩ của em về nhân vật Thạch Sanh trong truyện kể cùng tên. Giải thích nghĩa của một vài từ ngữ trong đoạn văn đó.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Tổ chức trò chơi	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Bài 7. THẾ GIỚI CỔ TÍCH

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 5 – 6: VĂN BẢN 2: CÂY KHẾ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Xác định được người kể chuyện ngôi thứ ba; nhận biết được chủ đề câu chuyện. Từ đó, hình dung được diễn biến cốt truyện, kể tóm tắt;
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện cổ tích: các đặc điểm của nhân vật; các yếu tố kì ảo như con vật kì ảo, không gian kì ảo; lời kể chuyện...

- Nhận biết và đánh giá được bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm qua câu chuyện.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cây khế*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cây khế*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị nội dung, nghệ thuật sử dụng yếu tố kì ảo, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Trung thực, khiêm tốn, lòng biết ơn, sống vị tha và yêu thương con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV cho HS xem đoạn phim hoạt hình *Doraemon* và *chuyến thám hiểm Nam cực Kachi Kochi*, đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS xem video (Chọn đoạn chuẩn bị đến vùng đất thám hiểm), yêu cầu HS quan sát và trả lời:

1. *Hãy tưởng tượng em là một trong những thành viên trong nhóm của Doraemon, em mong muốn mình sẽ khám phá được những gì từ vùng đất Nam cực?*

2. *Theo em, vì sao không gian đảo xa thường mang đến những điều bất ngờ, kì diệu?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày bằng trí tưởng tượng và chia sẻ suy nghĩ về mong muốn khám phá thế giới mới.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: **Henry Miller từng nói: “Đích đến của chúng ta không phải là một vùng đất, mà là một cách nhìn mới.”** Thật vậy, cuộc sống là chuyến phiêu lưu kì thú. Nhưng vấn đề không phải là chúng ta được đặt chân đến đâu, khám phá được những gì? Mà quan trọng là ta nhìn nhận vấn đề ở khía cạnh nào, ta nhận thức được điều gì từ điều mình trải qua? Bài học *Cây khế* hôm nay sẽ giúp các em có cách nhìn nhận, đánh giá con người với hai cách ứng xử trong cùng một việc làm, cùng một nơi họ đặt chân đến.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được những thông tin về cốt truyện, thời gian và không gian nghệ thuật cùng hệ thống nhân vật trong truyện.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. Hoàn thành phiếu học tập.

c. Sản phẩm học tập: HS nộp phiếu học tập, tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV 1	I. Tìm hiểu chung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	1. Cốt truyện:

- GV yêu cầu HS: đọc sắm vai. - GV hướng dẫn cách đọc theo từng vai. - GV lưu ý: chú ý giọng nói của chim phải trầm, vang, tạo yếu tố thần kì. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: <i>làm rẽ, gang, ngũ sắc, hổ phách, tru tréo, ăn ráo ăn tiệt, tay nải.</i> - HS lắng nghe. - GV phát phiếu học tập (sử dụng hình ảnh hoặc liệt kê các sự việc) yêu cầu HS thảo luận nhóm: Em hãy sắp xếp các hình ảnh (các sự việc) sau theo trình tự diễn biến của câu chuyện. Trình bày lại chuỗi sự việc trên theo trí tưởng tượng của em. - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV: Chi tiết nào trong truyện khiến em thích thú nhất? Vì sao? - HS tiếp nhận, trả lời. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện	- Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế. - Cây khế có quả, chim đến ăn, người anh phàn nàn, chim hẹn trả ơn. - Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ đó người em trở nên giàu có. - Người anh biết chuyện, đổi gia tài lấy cây khế, người em bằng lòng. - Chim lại đến ăn, rồi lại chở người anh ra đảo. - Người anh may túi quá to nên chim không bay nổi, người anh bị rơi xuống biển chết.

nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. NV 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt vấn đề gợi dẫn: “Cái đẹp là ở trong kích thước và trật tự”- Arictote. Lẽ vậy chăng, một cốt truyện hay như truyện <i>Cây khế</i> phải được xây dựng theo trật tự thời gian và không gian hợp lí? - GV đặt câu hỏi: 1) Em hãy tìm những từ ngữ chỉ thời gian và không gian trong truyện? 2) Thời gian và không gian có được xác định cụ thể không? Vì sao? - HS lắng nghe, trả lời. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	2. Thời gian và không gian trần thuật: - <i>Thời gian:</i> ngày xưa ngày xưa - <i>Không gian:</i> ở một nhà kia → <i>Không gian, thời gian phiếm chỉ.</i>

GV bổ sung: Thời gian, không gian phiếm chỉ là thời gian, không gian chung, không xác định cụ thể nhằm đưa người đọc vào thế giới hư cấu thuận lợi hơn, góp phần phát triển cốt truyện. NV3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt vấn đề gợi dẫn: Góp phần tạo nên thế giới nghệ thuật trong cổ tích phải kể đến những sản phẩm tinh thần- kết quả của trí tưởng tượng sáng tạo của người sáng tác đó chính là thế giới nhân vật. - GV đặt câu hỏi: 1) Tại sao tác giả dân gian không đặt tên riêng cho nhân vật? 2) Nhân vật người em là hiện thân của kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích? 3) Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang có phải là con vật kì ảo không? Vì sao? 4) Theo em, hình tượng chim phượng hoàng trong truyện có ý nghĩa gì? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	3. Nhân vật: - <i>Người em: kiểu nhân vật bất hạnh.</i> - <i>Chim phượng hoàng: nhân vật là loài vật kì ảo (đại diện cho lực lượng siêu nhiên bảo vệ những điều tốt đẹp).</i>

- HS trình bày. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: <i>Xác định bố cục của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: chia 3 phần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm	4. Bố cục: 3 phần - P₁: Từ đầu -> <i>không đi lại với em nữa</i>: giới thiệu về hai anh em và việc chia gia tài. - P₂: Tiếp theo -> <i>đâm bổ xuống biển</i>: Cuộc sống của hai anh em khi ra ở riêng. - P₃: Còn lại: Kết thúc truyện. II. Tìm hiểu chi tiết

vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: 1. <i>Hoàn cảnh của hai anh em trong truyện có gì đặc biệt?</i> 2. <i>Những tính cách tốt đẹp nào của hai anh em mà em thấy được?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: 1. Hai anh em mồ côi cha mẹ từ sớm (là điều rất bất hạnh của những đứa trẻ) 2. Nhưng đáng khâm phục thay, hai anh em đã nương tựa vào nhau, yêu thương nhau, chăm chỉ làm lụng đủ ăn. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>	1. Hai anh em trước khi chia gia tài - Hoàn cảnh: cha mẹ mất sớm - Tính cách: yêu thương nhau, chăm chỉ làm lụng. Bất hạnh nhưng đáng khâm phục. 2. Hai anh em khi chia gia tài a/ Người em: - Hiền lành, chăm chỉ, hạnh phúc với những gì mình đang có (túp lều, cây khế) - Khi chim đến ăn khế: yêu cầu một cách kính trọng.

Ghi lên bảng NV2: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt tiếp câu hỏi: 1. <i>Người em được chia gia tài như thế nào?</i> 2. <i>Người em trong câu chuyện là một người như thế nào? Sau khi chia gia tài, người em có cuộc sống ra sao?</i> - GV đặt tiếp câu hỏi, các nhóm thảo luận: 3. <i>Nếu là em, em có đồng ý với cách chia gia tài của người anh hay không?</i> 4. <i>Khi chim đến ăn khế, vợ chồng người em đã phản ứng như thế nào? Em có nhận xét gì về cách phản ứng đó?</i> 5. <i>Qua việc may túi theo lời chim dẫn và được chim đưa đi lấy vàng ở đảo xa, người em đã thể hiện mình là một người như thế nào?</i> 6. <i>Khi đã trở nên giàu có, người em có thay đổi mình không?</i> 7. <i>Qua đó, em có nhận xét gì về người em trong truyện?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: 1. <i>Người em được anh chia cho một gian nhà lợp xúp, trước cửa có một cây khế ngọt.</i>	- Khi được chim ưu đãi: lấy một ít. - Khi giàu có: không kiêu ngạo, tự phụ, thật thà kể mọi chuyện cho anh. → Ở hiền gặp lành

2. Người em trong câu chuyện là một người hiền lành, chăm chỉ. Sau khi chia gia tài, người em không hề than vãn, vẫn vui vẻ, hạnh phúc với cuộc sống thực tại, dù khó khăn, thiếu thốn về vật chất. 3. Học sinh thảo luận và cho biết ý kiến của mình. Giáo viên cần tôn trọng quan điểm của các em nhưng định hướng về thái độ sống như của người em. 4. Khi chim đến ăn khế, vợ chồng người em đã để cho chim ăn ròng rã một tháng, khi quả rơi dần thì mới dám van xin chim. Điều đó thể hiện sự tôn trọng... 5. Qua việc may túi theo lời chim dặn và được chim đưa đi lấy vàng ở đảo xa, người em đã thể hiện mình là một người thật thà/ trung thực... 6. Khi đã trở nên giàu có, người em vẫn rất tình nghĩa, thật thà, không kiêu ngạo, tự phụ. 7. Định hướng HS đến với câu thành ngữ “Ở hiền gặp lành” Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>	b/ Người anh - Lười biếng - Lấy hết tài sản quý giá, cắt đứt quan hệ với em → bạc tình - Khi thấy em giàu có: muốn hoán đổi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm theo PHT số 2. - GV đặt câu hỏi: + <i>Con chim đến ăn khế có phải con vật kì ảo không? Vì sao?</i> + <i>Hòn đảo xa có điều gì kì diệu? Điều kì diệu này đã giúp gì cho cuộc sống của người em sau đó?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS hoàn thành phiếu học tập + Con chim đến ăn khế và nói “ăn một quả” + Đó là con vật kì ảo trong truyện cổ tích vì có đặc điểm biết nói tiếng người, có phép thần kì: biết chỗ cất giấu của cải... + Vợ chồng người em trở nên giàu có Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận	

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Truyện cổ tích <i>Cây khế</i> thuộc kiểu truyện có nhân vật bất hạnh người em út hiền lành, lương thiện, chịu nhiều thiệt thòi. Con chim thần và hòn đảo xa đã giúp người em thay đổi cuộc sống của mình, và đó chính là món quà xứng đáng mà người em nhận được cho sự hiền lành, chăm chỉ, thật thà và những nỗ lực trong cuộc sống của mình. Qua đó thể hiện ước mơ của nhân dân ta về công bằng trong xã hội. Con chim thần xuất hiện là chi tiết kì ảo, tưởng tượng, đã mang đến điều kì diệu, thực hiện chức năng ban thưởng cho nhân vật. Đồng thời cũng trừng phạt nhân vật người anh vì tham lam vật chất mà độc ác, vô nhân tính, quay lưng với chính người em của mình. Đảo xa cũng là một không gian thần kì, kì ảo mang lại cho nhân vật những điều may mắn. Chi tiết này giúp cho truyện mang màu sắc thần bí, huyền diệu. NV5 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: * <i>Nội dung:</i> Truyện kể về người anh tham lam, độc ác đã phải trả giá và người em chăm chỉ, hiền lành, lương thiện đã được đền đáp xứng đáng. * <i>Ý nghĩa:</i> Thể hiện ước mơ của nhân dân ta về công bằng trong xã hội, cái thiện chiến thắng cái ác. b. Nghệ thuật - Xây dựng chi tiết kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện.

- GV đặt câu hỏi: <i>Truyện có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	- Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

1. Đóng vai một trong các nhân vật người em hoặc người anh để kể lại câu chuyện?

2. Bài học em rút ra được từ truyện là gì?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

(Bài học về tình cảm anh em ruột thịt thiêng liêng, đừng vì đồng tiền mà làm mất đi tình thân; tham lam chính là con dao giết chết chính mình; bài học về đền ơn đáp nghĩa...)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) về một kết thúc khác cho truyện Cây khế.

GV đưa ra yêu cầu: không phá vỡ tính chỉnh thể của thể giới cổ tích.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

BÀI 7: THẾ GIỚI CỔ TÍCH

TIẾT 7: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS hiểu nghĩa của từ ngữ trong văn bản, đặc biệt là hiểu các sắc thái ý nghĩa của từ ngữ (động từ, cụm động từ) trong việc thể hiện các thông điệp của văn bản hay biểu đạt dụng ý của người dùng.

- củng cố kiến thức và thực hành sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết nghĩa của từ ngữ trong văn bản.
- Năng lực nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện Nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ <i>Cho câu văn:</i> <i>Quanh năm hai vợ chồng chăm chút cho nên cây khế</i> <i>xanh mơn mơn, quả lúc liu sát đất, trẻ lên ba cũng với</i> <i>tay được</i> Em hãy tìm những từ ngữ có thể thay thế cho các từ in đậm trong câu văn trên và hãy cho biết vì sao em lại chọn các từ ngữ đó?	- Thay thế từ mơn mơn bằng từ xanh non - Thay từ lúc liu bằng từ chúc chích - Có thể thay thế được như trên bởi vì các từ ngữ thay thế cho nhau có nghĩa tương tự nhau.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ HS quan sát câu văn và huy động kiến thức đã có về các xác định nghĩa của từ để thực hiện yêu cầu câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. GV nhận xét, dẫn vào bài mới Bài học hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục thực hành về xác định nghĩa của từ trong văn bản và thực hành phân tích tác dụng của phép điệp ngữ.	

B. HOẠT ĐỘNG CÙNG CỐ KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Cùng cố kiến thức về nghĩa của từ, phép tu từ điệp ngữ

- Mục tiêu:** Hiểu được cách xác định nghĩa của từ, phép điệp ngữ
- Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + <i>Em hãy nêu hiểu biết của mình về cách xác định nghĩa của từ</i> + <i>Nhắc lại phép điệp ngữ? Công dụng của phép điệp ngữ?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	I. Ôn tập lí thuyết

+ HS thực hiện Nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. Vận dụng cách suy đoán nghĩa đã học hoặc tra từ điển. Đọc những câu sau trong truyện <i>Cây khế</i> (Bùi Mạnh Nhị kể). a. <i>Quanh năm hai vợ chồng chăm chút cho nên cây khế xanh mơn mớn, quả lúc liu sát đất, trẻ lên ba cũng với tay được.</i> b. <i>Từ đó ròng rã một tháng trời, hằng ngày chim cứ đến ăn vào lúc sáng sớm làm quả vội hắt đi.</i>	II. Luyện tập Bài tập 1 (SGK trang 35) - (xanh) mơn mớn: xanh non, tươi - Lúc liu: nhiều quả trên khắp các cành. - Ròng rã: kéo dài, liên tục - Vội hắt: giảm đi đáng kể

Tìm những từ ngữ phù hợp để thay thế cho các từ ngữ in đậm - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS. Nhiệm vụ 2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập 2. 1. Tìm những từ ngữ thể hiện sự khác biệt giữa vợ chồng người em và vợ chồng người anh trong hai đoạn trích sau: a. Đoạn trích kể lại cảnh vợ chồng người em thấy chim ăn khế: <i>Một buổi sáng, hai vợ chồng ra hái khế đi bán thì thấy trên cây có tiếng rung mạnh như có người. Hai vợ chồng nhìn</i>	Bài 2 (SGK trang 35)

lên thì thấy có một con chim lớn đang ăn khế chín. Hai người đợi cho chim ăn xong bay đi mới lên cây hái. Từ đó ròng rã một tháng trời, hằng ngày chim cứ đến ăn vào lúc sáng sớm làm quả vội hẵn đi.

Một hôm đứng đợi chim ăn, người vợ nói:

- Ông chim ơi, ông ăn như thế còn gì là khế của nhà cháu nữa! Cây khế nhà cháu cũng sắp hết quả rồi đấy, ông ạ!

b. Đoạn trích kể lại cảnh vợ chồng người anh thấy chim ăn khế:

Họ chỉ ăn và chờ ngày chim đến. Một buổi sáng, hai vợ chồng thấy luồng gió mạnh nổi lên và ngọn cây khế rung chuyển. Hai người hốt hải chạy ra thì quả nhiên thấy một con chim lớn đang ăn khế. Họ vội tru tréo lên:

- Cả nhà tôi trông vào cây khế, bây giờ chim ăn ráo ăn tiệt thì tôi cậy vào đâu.

a. GV hướng dẫn HS: tìm động từ hoặc cụm động từ thể hiện sự khác biệt về ngôn ngữ, ứng xử giữa vợ chồng người em và vợ chồng người anh trong cùng một hoàn cảnh, từ đó chỉ ra sự khác biệt giữa các nhân vật.

b. GV hướng dẫn HS tra cứu, suy nghĩ và giải thích nghĩa của những động từ, cụm

động từ đã tìm được, tập trung vào những từ, cụm từ khó, hay. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS viết vào vở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

a.

Sự kiện	Vợ chồng người em		Vợ chồng người anh	
	Động từ, cụm động từ	Đặc điểm	Động từ, cụm động từ	Đặc điểm
Chuẩn bị theo chim ra đảo	<i>nghe lời chim, may một túi</i>	từ tốn, biết điểm dừng	<i>cuống quýt bàn cãi may túi, định may nhiều túi</i>	tham lam, nôn nóng,
Lên lưng chim đề' ra	<i>trèo, trèo lên lưng</i>	ôn tồn, bình tĩnh	<i>tót, tốt ngay lên lưng</i>	vội vã, sẵn sàng, thô lỗ

Lấy vàng bạc trên đảo	<i>không dám vào, chỉ dám nhặt ít</i>	cần trọng, từ tồn, không tham lam	<i>hoa mắt vì của quý, mê mẩn tâm thần, quên đói, quên khát, lấy</i>	tham lam vô độ, mất hết lí trí

b. GV hướng dẫn hoặc gợi ý cho HS tra cứu, suy nghĩ và giải thích nghĩa của những động từ, cụm động từ đã tìm được, tập trung vào những từ, cụm từ khó, hay. Ví dụ:

- *tót*: di chuyển lên một nơi khác bằng động tác rất nhanh, gọn và đột ngột;
- *cuống quýt*: vội vã, rối rít do bị cuống, không bình tĩnh;
- *mê mẩn tâm thần*: tâm trí, tinh thần không còn tỉnh táo hoặc quá say mê đến mất bình tĩnh;
- *nghe lời chim*: lắng nghe và làm theo lời chỉ dẫn của chim,...

Nhiệm vụ 3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tìm và nêu cấu tạo từ HV bài 4: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu văn sau và nêu tác dụng: a. <i>Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy.</i> b. <i>Chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực	Bài 3(SGK trang 36) a. điệp ngữ: ăn mãi... ăn mãi → Tác dụng: nhấn mạnh ăn rất lâu và rất nhiều, như thể không bao giờ dừng. b. điệp ngữ: bay mãi... bay mãi, hết.... đến, hết... đến → Tác dụng: + nghĩa là bay rất lâu và xa. + Điệp ngữ hết...đến là các khoảng không gian cứ nối tiếp nhau, tưởng chừng như vô tận, không có kết thúc.

hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: thuỷ canh, thuỷ sản... Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Nhiệm vụ 4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. Đặt một câu có sử dụng biện pháp tu từ được chỉ ra ở bài tập 4. Gv gợi ý HS nghĩ đến một sự vật, hoạt động, đặc điểm nào đó mà em muốn nói đến và nhấn mạnh, từ đó viết 1 câu theo yêu cầu của bài tập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận	Bài 4 (SGK trang 36) - HS tự đặt câu

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu), trong đó có sử dụng phép tu từ điệp ngữ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: GV gọi 2 – 3 HS đọc đoạn văn

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Chấm bài làm của HS	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

BÀI 7: THẾ GIỚI CỔ TÍCH

ĐỌC VĂN BẢN

TIẾT 8 – 9: VĂN BẢN 3: VUA CHÍCH CHÒE

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh xác định được chủ đề của truyện.
- Biết được những đặc điểm cơ bản làm nên truyện cổ tích.
- Nhận xét đánh giá về bài học đạo đức mà nhân gian gửi gắm

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

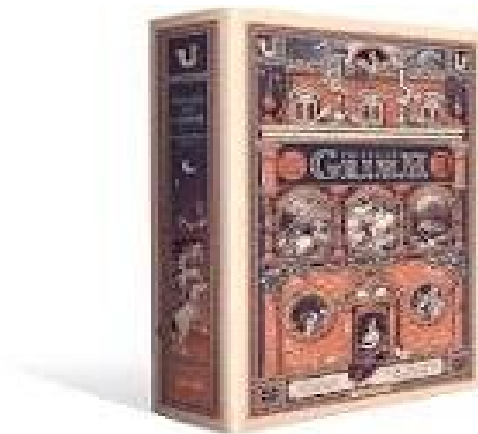
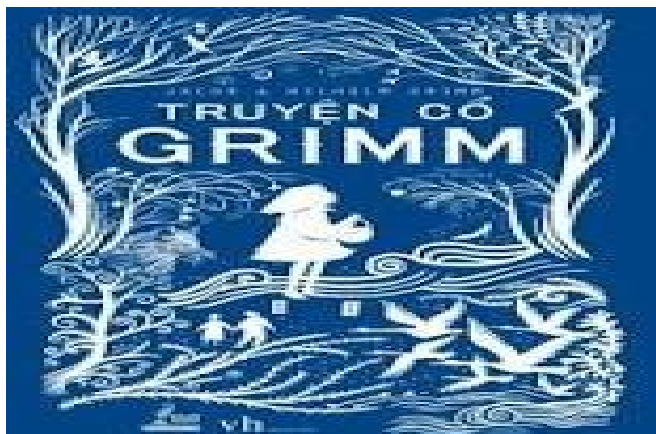
a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Giáo viên giới thiệu truyện cổ Grimm và nêu vấn đề:



các em đã được học rất nhiều câu chuyện cổ tích trong truyện cổ Grimm, ở đó có lâu đài, có nàng công chúa, có hoàng tử và những điều kì diệu khác, các em đã chuẩn bị ở nhà những bức tranh vẽ về lâu đài, hoàng tử, công chúa, các em hãy thuyết trình về bức tranh theo nhóm

Sau đó giáo viên nhận xét, dẫn vào bài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được những thông tin về văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc văn bản. - GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: <i>mắm, hủn hoãn, dún dấy, tợn, cà khịa, xốc nổi.</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và theo dõi các từ khó, kể tóm tắt chuyện. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS kể tóm tắt - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	I. Tìm hiểu chung 1. Đọc 2. Giải thích từ ngữ - Phò mã - Thịnh nộ - Thượng vàng hạ cám 3. Kể tóm tắt

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung của câu truyện.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lại kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1:	

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu học sinh thảo luận cặp đôi câu hỏi 1,2 sách giáo khoa. - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: 1. Trong bữa tiệc kén chọn phò mã, công chúa đã giấu cốt mọi người ra sao? Điều đó thể hiện đặc điểm gì của nhân vật? 2. Nhà vua đã dùng hình phạt nào cho công chúa? Hình phạt này đã dẫn đến sự thay đổi gì trong cuộc đời công chúa? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Từ đó em hãy nêu tính cách, hình dáng và thân phận của công chúa. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Nàng Công Chúa kiêu ngạo, chế giễu mọi người - Thân phận: Công chúa, con gái duy nhất của một nhà vua. → Cao quý, được cưng chiều. - Hình dáng: Xinh đẹp tuyệt trần. - Tính cách: Kiêu ngạo và ngông cuồng, không ai vừa mắt nàng. Không những từ chối hết người này đến người khác còn chế giễu, nhạo báng họ.

GV bổ sung: NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ Gv gọi học sinh đọc và trả lời câu 3: 3. Ai đã đóng giả thành người hát rong? Người hát rong này đã yêu cầu công chúa làm những việc gì và mục đích của những việc yêu cầu đó? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng	2. Công chúa trải qua thử thách - Hoàn cảnh: + Lời ban truyền của nhà vua. → Hành động dứt khoát, muốn trừng trị con gái. - Những thử thách mà công chúa phải trải qua: + Ban đầu: Công chúa luôn thể hiện sự tiếc nuối khi biết được khu rừng, thảo nguyên, thành phố mỹ lệ,... khi biết nó là của vua chích chòe. → Nghệ thuật: Điệp cấu trúc. Công chúa không thể chấp nhận sự thật: "Người hầu của anh đâu?". Công chúa không biết làm gì cả: không biết nhóm bếp, không biết đan sọt, không biết dệt sợi, bán sành sứ lại bán đầu chợ. → Thiếu kĩ năng sinh sống, được cưng chiều từ nhỏ đã quen + Vua chích chòe - người đã bị công chúa chế giễu có chiếc cằm hơi nhô ra như mỏ con chim chích chòe nhưng yêu nàng đã đóng giả thành người hát rong. → Mục đích những yêu cầu này: Trừng phạt tính kiêu căng, ngông cuồng,

NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo Phiếu học tập số 2 (<i>phần phụ lục</i>) - GV đặt câu hỏi gợi dận theo phiếu: Câu 5 SGK. Kết thúc truyện, người kể chuyện nói: "Tôi tin rằng, tôi và các bạn đều có mặt trong buổi lễ cưới.". Theo em, điều này có hợp lý không? Vì sao?- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận	uốn nắn tín kiêu ngạo của công chúa, để công chúa nhận ra những điều sai trái của mình và biết sửa sai. Đồng thời vẫn thể hiện tình yêu của Vua chích chòe với công chúa. → Công chúa đã có những thay đổi tích cực về thái độ 3. Kết thúc có hậu cho công chúa - Kết thúc truyện hợp lý. - Tác giả tưởng tượng tác giả và mọi người đều sẽ chứng kiến câu chuyện và rút ra cho mình được bài học về thói kiêu căng, ngông cuồng sẽ bị trừng phạt. Người nhận ra được sai lầm và sửa sai không bao giờ là muộn, sẽ được trân trọng. Giống như công chúa, khi nhận ra được lỗi sai của mình sẽ được kết hôn cùng Vua chích chòe.

NV6 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng - GV chuẩn kiến thức:	không nên kiêu ngạo, ngông cuồng thích nhạo báng người khác. Đồng thời thể hiện sự bao dung, tình yêu thương của nhân dân với những người biết quay đầu, hoàn lương. 2. Nghệ thuật Truyện cổ tích cùng những chi tiết hoang đường, kì ảo và biện pháp điệp cấu trúc.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Câu chuyện phê phán thói xấu nào?

A. Độc ác, xấu xa.

B. Tham lam, ích kỉ.

C. Dựa dẫm, ỷ lại.

D. Kiêu căng, ngạo mạn.

Câu 2: Đâu **không** phải cụm từ mà công chúa dùng để chế nhạo những người đến dự lễ?

A. Xung đồng đỏ.

B. Nhọt nhọt như chết đuối.

C. Vua chích chòe.

D. Cây già sây lò cong cớn

Câu 3: Đâu **không** phải công việc mà nàng công chúa đã phải làm?

A. Phụ bếp.

B. Làm việc nhà.

C. Dệt vải.

D. Đan len.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5 – 7 câu) Nêu cảm nhận của em về nhân vật công chúa.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập	

	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Trao đổi, thảo luận	

BÀI 7: THẾ GIỚI CỔ TÍCH

TIẾT 10-11-12-13: VIẾT

VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI TRUYỆN CỔ TÍCH

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS biết dùng ngôi thứ nhất để kể lại một truyện cổ tích đã biết. HS biết chọn nhân vật kể chuyện, điểm nhìn thích hợp; sử dụng lời kể phù hợp; biết cách kể lại truyện vừa đảm bảo nội dung của truyện gốc vừa có những sáng tạo mới mẻ.
- HS biết tóm tắt và kể lại một câu chuyện một cách trọn vẹn, đồng thời phát huy được trí tưởng tượng, năng lực sáng tạo trong sử dụng ngôn ngữ trần thuật, miêu tả.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi. _

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ. - GV yêu cầu HS: <i>Các truyện cổ tích “Thạch Sanh”, “Cây Khế”, “Vua chích chòe” vừa học được kể từ ngôi thứ mấy?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. - GV đặt câu hỏi: <i>Thử tưởng tượng một nhân vật trong các truyện ấy hiện ra và kể lại câu chuyện liên quan đến mình thì nhân vật ấy sẽ kể lại như thế nào?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ. + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.	- Các truyện cổ tích “Thạch Sanh”, “Cây Khế”, “Vua chích chòe” vừa học được kể từ ngôi thứ ba.

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. - GV nhận xét, đánh giá GV dẫn dắt vài bài: Từ những truyện cổ tích đã học, các em được nghe người kể chuyện kể về các nhân vật trong truyện. Bài học hôm nay chúng ta hãy khám phá sự thú vị trải nghiệm mới qua việc thử đóng vai một nhân vật để kể lại một truyện cổ tích mà em biết.	

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

- a. Mục tiêu:** Hiểu được các đặc điểm của bài văn tự sự.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc bài viết tham khảo. - GV giới thiệu: Bài viết tham khảo là bài văn đóng vai nhân vật Thạch Sanh để kể lại một phần truyện (từ xuất thân của Thạch Sanh đến đoạn đánh thắng đại bàng). Bài viết vừa trung thành với	I. Tìm hiểu chung 1. Phân tích bài viết tham khảo: Văn bản: Nhập vai nhân vật kể lại một phần truyện Thạch Sanh

truyện gốc vừa có một số sáng tạo (thêm chi tiết, đặc biệt là diễn biến trận đấu với đại bàng; cách nhấn lướt các chi tiết, sự kiện, thêm vào các đánh giá cá nhân của nhân vật...) - GV yêu cầu HS thảo luận theo những câu hỏi sau: + Trong bài kể, người kể chuyện theo ngôi kể nào? là ai trong truyện? + Vì sao Thạch Sanh lại xưng “ta” mà không xưng “tôi”, “mình”? + Đoạn nào của bài viết có tác dụng như mở bài? Cách vào bài bằng lời chào, cách đặt câu hỏi, hứa hẹn... có thu hút người đọc không? + Bài viết kể theo trình tự nào? (GV có thể hướng dẫn HS thống kê các hoạt động chính để tóm tắt lại diễn biến sự kiện) Diễn biến chính của câu chuyện có phù hợp với truyện gốc không? + Những chi tiết, sự kiện nào được người viết thêm vào? + Những từ ngữ nào thể hiện nhận xét, đánh giá của người kể chuyện? + Nhận xét về cách kết thúc bài viết - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	+ Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện là Thạch Sanh. + Người kể xưng “ta” phù hợp với cách xưng hô của vị vua đứng đầu một nước. + Đoạn đầu có vai trò như mở bài, cách chào, đặt câu hỏi...thu hút người đọc + Các chi tiết được sắp xếp theo trình tự thời gian, tập trung vào các chi tiết kì ảo. + Người viết có thêm vào một số lời kể, chi tiết: đoạn phát hiện và đánh nhau với đại bàng; các bình luận, đánh giá của nhân vật; lời kết;... + Cách kết thúc truyện: nêu lí do kết thúc,

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Dựa vào kết quả làm việc cá nhân hoặc nhóm, một số HS trình bày kết quả phân tích bài viết tham khảo trước lớp. GV dẫn dắt và tổng kết một số ý cơ bản để HS nắm được, ghi nhớ và vận dụng vào bài viết của mình.	tóm lược các sự kiện tiếp theo, nêu bài học tâm đắc.

Hoạt động 2: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn đóng vai một nhân vật để kể lại một truyện cổ tích mà em biết.

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + <i>Bài văn bài văn đóng vai một nhân vật để kể lại một truyện cổ tích mà em</i>	2. Yêu cầu đối với bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích: - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện đóng vai một

<i>biết cần đáp ứng những yêu cầu gì?</i> + GV cho HS quan sát lại bài văn tham khảo tìm hiểu ở mục I.1 để minh họa cho những yêu cầu đó. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	nhân vật trong truyện. - Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; tránh làm thay đổi, biến dạng các yếu tố cơ bản của cốt truyện ở truyện gốc. - Cần có sự sắp xếp hợp lý các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo. - Có thể bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật.

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nhằm được các viết bài văn

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. + <i>Em định đóng vai một nhân vật nào trong các truyện cổ tích đã học (đọc) để</i>	3. Các bước tiến hành viết bài văn - Trước khi viết + Lựa chọn truyện cổ tích định kể, người nghe (đọc).

<i>kể lại ?</i> + <i>Em sẽ dự kiến ai là người đọc, người nghe câu chuyện em định kể?</i> + <i>Em sẽ chọn ngôi kể, lời kể như thế nào?</i> + <i>Những sự việc chính nào em sẽ lựa chọn khi kể?</i> - GV lưu ý HS: Các em cần có sự lựa chọn truyện cổ tích, nhân vật, ngôi kể, lời kể, sự việc kể thích hợp... để bài viết hấp dẫn, hay nhất. - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. Gợi ý: Để chuẩn bị cho bài viết, em hãy nhớ lại truyện cổ tích mình định kể bằng ghi lại theo trí nhớ các ý cơ bản sau:	+ Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng. + Chọn lời kể phù hợp. + Ghi lại những nội dung chính của câu chuyện. - Lập dàn ý: + Mở bài Giới thiệu nhân vật kể chuyện và câu chuyện được kể. + Thân bài Trình bày diễn biến của câu chuyện bằng cách bám sát truyện gốc. + Kết bài: Nêu kết thúc truyện và suy nghĩ của bản thân mình.								
<table border="1"> <tr> <td>Em sẽ bắt đầu câu chuyện như thế nào? Ai là người kể câu chuyện? Chuyện xảy ra khi nào? Ở đâu?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Chuyện diễn biến ra sao? Những ai, việc gì liên quan tới “tôi”/ “ta”? Trình tự sự việc diễn ra như thế nào?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Em sẽ kết thúc câu chuyện mình kể ra sao?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn</td><td>.....</td></tr> </table>	Em sẽ bắt đầu câu chuyện như thế nào? Ai là người kể câu chuyện? Chuyện xảy ra khi nào? Ở đâu?		Chuyện diễn biến ra sao? Những ai, việc gì liên quan tới “tôi”/ “ta”? Trình tự sự việc diễn ra như thế nào?		Em sẽ kết thúc câu chuyện mình kể ra sao?		Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn		
Em sẽ bắt đầu câu chuyện như thế nào? Ai là người kể câu chuyện? Chuyện xảy ra khi nào? Ở đâu?									
Chuyện diễn biến ra sao? Những ai, việc gì liên quan tới “tôi”/ “ta”? Trình tự sự việc diễn ra như thế nào?									
Em sẽ kết thúc câu chuyện mình kể ra sao?									
Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn									

đối với em? - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. - GV tổ chức cho HS viết bài, chỉnh sửa bài hoàn chỉnh tại lớp. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HS viết bài, chỉnh sửa hoàn chỉnh bài tại lớp. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận, bài viết. + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Viết bài. - Chỉnh sửa bài viết

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý

- GV yêu cầu HS:

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SHS;

+ Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp	- Phương pháp quan sát, vấn đáp - Đánh giá qua hồ sơ học tập. - Đánh giá qua sự quan sát hoạt động học tập nhóm và kết quả làm việc của học sinh.	- Phiếu đánh giá - Hệ thống câu hỏi và bài tập tương tác.	
Hình thức viết bài văn hoàn chỉnh.	- Phương pháp Kiểm tra viết - Đánh giá qua hồ sơ học tập - Đánh giá qua sự quan sát hoạt động học tập và kết quả làm bài của học sinh.	- Phiếu đánh giá - Rubric	

V. CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ:

1. Phiếu đánh giá:

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT CHO BẠN

Họ tên người chỉnh sửa:

Họ tên tác giả bài viết:

Nhiệm vụ: *Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:*

1. Bài viết đã đóng vai một nhân vật để kể lại một truyện cổ tích chưa? (Nếu chưa, hãy ghi rõ căn cứ xác định.)

.....

2. Nội dung bài viết đã được sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa (Nếu chưa, hãy nêu rõ ý nào chưa hợp lí.)

.....

3. Bài viết có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

.....

4. Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung.)

.....

5. Có nên lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có, hãy ghi rõ câu hay đoạn cần lược bỏ.)

.....

6. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không? (Nếu có, hãy ghi rõ các lỗi cần sửa.)

.....

2. Rubric

XÂY DỰNG RUBRIC TRONG ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG VIẾT CỦA HS

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ				
	Mức 5 (Giỏi)	Mức 4 (Khá)	Mức 3 (Trung bình) 0.5 điểm	Mức 2 (Yếu)	Mức 1 (Kém)
Đảm bảo cấu trúc	Có đủ mở bài, thân	Có đủ mở bài, thân bài,	Có đủ mở bài, thân bài,	Không đảm bảo đủ mở	Không viết gì hoặc viết

của bài văn tự sự (1.0 điểm)	bài, kết bài. Trong các phần, HS biết cách dẫn chuyển, kết nối mạch lạc, hấp dẫn câu chuyện. (1.0 điểm)	kết bài. Trong các phần, HS biết cách dẫn chuyển, kết nối cơ bản mạch lạc, hấp dẫn câu chuyện. (0.75 điểm)	kết bài. Trong các phần, HS biết cách dẫn chuyển, kết nối. Tuy nhiên chưa thực sự hấp dẫn câu chuyện. (0.5 điểm)	bài, thân bài, kết bài. Trong các phần, HS còn dẫn chuyển, kết nối rời rạc, chấp nối. (0.25 điểm)	lung tung không có ý nghĩa. (0.0 điểm)
Chọn được nhân vật trong truyện cổ tích để kể (1.0 điểm)	Chọn được nhân vật trong một truyện cổ tích. Nêu, trình bày chính xác và có sự sáng tạo, lôi cuốn về nhân vật trong truyện cổ tích định kể. (1.0 điểm)	Chọn được nhân vật trong một truyện cổ tích. Nêu, trình bày chính xác và lôi cuốn về nhân vật trong truyện cổ tích định kể nhưng chưa có sự sáng tạo. (0.75 điểm)	Chọn và nêu, trình bày chính xác được nhân vật trong một truyện cổ tích. Tuy nhiên chưa có sự sáng tạo, diễn đạt lôi cuốn về nhân vật trong truyện cổ tích định kể. (0.5 điểm)	Chọn được nhân vật trong một truyện cổ tích. Hoặc xác định được chỉ mình nhân vật mà không tên truyện. Phần trình bày chưa có sự sáng tạo, lôi cuốn về nhân vật trong truyện cổ tích định	Diễn đạt lung tung không xác định được nhân vật cũng như tên truyện. (0.0 điểm)

				kể. (0.25 điểm)	
Nội dung câu chuyện (6.0 điểm)	Nội dung câu chuyện có các chi tiết phong phú, hấp dẫn người đọc (người nghe). Cách kể có bám sát truyện gốc, có sự tưởng tượng, sáng tạo riêng của mình giúp cho câu chuyện thêm sinh động, tự nhiên nhưng vẫn giữ cốt truyện ban đầu.	Nội dung câu chuyện có đủ chi tiết để người nghe hiểu được câu chuyện. Cách kể có bám sát truyện gốc, đôi chỗ đã có sự tưởng tượng, sáng tạo theo ý riêng của mình giúp cho câu chuyện thêm sinh động, tự nhiên. 3.25-4.75 điểm)	Nội dung câu chuyện có đủ chi tiết để người nghe hiểu được câu chuyện. Cách kể có bám sát truyện gốc, Tuy nhiên chưa có sự sáng tạo, diễn đạt thuyết phục, ấn tượng người đọc, người nghe. (1.75-3.0 điểm)	Có viết được một vài chi tiết về nhân vật trong truyện cổ tích. Tuy nhiên còn trình bày chưa sáng tạo, hấp dẫn, thuyết phục. (0.25-1.5 điểm)	Không viết được gì. (0.0 điểm)

	(5.0 - 6.0 điểm)				
Diễn đạt (1.0 điểm)	Đảm bảo quy tắc về chính tả, dùng từ đặt câu. Có cách diễn đạt mới mẻ có những phá cách trong dùng từ đặt câu. (1.0 điểm)	Cơ bản đảm bảo quy tắc về chính tả, dùng từ đặt câu. Có mắc song rất ít lỗi diễn đạt và chính tả. (0.75 điểm)	Cơ bản đảm bảo quy tắc về chính tả, dùng từ đặt câu. Bài viết còn mắc một số lỗi chính tả và diễn đạt nhưng không trầm trọng. (0.5 điểm)	Bài viết còn mắc khá nhiều quy tắc về chính tả, dùng từ đặt câu. (0.25 điểm)	Bài viết diễn đạt lung tung, khó hiểu, chữ viết không đọc được. (0.0 điểm)
Sáng tạo (1.0 điểm)	Bài viết có ý tưởng sáng tạo về cấu trúc, về nội dung,... so với truyện cổ tích có sẵn. Có những khám phá, suy nghĩ mới mẻ, hợp lí. (1.0 điểm)	Bài viết có ý tưởng sáng tạo về một trong các phương diện như cấu trúc, về nội dung,... so với truyện cổ tích có sẵn. Có những khám phá, suy nghĩ mới mẻ, hợp lí. (0.75 điểm)	Bài viết có ý tưởng sáng tạo nhưng còn vụng về, mắc lỗi trong cách diễn đạt. (0.5 điểm)	Bài viết có ý tưởng sáng tạo nhưng còn vụng về, mắc lỗi trong cách diễn đạt. Vì vậy gây khó hiểu. (0.25 điểm)	Bài viết hoàn toàn không có bất kì sự sáng tạo nào. (0.0 điểm)

BÀI 7: THẾ GIỚI CỔ TÍCH

TIẾT 14: NÓI VÀ NGHE

KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS biết đón vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích, chủ yếu tập trung vào nhân vật, nhập vai một cách thông minh, sáng tạo, biết kể lại câu chuyện vừa sát truyện gốc vừa có sáng tạo.
- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói đóng vai nhân vật để tự kể lại câu chuyện về mình, thể hiện được khả năng trình diễn một bài tự thuật.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh, video về lễ hội Gióng.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi. _

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS xem lại bài viết HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá <i>GV dẫn dắt vài bài:</i> Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành nói về truyện cổ tích bằng lời của một nhân vật trước lớp.	

B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: yêu cầu HS đọc lại, nhớ lại truyện cổ tích định kể, những nội dung quan trọng của truyện cổ tích mà khi kể lại không thể bỏ qua. - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. + Các nhóm luyện nói Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến	1. Chuẩn bị bài nói 2. Các bước tiến hành - Xác định mục đích nói và người người nghe. - Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện

thức => Ghi lên bảng	

Hoạt động 2: Trình bày bài nói

- a. Mục tiêu:** Biết được các kỹ năng khi trình bày bài nói.
- b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu. GV lưu ý HS tận dụng được lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời nói như sử dụng ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo nên sự hấp dẫn, sinh động cho bài nói. - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	3. Trình bày bài viết

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Trao đổi về bài nói

a. Mục tiêu: Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá. - GV đặt thêm câu hỏi: + Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn? + Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực	3. Trình bày bài viết

hiện nhiệm vụ + HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS vận dụng, kể lại một truyện truyền thuyết khác mà em đã nghe đã đọc.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp	Công cụ đánh giá	Ghi

	đánh giá		chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

BÀI 7: THẾ GIỚI CỔ TÍCH

Tiết 15-16: ĐỌC MỞ RỘNG

Người soạn: Trần Thị Bích Huệ - Nhóm 7

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

- HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong bài 6 *Chuyện kể về những người anh hùng* và bài 7 *Thế giới cổ tích*. Qua đó, các em thể hiện khả năng vận dụng trải nghiệm kiến thức và kỹ năng được học trong những bài đã học để tự đọc các VB mới thuộc thể loại truyền thuyết, truyện cổ tích.

- HS nêu được chủ đề và trình bày được một số yếu tố của truyền thuyết, truyện cổ tích được thể hiện qua VB đã đọc.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh tự hào về những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và yêu thích thể loại truyện dân gian.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Giáo viên:

+ Phương tiện dạy học

- Máy tính/ điện thoại có kết nối internet, máy chiếu, bộ loa.

- Bài soạn (gồm văn bản dạy học để dưới dạng điện tử; các hoạt động được thiết kế để tổ chức cho học sinh).

+ Hình thức tổ chức dạy học

- Dạy học cá nhân, nhóm, cả lớp;

- HS thuyết trình, giới thiệu, trao đổi, thảo luận,...

2. Học sinh:

- Sưu tầm các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong bài 6:

Chuyện kể về những người anh hùng và bài 7: Thế giới cổ tích .

- Đọc văn bản, thực hiện các hoạt động theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC: :

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung: GV chiếu cho HS xem 1 đoạn phim ngắn về liên quan đến 2 chủ đề đã học ở bài 6, bài 7 hoặc đưa ra những câu hỏi gợi mở vấn đề liên quan đến hai vấn đề.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (Có thể thực hiện bằng nhiều hình thức) Cách 1: GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: <i>Qua các tiết học bài 6, bài 7, các em đã sưu tầm và tìm đọc thêm được những văn bản nào? Cảm xúc của em khi đọc những tác phẩm đó?</i> Cách 2: GV chiếu cho HS xem 1 đoạn phim ngắn về liên quan đến 2 chủ đề đã học ở bài 6, bài 7. Gv đặt câu hỏi: Cảm nhận của em về đoạn phim vừa xem? (Nhân vật nào? Thể loại nào? Chủ đề gì?) HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe, xem và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Trong bài 6 và bài 7, chúng ta đã được tìm hiểu các văn bản thuộc thể loại truyền thuyết, cổ tích. Thế giới ấy thật phong phú, đa dạng và hấp dẫn. Nó không chỉ dừng lại ở trong trang sách mà chúng ta đã được học. Mà nó còn là một kho tàng vô giá, bất tận mà chúng ta chưa thể khám phá hết. Bài học hôm nay sẽ giúp	- HS chia sẻ về những văn bản đã tìm đọc thêm được hoặc chia sẻ suy nghĩ về đoạn phim ngắn

chúng ta từng bước khám phá thêm thế giới kì diệu đó thông qua tiết: Đọc mở rộng.	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

Hoạt động 1: Trao đổi kết quả tự đọc

a. Mục tiêu:

- Học sinh trình bày sản phẩm của mình thông qua kết quả tự đọc, tự tìm hiểu ở nhà.
- Nắm được những thông tin về thể loại của mỗi chủ đề: thể loại, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.

b. Nội dung: HS sử dụng sản phẩm của mình thông qua kết quả tự đọc, tự tìm hiểu ở nhà, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày sản phẩm và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS							DỰ KIẾN SẢN PHẨM	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nhắc lại các đặc điểm của VB truyền thuyết, cổ tích. - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để trao đổi về kết quả tìm hiểu, khám phá những truyền thuyết, truyện cổ tích mà các em đã đọc. - Yêu cầu HS dùng kĩ thuật khăn phủ bàn thảo luận nhóm thực hiện trò chơi: Ai nhanh hơn, ai giỏi hơn? Chia lớp thành 2 nhóm (2 đội chơi) hoàn thành phiếu học tập sau:							I. Khám phá thế giới truyền thuyết, cổ tích:	
TT	Tên văn	Thể loại	Chủ đề	Nhân vật	Ngôi kể	Yếu tố		

	bản					kì ảo	
1							
2							
...							
- HS trao đổi với nhau về những gì ấn tượng nhất với các em khi đọc những truyền thuyết, truyện cổ tích đó, tập trung vào những yếu tố cơ bản của mỗi thể loại, từ chủ đề đến cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, góp ý, bổ sung, chốt lại kiến thức. + GV nhận xét chung và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách với nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc các thể loại cùng hoặc khác chủ đề. (Các							
							Sản phẩm của 2 đội chơi.

đường link, các cuộc truyện, các bộ phim liên quan...)	

Hoạt động 2: Kể chuyện truyền thuyết cổ tích:

a. Mục tiêu:

- HS kể cho thấy cô và các bạn nghe một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích mà mình thích.
- Học sinh trình bày sản phẩm của mình thông qua kết quả tự đọc, tự tìm hiểu ở nhà.
- Nắm được những thông tin về thể loại của mỗi chủ đề: thể loại, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.

b. Nội dung: Hs sử dụng sản phẩm của mình thông qua kết quả tự đọc, tự tìm hiểu ở nhà, chốt lọc kiến thức để tiến hành kể chuyện.

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày sản phẩm và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: lựa chọn VB tự đọc và kể câu chuyện em thích nhất cho cả lớp nghe (Miệng, kể bằng hình ảnh, sân khấu hóa...) - HS lắng nghe thực hiện. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến câu chuyện vừa kể. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời	II. Kể chuyện truyền thuyết và cổ tích:

của bạn.	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức + GV nhận xét chung và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt.	

Hoạt động 3: Nhận xét hoạt động đọc

a. Mục tiêu: HS rút kinh nghiệm về cách đọc, kể về truyện truyền thuyết, cổ tích.

b. Nội dung: HS tiếp thu, điều chỉnh.

c. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - HS chia sẻ trước lớp những ý kiến và thông tin quan trọng khi đọc và kể thể loại truyền thuyết, cổ tích. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS lắng nghe, trao đổi và đưa ra ý kiến góp ý. Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.	3. Nhận xét, rút kinh nghiệm

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Biết cách đọc một văn bản truyền thuyết và cổ tích.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Từ việc đọc văn bản, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc, kể một văn bản truyền thuyết và cổ tích?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Hãy tìm thêm một số sách với chủ đề đã học và rút ra kinh nghiệm cho bản thân. (Hướng dẫn học ở nhà)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 8. KHÁC BIỆT VÀ GẦN GŨI

.....

Môn: Ngữ văn 6 - **Lớp:**

Số tiết: 14 tiết

MỤC TIÊU CHUNG BÀI 8

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Tóm tắt được nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.
- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ; hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa.
- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề mà em quan tâm).
- Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn đề); tóm tắt được ý kiến của người khác.

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

TIẾT 1: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết, phân tích một số đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận; chỉ ra được mối liên hệ giữa các yếu tố nghị luận.

3. Phẩm chất

- Ý thức được ý nghĩa quan trọng của văn nghị luận để học tập nghiêm túc hơn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Theo em giữa em với bạn ngồi bên cạnh có điểm gì gần gũi và khác biệt nhau? Tại sao lại có sự khác biệt và gần gũi đó? Sự khác biệt và gần gũi như vậy có ý nghĩa gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giới thiệu: Bài học này gồm hai nội dung: + Thứ nhất, các văn bản được chọn đều gần gũi với chủ đề bài học, nhằm khẳng định: trong cuộc sống, dù mọi cá thể có những nét riêng biệt về mặt này mặt kia, thì chung quy, giữa mọi người vẫn có những điểm tương đồng, gần gũi. + Thứ hai, bài học nhằm bước đầu hình thành cho HS ý niệm về loại văn bản nghị luận. Đó là loại văn bản tập trung bàn bạc về một vấn đề nào đó. Điều này sẽ được làm rõ qua hoạt động đọc. - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận.	

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Hiểu được các khái niệm về văn nghị luận, các yếu tố cơ bản (lí lẽ, bằng chứng) trong văn nghị luận.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm với các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố: + <i>Vì sao em đi học?</i> + <i>Tại sao em cần phải hiếu thảo với cha mẹ?</i> + <i>Để trả lời các câu hỏi trên em cần làm như thế nào?</i> + <i>Theo em, những yếu tố cơ bản nào cần phải có trong văn bản nghị luận?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và	1. Văn bản nghị luận - Văn bản nghị luận là văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề. 2. Các yếu tố cơ bản trong văn nghị luận - Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình. - Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.

thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, ghi lên bảng. GV bổ sung: Khái niệm văn bản nghị luận: Văn bản nghị luận là loại văn bản có nội dung bàn bạc, đánh giá về một hiện tượng, vấn đề trong đời sống và trong khoa học, giáo dục, nghệ thuật,... Người tạo lập văn bản nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với quan điểm, ý kiến của mình. Lí lẽ trong văn bản nghị luận: Lí lẽ là những lời giải thích, phân tích, biện luận thể hiện suy nghĩ của người viết/ nói về vấn đề. Những lời ấy phải được trình bày rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ nhằm bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó. Khi đưa ra lí lẽ, người viết/ nói thường giải đáp các câu hỏi mà vấn đề gợi ra. Lí lẽ phải có tính khách quan, phổ biến, thuyết phục người đọc/ nghe bằng lẽ phải, chân lí. Không chấp nhận những lí	

lẽ chủ quan, áp đặt. Bằng chứng trong văn bản nghị luận: Bên cạnh lí lẽ, văn bản nghị luận còn phải có các bằng chứng. Bằng chứng là những sự thật (nhân vật, sự kiện) hay tư liệu đảm bảo tính xác thực, có giá trị. Bằng chứng phải phù hợp với từng loại văn nghị luận. Nếu là nghị luận xã hội, phải dùng bằng chứng lấy từ thực tế đời sống, từ kết quả nghiên cứu khoa học. Nếu là nghị luận văn học thì bằng chứng chủ yếu lấy từ văn học. Bằng chứng kết hợp với lí lẽ làm cho lập luận có sức thuyết phục.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Lựa chọn một văn bản nghị luận mà em yêu thích và chỉ ra các yếu tố đặc trưng của văn bản nghị luận: Lí lẽ trong văn nghị luận, bằng chứng trong văn nghị luận.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Tìm một số tình huống trong đời sống cần vận dụng văn nghị luận?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Gắn với thực tế. - Tạo cơ hội thực hành cho người học.	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. - Hấp dẫn, sinh động. - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập. - Hệ thống câu hỏi và bài tập. - Trao đổi, thảo luận.	

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 2 – 3: VĂN BẢN 1. XEM NGƯỜI TA KÌA! (Lạc Thanh)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- HS nhận biết được các đặc điểm cơ bản về nội dung và hình thức của văn bản nghị luận.
- Nhận biết được vấn đề văn bản đặt ra: ý nghĩa của những cái chung giữa mọi người và cái riêng biệt ở mỗi con người.
- Trình bày được phương thức biểu đạt chính (phương thức nghị luận) bên cạnh một số phương thức khác (tự sự, biểu cảm) mà người viết sử dụng đan xen trong văn bản nghị luận.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng cái riêng biệt nhưng phải biết hoà đồng, gần gũi với mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về truyện;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu các nhóm thảo luận và thực hiện nhiệm vụ:	

1. <i>Đứng trước một người bạn xuất sắc về nhiều mặt, em có suy nghĩ gì?</i> 2. <i>Trong cuộc sống, mỗi người có quyền thể hiện cái riêng của mình hay không? Vì sao?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời từng câu hỏi. Dự kiến sản phẩm: - Đứng trước một người bạn xuất sắc về nhiều mặt, em rất ngưỡng mộ, mong muốn được như bạn bởi họ có những phẩm chất tốt đẹp: ngoan ngoãn, lễ phép, học giỏi, chăm chỉ, đoàn kết, biết yêu thương chia sẻ với mọi người.... được mọi người yêu quý quan tâm. - Trong cuộc sống, mỗi người có quyền thể hiện cái riêng của mình vì mỗi người là một cá nhân độc lập, là quyền của của mỗi người. Bởi cái riêng của mỗi người là sự hãnh diện về tính cách riêng của bản thân sẽ làm cho mỗi người không cảm thấy tự ti hay mặc cảm vì bị so sánh với người khác. Mỗi người sẽ có những điểm mạnh riêng, tạo nên bức tranh cuộc sống nhiều màu sắc. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV dẫn dắt: Như vậy mỗi người mỗi vẻ tạo nên sự	- Đứng trước một người bạn xuất sắc về nhiều mặt, em rất ngưỡng mộ, em muốn học được ở người bạn đó sự chăm chỉ, ham học hỏi...được mọi người yêu quý quan tâm. - Trong cuộc sống, mỗi người có quyền thể hiện cái riêng của mình vì mỗi người là một cá nhân độc lập, là quyền của của mỗi người.

khác biệt, là một cá nhân độc lập nhưng không có nghĩa là chúng ta chọn cách sống khác thường. Giữa mọi người vẫn có sự tương đồng, gần gũi. Bài học này chúng ta cùng tìm hiểu về những điều khác biệt và gần gũi.	

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- Mục tiêu:** Hiểu được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Trình bày sản phẩm câu hỏi đã được giao ở tiết học giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn. + Văn bản “<i>Xem người ta kìa!</i>” thuộc kiểu văn bản nào trong văn học? + Nêu hiểu biết của em về kiểu văn bản đó? - GV hướng dẫn cách đọc: đọc to, rõ ràng, chậm rãi, thể hiện được những lí lẽ tác giả đưa ra. ? Dựa vào SGK em hãy giải thích các từ sau: <i>hiếu thuận, chuẩn mực, xuất chúng, hoàn hảo, thâm tâm, siêu việt, trách cứ</i>. - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	I. Tìm hiểu chung 1. Kiểu văn bản: Nghị luận (Là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc- người nghe về một vấn đề). 2. Đọc a. Giải thích từ khó

- HS trình bày sản phẩm thảo luận. Dự kiến sản phẩm: - Văn bản nghị luận nhằm bàn bạc, đánh giá về một vấn đề trong đời sống, khoa học.... Mục đích của người tạo lập văn bản nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục để người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình. - <i>Hiếu thuận</i>: có lòng kính yêu và biết nghe lời cha mẹ. - <i>Chuẩn mực</i>: Cái được chọn làm căn cứ để theo đó mà làm cho đúng. - <i>Xuất chúng</i>: nổi bật hơn hẳn mọi người, về tài năng trí tuệ. - <i>Hoàn hảo</i>: tốt đẹp về mọi mặt. - <i>Thâm tâm</i>: nơi sâu kín trong lòng. - <i>Siêu việt</i>: vượt lên hẳn so với người bình thường. - <i>Hồi ức</i>: nhớ lại điều bản thân đã trải qua. - <i>Trách cứ</i>: ra điều thể hiện sự không bằng lòng. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

- a. Mục tiêu:** Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1:	b. Ngôi kể
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	- Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể

- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?</i> + <i>Xác định phương thức biểu đạt?</i> + <i>Nêu bố cục của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Dự kiến sản phẩm: - Truyện kể theo ngôi thứ nhất. - Phương thức biểu đạt chính là nghị luận. - Bố cục: gồm 3 phần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Theo dõi phần 1 của văn bản hãy cho biết: + <i>Khi không hài lòng điều gì đó với đứa con người mẹ thường nói với con điều gì?</i>	chuyện xưng “tôi”. c. PTBD: Nghị luận d. Bố cục: 3 phần <u>Phần 1:</u> - Đoạn 1: <i>Từ đầu => ước mong điều đó (nêu vấn đề):</i> Cha mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác. <u>Phần 2:</u> - Đoạn 2: <i>Tiếp => mười phân vẹn mười:</i> Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác - Đoạn 3: <i>Tiếp => trong mỗi con người:</i> Sự khác biệt trong mỗi cá nhân là phần đáng quý trong mỗi người. <u>Phần 3:</u> - Đoạn 4: <i>Phần còn lại</i> (kết luận vấn đề): Hoà đồng, gần gũi mọi người như cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình. II. Tìm hiểu chi tiết 1. Mong ước của mẹ - Câu nói của người mẹ: “Xem người ta kìa!” - Mục đích: Để con bằng người,

+ <i>Mỗi khi nghe mẹ nói như vậy người con có tâm trạng như thế nào?</i> + <i>Em đã bao giờ nghe những câu nói tương tự của cha mẹ và có tâm trạng giống như người con trong văn bản chưa?</i> + <i>Khi thốt lên “Xem người ta kìa!”, người mẹ muốn con làm gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Dự kiến sản phẩm: - Người mẹ nói: “Xem người ta kìa!” - Người con cảm thấy không thoải mái, cố sức vâng lời, cảm thấy không hề dễ chịu khi nghe mẹ nói. - Người mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. GV bổ sung: Mọi bậc cha mẹ đều mong con cái mình khôn lớn, trưởng thành bằng	không làm xấu mặt gia đình, không ai phàn nàn, kêu ca. => Mong ước: Mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác. => Là điều ước mong rất giản dị, đời thường của mỗi một người mẹ.

bạn bè. Có lẽ vì vậy, cha mẹ thường lấy tấm gương sáng để con mình học hỏi, noi theo. Tuy nhiên sự áp đặt đó có thể khiến chúng ta cảm thấy không hài lòng vì chúng ta chưa hiểu chưa biết được mong ước của các bậc làm cha làm mẹ. Củng cố dặn dò: - Bước đầu nhận diện được đặc điểm của kiểu bài nghị luận. - HS hiểu được mong ước của người mẹ. - Theo em, tác giả đồng tình hay không đồng tình với mong ước của người mẹ? Chúng ta cùng tìm hiểu tiết học hôm sau. - Chuẩn bị tìm hiểu câu hỏi 3,4,5,6,7 SGK. NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt tiếp câu hỏi: + Khi đã lớn, đủ nhận thức, tác giả có đồng tình với quan điểm của người mẹ không? Câu văn nào nói lên điều đó? + Theo em, người mẹ có lí ở chỗ nào? Lí lẽ đó có điểm nào đúng? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Dự kiến sản phẩm: - Tác giả cho rằng điều mẹ mình mong muốn là có lí, thể hiện qua câu: <i>Mẹ tôi</i>	2. Suy ngẫm của người con a. Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác. - Mặc dù mỗi người là một cá thể riêng biệt nhưng vẫn có điểm giống nhau. - Việc noi theo những ưu điểm, chuẩn mực của người khác để tiến bộ là điều nên làm.

<i>không phải không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo.</i> Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. GV bổ sung: Dù giữa chúng ta có nhiều điều khác biệt nhưng vẫn có những điểm chung. Đó là những quy tắc, chuẩn mực mà cả xã hội hướng đến, là những giá trị sống mà nhân loại đều phấn đấu: được tin yêu, tôn trọng, sự thông minh, giỏi giang, thành đạt. Vì vậy, cha mẹ đều luôn mong con cái sẽ cố gắng, nỗ lực vượt lên chính mình, noi theo những tấm gương sáng. Nhưng nếu ai cũng giống ai, có lẽ đó chỉ là một xã hội của những bản sao được lặp lại. Phần tiếp theo của văn bản này, tác giả đã đưa ra quan điểm gì? Chúng ta cùng tiếp tục tìm hiểu. NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Ở đoạn văn tiếp theo, tác giả đã nêu ra	

quan điểm nào? Câu văn nào thể hiện điều đó? + Tác giả đã đưa ra những dẫn chứng nào để chứng minh sự khác biệt? + Em có nhận xét gì về cách sử dụng dẫn chứng trong bài văn nghị luận? + Sự khác biệt của mỗi cá nhân có giá trị như thế nào trong cuộc sống? + Bức tranh những điều bí ẩn của chân trời của Rơ-nê Ma-grit được dùng để minh họa cho văn bản. Theo em điều đó có hợp lý không? Vì sao? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Dự kiến sản phẩm: - Câu văn nêu quan điểm của tác giả: Chính chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người - Dẫn chứng: Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao. + Ngoại hình: cao - thấp, gầy - béo, trắng - đen + Giọng nói: ... + Sở thích: ... + Tính cách, thói quen: ... - Giá trị sự khác biệt: Là cơ sở hình thành nhân cách, lối sống, phát triển toàn diện của	b. Sự khác biệt trong mỗi cá nhân - Các dẫn chứng: Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao (SGK). - Nghệ thuật: Dẫn chứng cụ thể, xác thực, tiêu biểu, phù hợp. => Sự khác biệt là một phần đáng quý trong mỗi con người.

con người, là động lực giúp con không ngừng hoàn thiện bản thân và nỗ lực vươn tới sự tốt đẹp để bước vào tương lai. - Theo em điều đó hợp lý: Trong bức tranh mỗi người nhìn về một hướng khác nhau nhưng đều có suy nghĩ về ánh trăng. Cũng giống như trong cuộc sống mỗi con người có một ý kiến, quan điểm cá nhân riêng nhưng đều đóng góp, chung sức cho tập thể, cho cộng đồng. Ý nghĩa của bức tranh trùng khớp với ý nghĩa của nội dung của văn bản. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. GV bổ sung: Như vậy, mỗi cá nhân là một màu sắc riêng biệt, mỗi người có những điểm mạnh và điểm yếu khác nhau. Mọi người sẽ bù trừ cho nhau những ưu khuyết đó. Chính sự đa dạng ấy tạo nên một xã hội đa dạng, phong phú, làm nên những điều kì diệu cho thế giới này. NV5:	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thảo luận: + “<i>Biết hòa đồng gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lại cái riêng và tôn trọng sự khác biệt</i>” – em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao? + Dựa vào đoạn cuối của văn bản “<i>Xem người ta kia!</i>” Hãy cho biết tác giả đã gửi tới người đọc thông điệp gì? - GV hướng dẫn HS đưa ra quan điểm cần dựa trên cơ sở lập luận, có lý lẽ, bằng chứng, không nói cảm tính, hời hợt. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Dự kiến sản phẩm: - Đồng ý. - Hòa đồng gần gũi với mọi người thể hiện cách sống chan hòa, vui vẻ, có thiện chí, xây dựng mối quan hệ với bạn bè thể hiện sự tự tin trong giao tiếp, ứng xử của mỗi người. - Con người không ngừng tự hoàn thiện bản thân để vươn tới sự toàn vẹn. - Biết hòa đồng gần gũi mọi người, và cũng phải biết giữ lại cái riêng và tôn trọng sự khác biệt có nghĩa là trong quá trình học tập và tiếp thu tự hoàn thiện bản thân đã có sự chọn lọc biết giữ được cái riêng cái tôi được	3. Ý nghĩa văn bản - Hoà đồng, gần gũi mọi người nhưng cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình.

mọi người thừa nhận và học hỏi những điều mới phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội đó chính là nét đẹp riêng và làm nên giá trị bản thân cho mỗi con người. Sự độc đáo của mỗi cá nhân làm cho tập thể trở nên phong phú. Cũng chính nhờ việc giữ những cái riêng sẽ càng làm cho con người hòa đồng, gần gũi với nhau hơn. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. - GV chuẩn kiến thức. NV6: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ + <i>Qua văn bản em rút ra được bài học gì?</i> + <i>Nêu những đặc sắc nghệ thuật của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	

- HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa - Văn bản đề cập đến đến vấn đề tôn trọng sự khác biệt ở mỗi người nhưng cần hoà đồng, gần gũi với mọi người. 2. Nghệ thuật - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

- Những yếu tố quan trọng của bài văn nghị luận: Luận điểm (vấn đề nl), luận cứ, lí lẽ, dẫn chứng, người viết sử dụng các thao tác lập luận: chứng minh, giải thích.

- Để văn bản thực sự có sức thuyết phục, người viết (người nói) cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng. Lí lẽ ở đây là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình. Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Từ việc đọc hiểu văn bản, em hãy rút ra những yếu tố quan trọng của bài văn nghị luận.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

Xã hội là mối quan hệ tổng hòa của mỗi cá nhân. Để tạo nên một xã hội phong phú đa dạng sắc màu thì mỗi cá nhân lại là một sắc màu riêng góp vào trong đó. Cái riêng của từng cá nhân đã tạo nên sự khác biệt không ai giống ai, đó là phần đáng quý trong mỗi con người. Người ta thường nói gia đình là tế bào của xã hội có lẽ vì vậy mà mỗi gia đình đã tạo nên cái riêng không thể lẫn vào đâu được. Sự khác biệt đó được thể hiện qua lối sống nền nếp sinh hoạt, phong tục tập quán,... Điều đó được hình thành từ cái riêng của mỗi người.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Em hãy viết đoạn văn (5-7 câu) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề:

Ai cũng có cái riêng của mình.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp. - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung. - Hấp dẫn, sinh động. - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập. - Hệ thống câu hỏi và bài tập. - Trao đổi, thảo luận.	

TIẾT 4: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- HS củng cố kiến thức về trạng ngữ, nắm vững đặc điểm về hình thức và chức năng của trạng ngữ, nhận ra những câu có trạng ngữ và giá trị biểu đạt của chúng, biết cách thêm phần trạng ngữ vào câu theo yêu cầu.
- HS nhận diện được thành ngữ trong văn bản đọc, biết dựa vào câu để hiểu nghĩa của thành ngữ được sử dụng.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong văn bản và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

A, Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Ở Tiểu học, các em đã được học về trạng ngữ. Các em hãy nhắc lại những hiểu biết của mình về trạng ngữ? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV dẫn dắt: Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu, giúp bổ sung đầy đủ ý nghĩa cho câu và văn bản. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu thêm về các chức năng của trạng ngữ trong câu.	- HS huy động kiến thức đã có và nêu hiểu biết của mình về trạng ngữ (khái niệm, chức năng)

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Hiểu được khái niệm, các chức năng của trạng ngữ.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lại kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi và đặt câu trong các trường hợp:	I. Trạng ngữ 1. Xét ví dụ 2. Nhận xét - Trạng ngữ là thành phần phụ

+ Quan sát bên ngoài sân trường và đặt một câu đơn có 2 thành phần là chủ ngữ và vị ngữ. + Quan sát trong lớp học và đặt 2 câu đơn có 2 thành phần là chủ ngữ và vị ngữ. - Sau khi đặt câu xong, GV yêu cầu HS thêm các từ chỉ thời gian/ địa điểm vào phía trước câu vừa đặt. Ví dụ: + Chim hót líu lo => Trên cành cây, chim hót líu lo. + Học sinh đang viết bài => Vào tiết Ngữ Văn, học sinh đang viết bài. - GV giảng tiếp: Thành phần mà các em vừa thêm vào đó chính là trạng ngữ. Vậy trạng ngữ là gì, thêm trạng ngữ trong câu để làm gì, chúng ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Dự kiến sản phẩm: HS rút ra khái niệm trạng ngữ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>	của câu, xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, ... của sự việc được nêu trong câu. - Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: Khi nào? Ở đâu? Vì sao? Để làm gì?

Ghi lên bảng. - GV củng cố kiến thức: Các em có thể suy đoán nghĩa dựa vào những từ xung quanh. Trong ví dụ trên, nghĩa của từ “tứ cố vô thân” có thể dựa vào nội dung của từ xung quanh “vì mồ côi cha mẹ” để suy đoán nghĩa.	
NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời: + <i>Quan sát ví dụ trong SGK về trạng ngữ trong câu?</i> + <i>Qua các ví dụ trên, em hãy nhận xét về vị trí của trạng ngữ trong câu và nội dung mà trạng ngữ nêu trong các câu.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Dự kiến sản phẩm: + Vị trí: Trạng ngữ thường đặt ở đầu câu, ngăn cách với thành phần nòng cốt bằng dấu phẩy. + Chức năng: Nói về địa điểm, thời gian, nguyên nhân... Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	- Về vị trí của trạng ngữ trong câu: Đầu câu, giữa hoặc cuối câu. - Về chức năng: là thành phần phụ của câu, nói về địa điểm thời gian, nguyên nhân, trạng thái, mục đích, cách thức diễn ra sự việc.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng: GV bổ sung thêm: Ngoài các chức năng trên, trạng ngữ còn có chức năng liên kết câu. Ví dụ trong câu: Cả tuần vừa rồi trời mưa to. Vì thế, nước sông dâng cao, ngập cả cây cầu. → Trong câu văn trên, “Vì thế” là trạng ngữ chỉ nguyên nhân đồng thời có chức năng liên kết với câu trước đó.	
NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời: <i>Quan sát các câu sau và chỉ rõ vị trí, chức năng của thành phần trạng ngữ trong các câu sau:</i> - Phía chân trời, từng đám mây trôi lững lờ. - Sáng nay, chúng em tham gia thi văn nghệ. - Vì rét, những cây bàng rụng hết lá. - Để đạt học sinh giỏi, Nam đã cố gắng chăm chỉ học tập tốt. - Bằng một giọng chân tình, thầy giáo khuyên chúng em cố gắng học tập. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ.	

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	
NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời: <i>Nhắc lại các cách để xác định nghĩa của từ?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Dự kiến sản phẩm: Tra từ điển, suy đoán nghĩa của từ nhờ nghĩa của những yếu tố tạo nên nó. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. - GV hướng dẫn HS: chỉ ra trạng ngữ trong câu và chỉ ra chức năng của nó. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. NV2: Bài tập 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: làm bài tập 2, xác định nghĩa của trạng ngữ thêm vào. So sánh câu bỏ thành phần TN và câu giữ nguyên TN.	Bài tập 1/ trang 56 a. TN: từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ → TN chỉ thời gian b. TN: giờ đây → TN chỉ thời gian c. TN: dù có ý định tốt đẹp → TN chỉ điều kiện Bài 2/ trang 57 a. Nếu bỏ trạng ngữ “cùng với câu này”: câu văn chỉ nêu thông tin về sự việc chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể.

nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
- => Ghi lên bảng.

NV4: Bài tập 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.
- GV hướng dẫn HS: cần dựa vào nội dung của câu để đoán nghĩa thành ngữ.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.
- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
- => Ghi lên bảng.

NV5: Bài tập 5

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 5.
- GV hướng dẫn HS: cần dựa vào nội dung của câu để đoán nghĩa thành ngữ.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

Bài 4/ trang 57

- a. Chung sức chung lòng: đoàn kết, nhất trí
- b. Mười phen mười: toàn vẹn, không có khiếm khuyết.

Bài 5/ trang 57

- a. Thua em kém chị: nghĩa là thua kém mọi người nói chung.
- b. Mỗi người một vẻ:mỗi nười có những điểm riêng, khác biệt, không ai giống ai.

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	c. Nghịch như quỷ: vô cùng nghịch ngợm, quá mức bình thường.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

Xuân! Xuân đến thật rồi. Trong vườn cây cối đã cởi bỏ đi cái áo khoác mà đã mang suốt mùa đông lạnh lẽo để thay vào đó là bộ quần áo mới mang màu xanh, màu êm dịu. Trên các nẻo đường, hoa khoe sắc, lộng lẫy. Xuân nhẹ nhàng gói mưa vào trong nắng, chập chờn những cơn mưa vội vã ban chiều, không mỏng manh. Xuân ôm từng hạt nắng trong từng bông cúc vàng, nhuộm sắc những cơn mưa phùn vô tình đã làm mùa xuân rét ngọt, một cái rét tượng trưng. Những luồng gió nồm nam cứ thổi, thổi mãi thành cái đẹp của mùa xuân. Mùa về thật là đẹp.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) tả cảnh thiên nhiên mùa xuân, trong đoạn văn có sử dụng trạng ngữ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp.	- Phù hợp với mục	- Báo cáo thực hiện	

- Tổ chức trò chơi.	tiêu, nội dung. - Hấp dẫn, sinh động. - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học.	công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập. - Trao đổi, thảo luận.	

TIẾT 5 – 6: VĂN BẢN 2. HAI LOẠI KHÁC BIỆT (Giọng-mi Mun)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- HS nhận biết được các đặc điểm cơ bản về nội dung và hình thức của văn bản nghị luận.
- Bên cạnh đó, HS nhận ra trong văn bản có những đoạn kể chuyện, nhưng mục đích vẫn là bàn luận, đánh giá về hai loại khác biệt mà lớp trẻ thường thể hiện. Cách trình bày như thế làm cho bài nghị luận trở nên nhẹ nhàng, hấp dẫn, dễ tiếp nhận. Hai thao tác cơ bản trong viết văn nghị luận là nêu lí lẽ và đưa ra bằng chứng đã được tác giả sử dụng có hiệu quả.
- HS có thể chỉ ra được cách thức trình bày ý kiến, từ đó vận dụng vào việc viết văn bản nghị luận đúng yêu cầu.
- HS trình bày được nội dung của đoạn trích; cảm nhận được ý nghĩa của sự khác biệt; nhưng phải là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi con người.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hai loại khác biệt*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hai loại khác biệt*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Tôn trọng sự khác biệt của mọi người xung quanh; cần tạo nên sự khác biệt, nhưng phải là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của cá nhân mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

1. Em có muốn thể hiện sự khác biệt so với các bạn trong lớp hay không? Vì sao?
2. Em suy nghĩ như thế nào về một bạn không hề cố tỏ ra khác biệt, nhưng vẫn có những ưu điểm vượt trội?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc và hiểu nghĩa những từ khó.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc. GV gọi ba HS đọc nối tiếp văn bản. - GV lưu ý HS trong khi đọc: + Căn cứ vào phương thức biểu đạt của từng đoạn (bàn luận, kể chuyện) để điều	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Giong-mi Mun (1964) - Quốc tịch: Hàn Quốc. - Là Tiến sĩ Trường Đại học Kinh doanh Ha-vớt (Harvard). 2. Tác phẩm - Xuất xứ: <i>Khác biệt - thoát khỏi bầy đàn cạnh tranh</i>, theo Dương Ngọc Lâm dịch.

chỉnh giọng đọc cho phù hợp. + Nhìn cột bên phải của văn bản, theo dõi để nhận biết một số ý được bàn luận, đặc biệt là các thao tác nghị luận được sử dụng. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, đặc biệt phân biệt nghĩa của: <i>quái đản</i>, <i>quái dị</i>. - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung, nghệ thuật của văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1:	3. Đọc - kể tóm tắt

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu nhắc lại khái niệm văn bản nghị luận đã học. - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + Tác giả đã kể lại chuyện gì? + Câu chuyện có trọn vẹn, hấp dẫn không? + Em có thể tự rút ra ý nghĩa của câu chuyện không? + Xác định thể loại của truyện? + Truyện có những nhân vật chính nào? - Kể theo ngôi thứ mấy? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Dự kiến sản phẩm: Theo em việc rút ra bài học quan trọng hơn. Vì tác giả đã dành cả một đoạn cuối để nói về những ý nghĩa được rút ra từ câu chuyện. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện	- Thể loại: Nghị luận; - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”.

nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + <i>Câu chuyện nhân vật “tôi” kể diễn ra vào thời gian nào? Việc nhân vật tôi kể có tác dụng gì?</i> + <i>Thầy giáo đã ra bài tập gì nhân vật “tôi” và các bạn trong lớp bài tập gì?</i> + <i>Theo lời giáo viên thì mục đích và quy định của bài tập này là gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. Củng cố dặn dò: - <i>Bước đầu nhận diện được đặc điểm của kiểu bài nghị luận.</i>	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Hoàn cảnh - Kể qua lời nhân vật "tôi" khi ở độ tuổi Trung học. → Tăng tính chân thực, sức thuyết phục. - Thầy giáo ra một bài tập: <i>Trong suốt 24 tiếng đồng hồ, chúng tôi phải trở nên khác biệt.</i> - Mục đích của bài tập: Giúp học sinh bộc lộ phiên bản chân thật hơn về bản thân trước những người xung quanh. - Quy định: Không được làm điều gì gây hại, làm phiền người khác hoặc vi phạm nội quy nhà trường.

- HS hiểu được hoàn cảnh của câu chuyện.

- Chuẩn bị tìm hiểu câu hỏi 2,4,5,6 SGK.

NV3:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm bàn hoàn thành bảng so sánh, dựa trên các câu hỏi:

+ Trong đoạn trích, người viết chủ yếu nói về cách thể hiện sự khác biệt của đối tượng nào? Đối tượng đó đã thể hiện sự khác biệt ra sao? Điều ấy trái ngược với sự lựa chọn của ai?

+ **Việc thể hiện khác nhau của số đông các bạn trong lớp và của J được biểu hiện cụ thể như thế nào?**

+ Nhân vật “tôi” đã rút ra được kết luận gì từ hành vi của số đông các bạn trong lớp (trong đó có bản thân mình) và hành vi của J? Dựa vào đâu em biết được điều đó?

+ Số đông các bạn trong lớp đều chọn “sự khác biệt vô nghĩa”, trong khi chỉ một bạn duy nhất chọn “sự khác biệt có ý nghĩa. Hiện tượng đó gợi cho em suy nghĩ gì?

+ Nhân vật “tôi” tỏ thái độ như thế nào đối với từng sự khác biệt được nói đến

2. Sự khác nhau của hai loại khác biệt

	Khác biệt vô nghĩa	Khác biệt có nghĩa
Biểu hiện	- "Tôi": Đến trường với bộ trang phục kì dị, đồ pi-giama kết hợp với áo thun dài tay. - Các cách thể hiện khác: + Để kiểu tóc kì quặc. + Làm trò quái đản với trang sức và hộp phấn trang điểm. + Tham gia	J - khác biệt. - Đứng lên trả lời câu hỏi. - Phát biểu một cách từ tốn, đồng dạng, lễ độ. - Nói với giáo viên là "Thưa thầy/cô", gọi bạn là "anh chị". - Cuối tiết học, tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo

trong đoạn trích? + Theo em, muốn tạo ra sự khác biệt có nghĩa, con người cần có những năng lực và phẩm chất gì? + Trong văn bản này, tác giả đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận hay nêu điều cần bàn trước, sau đó mới đưa ra bằng chứng từ thực tế để chứng minh? Hãy nhận xét về sự lựa chọn cách triển khai này. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Dự kiến sản phẩm: + Trong đoạn trích, người viết chủ yếu nói về cách thể hiện sự khác biệt của “tôi” (chính người viết) và số đông các bạn trong lớp. Họ mặc bộ đồ quái dị đến trường, và không quan tâm tìm hiểu những điều thật sự có ý nghĩa. Cách thể hiện này trái ngược hoàn toàn với sự lựa chọn của J. + Từ hành vi của số đông các bạn trong lớp (trong đó có bản thân mình) và hành vi của J, nhân vật “tôi” đã rút ra được kết luận: sự khác biệt chia làm hai loại: một loại khác biệt vô nghĩa và một loại	những hoạt động ngu ngốc, gây chú ý. → Nhiều bạn làm tương tự: Không còn khác biệt.	như một lời cảm ơn thầm lặng.
	Kết quả - Trở nên lố bịch, kì lạ nhưng lại không khác biệt. - Nhận ra mình chọn cách đơn giản nhất vì không quan tâm tìm kiếm một thứ ý nghĩa hơn, mình là khác biệt vô nghĩa.	- Ban đầu: Các bạn cười khúc khích vì cho là kì quặc. - Về sau: Nể phục và được mọi người đặc biệt chú ý.
=> Khẳng định vấn đề qua một câu chuyện gần gũi. => Bài học: Muốn tạo ra sự khác biệt có nghĩa, con người cần có tư duy nhạy bén, sự quan sát lâu dài, hiểu biết sâu		

khác biệt có ý nghĩa. Kết luận này nằm ở hai câu đầu của đoạn trích. + Số đông học sinh trong lớp đều chọn “sự khác biệt vô nghĩa”, trong khi chỉ một bạn duy nhất chọn “sự khác biệt có ý nghĩa”. Từ sự trái ngược đó, có thể thấy: khác biệt vô nghĩa là sự khác biệt dễ dãi, hời hợt bề ngoài, ai cũng có thể thể hiện; trong khi khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt trong suy nghĩ, trong thái độ và cách ứng xử. Đó không phải là điều dễ dàng, vì thế, hiếm người làm được. + Gọi sự khác biệt mà mình và số đông các bạn trong lớp thể hiện là “sự khác biệt vô nghĩa”, người viết (nhân vật “tôi”) đã tỏ thái độ coi thường. Trái với điều đó, gọi sự khác biệt của J là “sự khác biệt có ý nghĩa, người viết bộc lộ thái độ nể phục. Ở câu cuối của đoạn trích, thái độ ấy đã được thể hiện rất rõ. + Muốn tạo ra sự khác biệt có nghĩa, con người cần có tư duy nhạy bén, sự quan sát lâu dài, hiểu biết sâu rộng, hứng thú khám phá kiến thức,... + Ở văn bản này, tác giả đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận. Nhờ cách triển khai này, văn bản không mang tính chất	rộng, hứng thú khám phá kiến thức,...

bình giá nặng nề. Câu chuyện làm cho vấn đề bàn luận trở nên gần gũi, nhẹ nhàng. Chẳng hạn, ngay ở đoạn mở đầu, tác giả kể một hồi ức thuở học trò: GV đã giao một bài tập để HS tự do thể hiện sự khác biệt. Đoạn tiếp, câu chuyện xoay quanh sự lựa chọn của số đông HS trong lớp và của riêng J. Lời bàn luận chỉ xuất hiện sau những đoạn kể như vậy.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.
- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

GV chuẩn kiến thức:

+ Khác biệt vô nghĩa là sự khác biệt bề ngoài, có tính chất dễ dãi, không cần huy động khả năng gì đặc biệt. Đó có thể là cách ăn mặc, kiểu tóc, những động tác lạ mắt, sự sôi động ồn ào gây chú ý,... Vì dễ, cho nên hầu như ai muốn cũng có thể bắt chước. Ngược lại, muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa, con người

3. Ý nghĩa văn bản

- Hiện nay, học sinh cũng rất thích thể hiện cá tính, những nét khác biệt của mình. Chạy theo những sự khác biệt dễ dãi bề ngoài như trang phục, kiểu tóc, lời nói,... là chuyện phổ biến. Trong tình hình đó, vấn đề được bàn trong đoạn

cần có trí tuệ, biết nhận thức về các giá trị, phải có các năng lực cần thiết, có bản lĩnh, sự tự tin,... Những năng lực và phẩm chất quý giá ấy không phải ai cũng có được. NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 2 nhóm: Đồng ý/ Phản đối. Các nhóm bốc thăm quan điểm và thảo luận trên giấy A0 đưa ra dẫn chứng cho quan điểm của mình: + <i>Vấn đề được bàn trong đoạn trích có ý nghĩa đối với em và các bạn của em hiện nay không? Vì sao?</i> + <i>Có ý kiến cho rằng: Bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có giá trị đối với mọi lứa tuổi. Em có đồng tình ý kiến này không? Vì sao?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	trích thật sự có ý nghĩa. Nó cảnh báo một xu hướng sai lệch, đồng thời gợi ý về cách lựa chọn đúng đắn, cần thiết. - Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản có giá trị với mọi lứa tuổi. Vì bất kì lứa tuổi nào cũng cần trở nên khác biệt có nghĩa.

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. - GV chuẩn kiến thức: + Bài viết đúc kết những suy nghĩ của tác giả về một kỉ niệm tuổi học trò. Chỉ những người non trẻ mới tìm cách thể hiện sự khác biệt bằng những trò lố, những hành vi kì quặc, quái đản như thế. Bài học được rút ra từ đó có ý nghĩa thiết thực trước hết với các bạn HS. + Tuy nhiên, cần lưu ý: tác giả là một người tham gia giảng dạy ở Trường Đại học Kinh doanh Ha-vớt, một trường đại học danh tiếng hàng đầu của Hoa Kỳ. Bài này được trích từ cuốn sách <i>Khác biệt - thoát khỏi bẫy đàn cạnh tranh</i> của tác giả. Như vậy, theo tác giả, không riêng gì các bạn trẻ, mà cả những người trưởng thành nhiều khi cũng chưa nhận thức đầy đủ về sự khác biệt vô nghĩa và sự khác biệt có ý nghĩa, trong khi sự khác biệt là phương châm sống, là đòi hỏi bức thiết của mọi người. Vì vậy, bài học được rút ra từ những suy ngẫm của tác giả có giá trị đối với bất cứ ai. NV5: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.</i>	III. Tổng kết 1. Nội dung – ý nghĩa - Truyện kể về một kỉ niệm thời trung học của nhân vật tôi khi phải hoàn thành bài tập của giáo viên. Qua đó, “tôi” đưa ra những bàn luận về hai loại khác biệt: sự "khác biệt vô nghĩa" (qua cách thể hiện của số đông các bạn trong lớp) và sự "khác biệt có ý nghĩa" (qua cách thể hiện của J). - Bài học về sự khác biệt, nhưng phải là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi con người. Người ta chỉ thực sự chú ý và nể phục những khác biệt có ý nghĩa. 2. Nghệ thuật - Trong văn bản có những đoạn kể chuyện, nhưng mục đích vẫn là bàn luận, đánh giá về hai loại khác biệt mà lớp trẻ thường thể hiện. Cách trình bày như thế làm cho bài nghị luận trở nên

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	nhẹ nhàng, hấp dẫn, dễ tiếp nhận. - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng, dẫn chứng xác thực.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Bài tập mà thầy giáo đưa ra cho cả lớp là gì?

A. Trong 24h trở nên hòa đồng với mọi người.

B. Trong 24h trở nên khác biệt với mọi người.

C. Trong 12h trở nên hòa đồng với mọi người.

D. Trong 12h trở nên khác biệt với mọi người.

Câu 2: Nhân vật tôi đã trở nên khác biệt bằng cách nào?

A. Trang điểm kì quặc.

B. Làm những hành động gây chú ý.

C. Để kiểu tóc khác lạ.

D. Trang phục khác lạ.

Câu 3: Việc J trở nên khác biệt khiến các bạn trong lớp cảm thấy như thế nào?

- A. Nể phục.**
- B. Không thể hòa nhập.
- C. Ghen tị.
- D. Không đáng quan tâm.

Câu 4: Hai loại khác biệt được nhắc ở nhan đề là gì?

- A. Khác biệt vô nghĩa và khác biệt có nghĩa.**
- B. Khác biệt vô danh và khác biệt có danh.
- C. Khác biệt nam và khác biệt nữ.
- D. Khác biệt mạnh mẽ và khác biệt nhẹ nhàng.

Câu 5: Người viết gọi sự khác biệt đó bản thân mình và do số đông học sinh trong lớp tạo ra là “sự khác biệt vô nghĩa” là vì:

- A. Đó là sự khác biệt không có giá trị.**
- B. Đó là sự khác biệt thường tình.
- C. Đó là sự khác biệt có tính hài hước.
- D. Đó là sự khác biệt không nghiêm túc.

Câu 6: Lí do người viết gọi sự khác biệt do J tạo ra là “sự khác biệt có ý nghĩa”:

- A. Vì sự khác biệt ấy khiến người khác ngạc nhiên
- B. Vì sự khác biệt ấy được tạo nên bởi một cá nhân
- C. Vì sự khác biệt ấy cho thấy nhận thức và bản lĩnh của một cá nhân**
- D. Vì sự khác biệt ấy khiến người khác không thể làm theo

Câu 7: Thái độ của người viết đối với “sự khác biệt có ý nghĩa” qua cách thể hiện của J:

- A. Không quan tâm vì không phải là điều mình thích
- B. Kinh ngạc vì thấy J không giống ai
- C. Ngạc nhiên và nể phục**
- D. Xem thường, vì J chẳng có biểu hiện gì nổi bật

Câu 8: Câu “Trong 24 tiếng đồng hồ đó, cái nhìn của tôi về J đã hoàn toàn thay đổi; tất cả chúng tôi đều nhận thấy điều đó.” Có trạng ngữ chỉ:

- A. Địa điểm

B. Điều kiện

C. Nguyên nhân

D. Thời gian

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa. Tôi không muốn người khác nhìn vào mình và chỉ thấy mình lập dị, khác loài, vô ích,... mà muốn được công nhận như một người đem lại những giá trị trong cuộc sống. Để khác biệt rất đơn giản nhưng để khác biệt có nghĩa lại vô cùng khó khăn. Để làm được điều này, trước hết con người không được thỏa mãn bởi những thứ quá đơn giản và tầm thường. Chúng ta cần tìm kiếm những điều có nghĩa lý hơn với bản thân cũng như xã hội. Ví dụ như nếu bạn học giỏi một cách xuất chúng, bạn sẽ thành ngôi sao. Nhưng nếu bạn chọn cách khác biệt bằng lối sống sa đọa, không lành mạnh, sự chú ý bạn nhận được không phải ngưỡng mộ mà là tức giận hay thương hại. Mỗi người đều có quyền lựa chọn người mà mình muốn trở thành. Với tôi, tôi muốn trở thành người khác biệt có ý nghĩa.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Từ một câu cho trước (*Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa...*), em hãy viết tiếp 5-7 câu để hoàn thành một đoạn văn.

- GV gợi ý thêm bằng các câu hỏi nhỏ: Vì sao chúng ta không muốn khác biệt vô nghĩa? Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thì phải làm thế nào?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp.	- Phù hợp với mục tiêu, nội	- Báo cáo thực hiện	

- Thuyết trình sản phẩm.	dung. - Hấp dẫn, sinh động. - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	công việc. - Phiếu học tập. - Hệ thống câu hỏi và bài tập. - Trao đổi, thảo luận.	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

Phiếu học tập “Sự khác nhau của hai loại khác biệt”

	Khác biệt vô nghĩa	Khác biệt có nghĩa
Biểu hiện		
Kết quả		

TIẾT 7: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- Nhận biết tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong câu để sản phẩm ngôn ngữ đạt hiệu quả biểu đạt cao nhất, phù hợp với mục đích giao tiếp.
- Nắm được thao tác lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu văn bản với mục đích viết/ nói cụ thể.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết, phân tích vai trò của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong câu.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành viết các đoạn văn, văn bản và cuộc sống hàng ngày.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Phiếu tìm ý.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Cô có các câu thơ sau:

“Bống lòe chớp đỏ

Thôi rồi, Lượm ơi!”

“Bác đã **đi rồi** sao, Bác ơi?

Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời”

? Cùng nói về cái chết nhưng mỗi câu lại lựa chọn từ ngữ khác nhau mà không thể thay thế được bởi từ ngữ khác cùng nghĩa. Vậy làm thế để có thể lựa chọn từ ngữ cũng như câu văn phù hợp để diễn đạt ý nghĩa đầy đủ của người nói? Hôm nay cô và các em sẽ cùng tìm hiểu qua bài Thực hành Tiếng Việt này.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giới thiệu: Bài học gồm hai nội dung: Lựa chọn từ ngữ trong văn bản và lựa chọn cấu trúc trong văn bản cùng một số bài luyện tập, thực hành để củng cố kiến thức. - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	- Huy động lại những kiến thức HS đã được học ở bậc Tiểu học.

- HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Thấy được vai trò của việc lựa chọn từ ngữ trong văn bản và lựa chọn cấu trúc trong văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: GV tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Tìm hiểu nội dung lựa chọn từ ngữ trong tạo lập văn bản. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nhận định: Ở lớp 4, các em đã được học về tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong biểu đạt nghĩa... - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: Cho câu sau: <i>Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng.</i> Thảo luận: + Tìm những từ đồng nghĩa với từ “<i>Noi gương</i>”? + Có thể thay thế từ “<i>noi gương</i>” bằng	I. Lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong tạo lập văn bản 1. Lựa chọn từ ngữ a. Ví dụ b. Nhận xét - Trong nói và viết, lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu là thao tác diễn ra thường xuyên. - Trong nhiều từ có thể được sử dụng, chỉ có một từ được xem là phù hợp nhất.

những từ đồng nghĩa vừa tìm được không? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: - Trong nói và viết, lựa chọn từ ngữ là thao tác diễn ra thường xuyên. Ở bất cứ vị trí nào trong câu, trong nhiều từ có thể được sử dụng, chỉ có một từ được xem là phù hợp nhất. Muốn vậy, người viết nói phải biết lựa chọn từ ngữ * Bài tập nhanh: - <i>Mỗi khi được nghe tiếng cười tươi trẻ, hồn nhiên của bạn bè trong lớp hay của ai đó bên ngoài, tôi đều cảm thấy ấm lòng, theo em, có thể dùng từ tự nhiên để thay cho hồn nhiên được không? Vì sao?</i>	2. Lựa chọn cấu trúc câu a. Ví dụ

NV2: Tìm hiểu lựa chọn cấu trúc câu trong tạo lập văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Cùng với việc lựa chọn từ ngữ trong câu thì việc lựa chọn cấu trúc câu cũng đóng vai trò không kém, nội dung này, các em cũng đã được học từ tiểu học. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc câu: <i>Càng lớn, tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn.</i> + <i>Nêu tác dụng của kiểu câu: “càng... càng”</i> + <i>Có thể thay thế cách diễn đạt bằng câu khác nhưng vẫn giữ nguyên ý nghĩa của câu không?</i> Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời, HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung và mở rộng: Trong viết/ nói, việc lựa chọn cấu trúc câu phải là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng. Ý thức được điều này, khi viết/ nói, HS không chỉ phải biết tạo câu đúng ngữ pháp, mà còn phải chú ý tới	b. Nhận xét - Trong viết và nói, việc lựa chọn cấu trúc câu phải là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng. - Cách tiến hành: + Tạo câu đúng ngữ pháp + Chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/ nói, đặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp.

ngữ cảnh, mục đích viết/ nói, đặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp. * Bài tập nhanh: - Chỉ ra ý nghĩa của cụm từ in đậm trong câu sau và cho biết, nếu bỏ thành phần đó, câu thay đổi như thế nào về cấu trúc. <i>Nhiều buổi trưa, khi mọi người nghỉ cả, chú Nam lúi húi đẽo, gọt.</i>	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bài 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 (b,c) và làm vào vở - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	II. Luyện tập Bài 1 b. Từ nghĩa là “chết” như: mất, từ trần, hi sinh. - Nhắc đến cái chết của mẹ, người con dùng từ <i>khuất</i> thể hiện cách nói giảm, nhằm giấu bớt nỗi đau mất mát. c. Trong tiếng Việt, xúc động, cảm động, xúc cảm là những từ gần nghĩa chứ không hoàn toàn đồng nghĩa với nhau. + Xúc động biểu hiện cảm xúc mạnh hơn so với cảm động hay xúc

+ Nhóm 2: Câu b + Nhóm 3: Nhận xét. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS nhóm 1 và 2 trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi nhóm 3 nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	trong quan hệ tăng tiến. Đã là quan hệ tăng tiến thì về sau phải diễn đạt tính chất ở mức cao hơn về trước. Câu thay đổi cấu trúc đã đảo ngược tương quan này, và đó là điều không ổn.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Đặt 3 câu sau đó thay đổi cấu trúc câu và nêu lên sự khác biệt của câu so khi thay đổi đó. Qua đó rút ra kết luận câu nào là phù hợp nhất.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Gắn với thực tế. - Tạo cơ hội thực hành cho người học.	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. - Hấp dẫn, sinh động. - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Phù hợp với mục	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập. - Hệ thống câu hỏi và bài tập. - Trao đổi, thảo luận.	

	tiêu, nội dung.		

TIẾT 8 – 9: VĂN BẢN 3. BÀI TẬP LÀM VĂN
**(Trích *Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể*,
Rơ-nê Gô-xi-nhi, Giăng-giắc Xăng-pê)**

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- Trình bày được sự khác nhau căn bản giữa văn bản nghị luận và văn bản văn học, ngay cả khi chúng cùng đề cập đến một vấn đề nào đó trong cuộc sống.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết, phân biệt được sự khác nhau căn bản giữa văn bản nghị luận với văn bản văn học.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: trung thực, thật thà, lương thiện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kỉ niệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: + <i>Từ khi vào lớp 1 cho đến nay, hẳn đã có lúc em muốn nhờ người khác làm hộ bài, nhất là những bài khó hoặc khi cần nộp bài gấp. Em có thấy đó là điều bình thường không?</i> + <i>Nếu gặp một đề văn yêu cầu tả/ kể về một người bạn thân nhất của em, em có cho rằng bài do người khác viết hộ sẽ nói đúng về người bạn hơn bài do em tự viết không?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe, suy nghĩ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi HS khác trình bày về kết quả của mình. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài học mới.	

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- Mục tiêu:** Hiểu được những thông tin về tác giả, tác phẩm, thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu cách đọc văn bản: + Đọc to, rõ, rành mạch. + Lời kể chuyện có giọng hài hước, vui nhộn. + Lời đối thoại giữa các nhân vật có nhiều sắc thái, tùy vào trạng thái tâm lí của các nhân vật trong từng tình huống cụ thể. - GV đọc mẫu, HS đọc phân vai. - GV yêu cầu học sinh đọc thông tin về tác giả trong SGK thời gian 1 phút. - Tổ chức trò chơi : “Ai nhanh hơn, ai hiểu hơn” để tìm hiểu về tác giả tác phẩm + <i>Tác giả của văn bản này là ai? Họ là người nước nào?</i> + <i>Văn bản “Bài tập làm văn” trích từ tác phẩm nào?</i> + <i>Nhân vật trong đoạn trích là ai?</i> + <i>Đoạn trích thuộc thể loại gì?</i> + <i>Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy?</i> - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SGK: <i>Gượng, chầu, phật ý...</i> - GV yêu cầu HS:	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả 2. Tác phẩm - Thể loại: Truyện. - Ngôi kể: Thứ ba.

+ <i>Nêu những yếu tố cơ bản của truyện?</i> + <i>Những nhân vật chính của văn bản này là ai? Kể tên các sự việc chính của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản, thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung cách đọc của bạn, câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	- Bố cục: 2 phần + Phần 1: Từ đầu đến “ông ta nói với bố”: Ni-cô-la nhờ bố làm giúp bài tập làm văn. + Phần 2: Đoạn còn lại: Ni-cô-la tự mình làm bài tập làm văn.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát phiếu học tập yêu cầu HS thảo luận trả lời câu hỏi: <i>Do đâu khi</i>	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Ni-cô-la nhờ sự trợ giúp của bố khi làm bài tập làm văn

<i>làm bài tập làm văn, Ni-cô-la phải nhờ đến bố?</i> - GV nêu yêu cầu: + <i>Bố Ni-cô-la được các thầy cô giáo đánh giá như thế nào khi còn đi học?</i> + <i>Bố có đồng ý làm bài tập làm văn giúp Ni-cô-la không?</i> + <i>Bố Ni-cô-la có cho rằng, việc làm bài thay cho con là điều cần thiết không?</i> + <i>Bố có muốn tiếp tục làm bài thay cho con sau lần này nữa không? Câu văn nào cho em biết điều đó?</i> + <i>Giọng điệu của bố ở đây như thế nào?</i> => <i>Vì bất cứ lí do gì đi chăng nữa, việc Ni-cô-la nhờ bố làm bài tập làm văn cho mình là việc làm có đúng hay không?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện	- Thái độ của bố: + Đồng ý, sốt sắng. + Đây là lần cuối cùng. - Giọng kể hài hước, dí dỏm. => Không được nhờ người khác làm bài tập cho mình.

nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. GV bổ sung: Học tập là việc làm hằng ngày, suốt đời của mỗi chúng ta. Chúng ta phải tự học, tự rèn luyện để tích lũy kiến thức cho bản thân mình. Tuyệt đối không được vì bất cứ lí do gì mà nhờ người khác làm thay, làm hộ cho mình. Bởi tự học là con đường ngắn nhất và duy nhất để giúp bản thân hoàn thiện, để biến ước mơ thành hiện thực. Có lẽ vậy mà Lê-nin đã đặt ra một phương châm “Học, học nữa, học mãi”. Củng cố dặn dò: - <i>Bước đầu biết được một số thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.</i> - <i>HS ôn tập kiến thức phần kiến thức: Ni-cô-la nhờ sự trợ giúp của bố khi làm bài tập làm văn.</i> - <i>Chuẩn bị tìm hiểu câu hỏi còn lại trong SGK.</i> NV 2: Như vậy để giúp Ni-cô-la làm bài tập làm văn về nhà, bố đã hướng dẫn Ni-cô-la làm bằng cách nào? Chúng ta cùng đi vào tìm hiểu tiếp. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	- Cách giải bài tập làm văn:

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + Với yêu cầu của đề: “Hãy miêu tả người bạn thân nhất của em” việc đầu tiên cả bố Ni-cô-la và ông Blê-đúc cần phải biết khi muốn làm hộ bài tập làm văn là gì? Vì sao vậy? + Nếu không biết ai là người bạn thân nhất của Ni-cô-la mà bố hay ông Blê-đúc vẫn làm bài, thì bài văn ấy sẽ nói về người nào? Nó có thể đáp ứng yêu cầu đề ra của cô giáo không? + Vì sao sau khi Ni-cô-la đã kể ra nhiều người bạn của mình mà bố của cậu vẫn thấy khó viết? GV gọi mở thêm: + Bố Ni-cô-la có phải là bạn của những người mà cậu bé nêu tên không? + Bố có biết gì về sinh hoạt hằng ngày, tính nết, sở thích, sở trường, hoàn cảnh gia đình và các mối quan hệ của họ không? + Viết về một đối tượng hoàn toàn xa lạ thì có thể viết được không? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động	+ Xác định người bạn thân nhất là ai. + Sắp xếp các ý (ngoại hình, tính cách, sở thích..) theo một bố cục rõ ràng, rành mạch.

và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + <i>Cả bố và ông Blê-đúc có giúp cho Ni-cô-la làm xong bài tập làm văn về nhà không? Vì sao? Có chuyện gì đã xảy ra với họ?</i> + <i>Để hoàn thành bài tập làm văn của mình, Ni-cô-la đã làm bằng cách nào? Kết quả ra sao?</i> + <i>Nhân vật trong câu chuyện rút ra một kinh nghiệm như thế qua những gì đã xảy ra khi nhờ bố làm bài? Em có đồng ý với điều đó không? Vì sao?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận	2. Ni-cô-la tự làm bài tập làm văn của mình - Hoàn thành bài tập làm văn một mình. - Được điểm cao. - Được cô giáo khen. => Phải tự làm bài tập của mình.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. GV bổ sung: Bài học này không chỉ đúng với riêng Ni-cô-la, mà đúng với mọi HS chúng ta. Chỉ có làm bài bằng sự suy nghĩ, bằng cảm xúc, trải nghiệm của bản thân thì mới bộc lộ được năng lực thực sự của mình, thấy được những điểm mạnh cần phát huy và điểm yếu cần khắc phục. Trong học tập, hoạt động nhóm, trao đổi, giúp đỡ nhau là điều cần thiết, tuy nhiên, viết một bài tập làm văn phải là hoạt động của cá nhân, không thể hợp tác như làm những công việc khác. NV 4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + <i>Theo em, ý nghĩa mà văn bản muốn gửi gắm đến chúng ta là gì?</i> + <i>Em cần làm gì để thực hiện tốt bức thông điệp mà Ni-cô-la gửi đến chúng ta?</i> + <i>Để thể hiện nội dung trên, tác giả đã sử dụng những đặc sắc nghệ thuật</i>	III. Tổng kết 1. Nội dung - Giáo dục tinh thần tự học, tự rèn luyện. 2. Nghệ thuật - Lời kể rành mạch,

nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	- Giọng điệu hài hước.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Từ việc đọc hiểu văn bản, em hãy cho biết để làm một bài văn với đề bài “Người bạn thân nhất của em” thì cần phải làm như thế nào?

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Miêu tả người bạn thân nhất của em

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Gắn với thực tế. - Tạo cơ hội thực hành cho người học.	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. - Hấp dẫn, sinh động. - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập. - Trao đổi, thảo luận.	

TIẾT 10-13: VIẾT

VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.
- Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết, phân tích, trình bày ý kiến của bản thân bằng bài nghị luận về một hiện tượng, vấn đề

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức đời sống vào bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Hàng ngày xung quanh chúng ta còn có bao nhiêu điều đáng suy nghĩ về các hiện tượng hay vấn đề đời sống có hiện tượng (vấn đề) nào khiến em quan tâm muốn thể hiện ý kiến không?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

- a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: Các em đã được đọc hai văn bản: “Xem người ta kìa!” và văn bản “Tiếng cười không muốn nghe” thuộc loại văn bản nghị luận..... - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + Em cho biết văn bản “Xem người ta kìa!” được tác giả viết ra nhằm mục đích gì? Em có tán thành với ý kiến được tác giả trình bày trong văn bản không? Vì sao? + Từ việc rút ra đặc điểm của văn bản đọc, các em có thể thực hành viết văn bản nghị luận nêu ý kiến của bản thân trước một hiện tượng (vấn đề) gần gũi trong đời sống.	- Mục đích: GD con và mong con trưởng thành.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)

a. Mục tiêu: Nêu được hiện tượng vấn đề cần bàn luận, thể hiện được ý kiến của người viết, biết dùng lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục người đọc

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: Hãy chọn một truyện và trả lời các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố: + <i>Hiện tượng (vấn đề) gì được nêu để bàn luận trong văn bản?</i> + <i>Người viết bày tỏ thái độ gì trước vấn đề đặt ra?</i> + <i>Người viết đã đưa ra những lí lẽ gì? Những bằng chứng nào được sử dụng?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực	* Yêu cầu: Hiện tượng (vấn đề) được nêu để bàn luận phải rõ ràng. - Bài viết phải thể hiện ý kiến riêng của người viết. - Bài viết phải có các lí lẽ và bằng chứng để ý kiến có sức thuyết phục

hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	người đọc.

Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Nêu được hiện tượng vấn đề cần bàn luận, thể hiện được ý kiến của người viết, biết dùng lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục người đọc

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần ngữ liệu trong SGK - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + <i>Hiện tượng (vấn đề) mà bài văn nêu lên là gì? Nhờ đâu em nhận ra điều đó?</i> + <i>Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng (vấn đề)?</i> + <i>Lí lẽ và bằng chứng được người viết đưa ra để khẳng định điều gì?</i>	- Bài văn nêu vấn đề quy định HS mặc đồng phục khi đến trường. - Người viết đồng tình với quy định mặc đồng phục đối với HS. - Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hoà; đồng

+ Em hãy xác định bố cục của văn bản “Câu chuyện đồng phục” và cho biết nhiệm vụ của mỗi phần? + Từ việc tìm hiểu văn bản trên, em hãy cho biết các bước khi làm bài văn nghị luận. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	phục góp phần tạo nên bản sắc của từng trường; đồng phục xoá cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo; đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người. - Bố cục 3 phần: + Mở bài: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận. + Thân bài: Đưa ra các ý kiến bàn luận (Lí lẽ + dẫn chứng) + Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của bản thân. * Các bước khi làm bài văn nghị luận về một hiện tượng (vấn đề) trong cuộc sống: 1. Trước khi viết - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý 2. Viết bài 3. Chỉnh sửa bài viết

Hoạt động 4: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nêu được hiện tượng vấn đề cần bàn luận, thể hiện được ý kiến của người viết, biết dùng lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục người đọc, bài viết được viết theo các bước của bài văn nghị luận.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM										
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài. - Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài. + <i>Em hãy suy nghĩ xem trong cuộc sống hằng ngày, có hiện tượng (vấn đề) nào khiến em quan tâm và muốn thể hiện ý kiến?</i> - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau: Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn: Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng. Gợi ý: HS trả lời phiếu học tập sau: <table border="1"> <tr> <td>- Vấn đề bàn luận ở đây là gì? Ý kiến của bản thân em về vấn đề này như thế nào?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>- Tôn trọng người khác là gì?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>- Được người khác tôn trọng là gì?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>- Vì sao phải tôn trọng người khác?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>- Tôn trọng người khác được biểu hiện như thế nào?</td><td>.....</td></tr> </table>	- Vấn đề bàn luận ở đây là gì? Ý kiến của bản thân em về vấn đề này như thế nào?		- Tôn trọng người khác là gì?		- Được người khác tôn trọng là gì?		- Vì sao phải tôn trọng người khác?		- Tôn trọng người khác được biểu hiện như thế nào?		* Các bước tiến hành: 1. Trước khi viết - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý 2. Viết bài 3. Chỉnh sửa bài viết
- Vấn đề bàn luận ở đây là gì? Ý kiến của bản thân em về vấn đề này như thế nào?											
- Tôn trọng người khác là gì?											
- Được người khác tôn trọng là gì?											
- Vì sao phải tôn trọng người khác?											
- Tôn trọng người khác được biểu hiện như thế nào?											

- Ngược lại với những người biết tôn trọng người khác là những người có thái độ như thế nào?		
- Bài học rút ra từ vấn đề bàn luận trên là gì? (Bản thân em cần phải làm gì?)		
- HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - GV hướng dẫn HS viết đoạn văn triển khai các ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng yêu cầu của GV. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung phần bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.		

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Hoàn thiện bài viết cho đề bài ở phần thực hành: **Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng.**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

Văn bản nghị luận thường bàn về những hiện tượng (vấn đề) gì của cuộc sống? Hãy nêu hai biểu hiện (vấn đề) đời sống được bàn trong hai văn bản nghị luận mà em biết?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Gắn với thực tế. - Tạo cơ hội thực hành cho người học.	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. - Hấp dẫn, sinh động. - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập. - Hệ thống câu hỏi và bài tập. - Trao đổi, thảo luận.	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

Phiếu tìm ý phần thực hành viết (dự kiến sản phẩm)

- Vấn đề bàn luận	- Tôn trọng người khác
- Tôn trọng người khác là gì?	- Tôn trọng người khác là: sự hành xử đúng mực, coi trọng danh dự, nhân phẩm và quyền lợi của mỗi người. Đồng thời phải biết sống hòa hợp, yêu thương mọi người.
- Vì sao phải tôn trọng người khác?	- Nếu biết tôn trọng người khác thì bản thân cũng nhận lại được sự tôn trọng của họ và luôn được mọi người tin tưởng và yêu quý. - Tôn trọng người khác thể hiện chúng ta là người có văn hóa, có lòng tự trọng và giàu lòng trắc ẩn. - Sống trong một tập thể, nếu biết tôn trọng những người xung quanh sẽ làm cho mối quan hệ xã hội trở nên tốt đẹp hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc và cuộc sống.
- Tôn trọng người khác được biểu hiện như thế nào?	- Trong thái độ, lời nói + Tỏ ra tôn trọng mọi người xung quanh: không phân biệt độ tuổi, trình độ hay giàu nghèo. Mỗi người trong xã hội đều đáng được tôn trọng. + Lời nói luôn giữ đúng chuẩn mực: lễ phép chào hỏi những người lớn tuổi, nói chuyện nhẹ nhàng lịch sử nơi công cộng... - Trong cử chỉ, hành động: + Cư xử đúng phép tắc, theo quy định chung: nhường ghế trên xe buýt cho người già, trẻ em và phụ nữ có thai, vứt rác đúng nơi quy định... + Chân thành tiếp thu ý kiến đóng góp của mọi người, tích cực tham gia các hoạt động chung...
- Ngược lại với những	- Không biết tôn trọng: Bọn bè coi thường nhau;

người biết tôn trọng người khác là những người có thái độ như thế nào?	Con cái đánh đập, chửi bới cha mẹ; Chồng đánh đập vợ...
- Bài học rút ra từ vấn đề bàn luận trên là gì? (Bản thân em phải làm gì?)	- Với gia đình: chào hỏi bố mẹ trước và sau khi đi học, nói chuyện với người lớn trong gia đình thưa hỏi lễ phép không được cãi lại, với các em nhỏ thì đối xử nhẹ nhàng không nên đánh mắng... - Với nhà trường: lễ phép với thầy cô, giúp đỡ bạn bè trong học tập, không coi thường hoàn cảnh gia đình bạn...

TIẾT 14: NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ) ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- HS chọn được một vấn đề gần gũi, có ý nghĩa trong đời sống để trình bày ý kiến của mình.
- HS biết tóm tắt được nội dung của bài nói, tham gia trao đổi về nội dung của bài nói và kĩ năng của người trình bày.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.
- Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS kể ra những vấn đề mà em thấy trong cuộc sống hàng ngày

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong sinh hoạt, học tập hằng ngày, có nhiều hiện tượng (vấn đề) nảy sinh, chẳng hạn: quan hệ bạn bè, cách chọn sách để đọc, yêu cầu bảo vệ môi trường,... Những hiện tượng (vấn đề) đó tác động đến đời sống của em, đòi hỏi em phải tìm hiểu và phát biểu ý kiến. Tuy nhiên, trước một hiện tượng (vấn đề), các ý kiến được nêu ra có thể rất khác nhau. Vì thế, trao đổi, thảo luận là điều cần thiết. Khi trao đổi, thảo luận, mỗi người cần biết cách trình bày ý kiến của mình và phản hồi về ý kiến của người khác.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu: Thuyết phục người nghe về ý kiến của bản thân trước một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống.

- Trong tiết học cụ thể này, người nghe là các bạn HS trong lớp và GV. Ở tình huống khác, người nghe là những ai quan tâm đến hiện tượng (vấn đề).

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe. - GV hướng dẫn HS sử dụng dàn ý của bài viết, lược bỏ những chỗ chỉ phù hợp với hình thức viết, đánh dấu những điểm	1. Trước khi nói a. Chuẩn bị nội dung - Tóm lược nội dung bài viết thành đề cương - Chú ý trình bày các nội dung bằng

quan trọng cần giữ lại, phát triển thêm. - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm luyện nói. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	ngôn ngữ nói phù hợp. - Đánh dấu những chỗ cần nhấn mạnh, ghi chú thêm các số liệu, các bằng chứng,... b. Tập luyện

Hoạt động 2: Trình bày bài nói

- a. Mục tiêu:** Biết được các kỹ năng khi trình bày bài nói.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào	2. Trình bày bài nói - Phải bám sát đề cương đã thống nhất trong nhóm.

phiếu. - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. - Lần lượt trình bày các ý theo nội dung đã chuẩn bị. Khi nói, cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng. - Nhấn mạnh ý kiến riêng của bản thân. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói phù hợp. - Ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp, thể hiện sự tương tác với người nghe.	- Cách thức nói: + Ngôn ngữ nói phải mạch lạc, các ý rõ ràng, chặt chẽ. + Phải phối hợp giữa lí lẽ và bằng chứng để bài nói có sức thuyết phục.

Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói

a. Mục tiêu: Nhằm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày đánh giá trong phiếu học tập. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	3. Sau khi nói

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS vận dụng bài tập;

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp. - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung. - Hấp dẫn, sinh động. - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập. - Hệ thống câu hỏi và bài tập. - Trao đổi, thảo luận.	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

VẤN ĐỀ NGƯỜI NÓI	ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI NGHE				TÓM TẮT NỘI DUNG
	Nội dung (đủ, còn thiếu)	Quan điểm người nói	Sức thuyết phục	Sự lôi cuốn	
1.					
2.					
3.					
4.					

5.					

VĂN BẢN THÔNG TIN

BÀI 9: TRÁI ĐẤT – NGÔI NHÀ CHUNG

(14 tiết: 8 tiết đọc và tiếng Việt, 4 tiết viết, 2 tiết nói và nghe
và 1 tiết Đọc mở rộng)

I. MỤC TIÊU CHUNG BÀI HỌC SỐ 9

1. Kiến thức:

- Góp phần giúp học sinh hiểu biết về văn bản thông tin và cách truyền đạt thông tin, thông qua những văn bản cụ thể nói về sự sống trên Trái Đất, về trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ Trái Đất - ngôi nhà chung.

- Tri thức ngữ văn: khái niệm văn bản, đoạn văn trong văn bản, các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin, văn bản đa phương thức, từ mượn và hiện tượng vay mượn từ.

2. Năng lực:

a) Đọc:

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của VB và đoạn văn; nhận biết được cách triển khai VB thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một VB thông tin có nhiều đoạn.

- Nhận biết được các chi tiết trong VB thông tin; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của VB; hiểu được tác dụng của nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu,...

- Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp.

b) Viết:

Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách; tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số VB đơn giản đã đọc.

c) Nói và nghe

- Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

- Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân; có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: tự nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình khi là thành viên của ngôi nhà chúng- Trái đất.

- Chăm chỉ: ham học và chăm làm các công việc giúp ích cho bảo vệ môi trường.

II. PHƯƠNG TIỆN VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương tiện dạy học

- GV chuẩn bị các ấn phẩm, tranh ảnh, đoạn phim ngắn,... nói về Trái Đất, về đời sống muôn loài, đồng thời hướng dẫn HS tìm trước các tư liệu cùng loại để có thể sử dụng ngay trong giờ học. Lưu ý: tư liệu có xuất xứ rõ ràng, có thông tin khoa học đáng tin cậy.

- GV thiết kế “bài giảng” điện tử với bản trình chiếu.

2. Hình thức tổ chức dạy học

- Dạy học cá nhân, nhóm, cả lớp;

- HS thuyết trình, giới thiệu, trao đổi thảo luận...

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

TIẾT 1: ĐỀ TỪ, GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG:

1. Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho HS về các đơn vị kiến thức trong bài

2. Nội dung: HS nhận diện các tri thức ngữ văn: văn bản, đoạn văn trong văn bản, các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin, văn bản đa phương thức, từ mượn.

3. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

4. Tổ chức hoạt động học tập:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV sử dụng kỹ thuật dạy học KWL

Câu hỏi : dựa vào sự chuẩn bị bài các em hãy nêu những hiểu biết của em về khác thuật ngữ được nêu trong phần tri thức ngữ văn?

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:

HS đưa ra những hiểu biết của mình dựa vào phần chuẩn bị bài

B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

1 - 2 HS trình bày

B4: Đánh giá kết quả và nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho học sinh nhận xét, đánh giá kết quả các bạn

- GV chốt nội dung và hướng dẫn vào bài: *Dựa trên sự chuẩn bị bài của các em về các thông tin liên quan đến tri thức ngữ văn trong bài học số 9 là điều đáng khen*

ngợi. Đề làm rõ hơn những thuật ngữ trong phần tri thức ngữ văn chúng ta cùng nhau trao đổi trong tiết học ngày hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- 1. **Mục tiêu:** Nhận biết vấn đề được đề cập đến toàn bộ bài 9
- 2. **Nội dung:** Tìm hiểu về đề từ, nội dung phần giới thiệu bài 9 và tri thức ngữ văn
- 3. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS qua phiếu học tập và phần trình bày của HS, HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.
- 4. **Tổ chức thực hiện:**

Nội dung 1: tìm hiểu Đề từ và Giới thiệu bài học

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến
B1:Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV: yêu cầu học sinh đọc đề từ và giới thiệu bài 9. Sơ đồ những nội dung tiếp nhận được từ phần cung cấp của SGK B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS đọc Đề từ (1) và phần Giới thiệu bài học. - HS thảo luận với nhau về cách hiểu Đề từ và về những gì được gợi lên từ phần Giới thiệu bài học. B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập 2-3 HS báo cáo nội dung đọc hiểu B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập: GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét chốt vấn đề GV mở rộng: giải thích về đề từ của bài:	1. Đề từ và giới thiệu bài học a. Đề từ: Kêu gọi tinh thần biết chung sống với nhau, tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng muôn loài, hướng tới việc duy trì và phát triển tính thống nhất mà đa dạng của sự sống trên Trái Đất. b. Giới thiệu bài học: Ý thứ nhất xuất hiện dưới dạng câu hỏi, lưu ý về chủ đề của bài học: sự sống trên Trái Đất và thái độ ứng xử cần có của chúng ta đối với Trái Đất. Ý thứ hai: báo trước thể loại trọng tâm của bài học là VB thông tin – một loại VB có những đặc điểm riêng về nội dung và hình thức.

Nội dung 2: Khám phá tri thức ngữ văn

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến
B1:Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV: yêu cầu học sinh đọc phần tri thức ngữ văn bài 9.	2. Tri thức ngữ văn a. Văn bản:

GV: Tổ chức HS theo 4 nhóm <u>Nhóm 1</u>: Nêu khái niệm về văn bản thông tin? đoạn văn trong văn bản thông tin? <u>Nhóm 2</u>: Hãy chỉ ra các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin? Các văn bản truyện hay thơ mà em đã học ở các bài học trước có phải là văn bản thông tin không? <u>Nhóm 3</u>: Văn bản đa phương thức là loại văn bản như thế nào? Hãy lấy ví dụ về văn bản đa phương thức mà em đã từng đọc? <u>Nhóm 4</u>: Nêu khái niệm về từ mượn và hiện tượng vay mượn từ? B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS đọc phần tri thức ngữ văn - HS thảo luận theo nhóm B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm báo cáo nội dung đã thảo luận B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập: GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các nhóm GV: chốt vấn đề	b. Đoạn văn trong văn bản: c. Các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin d. Văn bản đa phương thức e. Từ mượn và hiện tượng vay mượn từ.
Một số hình ảnh minh họa cho thông tin tri thức ngữ văn về văn bản đa phương thức	



TUYỂN DỤNG

CƠ HỘI CỦA BẠN, TƯƠNG LAI CỦA BẠN!

VỊ TRÍ CẦN TUYỂN

- Quản lý/ Trợ lý rạp chiếu phim
- Giám sát rạp chiếu phim
- Nhân viên bảo trì
- Nhân viên phòng chiếu kiểm IT
- Trưởng thu ngân/ Nhân viên kho
- Nhân viên kế toán kiểm nhân sự
- Nhân viên thu ngân

Bán thời gian/ Toàn thời gian

ĐỊA ĐIỂM LÀM VIỆC

Thảo Điền Pearl • BigC Đồng Nai
Khánh Gia Thủ Đức • Aeon Canary Bình Dương

NỘP HỒ SƠ
Email: cvgtalent@cg.net

Gomador Tower
Lầu 10 & 11, 236A-4 Lê Thánh Tôn,
Quận 1, TP Hồ Chí Minh

www.cgv.vn



LIVE WITH CGV IT'S GOOD FOR YOU

Chúng tôi, CGV Cinemas là cụm rạp chiếu phim tiêu chuẩn quốc tế lớn nhất Việt Nam với 13 cụm rạp tại 7 tỉnh/ thành phố. CGV viết tắt cho Culture (Văn hóa) – Great (Vĩ đại) – Vital (Thiết yếu) mang hàm ý hệ thống rạp chiếu phim của CGV sẽ mang đến cho khách hàng những trải nghiệm sống như thật, và không chỉ đơn thuần là giải trí mà còn đóng vai trò trung tâm truyền thông và quảng bá văn hóa châu Á đến toàn thế giới.

Để đáp ứng nhu cầu mở rộng và phát triển hệ thống rạp CGV tại khu vực Đông Nam Bộ chúng tôi trân trọng mời những ứng viên năng động, đầy hoài bão tham gia dự tuyển.

Vui lòng truy cập www.cgv.vn để biết thêm thông tin chi tiết



CHUNG SỐNG AN TOÀN VỚI ĐẠI DỊCH COVID-19

THÔNG điệp 5K

- K**HOẢNG CÁCH: Giữ khoảng cách khi tiếp xúc với người khác
- K**HẨU TRANG: Đeo khẩu trang vải thường xuyên tại nơi công cộng, nơi tập trung đông người; Đeo khẩu trang y tế tại các cơ sở y tế, khu cách ly
- K**HỬ KHUẨN: Rửa tay thường xuyên bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay; Vệ sinh các bề mặt/ vật dụng thường xuyên tiếp xúc
- K**HAI BÁO Y TẾ: Khi có dấu hiệu SỐT, HO, KHÓ THỞ gọi Đường dây nóng của Bộ Y tế **19009095** hoặc cơ quan y tế địa phương để được hướng dẫn đi khám bệnh an toàn
- K**HÔNG TỰ TẬP: Không tụ tập đông người

Thực hiện khai báo y tế trên App NCOVI

Cài đặt ứng dụng Bluezone tại địa chỉ <https://www.bluezone.gov.vn> để được cảnh báo nguy cơ lây nhiễm COVID-19

Hãy giữ an toàn cho bạn và chúng ta trước Đại dịch COVID-19

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT HÀ TĨNH
Số 229 - Nguyễn Huy Tự - Thành phố Hà Tĩnh

Hoạt động 3: Luyện tập

- Mục tiêu:** Khắc sâu kiến thức về các nội dung đề cập đến trong bài 9
- Nội dung:** Sơ đồ hóa các kiến thức trọng yếu của bài 9
- Sản phẩm học tập:** sơ đồ của HS, HS hoàn thành phần củng cố và luyện tập bài
- Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến

B1:Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV: yêu cầu học sinh sơ đồ các nội dung cơ bản của bài 9 B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS hoạt động cá nhân tự hoàn thiện phần nội dung đã tìm hiểu ở hoạt động 2 dựa trên sơ đồ hóa B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập -HS trình bày sơ đồ B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập: GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các sản phẩm GV: Sửa các sơ đồ chưa hoàn chỉnh, tuyên dương các sơ đồ đã khá hoàn chỉnh và rõ ràng.	 <pre> graph TD A[Tri thức ngữ văn] --> B[Văn bản] A --> C[Đoạn văn trong văn bản] A --> D[Các yếu tố và cách triển khai văn bản thông thường] A --> E[Văn bản đa phương thức] A --> F[Từ mượn và hiện tượng vay mượn từ] B --> B1[nd, hình thức.Sử dụng nhiều trong] C --> C1[trong tạo nên văn bản. Có đặc điểm về nd,] D --> D1[theo từ nhân đề, đề mục đoạn văn,] D --> D2[các biện pháp khai: theo trật tự thời gian,] E --> E1[kết hợp các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ] F --> F1[trong giao tiếp có sự vay mượn ở các nguồn gốc khác nhau] </pre>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** HS bày tỏ quan điểm về nội dung đề từ của bài 9
- Nội dung:** Chúng ta phải học cách có mặt trên hành tinh này
- Sản phẩm học tập:** Đoạn văn ngắn của HS
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến
B1:Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV: yêu cầu học sinh viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về câu nói: “Chúng ta phải học cách có mặt trên hành tinh này” B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:	Sản phẩm của HS <i>Trái Đất đang ngày càng nóng lên, nhiều hiện tượng như thiên tai, hiệu ứng nhà kính, ô nhiễm môi trường đang đe dọa đến sự sống của con người trên trái đất. Mà nguồn gốc của tất cả những</i>

- HS viết đoạn văn B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - 2HS trình bày B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập: GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các phần trình bày GV: chốt vấn đề	<i>hiện tượng trên chủ yếu do con người, ý thức và hành động của con người đã khiến Trái đất ngày càng biến đổi theo chiều hướng tiêu cực. Trách nhiệm của chúng ta là gì? Nếu chúng ta không ý thức bảo vệ ngôi nhà chung. Bởi vậy mỗi chúng ta phải học cách có mặt đúng nghĩa trên hành tinh này.</i>

HOẠT ĐỘNG 5: MỞ RỘNG

- Mục tiêu:** Giúp HS mở rộng kiến thức về bài học
- Nội dung:** HS về nhà dựa trên các phương tiện thông tin và xây dựng các biện pháp bảo vệ môi trường viết thành đoạn văn ngắn 5-7 câu.
- Sản phẩm học tập:** Đoạn văn ngắn của HS
- Tổ chức thực hiện:** HS ghi yêu cầu vào vở bài tập và về nhà hoàn thiện

TIẾT 2+3: ĐỌC VĂN BẢN 1:

TRÁI ĐẤT – CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được các thành phần của VB thông tin gồm: nhan đề, sa pô, đề mục, đoạn (chứa đựng ý và dữ liệu), tranh ảnh,...
- HS nhận biết và phân tích được một cách triển khai VB: vừa theo trình tự thời gian, vừa theo quan hệ nhân quả.
- HS thấy được những nhân tố đe dọa môi trường sống trên Trái Đất.

2. Năng lực:

a) Đọc:

- Nêu được nhan đề, đề mục,....VB thông tin
- Nhận biết được các chi tiết trong VB thông tin..
- HS hiểu được các nhân tố đe dọa môi trường

b) Viết : Viết được đoạn văn có chủ đề

c) Nói và nghe

- Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

- Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong VB có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân; có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: tự nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình khi là thành viên của ngôi nhà chung- Trái đất.

- Chăm chỉ: ham học và chăm làm các công việc giúp ích cho bảo vệ môi trường.

II. PHƯƠNG TIỆN VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương tiện dạy học

- GV chuẩn bị các ấn phẩm, tranh ảnh, đoạn phim ngắn,... nói về Trái Đất, về đời sống muôn loài, đồng thời hướng dẫn HS tìm trước các tư liệu cùng loại để có thể sử dụng ngay trong giờ học.

- GV thiết kế “bài giảng” điện tử với bản trình chiếu.

2. Hình thức tổ chức dạy học

- Dạy học cá nhân, nhóm, cả lớp;

- HS thuyết trình, giới thiệu, trao đổi thảo luận...

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG:

1. Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho HS.

2. Nội dung: HS nhận diện vấn đề môi trường trên trái đất.

3. Sản phẩm: câu trả lời của HS, HS hoàn thành phần khởi động

4. Tổ chức hoạt động học tập:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV cho HS quan sát tranh ảnh về trái đất với 2 cách phản đề: Trái đất xanh và trái đất bị ô nhiễm



Câu hỏi: Từ các hình ảnh trên em hãy nêu những suy nghĩ của bản thân về ngôi nhà chung của chúng ta?

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:

HS quan sát và thảo luận cặp đôi đưa ra những suy nghĩ của bản thân về vấn đề.

B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

Mỗi nội dung 1 – 2 HS trình bày .

B4: Đánh giá kết quả và nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho học sinh nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các cặp đôi
- GV chốt nội dung và hướng dẫn vào bài: *Môi trường sống của con người ngày càng ô nhiễm nặng nề, đặc biệt là các nước đang phát triển như Việt Nam. Và còn là một vấn đề cấp bách đối với bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Nó gây ra những hiểm họa khôn lường, hiện tượng biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống con người trên thế giới. Việt Nam chúng ta mức độ ô nhiễm môi trường ở nhiều nơi đang ở*

mức báo động. Chúng ta cần nhận thức vấn đề này như thế nào? Thực trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp để tìm hướng giải quyết đúng đắn là vấn đề cần đặc biệt quan tâm của chúng ta về ngôi nhà chung của chúng ta – Trái đất.

HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC

1. Mục tiêu: HS nhận biết về thể loại văn bản và hiểu được nội dung của văn bản thông tin

2. Nội dung: HS đọc hiểu được văn bản thông tin

3. Sản phẩm: câu trả lời của HS, phiếu HT, HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

4. Tổ chức hoạt động học tập:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV: yêu cầu học sinh đọc hiểu văn bản và thực hiện các nhiệm vụ theo nhóm học tập <u>Nhóm 1:</u> Kiểu văn bản? Nhan đề văn bản là gì? Đây là phần sapô của văn bản? văn bản có mấy đề mục, đó là những đề mục nào? Em có thích đọc những VB thông tin có minh hoạ không? Vì sao? <u>Nhóm 2:</u> Nêu những đặc điểm về trái đất trong hệ mặt trời? (HS sơ đồ tư duy) <u>Nhóm 3:</u> Tác giả đã nói như thế nào về nước trên Trái Đất? <u>Nhóm 4:</u> Sự sống trên trái đất phong phú như thế nào? (HS sơ đồ tư duy) <u>Nhóm 5:</u> Vì sao có thể khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên trái đất? <u>Nhóm 6:</u> Tình trạng trái đất hiện ra sao? Câu hỏi cuối đoạn gợi lên trong em những suy nghĩ gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:	I. Đọc – hiểu văn bản 1. Đọc văn bản - Đọc văn bản - Tìm hiểu chú thích 2. Thể loại: Văn bản thông tin - Nhan đề của văn bản: “Trái đất – cái nôi của sự sống”-> - Sapô: <i>Vì sao Trái Đất thường được gọi là hành tinh xanh? Trên hành tinh xanh ấy, sự sống đã nảy nở những dòng chữ in đậm tốt đẹp như thế nào? Con người có thể làm gì để bảo vệ Trái Đất?</i> 3. Đề mục của văn bản: 5 đề mục 4. Tranh ảnh trong văn bản: trong VB thông tin, tranh ảnh là một phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ thường được sử dụng để cụ thể hoá, hình tượng hoá những mệnh đề khái quát, để khơi gợi cảm xúc và hỗ trợ đắc lực cho trí nhớ,... II. Tìm hiểu thông tin trong văn bản 1. Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Là một hành tinh trong hệ Mặt Trời.

- HS đọc văn bản - HS chia nhóm: 4HS/1 nhóm - HS thảo luận, viết phiếu học tập, sơ đồ tư duy - GV quan sát, giúp đỡ các nhóm. HẾT TIẾT 1 - ĐỌC HIỂU VĂN BẢN B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm trình bày theo thứ tự nhóm từ 1-6 - Các thành viên nghe và xây dựng bằng những nhận xét, đánh giá B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập: GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các phần trình bày - GV tuyên dương các nhóm hoạt động tích cực GV: chốt vấn đề	- Vừa tự quay quanh trục của nó (một vòng hết 23.934 giờ), vừa quay quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình e-lip (vận tốc ~ 30km/s, hết 365.25 ngày). 2. Nước và sự sống trên Trái Đất - Nhờ có nước, Trái Đất là nơi duy nhất có sự sống. - Nước bao phủ gần 3/4 bề mặt Trái Đất. - Nếu không có nước, Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi. - Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú. 3. Trái Đất - nơi cư ngụ của muôn loài - Kích thước của sinh vật tồn tại trên Trái Đất vô cùng đa dạng. - Động vật được con người khai thác hằng ngày để phục vụ cho cuộc sống của mình. - Tất cả mọi dạng sự sống đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học lạ lùng, bí ẩn. 4. Con người trên Trái Đất - Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống, - Con người cải tạo tự nhiên khiến nó "người" hơn, thân thiện hơn. - Đáng buồn thay, con người đã khai thác thiên nhiên bừa bãi, gây ảnh hưởng xấu đến sự sống trên Trái Đất. 5. Tình trạng Trái Đất - Hiện tại, Trái Đất đang bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức, bất chấp của con người.

	- Hậu quả: Hoang mạc xâm lấn, động vật tuyệt chủng, rác thải ngập tràn, khí hậu nóng dần, nước biển dâng nhấn chìm nhiều thành phố, cánh đồng, tầng ô-dôn thủng, ô nhiễm, đe dọa sự sống muôn loài. - Câu hỏi nhức nhối: Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Con người đứng trước thách thức lớn.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** Khắc sâu kiến thức về các thông tin được nhắc đến trong văn bản
- Nội dung:** Luyện tập thông qua nội dung văn bản thông tin
- Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập, câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Đề bài: Từ việc đọc hiểu văn bản: Trái đất- cái nôi của sự sống em rút ra được kinh nghiệm gì từ việc đọc hiểu 1 văn bản thông tin? Gợi ý: VB vừa đọc và tìm hiểu nói với chúng ta điều gì về đặc điểm của VB thông tin? Hãy nhớ lại và kể ra những thao tác em đã dùng khi giải quyết yêu cầu của các câu hỏi sau đọc (lúc soạn bài ở nhà và lúc tham gia hoạt động trên lớp). Liệu những thao tác ấy có cần được dùng để đọc những VB thông tin khác không? Điều quan trọng nhất khi đọc VB thông tin là gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:	- Cần xác định đúng thông tin cơ bản của VB thông tin dựa vào nhan đề và phần sa pô (nếu có) - Đánh giá hiệu quả của cách triển khai VB thông tin mà tác giả đã chọn - Đánh giá tính chính xác và tính mới của VB, thông qua hệ thống ý, số liệu, hình ảnh,... đã được tác giả sử dụng.

- HS hoạt động cá nhân-> sau đó thảo luận cặp đôi. B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập -HS trình bày các kinh nghiệm của các cặp đôi B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập: GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các sản phẩm GV: sơ đồ hóa các ý từ câu trả lời của HS- giúp các em tập hợp được nhiều thông tin.	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** HS kết nối phần viết với đọc
- Nội dung:** Chúng ta phải làm gì để hành tinh xanh mãi xanh
- Sản phẩm học tập:** Đoạn văn ngắn của HS
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến
B1:Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV: yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về chủ đề: “Để hành tinh xanh mãi xanh..” B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS viết đoạn văn B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS trình bày B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập: GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các phần trình bày GV: chốt vấn đề	Sản phẩm của HS - Đoạn văn cần nêu được các ý về bảo vệ môi trường, nêu được các biện pháp bảo vệ môi trường ở ngay tại địa phương mình sinh sống

HOẠT ĐỘNG 5: MỞ RỘNG

- Mục tiêu:** Giúp HS mở rộng kiến thức về bài học

2. Nội dung: HS về nhà dựa trên các phương tiện thông tin tìm hiểu về ngày môi trường thế giới. Sưu tầm một số tranh ảnh về các hoạt động về ngày môi trường.

3. Sản phẩm học tập: Hình ảnh và phần trình bày của HS

4. Tổ chức thực hiện: HS ghi yêu cầu vào vở bài tập và về nhà hoàn thiện

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 4: Thực hành tiếng Việt

NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG VĂN BẢN, ĐOẠN VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của VB và đoạn văn
- HS thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như *nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá,...*) khi đối diện với đoạn văn hay VB.

2. Năng lực

Bồi dưỡng năng lực hợp tác, năng lực tư duy, vận dụng...

3. Phẩm chất

Có ý thức học tập nghiêm túc, thực hành nhóm hiệu quả.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: SGK NV 6, SGV NV 6, Giáo án, Phiếu bài tập, Máy chiếu...
2. Chuẩn bị của HS: SGK Ngữ văn 6, Vở ghi bài, Vở soạn bài

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI	
a. Mục tiêu Nhằm được khái niệm văn bản và đoạn văn trong văn bản	
b. Nội dung GV đặt câu hỏi → HS trả lời câu hỏi	
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS	
d. Tổ chức thực hiện	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	

GV: Cho Hs chơi trò chơi: Ai nhanh hơn? Nối các hình ảnh ở cột A (hình ảnh liên quan tới các văn bản đã học) với nội dung cột B (tên các văn bản đã học) trong thời gian nhanh nhất. ? Từ kết quả trò chơi, em hiểu văn bản là gì? ? Mỗi văn bản em học được tạo thành từ rất nhiều đoạn văn. Quan sát các văn bản, em thấy các đoạn văn có đặc điểm gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 - 3 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục “Tìm hiểu đặc điểm, chức năng văn bản, đoạn văn”	- Văn bản là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc... - <i>Đoạn văn</i> là một bộ phận cấu thành quan trọng của VB, gồm một tập hợp câu có sự thống nhất về chủ đề. Trong VB viết, đoạn văn thường được trình bày thành một khối dễ nhận biết bằng mắt: chữ đầu tiên được viết lùi đầu dòng; sau chữ cuối cùng có dấu ngắt xuống dòng.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM, CHỨC NĂNG VĂN BẢN
a. Mục tiêu Nắm được đặc điểm, chức năng văn bản b. Nội dung - Hs hoạt động cá nhân - GV cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập c. Sản phẩm: Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành

d. Tổ chức thực hiện	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc lại văn bản “Trái Đất – cái nôi của sự sống” Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc vb “Trái Đất – cái nôi của sự sống” - HS trả lời câu hỏi: + Nêu bằng chứng cụ thể để khẳng định “Trái Đất – cái nôi của sự sống” là một văn bản? + Hãy liệt kê những bộ phận tạo thành văn bản “Trái Đất – cái nôi của sự sống”? <i>Em có nhận xét gì khi đối chiếu số lượng các yếu tố, bộ phận tạo thành VB này với số lượng các yếu tố, bộ phận tạo thành một VB khác đã học? Theo em, những yếu tố, bộ phận nào không thể thiếu trong mọi trường hợp tạo lập VB?</i> + Có thể cắt bỏ các tranh ảnh trong bản được không? Vì sao? Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1 HS đọc - GV gọi 1 - 2 HS trả lời Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với đề mục sau “Tìm hiểu đặc điểm của đoạn văn”	- <i>Trái Đất - cái nôi của sự sống</i> thực sự là một văn bản hoàn chỉnh, trọn vẹn, do chứa đựng thông điệp rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề' chính: Trái Đất – cái nôi của sự sống”. - Văn bản “Trái Đất – cái nôi của sự sống” gồm: nhan đề, sa-po, đề mục, đoạn in chữ đậm, hình ảnh, số liệu... - Tranh ảnh trong văn bản: tranh ảnh được sử dụng để cụ thể hoá, hình tượng hoá những mệnh đề khái quát, để khơi gợi cảm xúc và hỗ trợ đắc lực cho trí nhớ,... >> Văn bản “Trái Đất – cái nôi của sự sống” là văn bản thông tin, đa phương thức.

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG CỦA ĐOẠN VĂN
a. Mục tiêu - Nắm được đặc điểm và chức năng của đoạn văn

b. Nội dung - HS đọc lại văn bản “Trái Đất – Cái nôi của sự sống” - HS trả lời câu hỏi gợi mở của giáo viên c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh d. Tổ chức thực hiện	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 HS đọc văn bản - GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho các nhóm: + VB vừa học gồm có mấy đoạn văn? Nhờ vào những dấu hiệu nào mà ta nhận biết được một đoạn văn nói chung hay phân biệt được đoạn văn này với đoạn văn khác? Có phải mọi đoạn văn trong VB đều đảm nhiệm một chức năng giống nhau? Theo em, có thể gọi là “đoạn văn quan trọng” và “đoạn văn thứ yếu” không? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: + Đọc văn bản + Trả lời câu hỏi - Giáo viên: + Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Học sinh: + Trả lời câu hỏi của GV - Giáo viên: Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS,	- Văn bản có 9 đoạn văn khác nhau. Ta có thể dựa vào dấu hiệu hình thức: chữ đầu tiên và chữ cuối cùng trong đoạn để phân biệt đoạn văn này với đoạn văn khác. - Mỗi đoạn văn đảm nhiệm một trong các chức năng khác nhau: mở đầu văn bản, trình bày một khía cạnh nào đó của nội dung chính; kết thúc văn bản hoặc mở rộng, liên kết vấn đề.

thái độ làm việc của HS - GV chốt kiến thức và kết nối với hoạt động sau “Luyện tập”	

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG	
a. Mục tiêu: - Hs nhận diện được đoạn văn, đặc điểm, chức năng của đoạn văn - Biết cách viết một đoạn văn b. Nội dung: - GV cho học sinh thảo luận nhóm - HS thảo luận nhóm, làm việc nghiêm túc, có hiệu quả c. Sản phẩm: Kết quả thảo luận của học sinh d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Gv đưa câu hỏi thảo luận cho học sinh: ? Nhắc lại những thông tin, thông điệp mà em tiếp nhận được từ văn bản “Trái Đất – cái nôi của sự sống”? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: Hướng dẫn HS đọc lại văn bản, chú ý các đề mục trong văn bản, theo dõi quá trình làm việc nhóm của HS - Học sinh: + Đọc văn bản + Thảo luận viết câu trả lời trong 5p Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS: Trả lời câu hỏi của GV + Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm của nhóm, những HS còn lại	- 1. Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Là một hành tinh trong hệ Mặt Trời. - Vừa tự quay quanh trục của nó (một vòng hết 23.934 giờ), vừa quay quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình e-lip (vận tốc ~ 30km/s, hết 365.25 ngày). - 2. “Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất - Nhờ có nước, Trái Đất là nơi duy nhất có sự sống. - Nước bao phủ gần 3/4 bề mặt Trái Đất. - Nếu không có nước, Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi. - Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú. - 3. Trái Đất - nơi cư ngụ của muôn loài - Kích thước của sinh vật tồn tại trên Trái Đất vô cùng đa dạng. - Động vật được con người khai

quan sát sản phẩm của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày rồi nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần) - Giáo viên: Hướng dẫn HS cách trình bày sản phẩm nhóm trước tập thể lớp Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS, thái độ làm việc nhóm của HS, sản phẩm của các nhóm - GV chốt kiến thức và kết nối với mục sau.	thác hẳng ngày để phục vụ cho cuộc sống của mình. - Tất cả mọi dạng sự sống đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học lạ lùng, bí ẩn. 4. Con người trên Trái Đất - Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống, - Con người cải tạo tự nhiên khiến nó "người" hơn, thân thiện hơn. - Đáng buồn thay, con người đã khai thác thiên nhiên bừa bãi, gây ảnh hưởng xấu đến sự sống trên Trái Đất. 5. Tình trạng Trái Đất - Hiện tại, Trái Đất đang bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức, bất chấp của con người. - Hậu quả: Hoang mạc xâm lấn, động vật tuyệt chủng, rác thải ngập tràn, khí hậu nóng dần, nước biển dâng nhấn chìm nhiều thành phố, cánh đồng, tầng ô-dôn thủng, ô nhiễm, đe dọa sự sống muôn loài. - Câu hỏi nhức nhối: Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Con người đứng trước thách thức lớn.

Vận dụng
a. Mục tiêu: Giúp học sinh: - Hs nhận biết được đặc điểm, chức năng của đoạn văn - Biết viết một đoạn văn ngắn, đơn giản b. Nội dung: - GV phát phiếu học tập, giao nhiệm vụ - HS điền phiếu học tập, viết đoạn văn c. Sản phẩm: Phiếu học tập, bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ BT1: Phát phiếu học tập (theo mẫu bài tập 5) BT2: : <i>Giả định VB vừa học cần được bổ sung thêm một số đoạn văn nữa. Hãy viết một đoạn văn ngắn đáp ứng yêu cầu này và dự kiến vị trí mà nó sẽ được đặt trong VB.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn hs viết đoạn văn cuối bài với các giải pháp bảo vệ Trái Đất - HS làm việc cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS nộp phiếu học tập, bài làm - HS nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài viết của bạn Bước 4: Kết luận, nhận định GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết	Khôi phục Trái Đất của chúng ta - Tiết kiệm nước - Đi bộ, đi xe đạp hoặc sử dụng phương tiện công cộng - Phân loại, tái sử dụng, tái chế rác thải - Sử dụng phân sinh học hay phân trộn - Sử dụng đèn LED thay cho bóng đèn sợi đốt - Sử dụng năng lượng một cách thông minh - Sử dụng các thực phẩm bền vững - Trồng nhiều cây xanh - Loại bỏ đồ nhựa, bao bì nilong

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 5+6:

VĂN BẢN 2 : CÁC LOÀI CHUNG SỐNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO

Ngọc Phú

1. MỤC TIÊU

1.1 Về kiến thức:

- Đặc điểm của văn bản thông tin thể hiện qua văn bản : “Các loài chung sống với nhau như thế nào?”.

- Vai trò quan trọng của số liệu, hình ảnh trong một văn bản thông tin, cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả.

- Mỗi liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.

- Thấy được tầm quan trọng của việc xây dựng ý thức cùng chung sống với nhau trên hành tinh này.

1.2. Năng lực

a. Năng lực chung

Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề một cách chủ động, tích cực, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

b. Năng lực riêng biệt:

- Nhận diện được văn bản thông tin.

- Nhận biết vai trò quan trọng của số liệu, hình ảnh, cách triển khai theo quan hệ nhân quả trong một văn bản thông tin.

- Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.

- Biết cách viết đoạn văn đáp ứng đúng những yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định, trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của bản thân do văn bản gợi ra.

1.3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: yêu vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, biết bảo vệ môi Trái Đất – ngôi nhà chung.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

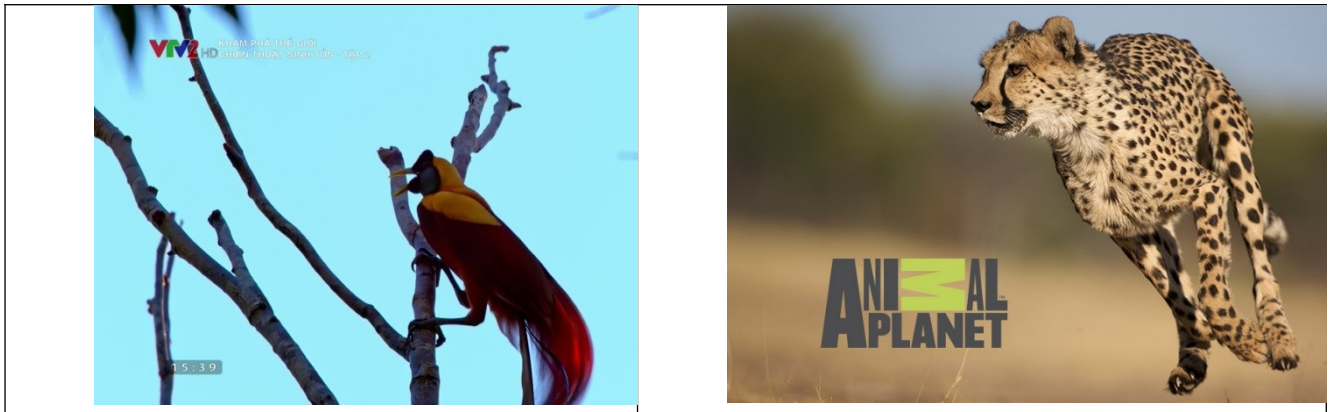
1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, dự kiến trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật, những đoạn phim ngắn, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

+ Đoạn phim ngắn giới thiệu chương trình: Thế giới động vật kênh VTV2, Animal Planet (kênh 45).



2. Chuẩn bị của HS:

- SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.
- Tờ tranh ảnh có kèm sa-pô một số bộ phim về các loài sinh vật đã được đọc, được xem (Hs tự thiết kế, làm việc theo nhóm).

VD:



Lấy bối cảnh là khu vực rừng hoang Phi Châu, bộ phim đã xây dựng nên cả một xã hội có tổ chức của thế giới loài vật. Trong xã hội ấy cũng có những mâu thuẫn, cũng có tranh chấp và có cả tình yêu như thế giới loài người.

Nhân vật chính của Vua sư tử là chú sư tử con Simba, con trai của Mufasa vị vua đang thống trị thế giới hoang dã ở đây. Cuộc sống hạnh phúc yêu đời bên cạnh cha mẹ và cô bạn Nala của cậu sớm chấm dứt khi người chú ruột Scar có âm mưu cướp ngai vàng của cha cậu....

- Một văn bản thông tin về một vấn đề mà em quan tâm (Hs tự sưu tầm, làm việc theo nhóm)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS kết nối được kiến thức trong cuộc sống vào nội dung bài học. Đồng thời tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ ? Gv đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời <i>? Em biết những chương trình nào trên các phương tiện truyền thông, in-tơ-nét cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất? Em suy nghĩ gì về việc chúng ta phải thường xuyên tìm hiểu các tài liệu nói về sự đa dạng của thế giới tự nhiên?</i> <i>? GV tổ chức cuộc thi tình thần đồng đội chia lớp thành 2 nhóm. Các nhóm sẽ thi nhau trình bày sản phẩm đã chuẩn bị sẵn ở nhà: Tờ tranh ảnh có kèm sa-pô một số bộ phim về các loài sinh vật mà các em đã được đọc, được</i>	- Những chương trình trên các phương tiện truyền thông, in-tơ-nét cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất: + Chương trình Thế giới động vật (kênh VTV2) + Animal Planet (kênh 45): đây là kênh duy nhất dành toàn bộ thời gian để nói về những loài động vật. Thông qua những thước phim tài liệu về thiên nhiên và cuộc sống hoang dã thế giới động vật muôn màu hiện lên đầy chân thực và sống động. Chúng ta phải thường xuyên tìm hiểu các tài liệu để bổ sung kiến thức, sự hiểu biết thực tế về thế giới tự nhiên, về đa dạng sinh học. Từ đó ý thức được vấn đề bảo vệ sự đa dạng sinh học đó. - HS ghi trình bày sản phẩm chuẩn bị của nhóm mình. VD: Tờ tranh giới thiệu phim “ Âm 8 độ”

xem? Trong đó bộ phim nào đã để lại cho em ấn tượng sâu đậm nhất? Vì sao?

HS nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe và trả lời (câu hỏi 1)
- HS cử đại diện trình bày (câu hỏi 2)

- GV quan sát, lắng nghe

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối với hoạt động hình thành kiến thức mới.

- GV chiếu cho HS xem 2 đoạn phim ngắn về thế giới động vật trên kênh VTV2 và Animal Plnet (kênh 45).

Qua phần chuẩn bị ngày hôm nay cô thấy các em rất quan tâm đến đời sống muôn loài trên Trái Đất. Bởi chúng có quan hệ mật thiết với đời sống của con người. Và như vua Mu-pha-sa đã nói: “ Tất cả chúng ta đều thuộc về vòng đời bất tận” (Vua sư tử). Hôm nay cô và các em sẽ cũng tìm hiểu văn bản : “Các loài chung sống với nhau như thế nào” để hiểu sâu sắc hơn thông



Một bộ phim xúc động về 8 chú chó tuyết bị bỏ lại ở vùng Nam cực lạnh giá. Bị bỏ lại, chúng phải tự đứt đứt xích và giúp nhau để tìm cách thoát khỏi con bão đang đến. 175 ngày bị bỏ rơi giữa thời tiết khắc nghiệt, thức ăn khan hiếm, chúng phải tự tìm cách sinh tồn nhưng vẫn biết đùm bọc, yêu thương nhau, thương tiếc không rời 2 người bạn xấu số. Bộ phim được chuyển thể từ câu chuyện có thật và thực tế tàn khốc hơn rất nhiều khi chỉ có 2 chú chó sống sót trong tổng số 15.

điệp đó. Đồng thời hiểu biết hơn về những đặc điểm của loại văn bản thông tin.	

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Đọc, nắm được những thông tin chính, xác định bố cục văn bản .

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, áp dụng chiến lược chính là đọc theo dõi.

c. Sản phẩm học tập: HS nắm được nội dung văn bản, hiểu được ý nghĩa của một số thuật ngữ chuyên môn được sử dụng, xác định bố cục.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV 1: Đọc văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc văn bản, chú ý đọc chính xác tên riêng tiếng nước ngoài và các từ mượn. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó yêu cầu HS thay nhau đọc thành tiếng từng đoạn cho đến hết VB. + Gv hướng dẫn HS về chiến lược đọc theo dõi (các hộp chỉ dẫn) + Gv tổ chức cuộc thi ô chữ bí mật/ HS sẽ lần lượt chọn các ô chữ. Mỗi ô chữ là một chú thích (<i>quần xã, biome, ký sinh, yếu tố vô sinh của môi trường</i>). Chọn đúng từ khóa nào HS sẽ giải thích từ khóa đó - HS lắng nghe, nhận nhiệm vụ/ Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời - GV quan sát, lắng nghe Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động	1. Đọc văn bản: - Giọng đọc to, rõ ràng, đọc chính xác tên riêng tiếng nước ngoài và các từ mượn. - Ngắt nghỉ đúng nhịp - Tốc độ đọc vừa phải

- HS đọc bài, trả lời câu hỏi. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung NV2: Xác định bố cục Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Văn bản có 8 đoạn văn, em hãy gộp các đoạn vào các phần lớn và khái quát ý chính, đặt tên cho các phần - HS lắng nghe, nhận nhiệm vụ/ Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời - GV quan sát, lắng nghe Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - HS trả lời câu hỏi. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung	2. Bố cục: a, Mở đầu b, Thông tin chính - Sự đa dạng của các loài - Tính trật tự trong đời sống của muôn loài - Vai trò của con người đối với sự sống trên Trái Đất c, Kết thúc

Hoạt động 2: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Hiểu được vai trò của số liệu, hình ảnh trong một văn bản thông tin, cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả. Mỗi liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản. Đồng thời thấy được tầm quan trọng của việc xây dựng ý thức cùng chung sống với nhau trên hành tinh này.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Tìm hiểu sự đa dạng của các loài trên Trái Đất Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Những con số, dữ liệu nào trong đoạn 2 thể hiện sự phong phú của các loài trên Trái Đất? ? Em hãy quan sát bức tranh minh họa về quần xã sinh vật trong SGK trang 84. Từ đó, hãy kể tên một khu sinh thái hay khu bảo tồn thiên nhiên mà em biết. Ở đó, em đã thấy những loài sinh vật nào và chúng chung sống với nhau ra sao? ? Em có nhận xét gì về vai trò của số liệu, hình ảnh trong văn bản thông tin? ? Đoạn (3) đã nói gì về sự đa dạng của quần xã sinh vật? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời - GV quan sát, lắng nghe Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - HS trả lời câu hỏi. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng NV2: Tính trật tự trong đời sống của muôn loài. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Em hiểu thế nào về tính “trật tự”?	1. Sự đa dạng của các loài trên Trái Đất - Những con số, dữ liệu trong đoạn (2) (thể hiện sự phong phú của các loài trên Trái đất: + <i>Trái đất có khoảng trên 10.000.000 loài sinh vật, bao gồm cả thực vật và động vật.</i> + <i>Hiện nay, con người mới chỉ biết được khoảng trên 1.400.000 loài. Trong đó, có trên 300.000 loài thực vật và hơn 1.000.000 loài động vật</i> -> Các số liệu có ý nghĩa làm sáng tỏ cho sự đa dạng của các loài trên Trái Đất. Trong văn bản thông tin các số liệu là cơ sở quan trọng để người viết trình bày rõ vấn đề. Việc dùng số liệu, hình ảnh làm thông tin được rõ ràng, chính xác, sinh động, hấp dẫn hơn. - Đoạn (3) đã nói về sự đa dạng của quần xã sinh vật. + Các loài động vật và thực vật thường tồn tại và phát triển thành từng quần xã,

(là sự sắp xếp theo một thứ tự, một quy tắc nhất định)

? “ trật tự” ở đây có đồng nghĩa với ổn định không?

? Tính “trật tự” trong đời sống của muôn loài được biểu hiện như thế nào?

? Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng, sự cân bằng trong từng quần xã sinh vật sẽ bị ảnh hưởng ra sao?

GV: chiếu cho HS xem video về “ Cơn bão châu chấu”



Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

NV3: Vai trò của con người đối với sự sống trên Trái Đất

trong những bai-ôm khác nhau.

VD: Vườn quốc gia Cúc Phương là một quần xã rừng nhiệt đới, có nhiều sinh vật cùng sinh sống ở nơi đây như chò xanh , chò chỉ, đặng , khướu mỏ dài' trong một thời gian dài.

+ Những nhân tố ảnh hưởng đến sự đa dạng ở từng quần xã: sự cạnh tranh giữa các loài, mức độ thay đổi các yếu tố vật lý, hóa học của môi trường....

2. Tính trật tự trong đời sống của muôn loài.

- Tính trật tự trong đời sống của muôn loài:

+ Dựa vào tính chất của loài trong quần xã: loài ưu thế, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài chủ chốt, loài đặc trưng (Trật tự này còn thể hiện ở sự phân bố các loài theo không gian sống chung)

+ Dựa vào mối quan hệ hỗ trợ và đối kháng. Quan hệ hỗ trợ gắn liền với việc chia sẻ cùng nhau cơ hội sống. Quan hệ đối kháng được biểu hiện qua việc cạnh tranh, kí sinh), ăn thịt lẫn nhau.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Đoạn văn nào trong văn bản thể hiện rõ nhất cách trình bày văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả? Vì sao em xác định như vậy? ? Qua các văn bản đã học, theo em văn bản thông tin thường triển khai nội dung theo những cách nào? ? Con người có thể làm gì để bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời - GV quan sát, lắng nghe Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - HS trả lời câu hỏi. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng NV4: Tìm hiểu cách tạo nên tính hấp dẫn của văn bản thông tin Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Cách mở đầu và kết thúc của văn bản thông tin này có gì đặc sắc? ? Nếu bỏ đi đoạn mở đầu và đoạn kết thúc, chất lượng của văn bản thông tin này sẽ bị ảnh hưởng như thế nào? ? Giữa nhan đề và nội dung đoạn mở, đoạn kết có sự hô ứng với nhau ra sao? ? Em xem lại khái niệm văn bản đa phương thức ở phần Tri thức ngữ văn. Hãy cho biết văn bản: Các loài chung sống với nhau như thế nào có phải là văn bản đa phương thức không? Vì sao?	-> Đảm bảo cho loài nào cũng có một “chỗ đứng dưới mặt trời”, cũng có điều kiện để sinh trưởng. - Hậu quả khi tính trật tự bị phá vỡ: + Làm giảm hoặc thậm chí tuyệt chủng các thành phần trong hệ, làm mất đi sự đa dạng sinh học. - Con người sẽ phải đối mặt với nhiều hiểm họa hơn trong cuộc sống như biến đổi khí hậu, thiên tai , dịch bệnh... 3. Vai trò của con người đối với sự sống trên Trái Đất

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời - GV quan sát, lắng nghe Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - HS trả lời câu hỏi. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng	- Đoạn văn số 5: Cách dẫn dắt của đoạn văn + Trên Trái Đất, con người cũng chỉ là một loài sinh vật. + Con người có khả năng sáng tạo vô tận, trở nên quá tự kiêu, thấy mình là chúa tể của cả thế giới, có thể tùy ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hoá đã bền bỉ gây dựng. + Chính vì điều này mà sự cân bằng trong đời sống của muôn loài bị xáo trộn, phá vỡ. + Hiện nay, có vẻ như con người bắt đầu tỉnh ngộ, biết tìm cách chung sống hài hoà với muôn loài - > Được trình bày theo quan hệ nhân quả => Những việc con người có thể làm để bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật: Trồng cây gây rừng, bảo vệ các loài động vật quý hiếm và hoang dã, các loại sinh vật biển, cải thiện hồ chứa nước,... 4. Cách tạo nên tính hấp dẫn của văn bản thông tin.

	+ Cách vào đề và kết thúc vấn đề gián tiếp thông qua lời nói của vua Sư tử Mupha-sa với con trai Xim- ba trong bộ phim hoạt hình Vua sư tử (quen thuộc với thiếu nhi) +Đoạn mở (nêu vấn đề) và đoạn kết (kết thúc vấn đề) giàu sắc thái cảm xúc, đã làm mềm đi sự khô khan thường có của VB thông tin, hơn nữa, còn gợi lên nhiều liên tưởng, mở rộng, làm sâu sắc hơn vấn đề thông tin. - Sử dụng lối mở đầu và kết thúc gián tiếp - Dùng số liệu, hình ảnh -> “ Các loài chung sống với nhau thế nào?” là văn bản đa phương thức sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn.

Hoạt động 4: Viết kết nối với đọc

a. Mục tiêu: Liên hệ được kiến thức bài học vào thực tế cuộc sống. HS viết được đoạn văn đảm bảo các yêu cầu của đề bài.

b. Nội dung: Hs viết đoạn văn.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn của Hs sau khi đã được HS khác và Gv góp ý sửa chữa.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) về chủ đề: Trên hành tinh đẹp đẽ này muôn loài luôn cần thiết cho nhau. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS viết đoạn văn Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động - HS đọc đoạn văn chuẩn bị - Gv gọi HS khác nhận xét câu trả lời của bạn Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần)	- HS viết đoạn văn. + Nhấn mạnh ý “chung sống” + Đề cao trách nhiệm của con người trong vấn đề này.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả làm việc của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Em trình bày các nội dung sau đối với văn bản thông tin mà nhóm em đã chuẩn bị.

1. Văn bản thông tin về nội dung gì?

2. Một văn bản thông tin thường sử dụng các yếu tố như nhan đề, sa-pô, đoạn văn, tranh ảnh, số liệu... em hãy chỉ ra các yếu tố đó (nếu có) trong văn bản mà em đã chuẩn bị?

3. Đây có phải là văn bản đa phương tiện hay không? Vì sao?

Bước 2: HS thảo luận nhóm, cử đại diện lên trình bày

- HS thảo luận theo các yêu cầu đặt ra

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động

- HS đại diện nhóm lên trình bày kết quả thảo luận

- GV gọi HS nhóm khác nhận xét phần trình bày của bạn

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung (nếu cần).

Lưu ý: HS làm việc nhóm, sưu tầm, in ra, nếu in được văn bản màu sẽ thêm sinh động, hấp dẫn. Văn bản tham khảo (GV có thể giới thiệu trước để HS biết cách chuẩn bị)

Giới thiệu về vườn quốc gia Cúc Phương

Vườn Quốc gia Cúc Phương có hệ động thực vật phong phú đa dạng mang đặc trưng rừng mưa nhiệt đới. Nhiều loài động thực vật có nguy cơ tuyệt chủng cao được phát hiện và bảo tồn tại đây.

Vườn Quốc gia Cúc Phương (hay rừng Cúc Phương) là một khu bảo tồn thiên nhiên, khu rừng đặc dụng nằm trên địa phận ranh giới 3 khu vực Tây Bắc, đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ thuộc ba tỉnh: Ninh Bình, Hòa Bình, Thanh Hóa. Đây cũng là vườn quốc gia đầu tiên tại Việt Nam.

Được thành lập ngày 07 tháng 07 năm 1962, vườn quốc gia Cúc Phương thuộc địa phận ba tỉnh Ninh Bình, Hoà Bình và Thanh Hoá với tổng diện tích là 22.200 ha. Với nhiều giá trị về cảnh quan thiên nhiên, sự đa dạng về hệ sinh thái, các giá trị văn hoá, lịch sử nên từ lâu Cúc Phương đã trở thành điểm du lịch sinh thái nổi tiếng và hấp dẫn.



Với đặc trưng là rừng mưa nhiệt đới, xanh quanh năm, Cúc Phương có quần hệ động thực vật vô cùng phong phú và đa dạng. Theo số liệu điều tra gần đây Cúc Phương có 1983 loài thực vật bậc cao, trong đó có 433 loài cây làm thuốc, 229 loài cây ăn được, nhiều loài được ghi trong sách đỏ của Việt Nam.

Về động vật, Cúc Phương có 110 loài bò sát và lưỡng cư, 65 loài cá, gần 2000 loài côn trùng, 117 loài thú (trong đó có loài voọc đen mong trắng là loài thú linh trưởng rất đẹp và quý hiếm được chọn làm biểu tượng của VQG Cúc Phương). Với hơn 300 loài chim cư trú, đặc biệt có nhiều loài đặc hữu của Việt Nam và Đông Dương, vì vậy Cúc Phương từ lâu đã trở thành điểm lý tưởng đối với các nhà xem chim. Thuộc địa hình Caxtơ nửa che phủ, Cúc Phương có nhiều hang động đẹp với những cái tên gọi cảm như: động Sơn cung, động Phò mã giáng... Đặc biệt có một số hang động còn lưu giữ những dấu tích của người tiền sử, sống cách ngày nay từ 7.500 năm đến 12.000 năm, đó là hang Đẳng (động người xưa), hang con Moong. Năm 2000 Cúc Phương đã phát hiện một hoá thạch của một loài động vật có xương sống, theo kết luận ban đầu của Viện cổ sinh học Việt Nam đây là hoá thạch của loài bò sát răng phiến, sống cách ngày nay chừng 200 đến 230 triệu năm

Nếu có dịp, bạn không nên bỏ qua một chuyến du lịch tham quan Vườn quốc gia Cúc Phương để có thể hít thở không khí núi rừng nơi đây, để hòa mình vào thiên nhiên trong lành, tươi đẹp và ngắm nhìn cảnh sắc hùng vĩ tạo hóa đã ban tặng cho mảnh đất này

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Là một học sinh, em có thể làm những việc gì để góp phần bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật?

- GV nhận xét, đánh giá, cho điểm khuyến khích HS trình bày suy nghĩ riêng về vấn đề.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
- Thu hút được sự	- Sự đa dạng, đáp ứng	- Báo cáo thực hiện

tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

TIẾT 7: Thực hành tiếng việt

NHẬN BIẾT VÀ SỬ DỤNG TỪ MƯỢN

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- HS nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn và thực tế sử dụng từ mượn hiện nay.

- HS hình thành được nguyên tắc ứng xử thích hợp đối với việc mượn từ, sử dụng từ mượn trong nói, viết và rộng ra là trong giao tiếp xã hội.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn.

- Năng lực sử dụng từ mượn phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp và nghĩa của từ.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học và trong đời sống.

- Yêu tiếng mẹ đẻ và biết tiếp thu ngôn ngữ thế giới một cách hợp lý.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

- Phiếu học tập của HS

2. Chuẩn bị của học sinh:

SGK, SBT, Vở thực hành Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, làm trước bài tập 1, 5 Vở thực hành, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng vốn kiến thức có sẵn để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS. HS để ý và nhận ra cách dùng từ lạ và việc vận dụng chúng.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Em ấn tượng đặc biệt với từ nào trong 2 câu sau. Theo em những từ đó được dùng đã phù hợp với văn cảnh chưa? Em có thể thay thế từ đó bằng từ nào? Vì sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới và ghi tên bài lên bảng.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu thế nào là từ mượn

a. Mục tiêu: Nhận biết được từ mượn, nguyên nhân dẫn đến việc mượn từ.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức, phiếu học tập và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giới thiệu: Bài học gồm hai nội dung: Thế nào là từ mượn, nguyên nhân dẫn đến việc mượn từ và những lưu ý về sử dụng từ mượn. NV1: GV yêu cầu HS đọc lại tri thức Ngữ văn về phần từ mượn SGK/77. HS lắng nghe NV2: ? Từ tiếng Việt có thể chia ra làm mấy loại dựa theo nguồn gốc từ?	- Từ tiếng Việt :

	<i>có dấu gạch nối</i>		biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm... mà từ TV chưa có từ thích hợp để biểu thị.) • Từ mượn có thể có cấu tạo từ đơn hoặc từ phức • Từ mượn được Việt hóa hoàn toàn: Được dùng phổ biến, nhiều người rõ nghĩa, viết giống từ thuần Việt. Từ mượn chưa được Việt hóa cao: Có dấu gạch nối hoặc giữ nguyên nguyên dạng trong ngôn ngữ gốc. Tùy quy định ở mỗi hoàn cảnh sử dụng mà chọn cách viết cho phù hợp.
4. Tác dụng	<i>Diễn đạt những s/vật, ht chưa được đặt tên hoặc tên chưa phù hợp, làm trang trọng hơn.</i>		
5. Nguồn gốc	<i>Đi vay mượn nước ngoài như Hán, Pháp, Anh, Nga...</i>	<i>Ông cha tự sáng tạo ra</i>	

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng

HS chủ động ghi chép bài, dán PHT số 1 đã chữa vào vở.

Hoạt động 2: Tìm hiểu những lưu ý về sử dụng từ mượn

- Mục tiêu:** Chỉ ra được ưu nhược điểm của việc mượn từ, từ đó rút ra lưu ý khi mượn từ
- Nội dung:** HS sử dụng SGK cùng vốn hiểu biết cá nhân để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - NV1: GV yêu cầu HS thực hiện câu 1c SGK theo hình thức thảo luận nhóm 4 người trong 3 phút. ? Tìm các từ có chứa yếu tố Hán “không” và giải thích nghĩa của chúng. ? Tìm các từ có chứa yếu tố Hán “nhiễm” và giải thích nghĩa của chúng. -NV2: ? Từ mượn có ý nghĩa như thế nào đối với vốn từ tiếng Việt? -NV3: Yêu cầu HS quan sát lại VD đầu bài. Nếu lạm dụng từ mượn thì sẽ ra sao? Từ đó ta phải lưu ý điều gì khi sử dụng từ mượn? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi * Dự kiến sản phẩm: - Yếu tố Hán “không”: không trung, không gian, không quân, không tưởng, hư không - Yếu tố Hán “nhiễm”: miễn nhiễm, lây nhiễm, truyền nhiễm, nhiễm bệnh, nhiễm khuẩn. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	- Từ mượn có ý nghĩa quan trọng, là quy luật tự nhiên trong quá trình tiếp xúc giao lưu giữa các dân tộc và làm giàu ngôn ngữ dân tộc mình. - Tránh lạm dụng từ mượn

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng GV bổ sung:	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân 5 phút, thảo luận nhóm đôi 5 phút: Hoàn thiện bài tập 1,5 Vở thực hành Ngữ văn

? Đọc câu văn sau đây và phân tích cách dùng từ mượn của tác giả:

Có một nhịp điệu chung trong quá trình tiến hoá của các loài, mà sự sinh sôi mạnh mẽ hay suy giảm số lượng của loài này dẫn đến sự phát triển theo hướng nhiều thêm hay bớt đi tương ứng của loài kia.

(Ngọc Phú, trích *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*)

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập 3, 4 Vở thực hành, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để giải bài tập 3, 4 Vở thực hành

? Viết một đoạn tin nhắn đăng ký mua hàng qua mạng có sử dụng từ mượn thích hợp. Hãy gạch chân và giải nghĩa.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá

- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT 8: Đọc văn bản

TRÁI ĐẤT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- S nhận biết được nét khác biệt giữa VB văn học với VB thông tin, ngay cả khi chúng cùng hướng về' một chủ đề.

- HS nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ.

- HS xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái Đất - ngôi nhà chung của tất cả chúng ta.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn.

- Năng lực sử dụng từ mượn phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp và nghĩa của từ.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học và trong đời sống.

- Yêu tiếng mẹ đẻ và biết tiếp thu ngôn ngữ thế giới một cách hợp lý.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Phiếu học tập của HS

2. Chuẩn bị của học sinh:

SGK, SBT, Vở thực hành Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, làm trước bài tập 1, 5 Vở thực hành, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: ? Nhắc lại chủ đề và kiểu văn bản của hai văn bản chúng ta đã học trong bài 9?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc – hiểu chung văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được cách đọc, nội dung chính của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
1. Đọc – chú thích Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát và đọc thầm bài thơ 1 lần. ? Bài thơ nên đọc với giọng điệu như thế nào để bộc lộ rõ nhất nội dung muốn	I. Đọc – hiểu chung 1. Đọc – chú thích vb

truyền tải? ? Có từ ngữ nào em chưa hiểu? - HS TL, nhận xét - GV HD HS đọc với giọng: có đau xót, phần nộ, có thương xót, dịu dàng, khi đọc chú ý đại từ nhân xưng đã được sử dụng. HS lắng nghe GV đọc mẫu và gọi 3 HS đọc Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS chia sẻ ý kiến với cô và các bạn. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 2. Tác giả, tác phẩm * Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả và văn bản. * Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân, hoạt động chung. * Yêu cầu sản phẩm: Giới thiệu những nét chính về tác giả, tác phẩm * Cách tiến hành: 1. GV chuyển giao nhiệm vụ: ? Trình bày hiểu biết chung của em về tác giả?	

? Cho biết xuất xứ, thể loại, chủ đề của tác phẩm? ? Văn bản có thể chia làm mấy phần? Nội dung của từng phần? (Có thể dùng các câu hỏi phụ để giúp HS tìm ra bố cục bài thơ: ? Những cách hành xử nào đối với Trái Đất được nhắc tới trong 4 dòng thơ đầu và 4 dòng thơ cuối? ? Chúng có điểm gì chung với nhau? ? Thái độ của tác giả đối với chúng là gì? ? Vì sao em có thể nhận ra thái độ ấy?) 2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS: trao đổi lại, thống nhất sản phẩm, trình bày các thông tin về tác giả Ra-xun Gam-da-top và bài thơ “Trái đất”, hoàn cảnh ra đời của văn bản, có tranh minh họa - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất. - Dự kiến sản phẩm: • Tác giả: Ra-xun Gam-da-tốp (1923 - 2003), người dân tộc A-va (Avar) nước Cộng hoà Đa-ghe-xtan (Daghestan) (thuộc Liên bang Nga). Thơ ông tràn đầy tình yêu đối với quê hương, con người, sự sống và luôn hướng tới việc xây đắp tình hữu nghị giữa các dân tộc. Các tác phẩm chính của ông: <i>Năm tôi sinh, Mùa xuân Đa-ghe-xtan, Trái tim tôi trên núi, Những ngôi sao xa, Đa-ghe-xtan của tôi...</i> • Bài thơ <i>Trái Đất</i> viết năm 1987 bằng	2. Tác giả - Tác giả Ra-xun Gam-da-tốp (1923 - 2003), người dân tộc A-va (Avar) nước Cộng hoà Đa-ghe-xtan

tiếng A-va, được phổ biến rộng rãi qua bản dịch ra tiếng Nga của Na-um Grép-nhi-ốp. Bố cục: 2 phần + Phần 1: 4 dòng đầu tập trung thể hiện thái độ của tác giả đối với bọn hủy hoại Trái Đất + Phần 2: 4 dòng cuối tập trung thể hiện thái độ, tình cảm của tác giả theo hướng cư xử nhân văn, hiểu biết với mẹ Trái Đất. 3. Báo cáo kết quả: HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe. 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức	(Daghestan) (thuộc Liên bang Nga) - Thơ ông tràn đầy tình yêu với quê hương, con người, sự sống và hướng tới việc xây đắp tình hữu nghị giữa các dân tộc. 3. Tác phẩm a/ Xuất xứ, thể loại - Bài thơ <i>Trái Đất</i> viết năm 1987 bằng tiếng A-va, được phổ biến rộng rãi qua bản dịch ra tiếng Nga của Na-um Grép-nhi-ốp - TL: thơ tự do - Bố cục: 2 phần

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được các nét khác biệt giữa văn bản văn học với văn bản thông tin dù cùng một chủ đề, nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ từ đó có trách nhiệm với cuộc đời, với Trái Đất.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV- HS	Nội dung bài học
Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc đoạn 1 và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập số 1 Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS: đọc sgk, hđ cá nhân 2 phút, trao đổi trong	II. Khám phá văn bản: 1. Thái độ của tác giả đối với bọn hủy hoại Trái Đất

nhóm bàn thống nhất kết quả 3 phút. - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất. - Dự kiến sản phẩm:			- Tiếng gọi đầu bài nhấn mạnh đối tượng. - Cách xưng hô đối lập của tác giả với Trái Đất và những kẻ xấu: người ><lũ, bọn - So sánh, ẩn dụ, điệp từ, động từ mạnh
	Trả lời cá nhân	Sau khi chữa	
? Mở đầu bài thơ có gì ấn tượng?		Tiếng gọi Trái Đất vừa tha thiết vừa đau xót vừa có tác dụng nhấn mạnh đối tượng nói tới.	
? Tác giả gọi Trái Đất là gì? Gọi những kẻ xấu là gì?		Gọi "Trái Đất" là "người" → Ẩn dụ: Sự tôn trọng, thiêng liêng hóa là một người bạn đáng kính để quan tâm, chăm sóc, chia sẻ.	
? Những kẻ xấu nhìn nhận Trái Đất như thế nào? Tác giả đã ví von cách nhìn nhận đó như thế nào?		Cách kẻ xấu nhìn nhận Trái Đất → So sánh: "là quả dưa", "như quả bóng trên sân".	
? Vì có nhìn nhận như vậy nên những		Hành động: "bổ", "cắn", "giành	

kẻ xấu có hành động gì với Trái Đất? Cách tái hiện của tác giả có gì đặc sắc?		giật", "lao vào", "đá" → Động từ mạnh, điệp từ.	⇒ Thái độ tác giả căm phẫn, khinh bỉ, lên án với những kẻ hủy hoại Trái Đất.
3. Báo cáo kết quả: HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe. 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức ? Thái độ của tác giả đối với những kẻ xấu đó như thế nào? * <u>GV bình, chuyển ý</u>			
Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc đoạn 2 và trả lời các câu hỏi : ? Hình dung của tác giả có gì khác với những kẻ xấu ở 4 dòng thơ trước? Tác giả đã dùng từ ngữ ntn để cho thấy sự đối lập hình dung đó? ? Nhắc đến nước mắt và máu nhà thơ muốn nói lên tình trạng gì của Trái Đất? Nhà thơ đã có hành động gì đối với máu và nước mắt đó? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS: đọc sgk, hđ cá nhân 2 phút, trao đổi trong nhóm bàn thống nhất kết quả 3 phút. - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất. * Dự kiến sản phẩm: - Hình dung của tác giả: + "chẳng là dưa, là bóng". → Từ phủ định, điệp từ "là". + "khuôn mặt thân thương".			3. Thái độ của tác giả đối với Trái Đất - Từ phủ định, điệp từ “là” → Cách hình dung Trái Đất đối lập của tác giả và những kẻ xấu. - Hình ảnh: nước mắt, máu ẩn tượng liên tưởng đến những hậu quả đau thương cho con người do chính con người tạo ra. - Hành động: lau,

- Hành động: + "lau" nước mắt, "xin đừng khóc nữa". + "Rửa máu sạch", "hát", "dịu dàng". -Nhắc đến nước mắt và máu nhà thơ muốn nói lên tình trạng Trái Đất đang ở trong mức báo động, Trái Đất như đang kêu cứu con người dừng ngay những hành động phá hoại môi trường sống, phá hoại tài nguyên thiên nhiên. Trái Đất đang mang trong mình những tổn thương của mình. 3. Báo cáo kết quả: HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe. 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức ? Thái độ của tác giả đối với Trái Đất? * <u>GV bình:</u>	đừng khóc, rửa sạch, hát, dịu dàng. ⇒ TThái độ thương xót, vỗ về những tổn thương, đau đớn Trái Đất đang gánh chịu.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập số 5 - Giao nhiệm vụ nhóm: ?1 Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ?2 Nội dung chính của văn bản “Trái Đất”? ?3 Ý nghĩa của văn bản. ?4 Hãy tìm ra đặc điểm chung về mặt nội dung giữa bài thơ của Ra-xum Gam-da-tốp với hai văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống và Các loài chung sống với nhau như thế nào?. ?5 Cùng đưa ra một thông điệp giống nhiều văn bản khác, nhưng bài thơ Trái Đất vẫn có sự độc đáo, hấp dẫn riêng. Theo em, những gì đã tạo nên	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật Thể thơ tự do, các biện pháp nghệ thuật: điệp từ, liệt kê, ẩn dụ... 2. Nội dung Tác giả thể hiện thái độ lên án với những kẻ làm hại Trái Đất đồng thời thương xót, vỗ về những đau đớn của Trái Đất. 3. Ý nghĩa Lời cảnh tỉnh cho những kẻ có những hành động hủy hoại môi trường

sự độc đáo, hấp dẫn riêng đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). • Dự kiến sản phẩm: - ?4: Cả 3 tác phẩm đều thể hiện tình yêu đối với Trái Đất - hành tinh xanh, nơi sinh sống của muôn loài. Ở Trái Đất, con người là động vật bậc cao nhất có tư duy phát triển nhưng cũng chính con người đang ngày một phá hủy môi trường sống của mình. Các tác phẩm đặt ra vấn đề nhức nhối, cấp bách đó là Trái Đất liệu không biết chịu đựng được đến bao giờ. Từ đó, dấy lên hồi chuông thức tỉnh về trách nhiệm bảo vệ Trái Đất của mỗi con người chúng ta. - ?5: Tác giả sử dụng thể loại thơ dễ dàng bộc bạch thái độ, cảm xúc của mình. - Tác giả so sánh, miêu tả sinh động hình ảnh Trái Đất với quả dưa, quả bóng, khuôn mặt thân thương. - Cách hình dung về Trái Đất và cách thể hiện tình cảm đối với Trái Đất được bày tỏ qua hai thái độ khác nhau. - Hình ảnh thơ có sức gợi tả, lay động mạnh mẽ "lau nước mắt", "rửa sạch máu". B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần)	sống của mình trước khi quá muộn. 4. Liên hệ các văn bản - Mỗi kiểu văn bản có ưu – nhược điểm riêng trong việc truyền tải tư tưởng, chủ đề nhất định. - Thơ có đặc trưng: + Ngắn gọn, xúc tích + Giàu hình ảnh, nhạc điệu, có vần nhịp đậm yếu tố trữ tình, nghệ thuật gây được ấn tượng nhận thức và cảm xúc nơi người đọc.

cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP * Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về phần 1 của vb để làm bài tập. * Nhiệm vụ: HS viết đv * Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân. * Yêu cầu sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi. * Cách tiến hành: 1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS: Viết một đv trình bày cảm nhận của em về bài thơ Trái Đất 2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: - Nghe và làm bt - GV hướng dẫn HS về nhà làm.	
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG * Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn. * Nhiệm vụ: HS vận dụng kiến thức đã học về văn bản để trả lời câu hỏi của GV. * Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân * Sản phẩm: Câu trả lời của HS * Cách tiến hành: 1. Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS: ? Theo em để cùng "lau nước mắt", "rửa sạch máu" cho Trái Đất, mỗi người chúng ta cần phải làm gì? 2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.	

+ Nghe yêu cầu. + Trình bày cá nhân • Dự kiến sản phẩm: - Trồng và bảo vệ cây xanh. - Hạn chế sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật. - Rút các loại phích cắm điện khỏi ổ cắm, tránh lãng phí điện năng. - Sử dụng sản phẩm tái chế, giảm sử dụng túi ni lông. - Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện cho gia đình.	
HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO * Mục tiêu: HS mở rộng vốn kiến thức đã học * Nhiệm vụ: Về nhà tìm hiểu, liên hệ * Phương thức hoạt động: cá nhân * Yêu cầu sản phẩm: câu trả lời của HS vào trong vở. * Cách tiến hành: 1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS: <i>Tìm đọc và chép lại các bài thơ hay viết về Trái Đất</i> <i>Vẽ tranh tuyên truyền bảo vệ Trái Đất</i> - 2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: + Đọc yêu cầu. + Về nhà suy nghĩ thực hiện.	

Tiết 9 + 10:

Viết phần A: VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhằm chắc mục đích, yêu cầu, nội dung của biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

- Biết cách viết một biên bản họp thức về một cuộc họp, cuộc thảo luận.

2. Năng lực

Bồi dưỡng năng lực hợp tác, năng lực tư duy,...

3. Phẩm chất

Có ý thức viết nghiêm túc, chính xác biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: SGK Ngữ văn 6, SGV Ngữ văn 6, Giáo án

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK Ngữ văn 6, Vở ghi bài, Vở soạn bài

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI	
a. Mục tiêu Hiểu được mục đích, vai trò của biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận b. Nội dung GV đặt câu hỏi → HS trả lời câu hỏi c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: ? Biên bản là gì? Biên bản có vai trò như thế nào? Em đã bao giờ được chọn làm người viết biên bản cho một cuộc họp, cuộc thảo luận chưa? ? Tại sao người ta phải cân nhắc kĩ lưỡng khi chọn người viết biên bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 - 3 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời	Biên bản là một loại nhỏ của văn bản nhật dụng, dùng để ghi chép về một vụ việc hay một cuộc họp, cuộc thảo luận, giúp ta nắm bắt được đầy đủ, chính xác về điều đã diễn ra. Nó có thể được lưu lại như một hồ sơ quan trọng, lúc cần được đưa ra như bằng chứng để đánh giá một vụ việc, vấn đề nào đó.

Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục “Tìm hiểu yêu cầu đối với biên bản”	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

TÌM HIỂU YÊU CẦU ĐỐI VỚI BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN	
a. Mục tiêu Hiểu được yêu cầu của biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận b. Nội dung - GV chia nhóm lớp - GV cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập c. Sản phẩm: Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành d. Tổ chức thực hiện	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần “Thể thức của biên bản thông thường” trong SHS - GV hỏi: Từ những gì được trình bày trong phần viết trên, em hãy nêu những tiêu chuẩn cần phải đảm bảo của biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận? - GV yêu cầu HS ghi vào vở học Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc phần “Thể thức của biên bản thông thường” - HS trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1 HS đọc - GV gọi 1 - 2 HS trả lời	Thể thức của biên bản thông thường: - Đầu biên bản, phía bên phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng đứng ra xử lý vụ việc hay tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận,... - Dưới từ “biên bản”, ghi khái quát nội dung của vụ việc cần xử lý hay vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cần giải quyết, làm thành tên gọi của biên bản. - Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc xử lý vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận,... - Ghi thành phần tham dự và tên

Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với đề mục sau “Phân tích biên bản tham khảo”	người chủ trì, người thư kí,... - Ghi diễn biến của cuộc xử lý vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận,... với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận). - Ghi thời gian kết thúc cuộc xử lý vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận... - Người chủ trì và thư kí (tùy trường hợp, có thể thêm người làm chứng) kí tên

ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BIÊN BẢN THAM KHẢO	
a. Mục tiêu - Hiểu được thể thức, nội dung của biên bản cuộc họp, cuộc thảo luận - Hiểu được ngôn ngữ đặc trưng của biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận b. Nội dung - HS đọc biên bản cuộc họp trong SHS - HS thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa c. Sản phẩm: Phiếu học tập làm việc nhóm của HS d. Tổ chức thực hiện	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 HS đọc biên bản cuộc họp - GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho các nhóm 1. Nêu nhận xét chung về việc tuân thủ thể thức biên bản trong văn bản trên? 2. Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đầy đủ thời gian, địa điểm,	1. Văn bản trên tuân thủ đúng theo thể thức của biên bản. 2. + Biên bản phải có tên gọi bởi nó khái quát toàn bộ nội dung của biên bản.

thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí? 3. Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả? 4. Vì sao cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí? 5. Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: + Đọc biên bản trong SHS và trả lời câu hỏi + Thảo luận nhóm 5 phút để hoàn thành nhiệm vụ GV giao - Giáo viên: + Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi + Quan sát, theo dõi HS thảo luận Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Học sinh: + Trả lời câu hỏi của GV + Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm của nhóm, những HS còn lại quan sát sản phẩm của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày rồi nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần) - Giáo viên: Hướng dẫn HS cách trình bày sản phẩm nhóm trước tập thể lớp Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS, thái độ làm việc nhóm của HS, sản phẩm của các nhóm - GV chốt kiến thức và kết nối với	+ Biên bản phải ghi đầy đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí để đảm bảo tính trung thực, chính xác, khách quan của biên bản 3. Khi làm biên bản, nội dung cần phải ghi chi tiết, cụ thể hơn cả là diễn biến của cuộc xử lí vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận,... 4. Cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí để xác nhận vai trò của những người tham dự sự việc và trách nhiệm của họ đối với nội dung của biên bản. 5. Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm: rõ ràng, ngắn gọn, chính xác.

mục sau “Thực hành viết biên bản”	

THỰC HÀNH VIẾT BIÊN BẢN	
a. Mục tiêu: - Biết cách viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận. - Ngôn ngữ trong biên bản đảm bảo sự chính xác và tính khách quan. b. Nội dung: - GV hướng dẫn HS viết biên bản - HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi của GV c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Hình dung lại các buổi họp, thảo luận cần được ghi biên bản. Xác định tên gọi của biên bản em định viết? ? Viết biên bản về một cuộc họp, cuộc thảo luận theo đúng thể thức? ? Chỉnh sửa biên bản sau khi đã viết xong? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SHS và trả lời câu hỏi - Học sinh: + Đọc các gợi ý trong SHS và lựa chọn biên bản viết. + Viết biên bản về một cuộc họp, cuộc thảo luận. + Chỉnh sửa lại biên bản sau khi viết. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo sản	1. Trước khi viết - Xác định tên gọi của biên bản: - Mục đích viết biên bản: - Người đọc biên bản: 2. Viết biên bản - Đọc kỹ phần hướng dẫn viết biên bản trong SHS. - Thực hành viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận (HS tự chọn) 3. Chỉnh sửa biên bản - Đọc lại biên bản nhiều lần. - Chỉnh sửa lại biên bản (nếu có).

phẩm. - HS báo cáo sản phẩm của mình. Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. - GV chuyển dẫn sang mục sau.	

TRẢ BÀI	
a. Mục tiêu: Giúp học sinh: - Thấy được ưu điểm và tồn tại trong bài viết của mình. - Biết chỉnh sửa bài viết của mình và của các bạn. b. Nội dung: - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài làm của mình và của các bạn - HS đọc bài viết, làm việc nhóm c. Sản phẩm: Biên bản đã chỉnh sửa của HS d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Trả bài cho HS và yêu cầu HS đọc, nhận xét Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn - HS nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài viết của bạn Bước 4: Kết luận, nhận định GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại	Biên bản đã được chỉnh sửa của HS

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 11 + 12:

TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- HS nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng tóm tắt VB phục vụ cho nhu cầu tiếp nhận tri thức, tích lũy tài liệu và biết tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một VB đơn giản đã đọc.

- Trình bày dễ “đọc”, dễ theo dõi (có tính trực quan).

- Phản ánh chính xác nội dung chính của VB cùng các tương quan của nó (có tính lô-gíc, khoa học).

- Tinh giản, chặt lọc (có tính khái quát).

- Đẹp mắt, gây được hứng thú đối với người tiếp nhận (có tính thẩm mỹ).

2. Về năng lực

- Nhận biết cách tóm tắt nội dung của một văn bản đơn giản.

- Giúp học sinh biết cách tóm tắt các văn bản bằng sơ đồ khiến kiến thức đơn giản, dễ hiểu, sinh động hơn.

3. Về phẩm chất

Rèn luyện tính chăm chỉ, cần cù, sáng tạo

II. PHƯƠNG TIỆN VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương tiện dạy học

- Máy tính/điện thoại có kết nối internet, máy chiếu, bộ loa.

- Bài soạn (gồm văn bản dạy học để dưới dạng in hoặc dạng điện tử; các hoạt động được thiết kế để tổ chức cho học sinh).

- Một số sơ đồ tóm tắt văn bản

2. Hình thức tổ chức dạy học

- Dạy học cá nhân, nhóm, cả lớp;

- HS thuyết trình, giới thiệu, trao đổi thảo luận...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

3.1 HĐ 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Khám phá tri thức Ngữ văn.

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát ảnh sơ đồ tóm tắt, trả lời câu hỏi của GV.
- HS quan sát, sơ đồ tóm tắt bài “Trái đất cái nôi của sự sống” suy nghĩ cá nhân và trả lời.

c) Sản phẩm:

HS nêu/trình bày được

- Nội dung của bài học: Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản
- Tri thức ngữ văn (tóm tắt; sơ đồ; nội dung văn bản đơn giản).

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chiếu hình ảnh sơ đồ tóm tắt văn bản, yêu cầu HS quan sát & đặt câu hỏi:
? Cho biết nội dung của sơ đồ? Sơ đồ trên gợi cho em những gì?
- Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK.
- Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ:
? Hãy kể tên một số cách tóm tắt văn bản mà em biết
? Em thích nhất cách tóm tắt nào?
? Cách tóm tắt đó có gì mới lạ? Nó có sinh động không? Nó khiến em hiểu được văn bản đó nói đến nội dung gì không?
? Nếu muốn tóm tắt lại nội dung văn bản, em sẽ dựa vào những yếu tố nào?
? Khi tóm tắt văn bản em cần làm những bước nào? Nêu 1 vài bước giúp em tóm tắt được văn bản đó?
? Ngoài cách tóm tắt em chọn còn có cách tóm tắt nào khác không? Nếu có hãy chia sẻ với các bạn trong lớp?

B2: Thực hiện nhiệm vụ HS

- Quan sát hình ảnh sơ đồ tóm tắt và suy nghĩ cá nhân.
- Đọc phần tri thức Ngữ văn.
- Thảo luận nhóm:
+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

GV: - Hướng dẫn HS quan sát sơ đồ tóm tắt.

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn ở công đoạn nào).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc

- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn

3.2 HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về cách tóm tắt bằng sơ đồ một văn bản đơn giản

b) Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

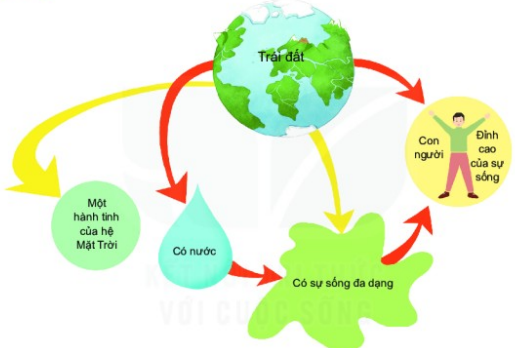
- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Sản phẩm dự kiến</i>
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV tổ chức hoạt động khởi động: đặt một số câu hỏi, yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời: <i>(1) Các em đã được biết những cách nào để tóm tắt một văn bản chưa?</i>	(1) - Có thể tóm tắt văn bản bằng cách gạch ý - Xây dựng thông qua video clip - Tóm tắt bằng sơ đồ tư duy (2) - Khi nhìn vào sẽ dễ hiểu hơn - Hệ thống kiến thức qua sơ đồ giúp học sinh

(2) Sau khi tóm tắt một văn bản xong em thấy như thế nào? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin. HS quan sát SGK. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên bảng hoặc màn hình.	bớt căng thẳng, áp lực
GV dẫn dắt vào bài:	
<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Sản phẩm dự kiến</i>
	Như chúng ta đã biết một văn bản thường có dung lượng tương đối lớn như vậy để nhớ được hết tất cả các ý chính của văn bản thì cần phải đọc đi đọc lại rất nhiều, đôi khi làm chúng ta chán nản hơn. Ngày nay, vấn đề đó trở nên đa dạng hơn khi chúng ta biết vận dụng sáng tạo cách trang trí, tóm tắt một văn bản làm sao cho vừa đủ ý lại khiến chúng ta nhớ lâu hơn bằng cách hệ thống hóa các kiến thức bằng những ý chính sau đó sẽ vẽ theo chủ đề mà văn bản nói đến. Ví dụ: Đối với bài “Trái đất - cái nôi của sự sống” chúng ta có một sơ đồ tóm tắt đơn giản sau:

	 Như vậy, khi tóm tắt một văn bản bằng sơ đồ sẽ giúp chúng ta đơn giản kiến thức hơn và sẽ ghi nhớ được bài học lâu hơn.

1. Trước khi tóm tắt

- a) Mục tiêu:** Giúp HS
- Biết được những nét chung về cách tóm tắt bằng sơ đồ một văn bản đơn giản.
 - Cách bước thức hiện khi tóm tắt một văn bản đơn giản bằng sơ đồ.
- b) Nội dung:**
- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.
 - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS
- d) Tổ chức thực hiện**

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Sản phẩm dự kiến</i>
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung bài học “Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản” - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ: ?1. Vậy trước khi tóm tắt chúng ta cần phải làm gì nhỉ? ?2. Khi tóm tắt quan niệm của vua sư tử Mu – pha – sa về “vòng đời bất tận” (trong đoạn đầu văn bản Các loài chung sống với nhau như thế nào?), em cần thực hiện các bước nào?	(1) - Xác định đúng nội dung cốt lõi của văn bản và hệ thống ý triển khai nội dung. - Lựa chọn từ khóa phản ánh nội dung cốt lõi và các ý triển khai đã xác định được. - Xác định mối liên hệ giữa các từ khóa (2) - B1: Xác định nội dung cốt lõi của đoạn văn: những mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau giữa các loài trong cuộc sống, tạo thành một “vòng đời bất tận”. - B2: Xác định các từ khóa: chúng ta, linh dương, chết, cỏ - B3: Xác định mối liên hệ giữa các từ khóa:

B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	chúng ta ăn linh dương; chúng ta chết; chúng ta trở về với cỏ; linh dương ăn cỏ.
2. Tóm tắt	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được những từ khóa có trong văn bản để bắt đầu tóm tắt bằng sơ đồ - Các bước để hoàn thiện một sơ đồ khi đã có đủ dữ kiện tóm tắt. b) Nội dung:	

- GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện	
<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Sản phẩm dự kiến</i>
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung bài học “Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản” - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ: <i>Vậy sau khi hệ thống các từ khóa làm thế nào để chúng ta tóm tắt được văn bản bằng sơ đồ?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’ + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét,	- Vẽ các hình cụ thể chứa các từ khóa - Sắp xếp các hình (chứa từ khóa) theo trật tự thích hợp. - Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khóa) với nhau.

bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	
3. Chính sửa	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Sau khi HS hoàn thiện được sản phẩm của mình sẽ kiểm tra trình tự bố cục, kiểm tra lỗi chính tả có trong bài làm. - Hiểu được cách tóm tắt một văn bản đơn giản bằng sơ đồ. - Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học. b) Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để kiểm tra chéo bài của nhau, sau đó hoàn thiện và bổ sung (nếu cần) c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS đã hoàn thành. d) Tổ chức thực hiện	
<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Sản phẩm dự kiến</i>
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung bài học “Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản” - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ: <i>Sau khi hoàn thành bài của mình chúng ta cần chỉnh sửa, xem lại nội dung bố cục cho hợp lý, các lỗi chính tả để bài làm hoàn chỉnh hơn</i>	- Kiểm tra xem sơ đồ đã phản ánh đúng cách hiểu của bản thân về nội dung văn bản chưa. - Xóa hay chỉnh sửa những chi tiết khiến người đọc sơ đồ có thể hiểu sai lệch điều bản thân muốn thể hiện hay chia sẻ về nội dung văn bản. - Xem xét chính xác, phù hợp của việc xếp đặt vị trí các hình và việc thiết lập đường

B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	nối giữa chúng.
4. Tổng kết	
<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Sản phẩm dự kiến</i>
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập số 5	Sau khi học xong bài chúng ta rút ra được các bước để tóm tắt nội dung của văn bản bằng sơ đồ đơn giản sau:

- Giao nhiệm vụ nhóm: ? Sau khi học xong bài học các em hãy đưa ra các bước để triển khai khi tóm tắt một văn bản đơn giản bằng sơ đồ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	- Bước 1: Đọc kĩ văn bản cần tóm tắt + Xác định văn bản gồm mấy phần hoặc mấy đoạn và quan hệ giữa các phần, các đoạn. + Tìm từ khóa (những từ được lặp lại nhiều lần, được in nghiêng, in đậm) và ý chính của từng phần hoặc đoạn. + Xác định nội dung chính của văn bản và hình dung cách vẽ sơ đồ. - Bước 2: Tóm tắt văn bản bằng sơ đồ + Dựa trên số phần hoặc số đoạn, xác định số ô hoặc số bộ phận cần có trong sơ đồ. + Chọn cách thể hiện sơ đồ tốt nhất (hình vẽ, mũi tên, các kí hiệu...) để trình bày nội dung chính của văn bản cần tóm tắt. - Bước 3: Kiểm tra lại sơ đồ vẽ + Việc thể hiện các ý chính của văn bản cần tóm tắt trên sơ đồ đã đủ và rõ chưa? + Cách thể hiện trên sơ đồ về các phần, đoạn, ý chính và quan hệ giữa chúng trong văn bản gốc cần tóm tắt đã phù hợp chưa?
<i>Bài 1: Lập sơ đồ cho văn bản sau: “Các loài chung sống với nhau như thế nào?” – Ngọc Phủ</i>	5. Luyện tập - HS trình bày bài của mình và hoàn thiện vào trong vở ghi. - Gọi 2 HS lên bảng chữa bài.

Bài 2: Lập sơ đồ cho văn bản sau: “Trái đất – cái nôi của sự sống” – Hồ Thanh Trang	- GV kiểm tra và đưa ra nhận xét cho học sinh. - Tổng kết lại toàn bài.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

NÓI VÀ NGHE

Số tiết: 2 tiết

TIẾT 13+14: NÓI VÀ NGHE

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- HS biết đề xuất giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, trên tinh thần mong muốn chất lượng cuộc sống của chính bản thân và của cả cộng đồng phải được cải thiện.

- HS biết cách tham gia thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến hay đề xuất của người khác trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

Năng lực nhận biết, tạo lập văn bản, thuyết trình trước lớp.

3. Phẩm chất

Có ý thức vận dụng kiến thức từ các văn bản đã học vào việc nói và nghe.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh:

SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

GV cho học sinh xem hình cựu tổng Mĩ Donald Trum đang phát biểu



Hỏi học sinh: Em có biết vị lãnh đạo này là ai không ?

- Cựu tổng thống Mĩ *Donald Trum*

- GV thuyết trình:

Chúng ta thường nhìn thấy hình ảnh cựu Tổng thống Mĩ đứng phát biểu, diễn thuyết rất oai nghiêm, tưởng chừng như mọi thứ đều tuôn trong đầu ông ra, nhưng thực tế, cựu TT này luôn có một người bạn đồng hành là chiếc máy nhắc chữ. Và cũng chính chiếc máy này đã khiến ông bị chỉ trích không ít lần vì phát biểu sai, đặc biệt là trong ngày Quốc khánh Mĩ bởi vì chiếc máy nhắc chữ bị hư. Vậy thì, bản thân chúng ta không có chiếc máy nhắc chữ nào hỗ trợ cả, thì chúng ta phải làm gì? Đó chính là luyện nói thật nhiều để tự tin diễn đạt trước đám đông ngoài ra còn phải biết lắng nghe. Bài học hôm nay sẽ mang lại cho các em kỹ năng này.

GV: Mời HS hát bài “ Điều đó tùy thuộc hành động của bạn’

hoặc cho HS xem video bài hát và hỏi: Em hãy cho biết tên bài hát và tên tác giả?

- Bài hát có ý nghĩa gì? (muốn truyền tải đến mọi ng thông điệp gì?)

GV: Sáng tác trên của nhạc sĩ Kim Dung gửi đến chúng ta một thông điệp: Hãy chung tay bảo vệ môi trường và giữ cho trái đất màu xanh vĩnh viễn. Trong giờ học hôm nay,

cô và các em sẽ cùng tìm hiểu những giải pháp tốt nhất để bảo vệ môi trường. Và chúng ta hãy cùng nhau lan tỏa thông điệp đó đến tất cả mọi người các bạn nhé.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV giới thiệu: Bài học gồm hai nội dung: Thảo luận nội dung <i>giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. ?Mục đích của giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường là gì? Ai là người sẽ nghe ta trình bày ý kiến hay nêu đề xuất? Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng	Mục đích của việc tham gia thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường là tìm một giải pháp tối ưu, khả thi, có thể thực hiện ngay để cải thiện tình hình.

Hoạt động 2: Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện

a. Mục tiêu: Nhằm được từ lựa chọn vấn đề (thực chất là *giải pháp sẽ được đề xuất*) đến tìm ý và sắp xếp ý.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS chia lớp thành 3 nhóm. Mỗi nhóm trả lời 3 câu hỏi và viết mỗi câu hỏi. ?Thực trạng của vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay và hậu quả của ô nhiễm môi trường? ? Những nguyên nhân nào dẫn đến ô nhiễm môi trường? ?trình bày các giải pháp giúp ngăn chặn ô nhiễm môi trường? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng GV bổ sung:	• * Thực trạng: Ô nhiễm môi trường đang ngày càng trầm trọng ở mức báo động: Ô nhiễm môi trường đất, Ô nhiễm môi trường nước, Ô nhiễm môi trường không khí,... • * Nguyên nhân: • - Do sự thiếu ý thức của con người. • - Thiếu trách nhiệm của các doanh nghiệp. - Những hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và việc tổ chức thực hiện của các cơ quan chức năng. - Công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường trong xã hội còn hạn chế * Hậu quả: Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống của con người. Ô nhiễm không khí gây ra bệnh tim mạch, bệnh về đường hô hấp, ung thư phổi và đột quỵ. Nếu con người không có ý thức bảo vệ bầu khí quyển thì hậu quả của nó cũng khủng khiếp chẳng kém gì đại dịch covid-19 hiện nay. 75% – 80% nguyên nhân ung thư được nghiên cứu là do môi trường ô nhiễm. Khi ô nhiễm môi trường đất, nước sẽ dẫn đến

Tập luyện: - Nói một mình (nói thầm, nói to, nói kèm theo điệu bộ, cử chỉ,...). - Nói trước nhóm học tập.	rau củ, vật nuôi chịu nhiễm độc. Con người ăn phải thực phẩm chứa độc tố đó sẽ dẫn đến nguy cơ mắc ung thư. - Ô nhiễm đất còn ảnh hưởng đến sự phát triển hệ sinh thái. Đất bị ô nhiễm, cây cối không phát triển được, ảnh hưởng đến rất nhiều loài sinh vật. - Sự biến đổi về khí hậu ảnh hưởng đến mọi mặt về kinh tế. * Các giải pháp: - Trước hết phải lồng ghép giáo dục bảo vệ môi trường vào trường học ngay từ tuổi mầm non. - Nhà nước tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường kết hợp với việc đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của ng dân. Trong đó cần có những chế tài xử phạt phải thực sự mạnh để đủ sức răn đe các đối tượng vi phạm. - Tổ chức thường xuyên các cuộc thi sáng tạo để tìm ra nhg giải pháp bảo vệ môi trường cũng như cuộc thi tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường. - Áp dụng công nghệ khoa học để xử lí rác thải và giải quyết tình trạng ô nhiễm không khí, ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nc trong giai đoạn hiện nay. - Cta cần lên án, phê phán mạnh mẽ , đấu tranh, ngăn chặn nhg hành động pha shoaij môi trường. Và tuyên dương, ca ngợi, biết ơn những hành động bảo vệ môi trường. * Là HS, cta cần tạo cho mình thói quen đổ

	rác đúng nơi quy định. Giảm thiểu việc sử dụng bao bì ni lông. Tham gia trồng và bảo vệ cây xanh. Không xả rác bừa bãi, đổ rác ra ao hồ. Có ý thức giữ gìn, vệ sinh nhà ở, đường làng, ngõ xóm, trường học cũng như nơi công cộng.

Hoạt động 3: Trình bày bài nói

- GV có thể hướng dẫn cho một học sinh học tốt, kỹ năng nói tốt đứng ra điều khiển toàn bộ hoạt động nói và nghe ở quy mô lớp, với những gợi ý về khâu tổ chức như: lên “danh sách” người nói, nắm sơ bộ nội dung ý kiến hay đề xuất sẽ trình bày, điều tiết không khí chung, duy trì trật tự,...

- GV quan sát hoạt động thảo luận của HS và cách điều khiển của người được giao nhiệm vụ phụ trách, kịp thời đưa ra những gợi ý và định hướng, giúp cho việc nói-nghe diễn ra có chất lượng, bám sát mục tiêu giờ học, bài học.

Ngoài việc tuân thủ những yêu cầu chung (về nội dung nói, ngữ điệu, sử dụng từ ngữ, tương tác với người nghe, bảo đảm thời gian,...), em cần lưu ý thêm các điểm sau đây khi tham gia thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường.

GV nhắc hs:

a) Mở đầu

Nêu tình trạng đáng báo động của vấn đề ô nhiễm môi trường với các biểu hiện cụ thể của nó, nhất là biểu hiện mà em và các bạn đang phải đối mặt và cần phải tham gia giải quyết.

b) Triển khai

- Trình bày ý kiến theo đề cương đã chuẩn bị.

- Trước khi trình bày từng phần ý kiến, có thể nêu lại các câu hỏi đã từng được đặt ra trong bước tìm ý, nhằm giúp người nghe hiểu rõ nội dung từng khía cạnh của vấn đề được đề cập.

c) Kết luận

Khái quát lại nội dung ý kiến vừa trình bày.

Hoạt động 4: Trao đổi về bài nói

- GV nhắc HS xem kỹ bảng yêu cầu trong SHS để nắm được những đòi hỏi cơ bản đối với người nghe và người nói, trước khi thực hiện việc trao đổi ý kiến. Do tính đặc thù của hoạt động thảo luận, việc trao đổi này diễn ra ngay sau mỗi lượt phát biểu ý kiến

hay nêu đề xuất của từng HS. Người trao đổi lại với ý kiến hay đề xuất vừa được trình bày cũng chính là một người nói, với những ý kiến hay đề xuất riêng của mình.

Người nghe	Người nói
- Đặt mình vào vị trí người nói để thấu hiểu lí do khiến người nói đề xuất giải pháp như vậy. - Các nhận xét, trao đổi hướng vào trọng tâm, không sa vào những chi tiết vụn vặt. - Nêu được điều tâm đắc của em về ý kiến của em. - Nêu những điều em chưa đồng tình với ý kiến của bạn. - Bổ sung những điều mà ý kiến của bạn chưa đề xuất đầy đủ.	- Tiếp nhận mọi trao đổi trên tinh thần hướng đến việc tìm tòi một giải pháp thống nhất. - Làm rõ một số điểm mà người nghe có thể thắc mắc. - Bảo vệ những nội dung trong ý kiến của bản thân mà em cho là hợp lí. - Tự rút ra những kinh nghiệm cần thiết trong việc nêu ý kiến khi tham gia thảo luận.

- Sau mỗi vòng trao đổi theo cách trên, GV cần hướng dẫn HS chốt lại những điều đã được thống nhất để cuối cùng có thể đưa ra được những giải pháp tối ưu cho việc giải quyết những tình trạng ô nhiễm môi trường cụ thể.

Tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay đã trở nên nghiêm trọng, đe dọa cuộc sống của tất cả chúng ta. Trong phạm vi và điều kiện hoạt động của mình, mỗi người có thể làm những gì để khắc phục tình trạng đó? Với hoạt động nói và nghe của bài học này, em hãy cùng các bạn thảo luận về những giải pháp cần thực hiện, nhằm làm cho môi trường quanh ta trở nên an toàn, tốt đẹp hơn

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Gợi ý nội dung bài nói tham khảo:

Thế giới ngày nay đang bước vào giai đoạn phát triển không ngừng, hàng loạt sản phẩm ra đời giúp cho cuộc sống con người trở nên thuận lợi, đơn giản hơn. Thế nhưng đi liền với điều đó thì những khó khăn cũng gây nên bất lợi cho con người, đặc biệt là

vấn đề ô nhiễm môi trường đang ngày càng trầm trọng yêu cầu chúng ta phải tìm ra biện pháp bảo vệ.

Môi trường là toàn bộ không gian mà con người sinh sống, bao gồm đất, nước, không khí, rừng. Nó là yếu tố vô cùng quan trọng ảnh hưởng tới cuộc sống của con người. Tuy nhiên hiện nay vấn đề bảo vệ môi trường đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Thực trạng:

Thực trạng vấn đề MT hiện nay: Trái đất - Hành tinh của chúng ta đang bị hủy hoại trầm trọng. Tình trạng ô nhiễm môi trường đang ở mức báo động: Ô nhiễm môi trường đất, Ô nhiễm môi trường nước, Ô nhiễm môi trường không khí... Tình trạng đó cần phải được khắc phục kịp thời bằng những hành động thiết thực của mỗi người trên trái đất. Nếu không, chúng ta và con cháu chúng ta sẽ phải hứng chịu những hậu quả tàn khốc hơn cả những trận sóng thần Tsunami ở Nhật vào năm 2011, Thái Lan vào năm 2004, những trận bão lũ kinh khủng như ở Venezuelea vào giữa tháng 12 năm 1999 giết chết khoảng 30.000 người. Không khí mà cta đang hít thở hiện nay đc ví với khí quyển ngày tận thế. Vì vậy, hiện nay vấn đề bảo vệ môi trường đang là vấn đề bức thiết, có vai trò quyết định đến sự sống còn của cả loài người.

Hiện nay, ở nước ta tình trạng quy hoạch các khu đô thị vẫn chưa được gắn liền với vấn đề xử lý chất thải, xử lý nước thải,... Trong đó, tại các thành phố lớn như Hà Nội hay Tp. HCM, các khu công nghiệp, khu đô thị,... tình trạng ô nhiễm môi trường đang ở mức báo động như: Ô nhiễm môi trường đất, Ô nhiễm môi trường nước, Ô nhiễm môi trường không khí,...



Nguyên nhân:

Ô nhiễm MT, nguyên nhân đầu tiên chính là do sự thiếu ý thức của con người.

Đã bao giờ con người tự hỏi: mình đối xử với thiên nhiên có công bằng hay chưa? Hay mình chỉ biết bòn rút kiệt quệ Đất Mẹ, bắt thiên nhiên phục vụ cho lợi ích và quyền lợi của mình mà quên đi bổn phận chăm sóc và bảo vệ TN. Đất mẹ đã che chở, nuôi dưỡng con ng, ban tặng cho con ng bao điều tốt đẹp. Thế mà con ng đã đối xử với đất ntn? Con ng đã sống vô ơn, ngược đãi với Đất mẹ, đã xả vào lòng đất nhg túi ni lông, nhg chất thải độc hại, gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nc, hủy hoại môi trng đất. Vì lợi nhuận kinh tế, con ng đã ra tay tàn phá, hủy hoại TN. Và thiên nhiên cũng đáp trả con ng bằng nhg hành động giận dữ. Mùa đông băng giá hơn, mùa hè nắng nóng, khắc nghiệt hơn. Những cơn bão, cơn sóng thần thường xuyên hơn, dữ dội hơn bao giờ hết. Nó cuốn trôi cả con ng và mọi thứ trên đg đi của mình. Ai cũng biết Siêu bão Haiyan tàn phá Philippines, khiến 10.000 người thiệt mạng. Cho đến nay, nhiều ng vẫn k thể quên được lời nói xúc động của cô bé 6 tuổi trước khi buông tay mẹ và bị cơn bão Haiyan cuốn đi: “ Mẹ, mẹ hãy buông con ra. Mẹ hãy tự cứu lấy mình.” Phải chăng đã đến lúc con ng phải tự cứu lấy chính mình trc khi quá muộn.

Nguyên nhân thứ 2 gây ô nhiễm MT là do chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường chưa đc quan tâm đúng mức, chưa đủ mạnh, chưa có sức răn đe.

Việc tổ chức thực hiện của các cơ quan chức năng còn mang tính hình thức.

Ngoài ra, công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường trong xã hội còn hạn chế, chưa phát huy được ý thức tự giác, trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân, cộng đồng trong việc tham gia gìn giữ và bảo vệ môi trường.



Ô nhiễm từ nguồn công nghiệp



Ô nhiễm từ nguồn nông nghiệp



Ô nhiễm từ chất thải sinh hoạt



Ô nhiễm từ tự nhiên, cấu trúc địa chất

Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống của con người. Ô nhiễm không khí gây ra bệnh tim mạch, bệnh về đường hô hấp, ung thư phổi và đột quỵ. Nếu con người có ý thức bảo vệ bầu khí quyển thì hậu quả của nó cũng không khiếp chẳng kém gì đại dịch covid-19 hiện nay.

- 75% – 80% nguyên nhân ung thư được nghiên cứu là do môi trường ô nhiễm. Khi ô nhiễm môi trường đất, nước sẽ dẫn đến rau củ, vật nuôi chịu nhiễm độc. Con người ăn phải thực phẩm chứa độc tố đó sẽ dẫn đến nguy cơ mắc ung thư.

- Ô nhiễm đất còn ảnh hưởng đến sự phát triển hệ sinh thái. Đất bị ô nhiễm, cây cối không phát triển được, ảnh hưởng đến rất nhiều loài sinh vật. Sự biến đổi về khí hậu ảnh hưởng đến mọi mặt về kinh tế.

Biện pháp:

Để cứu lấy Trái đất thì con người phải biết sống thân thiện, gắn bó với thiên nhiên.

- Phải lồng ghép giáo dục về MT vào trường học ngay từ lứa tuổi mầm non.

- Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường kết hợp với việc đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của người dân. Trong đó cần có những chế tài xử phạt phải thực sự mạnh để đủ sức răn đe các đối tượng vi phạm.

- Tổ chức thường xuyên các cuộc thi sáng tạo để tìm ra những giải pháp bảo vệ môi trường cũng như cuộc thi tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Áp dụng công nghệ khoa học để xử lý rác thải và giải quyết tình trạng ô nhiễm không khí, ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước trong giai đoạn hiện nay.

- Chúng ta cần lên án, phê phán mạnh mẽ, đấu tranh, ngăn chặn những hành động phá hoại môi trường. Và tuyên dương, ca ngợi, biết ơn những hành động bảo vệ môi trường.

- Là học sinh, chúng ta cần tạo cho mình thói quen đổ rác đúng nơi quy định. Giảm thiểu việc sử dụng bao bì ni lông. Tham gia trồng và bảo vệ cây xanh. Không xả nước thải, nước bẩn ra ao hồ. Có ý thức giữ gìn, vệ sinh nhà ở, đống làng, ngõ xóm, trường học cũng như nơi công cộng.



Tóm lại, trách nhiệm bảo vệ môi trường không phải là trách nhiệm của một cá nhân hay một tập thể nào cả mà là trách nhiệm chung của tất cả mọi người sống trong ngôi nhà trái đất. Việc bảo vệ môi trường phải được thực hiện bằng việc làm thiết thực, cụ thể chứ không phải bằng lời nói suông. Hãy bảo vệ môi trường, bảo vệ Trái đất vì đó là bảo vệ tương lai của chính mình.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
- GV đặt câu hỏi: ? Em có biết ngày 22 tháng 04 là ngày gì	Ngày Trái đất

không? ? Ngày Trái đất có ý nghĩa như thế nào? ? Trong Ngày Trái đất, địa phương em có những hoạt động nào? ? Em đã tham gia vào việc tuyên truyền kêu gọi mọi người chung sức bảo vệ môi trường chưa? Em tuyên truyền như thế GV: Em đã làm rất tốt. Hành động đó của em đã góp phần thiết thực trong việc bảo vệ môi trường sống của chúng ta. Cô mong rằng tất cả các em sẽ đều chung tay với cộng đồng bảo vệ môi trường từ những việc nhỏ nhất. Và cô mong các em sẽ luôn nhớ lời bài hát của nhạc sĩ Kim Dung: “ Tổ quốc Việt Nam xanh ngắt Có sạch đẹp mãi được không Điều đó tùy thuộc hành động của bạn Chỉ thuộc hành vào bạn mà thôi” - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	Ngày Trái Đất là ngày mà cả nhân loại hành động cho thế giới tự nhiên, cho bầu khí quyển và Trái Đất mà chúng ta đang sống. Trong Ngày Trái đất, địa phương em thường tổ chức các hoạt động như tuyên truyền kêu gọi mọi người chung sức bảo vệ môi trường sống xanh sạch đẹp, tổ chức trồng cây xanh, vệ sinh đường làng, ngõ xóm, thu gom rác thải,... Em vẫn tuyên truyền cho mọi người trong gia đình em là nên sử dụng năng lượng, sử dụng điện, sử dụng xăng dầu ở mức độ vừa đủ. Tiết kiệm năng lượng là việc hết sức quan trọng. Vì mỗi người tiết kiệm điện một chút thì các nhà máy nhiệt điện không phải đốt than nhiều, mỗi người chịu khó đi bộ, đi xe đạp thêm một chút thì lượng khí thải do xe máy, ô tô thải ra môi trường giảm đi một chút... Và như vậy, bầu khí quyển của chúng ta sẽ mạnh khỏe lại, trái đất sẽ được bảo vệ nhiều hơn.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập

- Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận

Tiết 15: ĐỌC MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU

1.1 Kiến thức

- Hệ thống được đặc điểm và chức năng của văn bản nghị luận và văn bản thông tin.
- Trình bày được các bước đọc hiểu văn bản nghị luận và văn bản thông tin.
- Phân tích được văn bản thông tin và văn bản nghị luận do HS tự chọn.
- Từ việc phân tích nội dung, ý nghĩa của các văn bản đã đọc, HS liên hệ với bản thân mình trong cuộc sống hiện tại.

1.2. Năng lực

a. Năng lực chung

Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề một cách chủ động, tích cực, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

b. Năng lực riêng biệt

- Nhận diện được văn bản thông tin và văn bản nghị luận.
- Nhận biết vai trò quan trọng của số liệu, hình ảnh, cách triển khai theo quan hệ nhân quả trong một văn bản thông tin và chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.
- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của bản thân do văn bản gợi ra.
- Thực hành viết đoạn văn, bài văn theo đúng thể loại.

1.3. Phẩm chất

Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, dự kiến trả lời câu hỏi
- Văn bản nghị luận và văn bản thông tin (Dành cho trường hợp với những HS chưa chuẩn bị bài trước ở nhà).

2. Chuẩn bị của HS

- SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.
- Poster, Powerpoint, tranh ảnh, photographic, video... (Tùy vào sản phẩm của HS)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng KWL (hoàn thành cột K và cột W) để GV biết được mức độ ghi nhớ bài của HS về văn bản thông tin và văn bản nghị luận. Từ đó, - GV tổ chức các hoạt động học tập phù hợp với HS.

K	W	L

Tình huống dự kiến:

+ Nếu HS nhắc lại được các kiến thức về khái niệm, đặc điểm, các bước đọc hiểu văn bản thông tin và văn bản nghị luận thì GV rút ngắn phần nhắc lại lý thuyết để tập trung sang phần thực hành.

+ Nếu HS không nhắc lại được các kiến thức về khái niệm, đặc điểm, các bước đọc hiểu văn bản thông tin và văn bản nghị luận thì GV cần đặt các câu hỏi gợi mở để HS nhớ lại các kiến thức.

+ Nếu HS chưa chuẩn bị được các văn bản thông tin và văn bản nghị luận thì GV cần cung cấp cho HS.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trao đổi về kết quả tự đọc các VB nghị luận và VB thông tin

a. Mục tiêu: Biết cách đọc hiểu VB nghị luận và VB thông tin.

b. Nội dung: HS sử dụng sản phẩm đã làm ở nhà, chắt lọc nội dung để trao đổi lại với bạn.

c. Sản phẩm học tập: Nội dung, ý nghĩa của các văn bản nghị luận và văn bản thông tin dưới dạng gạch ý, sơ đồ tư duy, bảng biểu, truyện tranh...

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm. GV chia lớp: 4 – 5 nhóm (tùy theo số lượng HS; trong nhóm phải có những HS làm văn bản thông tin và VB nghị luận). GV phát phiếu thảo luận cho HS. Thời gian: 15 phút Dự kiến tình huống: Với những HS chưa làm bài, GV cho HS thảo luận vào một nhóm riêng biệt. GV cần trực tiếp hỗ trợ nhóm HS này. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS tiến hành thảo luận theo nhóm và hoàn thành phần ghi nhận xét vào Phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - GV yêu cầu các nhóm tự kiểm tra Phiếu học tập lẫn nhau. - GV gọi nhóm trưởng báo cáo về ý thức thảo luận nhóm của nhóm mình. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV kiểm tra Phiếu học tập và nhận xét.	- HS chủ động và tích cực thảo luận nhóm. - HS không vi phạm nội quy lớp học. - HS hoàn thành 80 – 100% nội dung trong Phiếu học tập.

Hoạt động 2: Chia sẻ kết quả thảo luận nhóm trước lớp

a. Mục tiêu: HS biết cách đọc hiểu văn bản thông tin và văn bản nghị luận cụ thể.

- Trình bày được nội dung cơ bản của văn bản đã đọc.
- Phân tích được một số yếu tố đặc trưng của VB nghị luận và VB thông tin được thể hiện qua văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng Phiếu học tập, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các nhóm chia sẻ nội dung trong Phiếu học tập với các bạn. Khi HS trình bày, các HS còn lại cần căn cứ vào Tiêu chí đánh giá để nhận xét bài cho bạn. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS trình bày. - HS khác lắng nghe và nhận xét. - GV quan sát, lắng nghe. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - Các HS đã được nghe phần trình bày đến từ nhiều bạn trong lớp. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. - HS căn cứ vào Tiêu chí đánh giá để trả lời. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV căn cứ vào Phiếu học tập và Phiếu tiêu chí đánh giá để nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	HS hoàn thành 80 -> 100% nội dung trong Phiếu học tập và Phiếu đánh giá HS tự tin trình bày sản phẩm của mình và biết cách phân tích để nhận xét bài của bạn.

III. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng lại Phiếu học tập và Phiếu tiêu chí đánh giá để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

+ Theo con, làm thế nào để thuyết trình đạt kết quả cao?

+ Theo con, việc tìm hiểu văn bản thông tin và văn bản nghị luận có ý nghĩa như thế nào đối với con?

IV. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS: Lựa chọn 01 chủ đề mà con ấn tượng trong buổi chia sẻ và thực hiện dưới các hình thức sau.

+ Viết bài văn (khoảng 01 trang giấy) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đó.

+ Vẽ tranh, poster minh họa về vấn đề đó.

+ Sáng tác 01 bài hát trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đó.

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

V. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận

PHIẾU HỌC TẬP

Đây là Phiếu của nhóm: Lớp:

Tên văn bản mà bạn em đã chọn	Đó là văn bản gì?		Thông tin em ghi được	Nhận xét của em
	Thông tin	Nghị luận		
	Nội dung cơ bản	Vấn đề nghị luận		
	Nội dung của từng	Ý kiến của người viết		

	đoạn văn			
	Cách triển khai văn bản	Lý lẽ và dẫn chứng		

PHIẾU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Chọn được VB hay, có ý nghĩa	Chưa có VB trình bày trước lớp	Có văn bản trình bày nhưng chưa hay.	Văn bản có nội dung hay và ấn tượng.
2. Nội dung	Nội dung sơ sài, không trình bày đầy đủ các yếu tố của VB thông tin và VB nghị luận.	Nội dung đúng, trình bày đầy đủ các yếu tố của VB thông tin và VB nghị luận.	Nội dung đúng, có cách ví von hấp dẫn, trình bày đầy đủ các yếu tố của VB thông tin và VB nghị luận.
3. Ngôn ngữ và ngữ điệu	Nói nhỏ, thiếu tự tin, nét mặt chưa biểu cảm.	Nói to những đôi chỗ còn ngập ngừng, lặp lại, tự tin, biểu cảm phù hợp với câu chuyện.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại, tự tin, nét mặt sinh động.
4. Sản phẩm	Hoàn thành dưới 50% yêu cầu trong PHT.	Hoàn thành dưới 50 - 80% yêu cầu trong PHT.	Hoàn thành dưới 90 - 100% yêu cầu trong PHT.

TUẦN

Ngày soạn:

Ngày dạy

Tiết: 131, 132, 133, 134

Bài 10: CUỐN SÁCH TÔI YÊU

Thời gian thực hiện: 8 tiết

Thiên nhiên và sách thuộc về những đôi mắt thấy chúng.

O-mơ-sơn (R.W. Emerson)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm được tri thức ngữ văn (văn bản nghị luận văn học, lí lẽ và dẫn chứng trong bài nghị luận văn học).
- Nêu được ấn tượng chung về cuốn sách yêu thích.
- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trong cuốn sách.
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ.
- Nhận ra được đặc điểm của bài văn nghị luận văn học (bàn về một tác giả)
- Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong cuốn sách yêu thích
- Biết trình bày ý kiến, thảo luận về một cuốn sách hoặc trình diễn một nội dung trong cuốn sách đó dưới hình thức: đóng kịch, ngâm thơ...

2. Về năng lực

- **Năng lực chung:** năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự học và tự chủ, năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân.
- **Năng lực đặc thù môn học:**
 - + Phát triển kĩ năng tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học.
 - + Biết kể lại tóm tắt nội dung cuốn sách.
 - + Xác định được đề tài, chủ đề, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua văn bản.
 - + Viết được đoạn văn giới thiệu về cuốn sách, về nhân vật yêu thích trong cuốn sách.
 - + Biết trình bày ý kiến, thảo luận về cuốn sách yêu thích hoặc về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.
 - + Đưa ra được các ý tưởng, sáng tạo được các poster giới thiệu về cuốn sách có tính thẩm mỹ.
 - + Nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học.
 - + Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.

3. Về phẩm chất

- Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.
- Học hỏi và trau chuốt ngôn ngữ để vận dụng vào việc thuyết trình dự án đọc sách.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- SGK, SGV

- Các cuốn sách liên quan đến chủ đề: Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở, Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái Đất - ngôi nhà chung.

- Máy chiếu, máy tính

- Các phương tiện dạy học khác: màu vẽ, giấy vẽ, tư liệu hình ảnh minh họa (tranh ảnh và phim ngắn),...

- Phiếu đọc sách

- Góc đọc sách của lớp

- Thư viện nhà trường

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Hệ thống lại các tác phẩm văn học đã học theo chủ đề.

- Giúp học sinh tự khám phá thế giới và cảm nhận niềm vui của việc đọc sách.

b) Nội dung:

- HS tự đọc phần Giới thiệu bài học, theo dõi câu hỏi của GV, suy nghĩ và trình bày theo cách hiểu của mình.

- HS kể tên 10 cuốn sách mà em biết (kèm tên tác giả) phù hợp với chủ đề dự án lựa chọn như: *Tôi và các bạn*, *Gõ cửa trái tim*, *Yêu thương và chia sẻ*, *Quê hương yêu dấu*, *Những nẻo đường xứ sở*, *Chuyện kể về những người anh hùng*, *Thế giới cổ tích*, *Khác biệt và gần gũi*, *Trái Đất - ngôi nhà chung*.

c) Sản phẩm:

- Hệ thống lại được các tác phẩm văn học đã học theo chủ đề.

- HS nêu được

+ Sách đầu tiên là của người Ai Cập, xuất hiện vào khoảng thế kỉ XXV trước Công nguyên. Ban đầu sách được khắc trên đá, thân cây, xương, đất sét, gỗ hoặc viết vẽ trên lá cây, vải... - Những kỉ lục liên quan đến sách: cuốn sách có kích thước lớn nhất là cuốn viết về vương quốc Bu-tan do nhà khoa học Mỹ Ha-li vận động quỹ để làm ra. Cuốn sách dày 112 trang, nặng 59kg. Cuốn sách nhỏ nhất là cuốn Ti-ni Tét ở thị trấn Tơ-nip có kích thước 0,1 mm × 0,07 mm.

+ Thư viện đầu tiên là thư viện A-lếch-xan-đrơ ở Ai Cập. Thư viện này tồn tại từ thế kỉ thứ III trước Công nguyên, gồm khoảng 7000000 bản chép tay về các lĩnh vực khác nhau như: văn học, nghệ thuật, tôn giáo, triết học, lịch sử, khoa học...

- Kể được chính xác tên 10 cuốn sách và tác giả.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

GV chia lớp thành 3 nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: Sách có từ bao giờ? Sách được làm bằng những cách nào? Kể tên 10 cuốn sách em yêu thích (kèm tên tác giả).

+ Nhóm 2: Hãy nêu những kỉ lục về sách mà em biết? Kể tên 10 cuốn sách em yêu thích (kèm tên tác giả).

+ Nhóm 3: Thư viện nào được coi là thư viện đầu tiên trên thế giới? Vì sao trong giai đoạn đó, thư viện này được coi là thư viện lớn nhất? Kể tên 10 cuốn sách em yêu thích (kèm tên tác giả).

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận theo nhóm và ghi lại kết quả thảo luận (thời gian: 4 phút)

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết quả, nhận định:

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

ĐỌC

THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH

2. 1. Mục tiêu

a, Kiến thức:

- Nêu được các thông tin về cuốn sách (tên sách, tác giả, nhà xuất bản...)
- Tóm tắt nội dung, xác định được: đề tài, bố cục, nhân vật, sự kiện, chi tiết tiêu biểu trong cuốn sách.
- Nêu được khái niệm văn bản nghị luận văn học và lí lẽ trong nghị luận văn học.
- Xác định được câu văn mang luận điểm trong bài nghị luận văn học.

b, Năng lực

- Xác định được những điểm hấp dẫn mà cuốn sách gợi ra.

- Xây dựng cây đọc sách với các mẫu nhật kí đọc sách, mẫu phiếu ghi chép về sách của nhóm,
- Tự thiết kế một sản phẩm minh họa cho cuốn sách như: poster, fanpage, sơ đồ...
- Tự giới thiệu được về cuốn sách, một tác giả yêu thích.
- Phân tích và so sánh để thấy những điểm tương đồng và khác biệt giữa nội dung, hình thức của phim và sách.

c, Phẩm chất

- Yêu quý và trân trọng sách.
- Có ý thức giữ gìn sách.

2.2. Thiết bị dạy học và học liệu

- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính
- Tư liệu và tranh ảnh về tác giả Lò Ngân Sủn
- Tranh ảnh, phim *Hoàng tử bé*
- Các phương tiện dạy học khác: màu vẽ, giấy vẽ...

2.3. Tiến trình dạy học

a, Mở đầu

- Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:

+ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

GV hướng dẫn HS tạo không gian đọc sách mở; GV đưa yêu cầu: Chia sẻ những điều thú vị nhất mà em cảm nhận được từ cuốn sách mới đọc; Kể tên một cuốn sách em cho là cần đọc trong tuần này và thuyết phục các bạn cùng đọc.

+ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ

+ Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

Báo cáo, thảo luận: HS trả lời các câu hỏi của GV

+ Bước 4: Kết quả, nhận định:

GV nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

b, Hình thành kiến thức mới

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Hoạt động 1: SÁCH HAY CHUNG ĐỌC - Mục tiêu: HS lựa chọn chủ đề định hướng cho việc đọc sách, tìm cuốn sách có nội dung liên quan đến chủ đề, cùng đọc và giới thiệu về cuốn sách đó. - Nội dung: HS chọn hai trong số các chủ đề: Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở, Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái đất – ngôi nhà chung. HS tìm tên cuốn sách, đọc, giới thiệu về cuốn sách. - Sản phẩm: câu trả lời của HS, các poster, fanpage, video giới thiệu về cuốn sách. - Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 6 nhóm, các nhóm bốc thăm chủ đề. Tìm một cuốn sách thuộc chủ đề đó, cùng đọc và viết lời giới thiệu ngắn. Yêu cầu: nêu rõ tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản; tóm tắt nội dung, đề tài, chủ đề, nhân vật, sự kiện, chi tiết; liệt kê những câu văn, đoạn văn yêu thích; tự thiết kế một sản phẩm minh họa. (Nhiệm vụ này cần được giao trước, thời gian trên lớp chỉ dành để các nhóm báo cáo). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS chia nhóm và thảo luận. Bước 3: Báo cáo và thảo luận: Treo lời giới thiệu về cuốn sách của các nhóm, Các nhóm cử đại diện trình bày. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau. Kết luận, nhận định: GV nhận xét	I. Sách hay chung đọc - Các nhóm lựa chọn được một cuốn sách theo chủ đề, viết nhật ký đọc sách, trao đổi, viết lời giới thiệu, trình bày sản phẩm.

Tiết 2: HOẠT ĐỘNG 2: CUỐN SÁCH YÊU THÍCH - Mục tiêu: Khuyến khích việc đọc cá nhân. Kết hợp đọc và ghi chép những điều thú vị trong sách. HS trình bày ý kiến, bộc lộ cảm nghĩ, sở thích cá nhân về cuốn sách yêu thích; rút ra bài học từ những trang sách. - Nội dung: HS đọc và ghi chép các nội dung: + Nhan đề và giải thích nhan đề cuốn sách + Những điều lý thú từ trang sách? Vì sao em thấy lý thú?	

+ Thế giới từ trang sách: em gặp ai và đến những đâu qua trang sách? + Bài học từ trang sách? Những gì còn đọng lại trong tâm trí em? Vì sao em thích cuốn sách này? - Sản phẩm: Câu trả lời của HS - Tổ chức thực hiện:													
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến												
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao phiếu học tập. Mỗi HS chọn một cuốn sách yêu thích, đọc và ghi chép lại những điều thu hoạch được vào phiếu học tập: <table border="1"> <tr> <td>Tên cuốn sách</td><td></td></tr> <tr> <td>Tên tác giả</td><td></td></tr> <tr> <td>Giải thích nhan đề</td><td></td></tr> <tr> <td>Điểm lý thú, hấp dẫn trong tác phẩm? vì sao?</td><td></td></tr> <tr> <td>Em đã gặp những ai, đã đến những đâu qua trang sách?</td><td></td></tr> <tr> <td>Bài học rút ra từ cuốn sách? Những gì còn đọng lại trong tâm trí em? Vì sao em thích cuốn sách này?</td><td></td></tr> </table> - Thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn thành phiếu học tập. - Báo cáo và thảo luận: 3, 4 HS chia sẻ về cuốn sách yêu thích. - Kết luận và nhận định: GV nhận xét. Hết tiết 2	Tên cuốn sách		Tên tác giả		Giải thích nhan đề		Điểm lý thú, hấp dẫn trong tác phẩm? vì sao?		Em đã gặp những ai, đã đến những đâu qua trang sách?		Bài học rút ra từ cuốn sách? Những gì còn đọng lại trong tâm trí em? Vì sao em thích cuốn sách này?		II. Cuốn sách yêu thích - Học sinh nộp phiếu học tập qua việc đọc, ghi chép lại từ việc đọc cuốn sách yêu thích
Tên cuốn sách													
Tên tác giả													
Giải thích nhan đề													
Điểm lý thú, hấp dẫn trong tác phẩm? vì sao?													
Em đã gặp những ai, đã đến những đâu qua trang sách?													
Bài học rút ra từ cuốn sách? Những gì còn đọng lại trong tâm trí em? Vì sao em thích cuốn sách này?													
Tiết 3:													

HOẠT ĐỘNG 3: GẶP GỠ TÁC GIẢ

- **Mục tiêu:** HS biết được khái niệm văn bản nghị luận văn học, lí lẽ trong nghị luận văn học; từ văn bản *Nhà thơ Lò Ngân Sún – người con của núi* HS xác định được chủ đề, cách nêu dẫn chứng, mối quan hệ giữa câu kết và câu mở đầu; HS giới thiệu được về một tác giả yêu thích.

- **Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi:

- + Vì sao Lò Ngân Sún được coi là người con của núi
- + Xác định câu văn nêu luận điểm
- + Vai trò của các câu trích dẫn
- + Mối quan hệ giữa câu kết và câu mở đầu.
- + Giới thiệu về một tác giả yêu thích

- **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

- **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV – HS	Sản phẩm dự kiến
Chuyển giao nhiệm vụ 1: - HS đọc phần tri thức văn học. Đọc văn bản: <i>Nhà thơ Lò Ngân Sún – người con của núi</i>. - GV chiếu hình ảnh tác giả Lò Ngân Sún và các câu hỏi trắc nghiệm. - HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm: Câu 1: Vì sao nhà thơ Lò Ngân Sún được tác giả gọi là “người con của núi”? a, Vì nhà thơ có nhiều bài thơ viết về núi rừng, cỏ cây, hoa lá của Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. b, Vì nhà thơ sinh ra và lớn lên ở Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và từ nhỏ đã đắm mình trong hơi thở của núi rừng. c, Vì trước khi trở thành nhà thơ, Lò Ngân Sún đích thực là một “người con của núi”, của Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. d, Vì Lò Ngân Sún là tác giả của những bài thơ tiêu biểu về núi rừng như <i>Chiều biên giới</i>, <i>Trời và đất</i>, <i>Đi trên chín khúc Bản Xèo</i>, <i>Ngôi nhà rộng</i>. Câu 2: Xác định câu văn nêu luận điểm trong bài? a, Đọc thơ Lò Ngân Sún ta như được	III. Gặp gỡ tác giả 1. Tìm hiểu văn bản “Nhà thơ Lò Ngân Sún-người con của núi” -HS phân tích được ngữ liệu -Biết cách giới thiệu về một tác giả 2. Giới thiệu về tác giả yêu thích -Học sinh lựa chọn giới thiệu một tác giả liên quan đến văn bản chọn ở phần Cuốn sách tôi yêu.

khám phá những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt. b, Núi không chỉ là hình ảnh thường được nói đến trong thơ ông mà còn như một phần hồn thơ Lò Ngân Sún. c, Những bài thơ tiêu biểu của Lò Ngân Sún như <i>Chiều biên giới</i>, <i>Trời và đất</i>, <i>Đi trên chín khúc Bản Xèo</i>, <i>Ngôi nhà rộng</i> đều mang âm vọng của núi, mệnh mang lời của núi. d, Vậy điều gì đã nuôi dưỡng và bồi đắp nên vẻ đẹp thơ mộng và mãnh liệt ấy trong thơ ông? <i>Câu 3: Những câu thơ được dẫn đóng vai trò gì trong bài viết?</i> a, Bằng chứng b, Lí lẽ <i>Câu 4: Câu cuối cùng của bài viết có mối quan hệ như thế nào với câu nêu vấn đề ở phần mở đầu?</i> a, Giải thích rõ và chứng minh cho vấn đề được nêu ra để bàn luận. b, Làm bằng chứng cho vấn đề được bàn luận. c, Nêu cảm xúc của người viết d, Tổng hợp và kết luận về vấn đề đã được nêu và bàn luận. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ Báo cáo nhiệm vụ: HS trả lời và nhận xét Kết luận, nhận định: GV chốt ý Chuyển giao nhiệm vụ 2: HS tìm kiếm thông tin về một tác giả em yêu thích và giới thiệu với các bạn. Thực hiện nhiệm vụ: HS tìm thông tin Báo cáo nhiệm vụ: HS trình bày. Các HS khác nhận xét. Kết luận, nhận định: GV chốt ý Hết tiết 3	
-Tiết 4: Hoạt động 4: PHIÊU LƯU CÙNG TRANG SÁCH - Mục tiêu: HS làm quen và bước đầu thấy được mối quan hệ giữa các loại hình nghệ thuật: văn học và nghệ thuật, văn học và hội họa; thiết kế poster hoặc vẽ lại bìa cuốn	

sách yêu thích. - Nội dung: + HS xem một đoạn trong bộ phim hoạt hình <i>Hoàng tử bé</i> + Nhận thấy sự tương đồng và khác biệt giữa truyện và phim + Thiết kế một poster hoặc vẽ lại bìa sách - Sản phẩm: + Câu trả lời của HS + Poster giới thiệu phim hoặc tranh vẽ lại trang bìa sách. - Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV – HS	Sản phẩm dự kiến
- Chuyển giao nhiệm vụ: + GV chiếu một đoạn trong bộ phim <i>Hoàng tử bé</i> . GV chia lớp thành 4 nhóm + Thảo luận và so sánh chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa phim và sách + Các nhóm thiết kế poster hoặc vẽ lại trang bìa sách. - Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm xem phim, thảo luận và thực hiện nhiệm vụ. - Báo cáo nhiệm vụ: Treo tranh hoặc poster của các nhóm. Các nhóm cử đại diện báo cáo - Kết luận, nhận định: GV nhận xét.	IV. Phiếu lưu cùng trang sách 1. So sánh sự khác biệt giữa sách và phim chuyển thể - Phân tích, trao đổi, lập bảng so sánh sự tương đồng và khác biệt. - Báo cáo ý kiến theo nhóm. 2. Trưng bày sản phẩm

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS nắm được lí thuyết và vận dụng bài tập.

b) **Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Tự đánh giá, em thấy mình đã nắm được các đơn vị kiến thức nào?

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Nghe câu hỏi

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

- GV định hướng:

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, GV chuẩn kiến thức

+ Giáo viên cần cho học sinh nắm chắc nội dung của phần 1: Vẻ đẹp phong cách văn hoá HCM là sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Vẽ bản đồ tư duy khái quát nội dung bài học.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Nắm chắc về tác giả, tác phẩm, nội dung phần phân tích.

+ Em học tập gì về phương pháp thuyết minh của tác giả?

+ Soạn tiếp phần còn lại: Đọc, tìm hiểu tác phẩm, soạn bài tiếp: Nét đẹp trong lối sống giản dị mà thanh cao của chủ tịch Hồ Chí Minh, Nghệ thuật, Nội dung của văn bản,

- Tìm những câu chuyện nói về sự giản dị của Bác: câu chuyện chiếc gối, nấu cháo bằng cơm nguội, câu chuyện về đôi dép cao su của Bác....

.....
.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 135. VIẾT

THÁCH THỨC THỨ HAI: SÁNG TẠO CÙNG TÁC GIẢ

Sáng tạo sản phẩm nghệ thuật

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS thể hiện kết quả thưởng thức, cảm nhận, sáng tạo cùng cuốn sách và tác giả yêu thích với hình thức phù hợp (viết đoạn văn, sáng tạo sản phẩm nghệ thuật, dựng hoạt cảnh)

- Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

2. Năng lực.

a. Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực thẩm mỹ...

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực viết đoạn văn, minh họa những chi tiết yêu thích, sáng tạo sản phẩm nghệ thuật từ cuốn sách đã đọc.

- Năng lực trình bày sản phẩm một cách khoa học.

3. Phẩm chất

Qua bài học, giúp học sinh hình thành và phát triển được những phẩm chất tốt đẹp: Yêu sách, thích đọc sách; làm việc có trách nhiệm; biết đoàn kết, hợp tác với bạn bè; trung thực trong học tập cũng như trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo án; SGK, SGV
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh vẽ minh họa sách, truyện tranh;

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
Họ và tên: Lớp	
Nhiệm vụ: Dựa vào bài tham khảo “Nhóc Ni-cô-la người bạn của tôi”, em hãy tìm chi tiết phù hợp trong ghi vào ô bên cạnh.	
Tên nhân vật, tên sách và tác giả	
Hình dáng	
Tính nết	
Hành động	
Suy nghĩ	
Suy nghĩ, tình cảm của người viết	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2	
Họ và tên: Lớp	
Nhiệm vụ: Dựa vào nhân vật mình yêu thích, em hãy tìm chi tiết phù hợp trong ghi vào ô bên cạnh.	
Tên nhân vật, tên sách và tác giả	
Hình dáng	
Tính nết	
Hành động	
Suy nghĩ	
Suy nghĩ, tình cảm của người viết	

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi trên phiếu bài tập.

c. Sản phẩm: HS cần trình bày được:

- Tên những cuốn sách mình đã đọc.
- Chi tiết ấn tượng nhất của cuốn sách.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV phát phiếu học tập cho học sinh.

- GV yêu cầu học sinh điền tên những cuốn sách mình đã đọc và ghi lại chi tiết mình ấn tượng nhất ở mỗi cuốn sách.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân, điền vào phiếu học tập
- GV quan sát, hỗ trợ.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS trình bày phần làm việc của mình.
- Một số HS khác nhận xét.

B4: Kết luận, nhận định:

- GV kết luận phần làm việc của học sinh. Từ chi tiết ấn tượng của học sinh qua mỗi cuốn sách, giáo viên dẫn vào bài mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. HOẠT ĐỘNG 1: GIỚI THIỆU VỀ MỘT NHÂN VẬT TRONG CUỐN SÁCH YÊU THÍCH

a. Mục tiêu: HS biết viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong cuốn sách mình yêu thích.

b. Nội dung

- Nêu được tên nhân vật, tên sách, tên tác giả.
- Trình bày được đặc điểm của nhân vật: hình dáng, tính nết, hành động, suy nghĩ.
- Nêu suy nghĩ, tình cảm của người viết đối với nhân vật.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo trong SGK/121, chú ý các thẻ nhớ bên cạnh. - GV yêu cầu HS gạch chân những từ ngữ, chi tiết quan trọng (được nhắc đến trong thẻ nhớ). - GV phát phiếu học tập số 1, HS trả lời câu hỏi bằng cách điền vào phiếu học tập. ? Chỉ ra tên nhân vật, tên sách, tên tác giả được nhắc đến trong bài? ? Tìm những chi tiết miêu tả hình dáng, tính nết, hành động, suy nghĩ của nhân vật? ? Suy nghĩ, tình cảm của người viết đối	1. Phân tích bài viết tham khảo: Nhóc-ni-cô-la a. Đọc b. Hoàn thành phiếu bài tập số 1 - Nhân vật Ni-cô-la trong Những chuyện chưa kể, Nhóc Ni-cô-la và các bạn,..của nhà văn Rơ-nê Gô-xi-nhi và họa sĩ Giăng-giắc Xăng-pê. -Đặc điểm: + Hình dáng: cái đầu dài và mái tóc dựng đứng, gầy nhom. + Tính nết: rất hài hước, hồn nhiên, chân thành,.. + Hành động: hay nghịch ngợm.

với nhân vật được thể hiện như thế nào? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tham khảo, gạch chân từ ngữ, chi tiết quan trọng. - HS điền vào phiếu học tập. - GV quan sát, hỗ trợ học sinh. B3: Báo cáo kết quả - HS hoàn thiện phiếu học tập. - GV gọi HS lên bảng trình bày, bổ sung. B4: Đánh giá, kết luận - GV đánh giá chung về thái độ, kết quả làm việc của học sinh. B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc kĩ các bước thực hành viết trong SGK/121: ? Có mấy bước cần thực hiện? ? Nội dung từng bước như thế nào? - GV yêu cầu HS hoàn thiện dàn ý đoạn văn vào phiếu học tập. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc kĩ các bước khi viết đoạn. - HS nêu nội dung các bước. - HS hoàn thiện phiếu học tập số 2 - GV quan sát, hỗ trợ. B3: Báo cáo kết quả - HS hoàn thiện phiếu học tập. - GV gọi HS lên bảng trình bày. - Các HS cùng nhân vật có thể nhận xét, bổ sung. B4: Đánh giá, kết luận - GV đánh giá chung về thái độ, kết quả làm việc của học sinh.	+ Suy nghĩ: luôn cố gắng, muốn làm gì đó tốt hơn. - Suy nghĩ, tình cảm với nhân vật: Tuy hơi nghịch ngợm nhưng rất đáng yêu. 2. Thực hành viết đoạn văn (sgk/21) a. Các bước tiến hành - Trước khi viết: + Lựa chọn đề tài. + Tìm ý + Lập dàn ý - Viết bài: + Mở đoạn + Thân đoạn + Kết đoạn. - Chỉnh sửa bài viết. b. Hoàn thiện phiếu bài tập số 2

2. HOẠT ĐỘNG 2: SÁNG TẠO SẢN PHẨM NGHỆ THUẬT

a. Mục tiêu: HS biết cách sáng tạo sản phẩm nghệ thuật: thiết kế pô-xtơ, vẽ tranh, dựng mô hình cho các nội dung của sách.

b. Nội dung: HS cần:

- Chọn cuốn sách minh họa.
- Chọn chi tiết, nhân vật định minh họa.
- Nêu ý tưởng minh họa.
- Lựa chọn hình thức minh họa phù hợp (vẽ tranh, dựng mô hình,..)

c. Sản phẩm học tập: pô –xơ minh họa, truyện tranh,...

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS quan sát một số sản phẩm của các bạn học sinh và nhận xét: ? Sản phẩm minh họa gồm mấy phần? ? Phần tranh vẽ có ý nghĩa gì? ? Hãy chọn chi tiết và đưa ra những ý tưởng để minh họa cho nhân vật em yêu thích? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát sản phẩm minh họa, nhận xét. - HS chọn chi tiết, lên ý tưởng minh họa cho nhân vật mình đã chọn. - Gv quan sát, hỗ trợ. B3: Báo cáo kết quả - HS ghi ra giấy chi tiết, đặc điểm cần minh họa. - GV gọi HS trình bày ý tưởng của mình. B4: Đánh giá, kết luận - GV đánh giá chung về thái độ, kết quả làm việc của học sinh.	1. Tham khảo sản phẩm - Hai phần: Phần viết và phần minh họa - Tranh vẽ minh họa cho nội dung. 2. Lựa chọn ý tưởng minh họa - Chi tiết - Nhân vật
DỰNG HOẠT CẢNH ĐỂ BIỂU DIỄN (Phần này GV chỉ hd, HS thực hiện khi có thời gian phù hợp) - GV giới thiệu mẫu đề cương để dựng hoạt cảnh (sgk/122) - HS có thể cùng một số bạn trong lớp, nhóm phân vai và tập luyện để biểu diễn một hoạt cảnh được dựng từ câu chuyện đã học, đã đọc.	

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS thực hành sáng tạo sản phẩm.

b. Nội dung:

- Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật.
- Minh họa chi tiết, nhân vật trong một cuốn sách.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS viết đoạn văn, minh họa cho chi tiết, nhân vật mình đã chọn
- HS có thể làm việc cá nhân (Viết đoạn văn) hoặc làm việc nhóm (vẽ tranh hoặc ,thiết kế pô-xơ,..)
- GV quan sát, hỗ trợ.

- HS hoàn thiện sản phẩm của cá nhân, nhóm.
- GV đánh giá, kết luận.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để tiếp tục sáng tạo, giải quyết vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.

b. Nội dung: HS viết đoạn văn giới thiệu về một người có mối quan hệ thân thiết, gần gũi với em và vẽ tranh minh họa cho người đó.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ cho HS.
- HS làm bài ở nhà.
- GV kiểm tra sản phẩm của HS vào tiết học sau.

*** Chuẩn bị cho tiết học sau:**

- HS hoàn thiện sản phẩm sáng tạo của mình: các đoạn văn, tranh vẽ minh họa, truyện tranh.
- Xem lại các bước viết bài văn nghị luận về một hiện tượng.
- Đọc lại một số tác phẩm văn học đề cập đến hiện tượng đời sống.
- Tìm hiểu hiện tượng đời sống được gợi ra từ sách.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 136: VIẾT

THÁCH THỨC THỨ HAI: SÁNG TẠO CÙNG TÁC GIẢ

**Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống
được gợi ra từ cuốn sách đã đọc**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS xác định được hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra, biết liên hệ thực tế và biết đánh giá, nhận xét về hiện tượng đời sống ấy.
- HS nắm được yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống; biết trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.
- Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

2. Năng lực.

a. Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực cảm thụ thẩm mỹ...

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực nhận diện hiện tượng đời sống từ những cuốn sách đã đọc và từ thực tế cuộc sống.
- Năng lực viết đoạn văn, bài văn về một hiện tượng đời sống.
- Năng lực thể hiện quan điểm cá nhân trước một hiện tượng đời sống.

3. Phẩm chất

Qua bài học, giúp học sinh hình thành và phát triển được những phẩm chất tốt đẹp: Yêu sách, thích đọc sách, yêu cuộc sống; làm việc có trách nhiệm; trung thực trong học tập cũng như trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo án; SGK, SGV
- Phiếu tìm ý
- Bài viết tham khảo.

...

PHIẾU TÌM Ý	
Họ và tên: Lớp	
Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng gọi ra từ sách. Ghi vào cột bên phải.	
Hiện tượng đó là gì?	
Ý kiến của em như thế nào?	
Hiện tượng đó xảy ra như thế nào?	
Hiện tượng đó tác động gì đến cuộc sống của em và những người khác?	
Cần làm gì để khắc phục (hiện tượng xấu) hoặc phát huy (hiện tượng tốt)?	

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC : FB: GIÁO ÁN NGỮ VĂN THCS

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

-GV chia lớp thành ba nhóm, cho HS chơi trò chơi tiếp sức (3 phút)

? Em hãy kể tên những hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách mình đã đọc?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS lên bảng trình bày theo cột của nhóm mình.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV cùng HS đánh giá kết quả làm việc của mỗi nhóm.

B4: Kết luận, nhận định

- GV tuyên dương, động viên các nhóm. Từ những hiện tượng đời sống đã được gọi ra, giáo viên dẫn vào bài mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống

a. Mục tiêu: HS nắm được yêu cầu của dạng nghị luận về một hiện tượng đời sống.

b. Nội dung: HS nêu được yêu cầu của bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ -GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu của bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận bàn. - Gv theo dõi, hỗ trợ HS B3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày cá nhân B4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá, kết luận, chốt kiến thức.	* Yêu cầu - Xác định hiện tượng. - Thể hiện được ý kiến của người viết - Dùng dẫn chứng và lí lẽ để thuyết phục người đọc.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu bài viết tham khảo: Nỗi đau của Ken-ga và trách nhiệm của con người với môi trường

a. Mục tiêu: HS đọc bài tham khảo, nắm vững hơn các nội dung cơ bản trong bài nghị luận trình bày ý kiến về hiện tượng đời sống.

b. Nội dung: HS đọc và nhắc lại dàn ý chính cả bài viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ -GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và trả lời câu hỏi: ? Hiện tượng được nói đến trong bài viết là gì? Dựa vào chi tiết nào em biết được điều đó? ? Quan điểm của người viết trước hiện tượng đó? ? Chỉ ra những lí lẽ, dẫn chứng được sử dụng trong bài? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi. - Gv theo dõi, hỗ trợ HS B3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét, bổ sung. B4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá, kết luận, chốt kiến thức.	1. Xác định hiện tượng: tràn dầu trên biển (Ken-ga bị dính váng dầu) 2. Bày tỏ ý kiến: Là hiện tượng đáng lên án gây nhiều hậu quả xấu đối với thiên nhiên và con người. 3. Lí lẽ, dẫn chứng + Ảnh hưởng xấu đến môi trường biển (DC) + Ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của con người (DC) ⇒ Cần ngăn chặn

3. Hoạt động 3: Các bước viết bài

a. Mục tiêu: HS nắm được các bước viết bài.

b. Nội dung: HS xác định hiện tượng, tìm ý, lập dàn ý và viết bài.

c. Sản phẩm: Phần làm việc của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ -GV yêu cầu HS nhắc lại các bước viết bài. - GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu tìm ý B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận bàn. B3: Báo cáo kết quả -HS trình bày kết quả. B4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá, kết luận, chốt kiến thức.	+ Xác định hiện tượng đời sống mà cuốn sách (văn bản) gợi ra (thông qua các chi tiết, câu văn, sự việc, đoạn văn cụ thể) + Tìm ý: ./ Hiện tượng đó là gì? ./ Ý kiến của em như thế nào? ./ Hiện tượng đó xảy ra như thế nào? ./ Hiện tượng đó tác động gì đến cuộc sống của em và những người khác? ./ Cần làm gì để khắc phục hoặc phát huy hiện tượng? + Lập dàn ý: ./ MB: Giới thiệu hiện tượng ./TB: Đưa ra các ý kiến bản luận. ./ KB: Khẳng định lại ý kiến bản thân

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS thực hành viết bài

b. Nội dung: bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống gợi ra từ cuốn sách.

c. Sản phẩm học tập: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chia nhóm cho HS viết phần mở bài, kết bài và một đoạn trong phần thân bài.
- HS có thể làm việc cá nhân.
- GV quan sát, hỗ trợ.
- GV đánh giá, kết luận.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để tiếp tục sáng tạo, giải quyết vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.

b. Nội dung: HS tìm hiểu những hiện tượng trong cuộc sống. Viết đoạn văn trình bày ý kiến của mình và lí giải tại sao.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ cho HS.
- HS làm bài ở nhà.
- GV kiểm tra sản phẩm của HS vào tiết học sau.

*** Chuẩn bị cho tiết học sau:**

- Chuẩn bị cây đọc sách của nhóm, lớp.
- Nhật kí đọc sách của cá nhân.
- Các cuốn sách đã đọc trong dự án.
- Bài giới thiệu sách của cá nhân, tập san của nhóm, lớp;

.....
.....
Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 137: Nói và nghe

VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI VỚI SÁCH
Thuyết minh, giới thiệu sản phẩm minh họa sách

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS tiếp tục thực hiện hoạt động báo cáo kết quả: thuyết minh, giới thiệu sản phẩm minh họa sách.
- HS biết trưng bày sản phẩm của mình đẹp, khoa học.
- HS biết cách nói và nghe phù hợp:
 - + Biết thuyết trình về sản phẩm của nhóm/ cá nhân, tạo sự lôi cuốn người nghe và tiếp thu các ý kiến đánh giá, nhận xét.
 - + HS biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày và đưa ra nhận xét đúng/ Phản hồi tích cực.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực thẩm mỹ...

b. Năng lực chuyên môn

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực thẩm mỹ.
- Năng lực ngôn ngữ

3. Phẩm chất

- Ý thức đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.
- Ý thức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án; SGK, SGV
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.
- Kế hoạch đánh giá hs của GV

Hình thức đánh giá	Phương pháp	Công cụ đánh giá	Ghi

	đánh giá		chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

2. Chuẩn bị của HS:

- Tranh vẽ minh họa sách, truyện tranh;
- Cây đọc sách của nhóm, lớp;
- Nhật kí đọc sách của cá nhân;
- Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm;
- Các cuốn sách đã đọc trong dự án;
- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức khác nhau: bài viết của cá nhân, tập san của nhóm, lớp;...
- Bài nói nêu lên ý kiến của mình về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video bài hát *Trang sách em yêu* do Ái Khanh biểu diễn (Vào youtube) và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

Qua các tiết học trước, các em đã phần nào hiểu rằng đọc sách có thể nuôi dưỡng tình cảm, mở mang trí tuệ, làm cho con người trở nên ưu tú hơn. Trên đường đời, chúng ta cần phải có những quyển sách hay dẫn lối. Qua việc đọc sách, qua việc học tập và giáo dục, con người sẽ có đức tính tốt, từ đó có được tương lai tốt đẹp. Và bài học hôm nay của chúng ta với nội dung là báo cáo về kết quả/ sản phẩm mà các em đã tích cực làm

trong các tiết học trước. Sự thành công của tiết học sẽ thể hiện tình yêu sách của các em. Nào ta cùng bắt đầu tiết nhé.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI : FB: GIÁO ÁN NGỮ VĂN THCS

HOẠT ĐỘNG 1: GIỚI THIỆU SẢN PHẨM MINH HỌA SÁCH

(Hoạt động này có thể thực hiện trong phạm vi một lớp, khối, trường)

Hoạt động 1.1: Trưng bày sản phẩm minh họa sách

a. Mục tiêu: HS được trải nghiệm, được thể hiện sự sáng tạo của mình qua các sản phẩm cụ thể.

b. Nội dung: HS sắp xếp, trưng bày sản phẩm sáng tạo của cá nhân và các nhóm về tranh minh họa, cây đọc sách, nhật kí đọc sách, sưu tập các loại sách theo chủ đề đã được học, bài giới thiệu sách pô-xtơ...

c. Sản phẩm học tập

- Tranh vẽ minh họa sách, truyện tranh;
- Cây đọc sách của nhóm, lớp;
- Nhật kí đọc sách của cá nhân;
- Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm;
- Các cuốn sách đã đọc trong dự án;
- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức khác nhau: bài viết của cá nhân, tập san của nhóm, lớp.

d. Tổ chức thực hiện.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ (qua bốc thăm) của các nhóm đã được phân công ở các tiết học trước. - GV nêu rõ yêu cầu: GV cho các nhóm/ cá nhân thời gian 10 Phút để chuẩn bị/ trưng bày sản phẩm của cá nhân/ nhóm mình. - GV yêu cầu học sinh nào được giao nhiệm vụ thuyết trình cũng chuẩn bị bài nói. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS các nhóm tiến hành trưng bày sản phẩm. - HS thuyết trình luyện nói. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động	1. HS trưng bày sản phẩm minh họa sách <i>Nhóm 1:</i> <i>Nhóm 2:</i> <i>Nhóm 3:</i> <i>Nhóm 4:</i> <i>Nhóm 5:</i> <i>Nhóm 6:</i> Cá nhân: <i>(Lưu ý: nhiệm vụ theo bốc thăm, đăng kí từ tiết học trước)</i>

- HS báo cáo đã trưng bày xong. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét.	

Hoạt động 1.2: Thuyết trình sản phẩm minh họa sách

a. Mục tiêu: HS thể hiện được khả năng giới thiệu, thuyết trình về sự am hiểu cuốn sách yêu thích qua sản phẩm minh họa sách.

b. Nội dung: HS thuyết trình được về sản phẩm sáng tạo của cá nhân, nhóm về tranh minh họa, cây đọc sách, nhật kí đọc sách, sưu tập các loại sách theo chủ đề đã được học, bài giới thiệu pô-xtơ...

c. Sản phẩm học tập: Các bài thuyết trình về sản phẩm minh họa sách.

d. Tổ chức thực hiện.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho các nhóm/ cá nhân bốc thăm thứ tự thuyết trình của nhóm mình. - Bầu ra một bạn làm thư kí tổng hợp điểm. - GV đưa ra yêu cầu + Đối với HS đại diện nhóm khi đứng ra thuyết trình. Ngắn gọn, nhấn mạnh chỗ quan trọng, có giải thích, minh họa thêm bên ngoài (nếu có) Tự tin, giọng nói dễ nghe Có công cụ hỗ trợ + Đối với các học sinh nhóm khác: chú ý lắng nghe để thảo luận trao đổi, nhận xét và cho điểm cho kết quả nhóm bạn. - HS tiếp nhận nhiệm vụ - Phát phiếu tiêu chí chấm điểm. (Gv khuyến khích, động viên, hoặc cho cả lớp động viên bằng tràng pháo tay...) Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - Đại diện học sinh các nhóm lần lượt trình bày theo thứ tự bốc thăm. - HS nhóm khác nghe Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận - HS thảo luận kết quả của các nhóm,	2. Thuyết trình sản phẩm minh họa sách * Yêu cầu: - Thời gian trung bình: 3 phút (tùy đối tượng học sinh) - Ngắn gọn, nhấn mạnh chỗ quan trọng, có giải thích, minh họa thêm bên ngoài (nếu có) - Tự tin, giọng nói dễ nghe - Có công cụ hỗ trợ (que chỉ, bút bấm tia laze)

đưa ra câu phản biện yêu cầu đội trình bày trả lời. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS nhóm khác cho điểm và GV cho điểm. - GV nhận xét, tiếp tục khuyến khích. - GV yêu cầu thư kí tổng hợp điểm và công bố điểm vào đầu giờ sau. (Điểm cộng của cả hai tiết báo cáo và lấy điểm theo nhóm/cá nhân.)	

TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM NHÓM/CÁ NHÂN

Tiêu chí đánh giá		Điểm tối đa	Điểm giáo viên dạy	Điểm nhóm khác (Hoặc GV dự giờ)
Tranh vẽ minh họa sách	Bố cục, trang trí, màu sắc			
	Nội dung			
	Sáng tạo			
	Thuyết trình(<i>Tự tin, lời cuốn</i>)			
Nhóm..... ...	Tổng (10đ)			
Cây đọc sách	Hình thức(<i>trang trí, màu sắc</i>)			
	Nội dung			
	Sáng tạo			
	Thuyết trình			
Nhóm.....	Tổng (10đ)			
Nhật kí	Hình thức (<i>trang trí bìa, trang giấy, chữ viết đẹp...</i>)			
	Nội dung			
	Sáng tạo			
	Thuyết trình			
Nhóm..... ...	Tổng (10đ)			
Trưng bày	Hình thức(<i>Cân đối, bắt mắt,</i>			

sách	<i>sinh động, phong phú...</i>			
	Nội dung			
	Sáng tạo			
	Thuyết trình			
Nhóm	Tổng (10đ)			
Bài giới thiệu sách (bài viết của cá nhân, tập san của nhóm)	Hình thức (<i>trình bày rõ ràng, dễ hiểu, cụ thể, hình minh họa có không?</i>)			
	Nội dung (<i>sách hay, hữu ích không?</i>)			
	Phong cách thuyết trình (<i>lôi cuốn người nghe không?</i>)			
	Sáng tạo			
Nhóm	Tổng (10đ)			
Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình	Hình thức			
	Nội dung			
	Sáng tạo			
	Thuyết trình			
Nhóm..... ...	Tổng (10đ)			

Nhóm/ Cá nhân đánh giá:

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành thuyết trình lại, chỉnh sửa lại sản phẩm (Nếu có) dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

- HS thực hiện

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Sử dụng kiến thức đã học và niềm đam mê với sách, hs tích cực tìm đọc sách để học hỏi, tăng thêm hiểu biết, bồi dưỡng tư tưởng tình cảm

b. Nội dung: HS đọc thêm nhiều cuốn sách hay, bổ ích, phù hợp với lứa tuổi .

c. Sản phẩm học tập: HS nắm được nội dung, kiến thức và bài học rút ra từ cuốn sách đã đọc.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

1. Tìm đọc thêm các cuốn sách có chủ đề về tình bạn, tình thầy trò, tình cảm gia đình, về các tri thức khoa học tự nhiên, xã hội...

2. Tự làm sản phẩm minh họa sách mà em yêu thích.

- HS thực hiện

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*** Dẫn dò:**

- Chuẩn bị bài nói ý kiến của mình về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách mà em đã đọc, yêu thích.

- GV cho HS tự hoàn thành các nội dung *Củng cố, mở rộng* ở nhà.

.....
.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 138: Nói và nghe

VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI VỚI SÁCH

**Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống
được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.**

I. MỤC TIÊU 1. Kiến thức

- HS tiếp tục thực hiện hoạt động báo cáo kết quả: trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

- Biết trình bày ý kiến sao cho hấp dẫn và thuyết phục, thảo luận về một cuốn sách hoặc trình diễn một nội dung trong cuốn sách đó dưới hình thức: đóng kịch, ngâm thơ,...

- Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên môn

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

- *Năng lực ngôn ngữ*

3. Phẩm chất

- Ý thức đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án; SGK, SGV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Kế hoạch đánh giá học sinh

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
NHÓM:			
TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ		
	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe; nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần.	Nói to; nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói to, truyền cảm; hầu như không lặp lại hay ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...) phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin; mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, nhìn vào người nghe; biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng.
TỔNG ĐIỂM:/10 ĐIỂM			

2. Chuẩn bị của HS:

- Bài nói nêu lên ý kiến của mình về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

- Tác phẩm kịch, bài thơ thể hiện nội dung từ cuốn sách e đã đọc, hiểu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động sự hiểu biết về cuốn sách đã đọc để xây dựng tác phẩm kịch, thơ, ca...

c. Sản phẩm: Tiết mục của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS biểu diễn tác phẩm kịch hoặc bài thơ, bài hát... thể hiện nội dung cuốn sách đã đọc.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thể hiện
- HS nhóm khác quan sát, lắng nghe
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào tác phẩm của các bạn (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo hoàn thành xong

B4: Kết luận, nhận định: Học sinh khác nhận xét, GV nhận xét, cho điểm

Ở tiết học trước, các em đã rất thành công trong việc thuyết minh, giới thiệu sản phẩm minh họa sách và đạt được kết quả rất tốt. Ở tiết học này, cô hi vọng các em sẽ nối tiếp sự thành công đó và đem đến cho tiết học này những bài nói thật hay, hấp dẫn khi trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:

HOẠT ĐỘNG 2: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG ĐƯỢC GỢI RA TỪ CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC

Hoạt động 2.1: Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói. - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm luyện nói Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận	1. Chuẩn bị bài nói 2. Các bước tiến hành - Lựa chọn đề tài, nội dung nói; - Tìm ý, lập ý cho bài nói; - Chỉnh sửa bài nói; - Tập luyện. + HS nói một mình trước gương. + HS tập nói trước nhóm/tổ.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2.2: Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: Hs trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc.

c. Sản phẩm học tập: Bài nói của HS, HS khác lắng nghe

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi thảo luận - HS trình bày bài nói - Giáo viên theo dõi, hỗ trợ - Các HS khác theo dõi để nhận xét, đánh giá vào phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Gv - HS trình bày sản phẩm thảo luận. (có thể thu hút sự chú ý của người nghe bằng các sản phẩm minh họa sinh động đã chuẩn bị. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại.	2. Trình bày bài nói - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp. - HS nói trước lớp

Hoạt động 2.3: Trao đổi về bài nói

a. Mục tiêu: Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

b. Nội dung: HS thảo luận, đánh giá về bài nói của các nhóm.

c. Sản phẩm học tập: HS điền phiếu tiêu chí đánh giá.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV điều phối: + HS trình bày sản phẩm thảo luận; + HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại. Thư kí tổng hợp điểm của các nhóm. Gv công bố kết quả điểm của các nhóm, cá nhân. Chúc mừng nhóm/ cá nhân có điểm cao.	3. Đánh giá bài nói - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Tạo đam mê đọc sách cho HS và HS hiểu được ý nghĩa của các cuốn sách đã đọc.

b. Nội dung: Đọc – hiểu cuốn sách sưu tầm được.

c. Sản phẩm học tập: Hs hiểu biết về cuốn sách đã đọc.

d. Tổ chức thực hiện:

THỰC HÀNH ĐỌC

GV cho HS tự thực hành đọc sách *Nhật kí rường thành của những đứa trẻ ngoan* (Haohaizi Chengzhang Riri) ở nhà, gợi ý HS chú ý đến chủ yếu là những bài học được rút ra từ các mẫu chuyện nhỏ theo từng chủ đề của mỗi cuốn.

*** Dẫn dò:**

Chuẩn bị bài *Ôn tập và kiểm tra* (2 tiết)

.....
.....
Ngày soạn:

Ngày dạy:.....

TUẦN

Bài10: Tiết ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA

I. MỤC TIÊU(Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- Có cái nhìn tổng hợp và toàn diện lại các tri thức ngữ văn đã học trong trường trình văn 6 kì II
- Điểm lại và ghi nhớ giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật các văn bản đã học theo các chủ đề: Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái Đất – ngôi nhà chung.
- Nhắc lại và tổng hợp kiến thức về từ vựng và biện pháp tu từ.

2. Về năng lực:

- Có khả năng nhận biết và phân biệt các thể loại văn học đã được tìm hiểu.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.
- Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản.
- Tạo lập một văn bản theo yêu cầu: văn tự sự, văn nghị luận...
- Kể được và nêu được ý kiến, quan điểm của mình về một vấn đề nào đó.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng cuộc sống, tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập:
- + Phiếu số 1:

Bài học	Đọc	Viết	Nói và nghe
<i>Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng</i>			
<i>Bài 7. Thế giới cổ tích</i>			

Bài 8. Khác biệt và gần gũi			
Bài 9. Trái Đất - ngôi nhà chung			
Bài 10. Cuốn sách tôi yêu			

+ Phiếu bài tập số 2:

Stt	Thể loại/ loại văn	Văn bản lựa chọn	Đặc điểm thể loại/ loại văn bản
1	Truyện thuyết		
2	Truyện cổ tích		
3	Văn bản nghị luận		
4	Văn bản thông tin		

+ Phiếu bài tập số 3:

Kiểu bài viết	Mục đích	Yêu cầu	Các bước thực hiện	Để tài nêu thêm
Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng				
Bài 7. Thế giới cổ tích				
Bài 8. Khác biệt và gần gũi				
Bài 9. Trái Đất - ngôi nhà chung				
Bài 10. Cuốn sách tôi yêu				

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Gợi nhắc kiến thức đã học thông qua các trò chơi.

b) Nội dung:

- GV tổ chức trò chơi khởi động.
- HS quan sát và tham gia trò chơi.

c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

- Nhắc lại được tên các bài học.
- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).
- Ôn tập khái quát tri thức ngữ văn đã được học trong chương trình.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV hướng dẫn luật chơi và phân chia đội chơi.
- HS lắng nghe và thực hiện yêu cầu của giáo viên.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV:

- Gv trình chiếu một số hình ảnh liên quan đến các chủ đề đã học và phát phiếu bài tập số 1.
- Các đội chơi sẽ thi xem đội nào kể được nhiều vấn đề đã học có liên quan đến hình ảnh.
- Đội nào kể được nhiều hơn sẽ giành chiến thắng.

HS:

- Tham gia trò chơi.
- Dựa vào hình ảnh để thảo luận và đưa ra đáp án một cách nhanh nhất có thể.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày phiếu bài tập số 1.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV thông qua phiếu bài tập số 1.
- Đại diện báo cáo.
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc
- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

3.2 HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

3.2.1 Đọc – hiểu văn bản

<

(GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	2	Truyện cổ tích	<i>Thạch Sanh</i>	- Là thể loại văn học dân gian. - Nội dung: kể về những kiểu nhân vật như: + Nhân vật bất hạnh + Nhân vật có tài năng kì lạ + Nhân vật thông minh/ Nhân vật ngốc nghếch + Nhân vật là động vật → Qua đó thể hiện niềm tin và ước mơ của nhân dân về công lí, công bằng xã hội, cái thiện chiến thắng cái ác... - Nghệ thuật: có yếu tố hoang đường kì ảo.
	3	Văn bản nghị luận	<i>Xem người ta kìa!</i>	- Nội dung: văn bản nghị luận thường bàn về một hiện tượng, một vấn đề nhằm khẳng định ý kiến của người viết (người nói) về hiện tượng (vấn đề) đó. - Nghệ thuật: để có sức thuyết phục, người viết (người nói) cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng. Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình. Bằng

				chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.								
	4	Văn bản thông tin	Trái Đất – cái nôi của sự sống	- Một văn bản thông tin thường có các yếu tố như: nhan đề (một số văn bản có sa-pô dưới nhan đề), đề mục (tên gọi của các phần), đoạn văn, tranh ảnh,... - Mỗi văn bản thông tin có một cách triển khai riêng. Bên cạnh cách triển khai theo trật tự thời gian, văn bản thông tin có thể được triển khai theo quan hệ nhân quả, nguyên nhân được nêu trước, tiếp sau đó là kết quả, tất cả tạo thành một chuỗi liên tục.								
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK và xem lại phiếu bài tập số 1 phần nói và nghe. B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV: + Yêu cầu HS hoàn thành phiếu bài tập số 1 vào vở. + So sánh mục đích của	Bài tập 3: * Hoàn thành bảng <table><tr><th>Bài học</th><th>Nói và nghe</th></tr><tr><td>Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng</td><td>Kể lại một truyền thuyết</td></tr><tr><td>Bài 7. Thế giới cổ tích</td><td>Kể lại truyện cổ tích bằng lời một nhân vật</td></tr><tr><td>Bài 8. Khác</td><td>Trình bày ý kiến về một hiện</td></tr></table>				Bài học	Nói và nghe	Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng	Kể lại một truyền thuyết	Bài 7. Thế giới cổ tích	Kể lại truyện cổ tích bằng lời một nhân vật	Bài 8. Khác	Trình bày ý kiến về một hiện
Bài học	Nói và nghe											
Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng	Kể lại một truyền thuyết											
Bài 7. Thế giới cổ tích	Kể lại truyện cổ tích bằng lời một nhân vật											
Bài 8. Khác	Trình bày ý kiến về một hiện											

hoạt động nói ở bài 6, 7, 8, 9 và 10. - HS quan sát SGK và thực hiện yêu cầu. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. HS cử đại diện thảo luận trước lớp. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	<table border="1"> <tr> <td><i>biệt và gần gũi</i></td><td>tượng (vấn đề) đời sống</td></tr> <tr> <td><i>Bài 9. Trái Đất - ngôi nhà chung</i></td><td>Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường</td></tr> <tr> <td><i>Bài 10. Cuốn sách tôi yêu</i></td><td>Giới thiệu sản phẩm minh họa sách, trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc</td></tr> </table> * So sánh mục đích của hoạt động nói ở bài 6, 7, 8, 9 và 10 - Giống: Mục đích nói của tất cả các bài giống nhau ở chỗ: đều muốn người nghe tiếp nhận chính xác, đầy đủ nhất các thông tin cần truyền đạt. - Khác: Được phân bố liên tục trong 10 bài học, hoạt động nói và nghe trong SGK <i>Ngữ văn 6</i> tập 2 chủ yếu tập trung vào các kiểu bài chính sau đây: + Kể (có thể kết hợp miêu tả, trần thuật): kể lại một truyền thuyết (bài 6) và cổ tích (bài 7) - Nghị luận (trình bày ý kiến, thảo luận): + Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống (bài 8, bài 9, bài 10).	<i>biệt và gần gũi</i>	tượng (vấn đề) đời sống	<i>Bài 9. Trái Đất - ngôi nhà chung</i>	Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường	<i>Bài 10. Cuốn sách tôi yêu</i>	Giới thiệu sản phẩm minh họa sách, trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc
<i>biệt và gần gũi</i>	tượng (vấn đề) đời sống						
<i>Bài 9. Trái Đất - ngôi nhà chung</i>	Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường						
<i>Bài 10. Cuốn sách tôi yêu</i>	Giới thiệu sản phẩm minh họa sách, trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc						
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK và làm bài 2, bài 4 kết hợp với phiếu bài tập số 3 vào vở. B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV: Yêu cầu HS hoàn thành phiếu bài tập số 3, bài 2, bài 4 vào vở. - HS thực hiện yêu cầu khi về nhà.							

II. LUYỆN TẬP:

a) Mục tiêu: Giúp HS - Vận dụng toàn bộ những kiến thức đã học vào các bài tập b) Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS thảo luận nhóm. - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. c) Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK Hệ thống hóa các kiến thức đã học ở học kì 2. Tổ chức trò chơi tôi là ai ? Cử một bạn lên điều hành. Ví dụ : Tôi là người đã giết chết chằn tinh, cửa công chúa dưới hang lên, tôi là ai ? Trong câu chuyện nào ? Bạn có biết Thể loại truyện đó ?... -kể lại câu chuyện bằng lời văn của bạn ? - Yêu cầu học sinh viết một đoạn văn : Đóng vai nhân vật kể lại một phần truyện cổ tích. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát SGK, thảo luận nhóm và thực hiện bài tập. Dưới sự tổ chức, điều hành của bạn lớp trưởng và Gv B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trình bày kết quả thảo luận. HS cử đại diện thảo luận trước lớp. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình	-Trò chơi giúp học sinh củng cố kiến thức đã học cũng như các kĩ năng đọc, viết , nói , nghe. - Học sinh kể lại câu chuyện. Tương tự vậy có thể kể lại các câu chuyện khác . _HS viết được một đoạn trong truyện cổ tích bất kì . sau đó trình bày trước lớp .

IV. Củng cố dặn dò.

- Ôn tập lại các kiến thức đã học.
- Chuẩn bị kiểm tra cuối kì II